CHƯ BỒ TÁT BỘ

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Bồ Tát, là lược xưng của **Bồ Đề Tát Đỏa** (tên Phạn Bodhisatva hay Bodhisattva), dịch âm là Bồ Đề Tác Đa, Mạo Địa Tát Đát Phộc, hoặc Phù Tát. **Bodhi** nghĩa là Giác Ngộ. **Satva** (hay sattva) ý là Hữu Tình. **Bodhisatva** được dịch ý là Giác Hữu Tình là chúng sinh đang truy cầu sự Giác Ngộ.

Theo quan điểm của Phật Giáo Đại Thừa thì vị Bồ Tát mới phát Tâm cho đến khi viên mãn thành Phật thì tổng cộng có 25 địa vị Bồ Tát. Bồ Tát là vị theo hầu bên cạnh Đức Phật, mỗi vị Phật đều có hai vị Đẳng Giác Bồ Tát theo hầu bên cạnh (hiếp thị) như Thế Giới **Cực Lạc** ở Phương Tây thì Đức Phật A Di Đà có hai vị Bồ Tát theo hầu là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, hợp xưng là **Tây Phương Tam Thánh**, Thế Giới **Sa Bà** hiện nay thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có hai bị Bồ Tát theo hầu là Văn Thù và Phổ Hiền, hợp xưng là **Thích Ca Tam Tôn** hay **Hoa Nghiêm Tam Thánh**, Thế Giới **Tịnh Lưu Ly** ở phương Đông thì Đức Phật **Dược Sư Lưu Ly Quang Vương** có hai vị Bồ Tát theo hầu là Nhật Quang Biến Chiếu và Nhật Quang Biến Chiếu, hợp xưng là **Dược Sư Tam Tôn** hay **Đông Phương Tam Thánh.**

Đức Phật hiện tại cùng hợp sức với Bồ Tát hóa độ hết thảy chúng sinh đang chìm đắm trong vòng Luân Hồi sinh tử, khiến cho họ biết tự mình khởi Tâm tu hành thành Phật.

Trong thời gian gần đây, với sự yêu cầu của các bạn đồng tu muốn tự mình nắm vững hơn về ý nghĩa của Hồng Danh, Tôn Hình, Chân Ngôn, Thủ Ấn của các vị Bồ Tát trong Phật Giáo; nên tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch, tổng hợp và ghi chép lại vào tập sách này

Điều không thể tránh khỏi là tập ghi chép vẫn còn nhiều thiếu sót. Ngưỡng mong các Bậc Cao Tăng Đại Đức, chư vị Thiện Tri Thức hãy rũ lòng Từ Bi chỉ dạy, giúp cho tôi kịp thời sửa chữa những lỗi lầm và hoàn thiện phần ghi chép này.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng.

Tôi xin cám ơn em Mật Trí **(Tống Phước Khải**) và các con tôi đã nhiệt tình hỗ trợ tài liệu, phương tiện giúp cho việc hoàn tất bản ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch kinh bản.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Cuối cùng nguyện xin hồi hướng Công Đức này đến toàn thể chúng hữu tình trong ba cõi sáu đường đều mau chóng xa lìa mọi ách nạn khổ đau, thường được an vui, thọ hưởng Pháp Vị Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Xuân năm Giáp Ngọ (2014)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là **Mañjuśrī**, hay **Maṃjuśrī**; dịch âm là: Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Thất Lợi; dịch ý là **Diệu Cát Tường, Diệu Đức.** Lại có tên là Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát, Nhi Văn Thù Bồ Tát, Diệu Thủ, Phổ Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ….

Bồ Tát này cùng với Kinh **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** với Kinh Điển thuộc hệ **Bát Nhã** có quan hệ thâm sâu.



_Hoặc có thuyết nói Ngài là nhân vật lịch sử, như Kinh **Văn Thù Sư Lợi Bát Niết Bàn** ghi chép: "Văn Thù Bồ Tát là con của một vị Bà La Môn **Phạn Đức** ở thôn làng **Đa La** trong nước **Xá Vệ** tại Ấn Độ, khi Ngài sinh ra từ hông bên phải của mẹ thì nhà cửa hóa như hoa sen, thân màu vàng tía. Mới sinh ra đã có thể nói chuyện, sau này đến chỗ của các Tiên Nhân cầu Pháp xuất gia. Do không có người nào ứng đối lại, cho nên đến chỗ của Đức Phật, xuất gia học Đạo"

Hoặc có thuyết nói Ngài là Phật đã thành, như Kinh **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội**, quyển Hạ ghi nhận: "Ở kiếp quá khứ rất lâu xa, có Đức **Long Chủng Thượng Như Lai** (Nāgagotrodara-tathāgata) thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác tại Thế Giới **Bình Đẳng** ở phương Nam. Đức Phật ấy nay tức là **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử**"

Hoặc có thuyết nói Ngài là vị Phật đương lai, như Kinh **Văn Thù Sư Lợi Phật Thổ Nghiêm Tịnh**, quyển Hạ nói rằng: "Vị Bồ Tát này từ na do tha a tăng kỳ kiếp đến nay, đã phát mười tám loại Đại Nguyện nghiêm tịnh quốc thổ, đương lai sẽ thành Phật hiệu là **Phổ Hiện Như Lai**"

Hoặc có thuyết nói vị Bồ Tát này giáo hóa tại Thế Giới thuộc phương khác, như Tân dịch **Hoa Nghiêm Kinh, quyển 12**, phẩm **Như Lai Danh Hiệu** ghi chép: "Đi về phương Đông trải qua số Thế Giới nhiều như hạt bụi nhỏ của mười cõi nước Phật, có Thế Giới **Kim Sắc** (Survaṇa-rūpa), Đức Phật hiệu là **bất Động Trí** (Acala-jñāna) có một vị Bồ Tát tên là **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī)…."

_Tại Ấn Độ với Tây Vực… ghi chép rất ít về tín ngưỡng Văn Thù. Ở Trung Quốc từ đời **Đông Tấn** thì tín ngưỡng Văn Thù dần dần được thịnh hành rồi lan truyền sang các nước Tây Tạng, Mông Cổ, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam…

_Hoa Nghiêm Tông căn cứ vào Cựu Dịch **Hoa Nghiêm Kinh,** phẩm **Bồ Tát Trú Xứ** ghi chép: "Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trụ ở núi **thanh Lương** ở phương Đông Bắc" rồi dùng chùa Thanh Lương trên núi **Ngũ Đài** ở Sơn Tây làm Đạo Trường của Văn Thù

_Trong Kinh **Văn Thù Sư Lợi Pháp Bảo Tàng Đà La Ni** ghi nhận Đức Thích Tôn đã từng dự đoán là: "Sau khi Ta diệt độ, ở phương Đông Bắc của cõi **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) này có nước tên là **Chấn Na** (Cina), trong nước ấy có ngọn núi hiệu là **Ngũ Đỉnh**, Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử du hành đến cư ngụ trong chỗ ấy, vì chúng sinh nói Pháp"

Dựa vào đây, Phật Giáo Trung Quốc nhận định núi Ngũ Đỉnh ở nước **Chấn Na** tức là núi **Ngũ Đài** (lại gọi là núi **Thanh Lương**) ở Trung Quốc. Từ đấy lưu truyền thành ngọn núi đại biểu của Bồ Tát Văn Thù

_Trong Phật Giáo Đại Thừa: Văn Thù Sư Lợi cùng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) là hai vị hầu cận hai bên phải trái Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) nên người đời xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là **Thượng Thủ** (Pramukha) trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phụ giúp Đức Thích Tôn hoằng Pháp. Nhân đây được xưng là **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra)



Y theo Kinh Điển Đại Thừa ghi chép thì ngay trong hết thảy Đại Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát chẳng những tượng trưng cho **Đại Trí** trong bốn vị Đại Bồ Tát mà đã từng là bậc Thầy của 7 vị Phật đời quá khứ. Trí Tuệ sắc bén ấy được ví dụ như là người mẹ

của chư Phật thành Đạo trong ba đời, nhân đấy có Tôn Hiệu là **Nhất Thiết Giác Mẫu Diệu Cát Tường**. Lại nữa, y theo Kinh **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** đã ghi chép thì ngay tại đời quá khứ lâu xa Ngài đã sớm thành Phật, hiệu là **Long Chủng Thượng Như Lai** (Nāgagotrodara-tathāgata). Sở dĩ Ngài hiện làm một trong hai vị Đại Hiếp Thị của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng qua chỉ là một loại **Đại Quyền Thị Hiện** của sự Từ Bi hóa độ

Ngoài việc là Thầy của chư Phật đời quá khứ, Văn Thù Bồ Tát từng có ân nghĩa dạy bảo cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Kinh **Phóng Bát** ghi chép là: "Đức Phật bảo các Bồ Tát, A La Hán rằng: (lược đoạn giữa). Nay Ta được thành Phật, có 32 Tướng, 80 tùy hình tốt đẹp, Uy Thần tôn quý, độ thoát tất cả chúng sinh trong mười phương đều là ân của Văn Thù Sư Lợi vốn là bậc Thầy của Ta. Trước đây vô ương số chư Phật đời quá khứ đều là Đệ Tử của Văn Thù Sư Lợi, bậc đương lai cũng là nơi do Uy Thần Ân Lực của Ngài đã đem đến. Ví như Thế Gian con trẻ phải có cha mẹ thời Văn Thù tức là bậc cha mẹ trong Phật Đạo vậy"

_Trong Kinh **Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán** thì Bồ Tát Văn Thù được xưng là **Tam Thế Giác Mẫu Diệu Cát Tường** cùng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) là hai vị hầu cận hai bên phải trái Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi). Người đời xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**. Trong đó **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī) đại biểu cho **Trí Đức, Tuệ Đức, Chứng Đức** của tất cả chư Phật và **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) đại biểu cho **Lý Đức, Định Đức, Hạnh Đức** của tất cả chư Phật. Cả hai vị này đều biểu hiện cho Lý Trí, Định Tuệ, Hạnh Chứng đã hoàn toàn viên mãn của Đức Phật.

_Trong **Kinh Hoa Nghiêm** (Avataṃsaka-sūtra) bày rõ tất cả Phật Pháp quy về **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) với hai vị Đại Sĩ **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Văn Thù** (Mañjuśrī). Ba vị này được xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**, trong đó Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát đại biểu cho **Chứng Đức** của tất cả Bồ Tát.



_Hình tượng của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có nhiều loại. Hoặc tượng Văn Thù mặc áo cỏ, hoặc tượng Văn Thù mang tướng Tăng, hoặc làm hình Đồng Tử, hoặc tướng vượt qua biển… song, tượng Văn Thù có tay phải cầm cây kiếm trí, tay trái cầm hoa sen xanh (hoặc cầm quyển Kinh Bát Nhã), cỡi trên con sư tử xanh là thường thấy



Hình tượng cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm. Tòa ngồi là **Sư Tử** (Siṃha) biểu thị cho sự uy mãnh của Trí Tuệ.

_Mật Tông Phật Giáo dựa vào số chữ nhiều ít tại Mật Bộ mà phân ra là: Nhất Tự Văn Thù, Ngũ Tự Văn Thù, Lục Tự Văn Thù, Bát Tự Văn Thù...hoặc dựa vào hình trạng của búi tóc trên đỉnh đầu của Ngài mà chia ra: Nhất Kế Văn Thù, Ngũ Kế Văn Thù, Bát Kế Văn Thù…

.)Ngũ Tự Văn Thù, tên Phạn là Mañju-ghoṣa, dịch âm là Mạn Thù Già Sa, dịch nghĩa là Diệu Âm, tức dùng năm chữ **A La Ba Tả Na** làm Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát

A (अ_ A): nghĩa là vốn vắng lặng không có sinh (Tỳ Lô Giá Na Phật nói)

La (र _RA): nghĩa là vốn trống rỗng lìa bụi bặm (A Súc Phật nói)

Ba (प_PA): nghĩa là vốn chân thật không có nhiễm dính, lìa dơ bẩn (Bảo Sinh Phật nói)

Tả (च_ CA): nghĩa là vốn trong sạch, hành màu nhiệm (Quán Tự Tại Vương Như Lai nói)

Na (न_ NA): nghĩa là vốn trống rỗng, không có Tự Tính (Bất Không Thành Tựu Như Lai nói)



.)Nhất Tự Văn Thù lại xưng là **Nhất Kế Văn Thù.** Căn cứ vào việc Văn Thù cột buộc một búi tóc, dùng búi tóc đó gọi là **Nhất Kế** mà xưng tên.

Trong Kinh **Đại Phương Quảng Bồ Tát** với Kinh **Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nhất Tự Đà La Ni** nêu ra Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát là **Án xỉ lâm** (OṂ ŚRHYIṂ, hay ŚRĪṂ hoặc TRHYIṂ) bởi thế nên xưng là **Nhất Tự Văn Thù**



.)Lục Tự Văn Thù tức dùng sáu chữ **Án phộc kê đạm nạp mạc** (OṂ VĀKEDA NAMAḤ hay OṂ VĀKYEDA NAMAḤ) làm Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát. Bồ Tát này trụ ở Tam Muội **Diệt tội điều phục**. Vì Chân Ngôn ấy có sáu chữ nên xưng là **Lục Tự Văn Thù**. Nếu Hành Giả muốn sinh về Thế Giới Cực Lạc hoặc cầu sống lâu thì có thể tu Pháp Lục Tự Văn Thù



.)Bát Tự Văn Thù: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong **Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát Tự Đà La Ni Tu Hành Mạn Đồ La Thứ Đệ Nghi Quỹ Pháp** được nêu ra Chân Ngôn có tám chữ: "**Án a vị la hồng khư tả lạc**" (OṂ AḤ VĪRA HŪṂ KHACARAḤ) cho nên xưng là **Bát Tự Văn Thù**. Nhân trên đỉnh đầu có tám búi tóc nên lại xưng là **Bát Kế Văn Thù Bồ Tát**. Thông thường tu Pháp này trong các trường hợp Tức Tai (ngưng trừ tai nạn), trừ bỏ mộng ác…



_ Mật Giáo Tây Tạng và Mông Cổ ghi nhận năm hình thức của Văn Thù Bồ Tát là: **Thánh Văn Thù** (Ārya-mañjuśrī) màu vàng, **Ngữ Vương Văn Thù** (Vādi-rāja-mañjughoṣa) màu vàng hay màu cam, **Lợi Văn Thù** (Tīkṣṇa-mañjuśrī) màu đen hoặc xanh đậm, **Ngữ Sư Tử Văn Thù** (Vādi-siṃha-mañjughoṣa) màu vàng hay màu trắng, **Hồng Văn Thù** (Rākta-mañju śrī) màu hồng hay màu đỏ

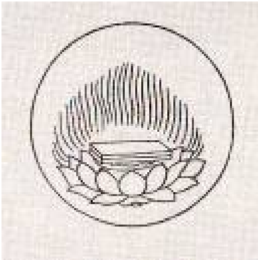


_Tại **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp, đồng Thể với **Vô Tận Ý Bồ Tát** (Akṣaya-mati) ở đầu phía Tây trong bốn Tôn ở phương Bắc tại Ngoại Đàn.

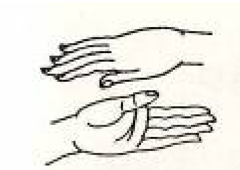
Mật Hiệu là: **Bảo Ý Kim Cương, Vô Tận Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JÑA (𑖕𑖿𑖗)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn biểu thị cho Trí Tuệ của Như Lai



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖎𑖿𑖬𑖧 𑖦𑖝𑖯𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕𑖿𑖗

OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ JÑA

_ Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Bồ Tát Văn Thù được hiện bày ở vị trí Tây Nam của Trung Đài Bát Diệp Viện, và trong **Văn Thù Viện** thì Ngài là vị Chủ Tôn.

.)Tại **Trung Đài Bát Diệp Viện** thì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

Tôn Hình: Thân hiện màu vàng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ hoặc Ngũ Cổ, tay phải cầm quyển Kinh

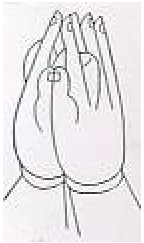


Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương trên hoa sen xanh, hoặc hoa sen xanh

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Pháp Trụ Ấn :** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở bung 2 ngón giữa. Biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.



Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ Ā VEDA VIDE _ SVĀHĀ

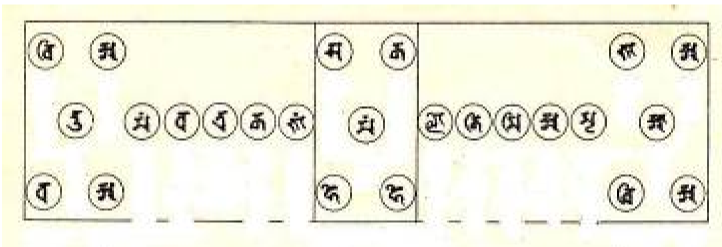
.)Tại **Văn Thù Viện** thì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là Chủ Tôn

Viện này là sự **mở thấy chứng ngộ** thuộc ba loại trang nghiêm không tận của Đại Nhật Như Lai, đại biểu cho Bát Nhã Diệu Tuệ.

Văn Thù Viện biểu thị cho Trí Tuệ của Đại Nhật Như Lai, hay đoạn trừ tất cả lý luận, lại ban cho Phước Đức, nhưng vẫn dùng Trí Đức làm gốc.

Viện này gồm có 25 Tôn được trình bày như sau:





_ Lớp bên trái có 10 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn:

1_ Phì Xa Gia ( )

2_ A nhĩ Đa (𑖀)

.) Hàng giữa có 6 Tôn:

1_ Đồng Mẫu Lô ( )

2_ Diệu Âm Bồ Tát ( )

3_ Nguyệt Quang Bồ Tát ( )

4_ Vô Cấu Quang ( )

5_ Bảo Quan Bồ Tát ( )

6_ Quang Võng Bồ Tát ( )

.) Hàng dưới có 2 Tôn:
1_ Xả Gia ( )
2_ A Ba La Nhĩ Đa ( )
_ Lớp giữa có 5 Tôn
.) Hàng trên có 2 Tôn:
1_ Đại Thánh Quán Âm ( )
2_ Đại Thánh Phổ Hiền ( )
.) Hàng giữa có 01 Tôn là Văn Thù ( )
.) Hàng dưới có 2 Tôn:
1_ Bất Khả Việt Thủ Hộ ( )
2_ Tương Hướng Thủ Hộ ( )
_ Lớp bên phải gồm có 10 Tôn
.) Hàng trên có 2 Tôn
1_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( )
2_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( )
.) Hàng giữa có 6 Tôn
1_ Kế Thiết Ni Đồng Tử ( )
2_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử ( )
3_ Chất Đát La Đồng Tử ( )
4_ Địa Tuệ Đồng Tử ( )
5_ Triệu Thỉnh Đồng Tử ( )
6_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử ( )
.) Hàng dưới có 2 Tôn
1_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( )
2_ Văn Thù Phụng Giáo Giả ( )

1_ Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) là Tôn ở chính giữa Viện và xưng là **Ngũ Kế Văn Thù.**

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Đồng Tử, đỉnh đầu có 5 búi tóc. Tay phải ngửa lòng bàn tay hướng đầu ngón tay về bên phải. Tay trái cầm hoa sen xanh bên trên có chày Tam Cổ dựng đứng, ngồi trên hoa sen trắng.



Thân màu vàng ròng biểu thị cho sự bền chắc của Tuệ thâm sâu.

Đỉnh đầu có 5 búi tóc biểu thị cho việc thành tựu đầy đủ 5 Trí của Như Lai.

Nhân làm duyên cho Nhân Duyên của Bản Thệ mà thị hiện làm hình Đồng Chân Pháp Vương Tử.

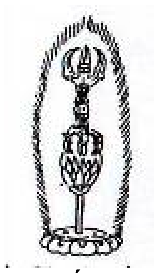
Hoa sen xanh biểu thị cho sự chẳng nhiễm dính các Pháp.

Kim Cương Trí Tuệ Ấn biểu thị cho việc hay dùng ánh sáng Trí chiếu soi khắp Pháp Giới

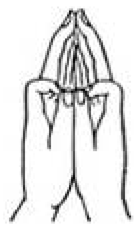
Mật Hiệu là:**Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen, hay rương Kinh Phạn.



Tướng Ấn là **Văn Thù Sư Lợi Ấn**: Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng. Các ngón giữa, vô danh giao kết cùng giữ nhau. Đem hai ngón trỏ để trên hai ngón cái như hình móc câu



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI PATHĀ-STHITA SMARA SMARA PRATIJÑAM SVĀHĀ

2_ Đại Thánh Quán Âm (Ārya-avalokiteśvara):

Avalokiteśvara dịch âm là A Phộc Lô Chỉ Để Thấp Phạt La. Dịch ý là Quán Tự Tại, tức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Lại tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Phàm chúng sinh gặp nạn mà tụng niệm danh hiệu của Ngài thì tức thời Bồ Tát quán âm thanh ấy liền đến cứu giúp cho nên xưng là Quán Thế Âm. Lại do Bồ Tát này ở cảnh Sự Lý không ngại cho nên xưng là Quán Tự Tại Bồ Tát.

Tôn này còn biểu thị cho **Giác Tính nội tại** ẩn khuất tại nơi rất sâu xa trong tâm của chúng sinh, chẳng bị sự ràng buộc của phiền não mà hay được đại tự tại cho nên xưng là Quán Tự Tại.

Trong Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Đức **Quyền Trí**

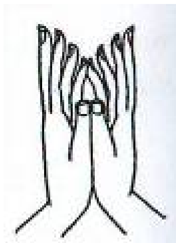
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA ()
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ SA

3_ Đại Thánh Phổ Hiền (Ārya-samanta-bhadra, hoặc Viśva-bhadra):

Samanta-bhadra dịch âm là Tam Mạn Đa Bạt Đà La, Tam Mạn Đà Bạt Đà, Bật Thâu Bạt Đà. Dịch ý là Biến Cát Bồ Tát.

Do thân tướng của Bồ Tát này ở khắp tất cả mọi nơi đều thuần một sự Diệu Thiện cho nên gọi là Phổ Hiền.

Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Lý Đức và Định Đức của tất cả chư Phật. Ngài còn đại biểu cho tất cả Hạnh Bồ Tát, tượng trưng cho tinh thần Đại Thừa cứu cánh, đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát.

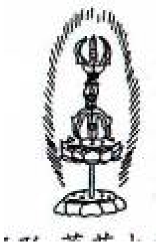
Trong Mật Giáo thì Phổ Hiền Bồ Tát đồng thể với Kim Cương Tát Đoả.

Tại Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Hạnh Nguyện rộng lớn

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Tam Cổ, ngồi trên đài sen.



Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**
Chữ chủng tử là: KA (𑖎)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen



Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn

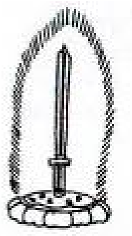


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ

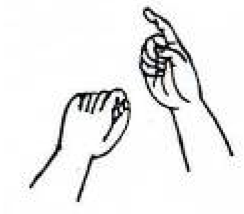
4_ Bất Khả Việt Thủ Hộ (Durdharṣa-dvāra-pāla):
Durdharṣa-dvāra-pāla lại xưng là Nan Trì, Nan Thắng, Đối Hộ Môn, Phụng Giáo Giả, Vô Năng Kiến Giả thường thủ hộ bên phải cửa nẻo bên trong (Nội Môn), vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)
Tôn Hình:Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ngang ngực, hướng mặt về bên trái, giao hai ống chân mà ngồi



Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸), hay KHA (𑖏)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DURDHARṢA, MAHĀ-ROṢAṆA KHĀDAYA _ SARVA TATHĀGATA- AJÑAṂ KURU_ SVĀHĀ

5_ Tương Hướng Thủ Hộ (Abhimukha-dvāra-pāla):

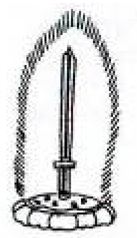
Abhimukha-dvāra-pāla có vị trí cùng đối với **Bất Khả Việt Thủ Ho** cho nên xưng là **Tương Hướng Thủ Hộ**. Xưng đầy đủ là Tương Hướng Thủ Hộ Môn Giả, hoặc là Đối Diện Hộ Môn Giả, Tương Hướng Kim Cương

Tôn này cũng vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

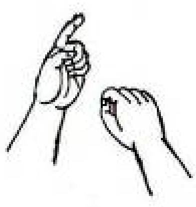
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây kiếm, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên phải, giao ống chân mà ngồi



Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸), hay KHA (𑖏)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Tương Hướng Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ABHIMUKHA HE MAHĀ-PRACAṆḌA ABHIMUKHĀ GṚHṆA_ KHADAYA KIṂCIRĀYASI SAMAYAM- ANUSMARA_ SVĀHĀ

6_ Quang Võng Bồ Tát (Jālīni-prabha):
Jālīni-prabha dịch âm là Chế Lợi Nê Ba La Bà (Hoặc Prabha-jāla: dịch âm là Ba La Bà Xà La). Là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù.

Tôn này tượng trưng cho ánh sáng Trí Tuệ của Văn Thù Bồ Tát như cái lưới vòng khắp Pháp Giới, dùng mọi loại Anh Lạc trang nghiêm cái lưới của Giáo (Giáo Võng) tung rộng khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sinh.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Nội Chứng**

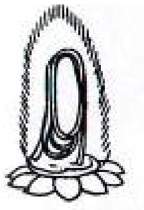
Tôn Hình: Hình Đồng Tử màu vàng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm sợi dây, ngồi trên toà hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Sắc Tướng Kim Cương**, tức nghĩa *tướng trang nghiêm của Diệu Tuệ*

Chữ chủng tử là: JAṂ (), tức nghĩa *Sinh chẳng thể đắc*

_Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, hoặc sợi dây.



Tướng Ấn là: Quang Võng Câu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

7_ Bảo Quan Bồ Tát (Ratna-kuṭa, hoặc Ratna-makuṭa):

Ratna-makuṭa dịch âm là La Đát Na Ma Câu Tra. Lại xưng là Bảo Quan Đồng Tử, Bảo Quan Đồng Tử Bồ Tát.

Bảo Quan (cái mão báu) dịch ý là trang nghiêm tượng trưng cho Đức đặc biệt **Phước Tuệ Trang Nghiêm** của Văn Thù Bồ Tát, hay làm lợi ích cho tất cả chúng sinh khiến cho kẻ ấy được Phước Tuệ trang nghiêm.

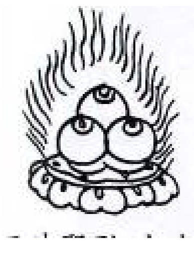
Tôn Hình:Thân màu vàng, tay phải ngửa lòng bàn tay ngang ngực, cầm Tam BIện Bảo Châu. Tay trái mở khuỷu tay cầm hoa sen xanh, bên trên hoa có cái mão báu. Ngồi Bán Già trên toà hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Trang Nghiêm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (𑖎)

Tam Muội Gia Hình là:Viên ngọc báu, hoặc mão báu trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ-VIMATI-VIKIRAṆA-DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HA _ SVĀHĀ

8_ Vô Cấu Quang Bồ Tát (Vimala-prabha):

Vimala-prabha lại xưng là Vô Cấu Quang Đồng Tử., là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này chủ yếu biểu hiện cho Lý **Tất Cánh Không** của Văn Thù Bồ Tát, dùng Bản Tính trong sạch không dơ phóng toả ánh sáng ra bên ngoài cho nên xưng là Vô Cấu Quang Bồ Tát.

Tôn Hình: Hình Đồng Tử, tay phải cầm cái bát báu bằng Mã Nãođể dưới rốn. Tay trái cầm hoa sen xanh chưa hé nở. Ngồi trên hoa sen đỏ.



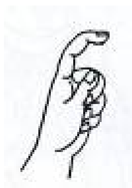
Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRA (𑖝𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.



Tướng Ấn là:Quang Võng Câu Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE KUMĀRA_ VICITRA GATI_ KUMĀRAM ANUSMARA_ SVĀHĀ

9_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Candra-prabha lại xưng là Nguyệt Tịnh Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc gìn giữ kho báu Chính Pháp

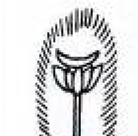
Tôn Hình: Quyền phải để ngang eo, cầm hoa sen, bên trên hoa có nửa vành trăng. Tay trái dựng quyền cầm hoa sen chưa nở. Ngồi ngay thẳng trên đài sen.



Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để nửa vành trăng.



Tướng Ấn là: Chấp Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ CANDRA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

10_ Diệu Âm Bồ Tát (Mañju-ghoṣa):

Diệu Âm Bồ Tát biểu thị cho Đức **Thuyết Pháp** của Văn Thù Bồ Tát

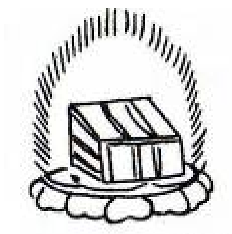
Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử, tóc có 3 búi, tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái cầm rương Kinh Phạn, ngồi trên hoa sen đỏ.



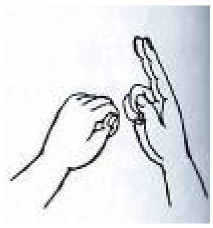
Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KI (𑖎𑖰), hay MAṂ (𑖦𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.



Tướng Ấn là: Kế Bảo Ni Đao Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖮𑖸 𑖮𑖸 𑖎𑖲𑖦𑖯𑖨𑖰𑖎𑖸 𑖟𑖧𑖯𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭𑖿𑖦𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖝𑖰𑖕𑖿𑖗𑖯𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRIKE_ DAYĀJÑANĀṂ SMARA PRATIJÑAṂ _ SVĀHĀ

Hay अरपचन
A RA PA CA NA

11_ Đồng Mẫu Lô (Tumburu):



Tumburu dịch âm là Đô Mâu Lô, Đồng Mẫu Lô. Lại xưng là Đâu Mâu Lô Thiên, Đồng Mẫu La Thiên.

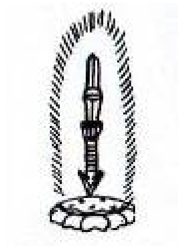
Tôn này là anh của 4 chị em Nữ Thiên, cũng là quyến thuộc của chư Thiên trong Dục Giới.

Tôn này là một biểu hiện của Đức Phật Tỳ Lô Giá Gia, còn 4 chị em Nữ Thiên (Aparājitā, Ajitā, Jayā, Vijayā) ở chung quanh tượng trưng cho 4 đặc tính **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh** của Niết Bàn

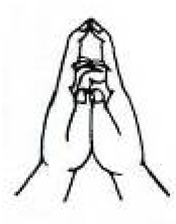
Tôn Hình: Thân màu đen đỏ, răng trên cắn môi dưới, tay phải cầm cây gậy Độc Cổ, tay trái nắm quyền để cạnh eo duỗi ngón giữa ngón trỏ, khoác Thiên Y, giao ống chân ngồi trên tòa Cát Tường



Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: TU (𑖝𑖲), hay KA (𑖎)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ   VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

12_ A nhĩ Đa (Ajitā):

Ajitā dịch âm là A Nhĩ Đa, dịch ý là Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

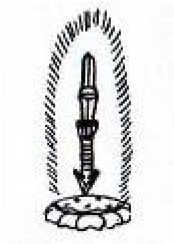
Tôn này biểu thị cho **Tịnh Đức** của Niết Bàn

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ , quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Đổ, giao ống chân ngồi trên toà Cát Tường. (hình bên trên)

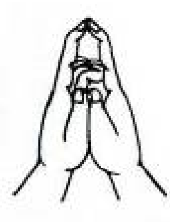


Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

13_ A Ba La Nhĩ Đa (Aparājitā):

Aparājitā dịch ý là Vô Năng Thắng, là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

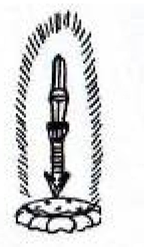
Tôn này biểu thị cho **Ngã Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ, quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Cổ, giao ống chân mà ngồi.(hình bên dưới)

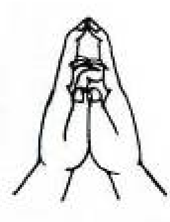


Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

14_ Nị Giả Khiếp Gia (Vijayā):

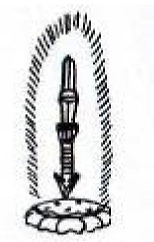
Vijayā dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã. Dịch ý là Tối Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Lạc Đức** của Niết Bàn.

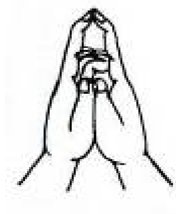
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên trên)



Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VI ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

15_ Xả Gia (Jayā):

Jayā dịch âm là Nhạ Gia, Thệ Gia, Xả Gia, Bán Giả Gia. Dịch ý là Thắng, Tôn Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Thường Đức** của Niết Bàn.

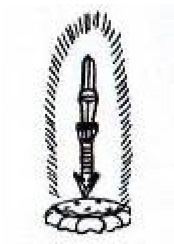
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên dưới)



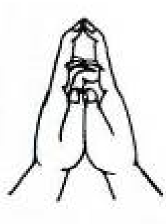
Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA ( ), hay JA ( ), hay KA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ _

Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ, quyển 4 ghi rằng: "Bốn chị em là quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát, Bồ Tát thân cận của nhóm ấy thường đi lại trên Đại Địa để cứu độ chúng sinh"

16_ Kế Thiết Ni Đồng Tử (Keśinī):

Keśinī lại xưng là Phát Đoan Nghiêm, là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Hóa Trí Thanh Tịnh

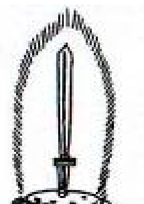
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm hoa sen xanh, hiện hình Đồng Tử.



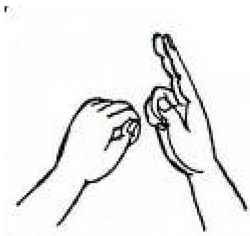
Mật Hiệu là: **Diệu Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LO ( ), hay KE ( ), hay KILI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm bén, hay cây đao lớn.



Tướng Ấn là: Kiếm Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KILI HE KUMĀRIKE_ DAYĀJÑANĀṂ SMARA PRATIJÑAṂ _ SVĀHĀ

17_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử (Upakeśinī):

Upakeśinī lại xưng là Tiểu Kế Thiết Ni Đồng Tử, Ô Ba Đồng Tử, Kế Thất Ni Đồng Tử, Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử.

Upa là tiếp cận, lệ thuộc. **Ke'sinì** là mái tóc đẹp của cô gái. **Upake'sinì** dịch ý là người nữ có mái tóc đẹp.

Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Tam Muội **Năng Thí** của Văn Thù Bồ Tát

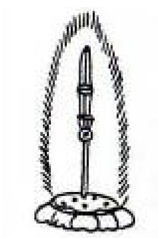
Tôn Hình: Hiện hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ, biểu thị cho Diệu Đức Sắc bén của Tôn này. Khoác Thiên Y , ngồi trên hoa sen đỏ.



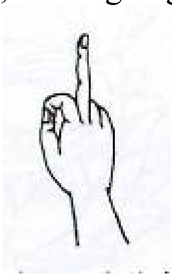
Mật Hiệu là: **Mật Trì Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KI (), hay DILI (), hay U ()

Tam Muội Gia Hình là: Luân La, hay cây kích.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa như cây kích.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DILI BHINDHAYĀ-JÑĀNAṂ_ HE KUMĀRIKE_ SVĀHĀ

18_ Chất Đát La Đồng Tử (Citraḥ):

Citraḥ có nghĩa là Nhiễm Sắc. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **Phổ Hiện Sắc Thân** của Văn Thù Bồ Tát

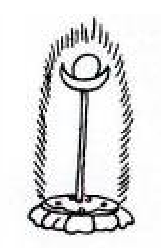
Tôn Hình:Thân màu vàng, tay phải cầm cây gậy (trượng), trên gậy có nửa vành trăng, trên nửa vành trăng để vành trăng đầy. Tay trái cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa sen đỏ.



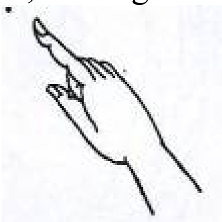
Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MI (𑖦𑖰), hay MILI (𑖦𑖰𑖩𑖰), hay MṚ (𑖦𑖴)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Trượng).



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ và ngón cái.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖓𑖰𑖝𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MILI CITRA_ SVĀHĀ

19_ Địa Tuệ Đồng Tử (Vasumati):

Vasumati dịch âm là Phộc Tô Ma Đế. Lại xưng là Tài Tuệ Đồng Tử, Trì Tuệ Đồng Tử, Địa Tuệ Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

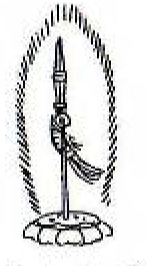
Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Nữ có ba búi tóc. Tay phải duỗi hướng về bên phải cầm phan phướng. Dựng quyền trái trước ngực cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.



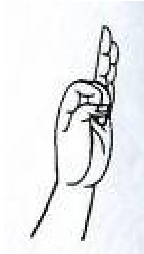
Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay HILI (𑖮𑖰𑖩𑖰), hay KṚ (𑖎𑖴)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng.



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền,dựng thẳng ngón út, ngón vô danh.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU_ SVĀHĀ

20_ Triệu Thỉnh Đồng Tử (Ākarṣāya, hay Ākarṣanī):

Ākarṣāya dịch âm là A Yết La Tẩy Dã, A Ca La Tẩy Dã. Lại xưng là Triệu Thỉnh Đồng Tử, Triệu Câu Đồng Tử, Câu Triệu Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **triệu thỉnh chúng sinh đến ở Bồ Đề Đạo** của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn Hình: Hiện hình Đồng Tử hoặc hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ. Tay trái cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.



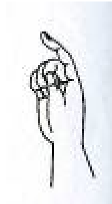
Mật Hiệu là: **Phổ Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MṚ ( ), hay A ( ), hay AḤ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, biểu thị cho nghĩa *Triệu thỉnh câu dẫn*



Tướng Ấn là: Tay phải tác Liên Hoa Quyền, duỗi ngón trỏ rồi hơi co lại như móc câu.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑAṂ KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

21_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tư (Acintya-mati):

Acintya-mati là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát

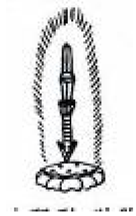
Tôn Hình:Thân màu thịt, hai tay cầm cây gậy (trượng), trên gậy có nửa vành trăng, quỳ ngồi trên hoa sen



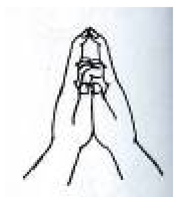
Mật Hiệu là: (không rõ)

Chữ chủng tử là: Ā (𑖁) hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Độc Cổ (Độc Cổ Bổng).



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ _



22_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

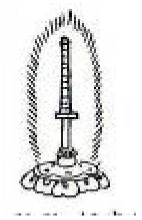
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)



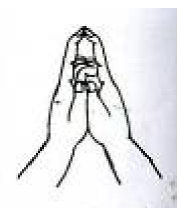
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: JA (𑖕), hay KI (𑖎𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

23_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

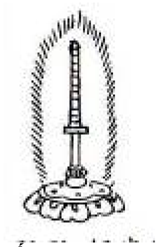
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)



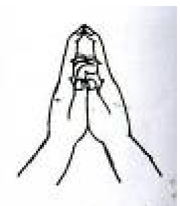
Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: VI ( ), hay KI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:

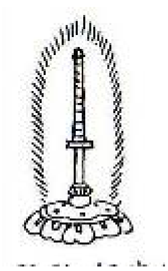
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

24_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

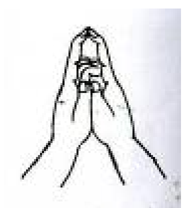
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)



Mật Hiệu là: (chưa rõ)
Chữ chủng tử là: A ( ), hay KI ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



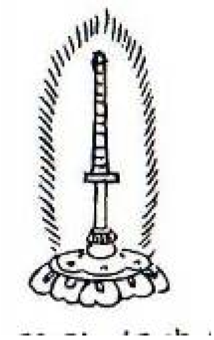
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

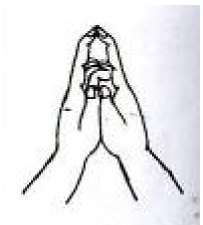
25_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)



Mật Hiệu là: (chưa rõ)
Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay KI (𑖎𑖰)
Tam Muội Gia Hình là: Cây đao



Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖾 𑖪𑖰𑖭𑖿𑖦𑖧𑖡𑖱𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

_Ngoài ra các Kinh Quỹ có ghi nhận một số Tôn Tượng, Thủ Ấn và Chân Ngôn của Bồ Tát Văn Thù là:





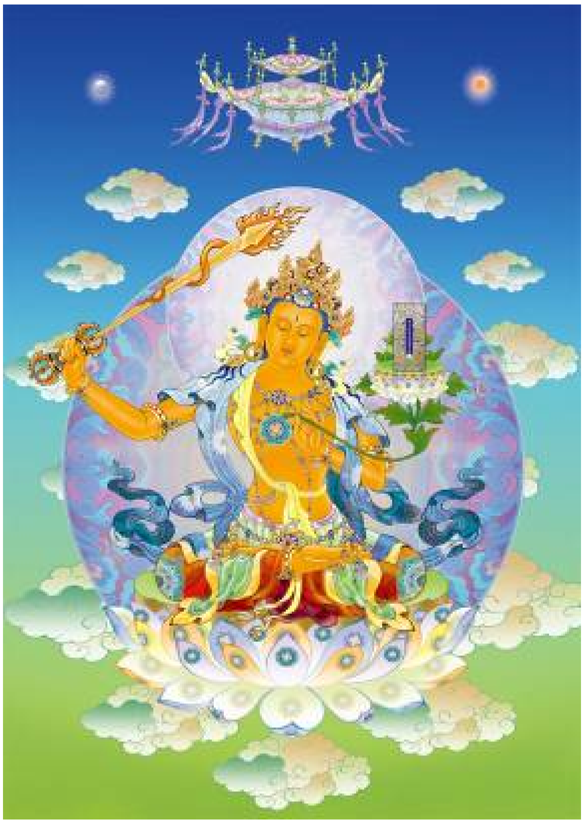








1_ Văn Thù màu vàng:



2_Văn Thù màu cam





文殊菩薩（Manjusri）

3_Văn Thù màu trắng







4_Văn Thù màu đỏ:







5_Văn Thù màu đen (hay xanh đậm):



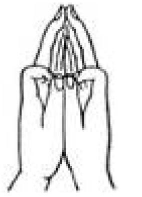






Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Thủ Ấn (1)

Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng. Các ngón giữa, vô danh giao kết cùng giữ nhau. Đem hai ngón trỏ để trên hai ngón cái như hình móc câu



Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI PATHĀ-STHITA SMARA SMARA PRATIJÑAM SVĀHĀ

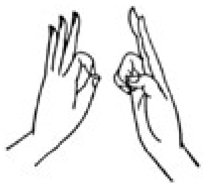
Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Thủ Ấn (2)

Ấn này được trích ra từ Kinh **Lý Thú**. Hai tay nắm Kim Cương Quyền, quyền trái đè đầu gối trái như cầm rương kinh Phạn, quyền phải dựng đứng trên đầu gối trái như dạng cầm cây kiếm.



Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Thủ Ấn (3)

Tay Ấn trong Bồ Tát Bộ [**Địa Tạng Phật Học Tư Nguyên**] Ấn này được trích ra từ Kinh **Lý Thú**. Tay trái tác Ấn cầm hoa, tức ngón cái với ngón trỏ cùng vịn nhau, dựng đứng ba ngón còn lại, làm dạng cầm bông hoa để Quán, sau đó để ở trái tim. Tay phải tác Kiếm Ấn tức đem ngón cái đè móng ngón vô danh với ngón út, dựng đứng hai ngón còn lại. Tiếp theo dùng Kiếm Ấn của tay phải chém cọng hoa của tay trái ba lần. Đây biểu thị cho nghĩa chặt đứt **cách chấm** của Phàm Phu.



Ngũ Tự Văn Thù Kiếm Ấn

Hai tay kết Ngoại Phộc, dựng hợp hai ngón giữa, cong gấp lóng trên như hình cây kiếm. Lại gọi là **Văn Thù Kiếm Ấn**, là Kim Cương Lợi Bồ Tát Ấn trong Kim Cương Giới Tam Muội Gia Hội



Chân Ngôn
𑖀 𑖨 𑖢 𑖓 𑖡
A RA PA CA NA

(Mật Giáo Tây Tạng truyền dạy **Ngũ Tự Chú** này là:
OṂ _ A RA PA CA NA _ DHĪḤ



Ngũ Kế Ấn:

Ngón vô danh của tay phải với ngón út của tay trái cùng hợp đầu ngón. Tiếp đem ngón út của tay phải với ngón vô danh của tay trái cùng hợp đầu ngón. Hai ngón giữa, ngón trỏ, ngón cái cũng đều tự hợp đầu ngón. Ấn này có hình như dạng năm đỉnh núi. Đem để ở trái tim, hai vai, cổ họng rồi đến đỉnh đầu

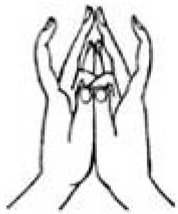
Trong **Giác Thiền Sao** đã nói thì hơi có sự chẳng đồng. Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, đem mặt ngón út phải nghiêng đè mặt ngón giữa trái, đem mặt ngón giữa phải nghiêng đè mặt ngón trỏ trái, kèm dựng đứng hai ngón cái. Ấn này có tên là **Ngũ Tự Văn Thù Sư Lợi Ấn**



Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖟𑖲𑖾𑖏 𑖔𑖸𑖟 𑖠𑖽
OṂ_ DUḤKHA CHEDA DHAṂ

Lục Tự Văn Thù:

Ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cùng móc kết nhau. Dựng thẳng ngón giữa cùng trụ nhau, cong hai ngón trỏ đều vịn lóng trên lưng ngón giữa, đồng thời đưa ngón trỏ qua lại.



Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖪𑖯𑖎𑖸𑖟 𑖡𑖦𑖾

OṂ_ VĀKEDA NAMAḤ

(Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận **Lục Tự Chú** này là

OṂ VĀKYEDA NAMAḤ

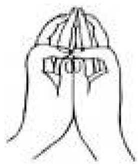




Bát Tự Văn Thù Thủ Ấn:

Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng, đem hai ngón giữa phụ ở lưng hai ngón vô danh, kèm dựng hai ngón cái, cong hai ngón trỏ hợp một để ở trên hai ngón cái.

Căn cứ vào Phẩm **Mật Ấn** của Kinh **Đại Nhật** đã thuật thì đây là Ấn của Thai Tạng Văn Thù Viện với ngón giữa, ngón vô danh, ngón út biểu thị cho hoa sen xanh; ngón cái, ngón trỏ là hình cây kiếm tức biểu thị cho Tam Muội Gia Hình



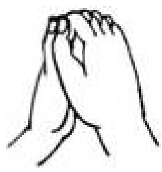
Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖀𑖾 𑖪𑖱𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖏𑖓𑖨𑖾

OṂ_ AḤ VĪRA HŪṂ KHACARAḤ

Bát Tự Văn Thù Đại Tinh Tiến Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón cái hơi cong lại rồi nghiêng đè hai ngón trỏ, xong rồi hai ngón cái với hai ngón trỏ có khoảng giữa có hai loại nói Pháp "mở, đóng". Lúc mở thì như miệng sư tử há lớn (bên trái là cái miệng, bên phải là mạnh bạo) ăn tất cả nhóm phiền não chẳng lành của chúng sinh. Lúc đóng thì như miệng sư tử (bên trái là cái miệng, bên phải là mạnh bạo) ăn đã xong. Cho nên Ấn này lại xưng là **Sư Tử Khẩu** hoặc gọi là **Đại Tinh Tiến Ấn**, **Nhất Thiết Vô Úy Ấn, Sư Tử Quán Ấn, Sư Tử Thủ Ấn, Văn Thù Sư Tử Khẩu Ấn, Bảo Châu Ấn, Diệu Cát Tường Phá Chư Tú Diệu Ấn, Phá Tú Diệu Chướng Ấn, Phá Thất Diệu Nhất Thiết ất Tường Ấn…** mà đồng với **Phật Bộ Tâm Tam Muội Gia**



Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖀𑖾 𑖪𑖱𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖏𑖓𑖨𑖾

OṂ_ AḤ VĪRA HŪṂ KHACARAḤ

BÁT TỰ VĂN THÙ MAN ĐA LA

Soạn dịch: HUYỀN THANH

Đàn hướng về phương Nam, có ba Viện:

_**Nội Viện**: vẽ một vành tròn trịa (viên luân) giống như trăng tròn.

Ngay chính giữa viết chữ **MAṂ** ( ). Tiếp theo thứ tự sau: mặt Bắc viết chữ **OṂ** ( ). Tiếp xoay theo bên phải, góc Đông Bắc viết chữ **AḤ** ( ). Tiếp phương Đông, viết chữ **VĪ** ( ). Tiếp góc Đông Nam, viết chữ **RA** ( ). Tiếp phương Nam, viết chữ **HŪṂ** (_Hùm). Tiếp góc Tây Nam, viết chữ **KHA** ( ). Tiếp phương Tây, viết chữ **CA** ( ). Tiếp góc Tây Bắc, viết chữ **RAḤ** ( )

Dùng chín chữ này làm **Tôn** (Nàtha) trong **Nội Viện.**

_ **Viện thứ thứ hai**:

Trước mặt **Tôn**, mặt Nam vẽ **Thỉnh Triệu Đồng Tử** (Akarṣāya, hay Akarṣaṇī), chữ chủng tử là **AḤ**( )

Tiếp góc Tây Nam, vẽ **Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Keśinī), chữ chủng tử là **KE** ( )

Tiếp phương Tây, phía bên phải, vẽ **Cứu Hộ Tuệ Đồng Tử** (Paritrāṇāśaya-mati), chữ chủng tử là **KA** ( )

Tiếp góc Tây Bắc, vẽ **Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Upakeśinī), chữ chủng tử là **U** ( )

Tiếp mặt phía sau, phương Bắc, vẽ **Quang Võng Đồng Tử** (Jālīni-prabha), chữ chủng tử là **JAṂ** ( )

Tiếp góc Đông Bắc, vẽ **Địa Tuệ Tràng Đồng Tử** (Vasu-mati-ketu), chữ chủng tử là **A** ( )

Tiếp phương Đông, phía bên trái, vẽ **Vô Cấu Quang Đồng Tử** (Vimala-prabha), chữ chủng tử là **TRA** ( )

Tiếp góc Đông Nam, vẽ **Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử** (Acintya-mati), chữ chủng tử là **A** ( )

Như vậy, ở tám phương của Diệu Cát Tường Đồng Chân Bồ Tát đều hướng mặt về Tôn chính giữa như thế **phụng Giáo**, đều ngồi trên hoa sen, mỗi một vị đều cỡi Sư Tử, hai tay đều cầm **Tiêu Xí Ấn Khế** .

_ Lại ở trong bốn góc ở bên ngoài **Viên Luân** (vành tròn trịa) vẽ bốn vị **Phẫn Nộ Minh Vương** (Krodha-vidya-rāja)

Góc Đông Nam, vẽ **Giáng Tam Thế Cương** (Trailokya-vijaya-vajra) màu xanh có tám cánh tay. Hai tay ngang phía trước kết Ấn: Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng móc ngược nhau, còn lại nắm quyền, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ). Tay trái cầm cây cung, tai phải cầm thân mũi tên. Bên trái: một tay cầm cái chày, một tay cầm sợi dây. Bên phải: một tay cầm cây Kích, một tay cầm cây Bổng. Ba mặt, góc miệng hiện răng nanh, ngồi trong lửa nóng rực. Chữ chủng tử là **HŪṂ** ( )

Góc Tây Bắc, **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Apārajita-vidya-ràja) có bốn cánh tay, màu xanh, ba mặt, tóc lửa dựng đứng đáng sợ. Bên phải: một tay nắm quyền dựng

ngón trỏ, một tay cầm cây Tam Cổ Kích. Bên trái: một tay tác **Thí Nguyện**, một tay cầm cây Bổng, ngồi yên trên hoa sen. Chữ chủng tử là **DHRIṂ** ( )

Góc Tây Nam, **Diêm Mạn Đức Ca Kim Cương** (Yamāntaka-vajra) màu xanh đen, 6 cái đầu, 6 cánh tay, 6 chân…đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm cây kích, tiếp theo tay bên dưới cầm cây cung, tiếp theo tay bên dưới cầm sợi dây. Bên phải: tay bên trên cầm cây kiếm, tiếp theo tay bên dưới cầm mũi tên, tiếp theo tay bên dưới cầm cây gậy. Cỡi con trâu xanh làm toà ngồi. Chữ chủng tử là **HRĪḤ** ( )

Góc Đông Bắc vẽ **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) có ba mặt, 6 cánh tay (?8 cánh tay) đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm hoa sen, một tay cầm cái bình, một tay cầm cây gậy. Hai tay ngang trái tim kết Ấn Khế. Bên phải: tay bên trên cầm cây búa, một tay cầm tràng hạt, một tay cầm **Sách Luân Vương**, ngồi ngay trong hoa sen, tướng đại phẫn nộ, hiện thế cực ác mãnh lợi. Còn lại đều y theo Bản Pháp. Chữ chủng tử là **HAṂ** ( )

_ **Viện thứ ba**, 16 vị **Đại Thiên** hộ bên ngoài

.) Ngay trước mặt Tôn (cửa Nam) là **Câu Bồ Tát** (tay trái nắm quyền, tay phải cầm móc câu)[Aṃkuśa-bodhisatva]. Chữ chủng tử là **JAḤ** ( )

Tiếp theo, phía Tây là **Diệm Ma Hậu** (Yamī). Chữ chủng tử là **YA** ( )

Tiếp theo, phía Tây là **La Sát Chủ** (Niṛrtiḥ, hay Rākṣasa-rāja). Chữ chủng tử là **NṚ** ( )

Ngay góc Tây Nam là **Thiêu Hương Cúng Dường Bồ Tát** (Dhūpa-pūja-bodhisatva). Chữ chủng tử là AḤ ( )

Tiếp theo, phía Bắc là **La Sát Hậu** (Rākṣasī). Chữ chủng tử là RAḤ ( )

Tiếp theo, phía Bắc là **Thuỷ Thiên** (Varuṇa). Chữ chủng tử là VA ( )

.) Cửa Tây là **Sách Bồ Tát** (Pāśa-bodhisatva). Chữ chủng tử là HŪṂ ( )

Tiếp theo phía Bắc là **Long Thiên Hậu** (Nāgī). Chữ chủng tử là NA ( )

Tiếp theo, phía Bắc là **Phong Thiên Vương** (Vāyu). Chữ chủng tử là VĀ ( )

Góc Tây Bắc là **Hoa Cúng Dường Bồ Tát** (Puṣpa-pūja-bodhisatva). Chữ chủng tử là OṂ ( )

Tiếp theo, phía Đông là **Phong Thiên Hậu** (Vāyavī). Chữ chủng tử là VÀ ( )

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa). Chữ chủng tử là VAI ( )

.) Phía sau Tôn, phương Bắc là **Kim Cương Toả Bồ Tát** (Vajra-sphoṭa-bodhisatva). Chữ chủng tử là VAṂ ( )

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Hậu** (Vaiśravaṇī). Chữ chủng tử là RU ( )

Tiếp theo, phía Đông là **Y Xá Na Thiên Vương** (Īśāna). Chữ chủng tử là I ( )

Góc Đông Bắc là **Đăng Cúng Dường Bồ Tát** (Āloka-pūja-bodhisatva). Chữ chủng tử là DĪḤ ( )

Tiếp theo, phía Nam là **Y Xá Na Hậu** (Īśānī). Chữ chủng tử là RU ( )

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Thiên Vương** (Indra). Chữ chủng tử là Ī ( )

.) Phương bên trái, cửa Đông là **Kim Cương Linh Bồ Tát** (Vajra-ghaṃta-bodhisatva). Chữ chủng tử là HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Hậu** (Aindrī). Chữ chủng tử là Ī (𑖂)

Tiếp theo, phía Nam là **Hoả Thiên Thần** (Agni). Chữ chủng tử là A (𑖀)

Góc Đông Nam là **Đồ Hương Cúng Dường Bồ Tát** (Gandha-pūja-bodhisatva). Chữ chủng tử là GAḤ (𑖐𑖾)

Tiếp theo, phía Tây là **Hoả Thiên Hậu** (Agnayī). Chữ chủng tử là A (𑖀)

Tiếp theo, phía Tây là **Diệm Ma Thiên** (Yama). Chữ chủng tử là YAṂ (𑖧𑖽)

Phần bên trên là **viện thứ ba**, an bày các Tôn xong

_ Bốn cửa với **Thực Đạo** (Lối nẻo bày thức ăn uống), bốn góc đồng với các Đàn Pháp, Tính báu, cỏ cũng giống nhau. Lá hoa sen ở bốn cửa tinh tế như hoa sen xanh.



_ Nếu cầu **Tức Tai** thì ngay chính giữa, viết chữ **MAṂ** ( )



_ Nếu cầu **Tăng Ích** thì ngay chính giữa, viết chữ Ś**RĪ** ( )



_ Nếu cầu **Kính Ái** thì ngay chính giữa, viết chữ **DHAṂ** (𑖠𑖽)



_ Nếu cầu **Giáng Phục** thì ngay chính giữa nên viết chữ **ṢṬRI** (𑖬𑖿𑖘𑖿𑖨𑖱)



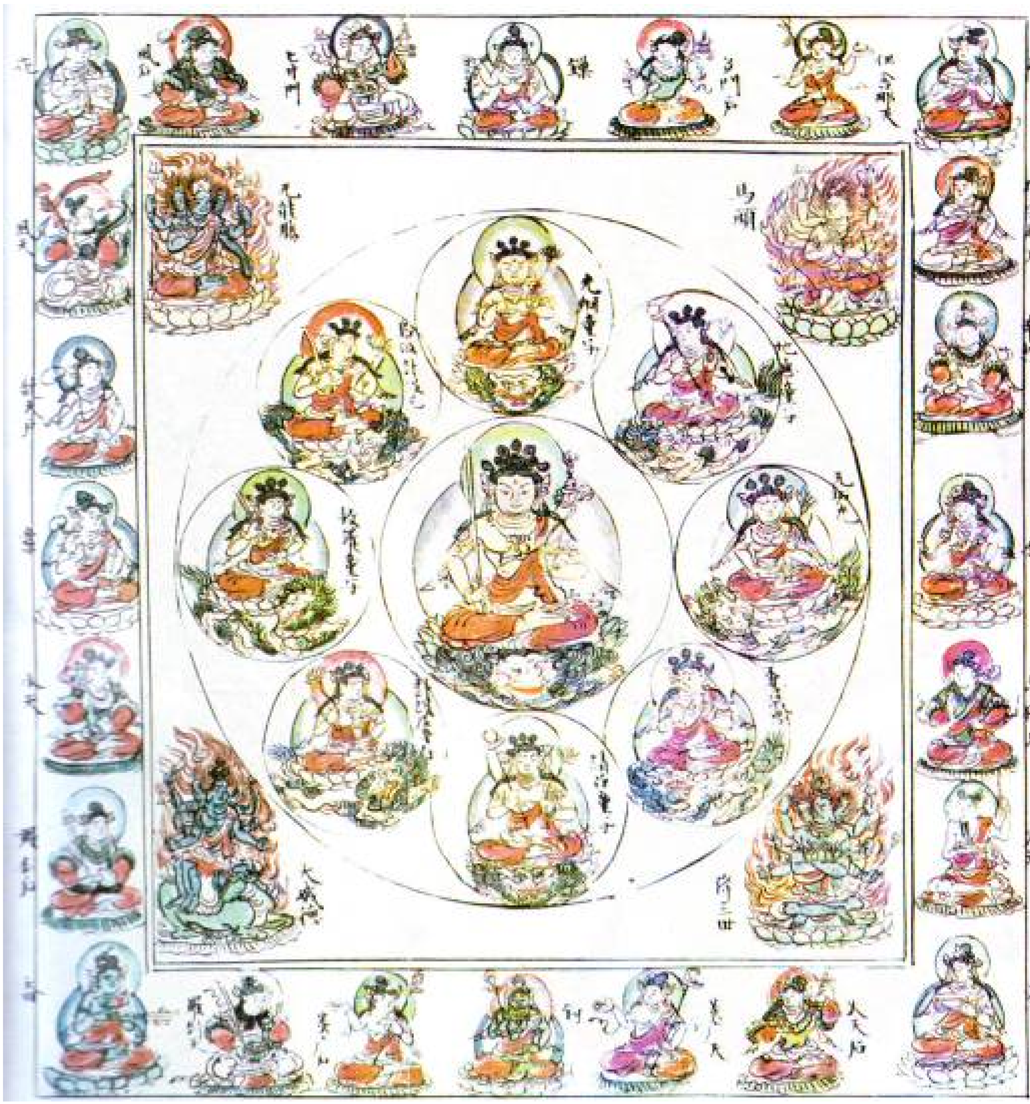
Nếu dùng **Đại Mạn Đà La** (Mahā-maṇḍala) thì chín chữ Phạn của Nội Viện này được thay bằng Tôn Tượng **Diệu Cát Tường Đồng Tử** với đỉnh đầu có tám búi tóc. Phía trước có năm búi tóc, một búi tóc trên đỉnh đầu, hai búi tóc phía sau đỉnh. Trên mỗi một búi tóc đều có thân Phật. Vị trí của hai Viện còn lại đều an bày hình tượng của các Tôn.

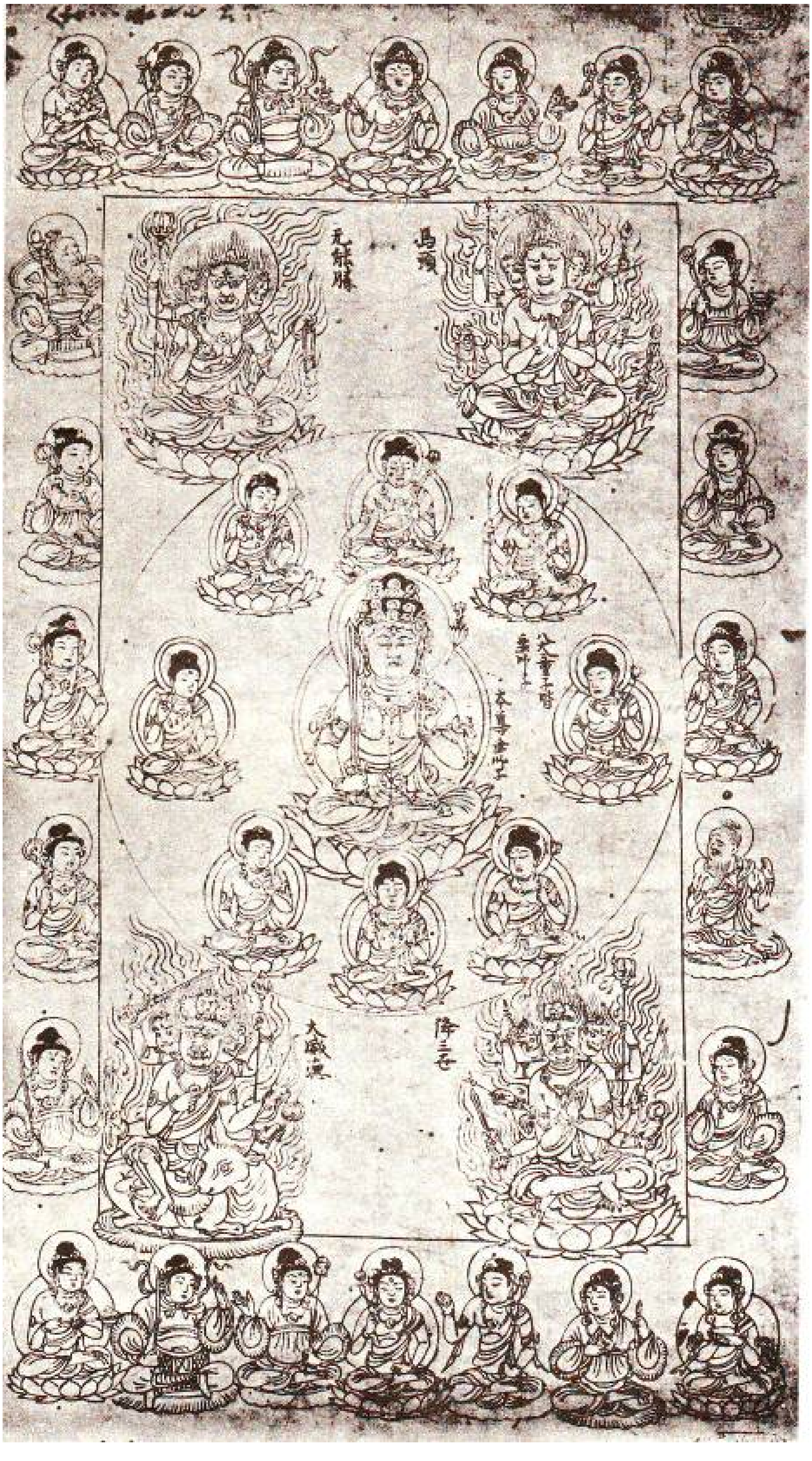
Chân Ngôn thông dụng là:

NAMAḤ APARIMITĀYURJÑĀNA SUVINEŚCITA-TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

NAMO MAṂJUŚRĪYA-KUMĀRA-BHŪTĀYA

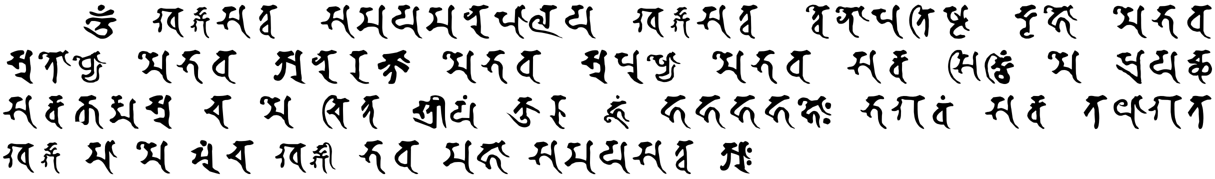
TADYATHĀ: AḤ VĪRA HŪṂ KHACARAḤ




无能勝
馬頭
大威徳
降三世

_Kinh **Kim Cương Đỉnh_Du Già Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Pháp** ghi nhận **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Bách Tự Chân Ngôn** là:

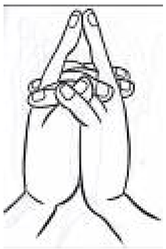
"Án, khát nga tát đát-phộc (1) tam ma gia ma nỗ bá la gia (2) khát nga tát đát-phộc (3) để phệ nộ bả để sắt-xá (4) niết lý-trụ minh bà phộc (5) tố đổ sử dụ minh bà phộc (6) a noa la cật-đổ minh bà phộc (7) tố bổ sử-dụ minh bà phộc (8) tát phộc tất đề minh, bát-la dã sai (9) tát phộc yết ma tố giả minh (10) chất đa, thất-lợi dược cú lỗ (11) hồng, ha, ha, ha, ha, hộc, bà nga tông (12) tát phộc đát tha nghiệt đa (13) khát nga, ma, minh, môn giả (14) khát nghê bà phộc (15) ma ha tam ma gia, tát đát-phộc, Ác (16)"



OṂ –KHADGA-SATVA SAMAYAṂ ANUPĀLAYA – KHADGA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DṚḌHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA- ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ŚRĪYAṂ KURU HŪṂ HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAṂ – SARVA TATHĀGATA KHADGA, MĀ ME MUṂCA _KHADGĪ BHAVA- MAHĀ-SAMAYA-SATVA- ĀḤ



_Kết **Kim Cương Lợi Ấn** ở trên trái tim



Tụng **Bách Tự Chân Ngôn** gia trì thân của mình. Giả sử trong đời quá khứ đã gây tạo mọi loại nghiệp ác, tất cả tội chướng của nhóm Vô Gián… do **Bách Tự Chân Ngôn** này gia trì cho nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt, thân đời này đắc được **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śuraṃgama-samādhi)

Nếu Tâm tán loạn thì số lần tụng Minh này là hoặc bảy lần, hoặc 21 lần cho đến 49 lần, 108 lần thời Tâm lìa **duyên bám níu** (phan duyên) mau được **Tam Ma Địa** (Samādhi).

NĂM TÔN VĂN THÙ

Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī) là nơi mà Trí Tuệ của chư Phật đã hóa hiện, **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara) là nơi mà Từ Bi của chư Phật đã hóa hiện, **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) là nơi mà Lực Lượng của chư Phật đã hóa hiện. Do đó, ba vị Bồ Tát này tức là **Trí Tuệ, Từ Bi** với **Lực Lượng** của chư Phật, được hợp xưng là **Tam Bộ Chủ**

Văn Thù có nhiều loại Hóa Tướng, hiện ra nhiều phong mạo chẳng đồng: có lúc tay phải cầm hoa sen tượng trưng cho sự thuần khiết cao thượng của Trí Tuệ, có lúc thì tay cầm cây kiếm báu biểu thị cho Trí Tuệ hay đoạn trừ tất cả phiền não, có lúc ngồi trên con sư tử biểu thị cho uy vũ dũng mãnh, có lúc ngồi trên đài sen biểu thị cho sự thanh tịnh không nhiễm dính, có lúc ngồi trên con chim công biểu thị cho sự bay bổng tự tại….

Tu trì Pháp Môn của Văn Thù hay được sáu loại Trí Tuệ tức: **Tốc Tuệ, Thâm Tuệ, Quảng Tuệ, Thuyết Pháp Tuệ, Biện Pháp Tuệ** với **Trước Soạn Tuệ**. Sáu loại Tuệ này đều có sự chẳng đồng, thông thường:

Người thấy một chữ mà có thể biết ý nghĩa của một loại ấy, tức là người có đủ **Tuệ mau chóng** (Tốc Tuệ)

Thấy một chữ mà có thể biết nghĩa bên trong của nhiều loại, tức là người đủ **Tuệ sâu xa** (Thâm Tuệ), liền khiến cho người khác đặt câu hỏi rồi giải quyết vấn đề ấy một cách tinh thâm, rõ ràng

Quảng Tuệ chỉ Trí Năng bao quát nhiều mặt

Người có **Thuyết Pháp Tuệ** thì khi giảng Kinh rất ư khéo léo

Người có **Biện Pháp Tuệ** thì rất tinh tế trong việc biện luận nghĩa của Pháp, nói năng mười phần tốt đẹp

Trước Soạn Tuệ tức chỉ tài năng biên soạn tác phẩm khiến cho người được lợi ích

_Tại Tạng Truyền Phật Giáo, Văn Thù Bồ Tát có nhiều loại Hóa Thân, thường thấy có **Hồng Hoàng Văn Thù, Nhu Đồng Văn Thù, A Lạp Bạc Tra Văn Thù** (cũng là **Ngũ Tự Văn Thù**), **Bạch Văn Thù** với **Hắc Văn Thù** … Năm Tôn của Môn này đều hợp xưng là **năm Văn Thù**. Năm Văn Thù tuy đồng là Văn Thù Đại Sĩ, nhưng mà Phật Bộ ấy với Hóa Thân đều có sự chẳng đồng, ngoài ra cũng có lợi ích thù thắng chẳng đồng.

Pháp Môn của **Hồng Hoàng Văn Thù** trừ **Trí Tuệ** ra cũng có tác dụng **Hoài Nhiếp** (Tăng ích)

Nhu Đồng Văn Thù là Hóa Tướng của Văn Thù bên trong Tâm của **Đại Uy Đức Kim Cương**

Pháp Môn của **A Lạp Bạc Tra Văn Thù** đối với sự **chứng ngộ Không Tính** đặc biệt có sự trợ giúp

Pháp Môn của **Bạch Văn Thù** trừ **Trí Tuệ** ra cũng đặc biệt lợi cho sự sinh ra Tâm Bồ Đề

Hắc Văn Thù trừ **Trí Tuệ** ra cũng là một vị Bản Tôn trừ chướng

Ngoài ra, Hóa Tướng của Văn Thù lại chia ra nhiều loại tướng: bên ngoài (ngoại), bên trong (nội) với kín đáo (mật). Chú ấy cũng đều có sự chẳng đồng.

_Tùy theo sự truyền thừa mà Pháp Tướng của năm Tôn Văn Thù được ghi nhận khác nhau:

.)Năm Văn Thù là sự hiển hiện chẳng đồng của Văn Thù Bồ Tát. Trung ương là **A Lạt Ba Tạp Văn Thù** (tức **Ngũ Tự Văn Thù**). Phần bên trên: phía trái là **Hồng Hoàng Văn Thù**, phía phải là **Tứ Tý Văn Thù**. Phần bên dưới: phía trái là **Bạch Văn Thù**, phía phải là **Hắc Văn Thù.** Năm loại **Thân biến hóa** của Văn Thù này đều có năm loại màu thân chẳng đồng, cùng với Ngũ Trí Như Lai mỗi mỗi đối ứng, biểu thị cho Văn Thù gom tập năm loại Trí Tuệ ở một Thân



.)Thangka (tranh Maṇḍala) của Mông Cổ (Thế kỷ 19) ghi nhận năm hình thức Văn Thù Bồ Tát là:

1_Trung tâm: Ārya-mañjuśrī (màu vàng)
2_Bên trên, phía trái: Tīkṣṇa-mañjuśrī (màu xanh đậm)
3_Phía dưới, bên trái: Rakta-mañjuśrī (màu đỏ)
4_Bên trên, phía phải: Vādita-mañjughoṣa (màu vàng)
5_Phía dưới, bên phải: Vadi-siṃha-mañjughoṣa (màu vàng)

Phần bên trên, ở trung tâm là Đại Sư **Je-tsoṅ-kha-pa.**

Hai bên trái phải và trung tâm ở bên dưới ghi nhận năm tháp báu của Phật, đại biểu cho **năm Đỉnh**



Ở Trung Quốc, biểu hiện năm Văn Thù Sư Lợi theo màu sắc là: trắng, vàng (hoặc : màu cam) , màu đỏ, màu xanh và màu xanh lá cây .



.)Năm Văn Thù Bồ Tát là nơi hóa hiện của năm Đức Phật, đại biểu cho Như Lai của năm Bộ.

Văn Thù Chủ Tôn được xưng là **A Lạp Ba Trát Văn Thù** (tức Ngũ Tự Văn Thù), lại xưng là **Văn Thù Vương**. Là Tôn ngồi ở trung ương, thân màu cam, đầu đội mão năm Phật, tay phải cầm cây kiếm Trí Tuệ biểu thị cho sự chặt đứt tất cả năm độc, Vô Minh. Phiền não… Tay trái cầm hoa **Ô Ba Lạp** (utpāla), trên hoa có Kinh Điển Bát Nhã biểu thị cho Trí Tuệ của Phật

Bạch Văn Thù có thân màu trắng, đầu đội mão năm Phật. Tay phải để ở đầu gối tác Ấn Thí Nguyện, vịn cành hoa sen, trên hoa có cây kiếm Trí Tuệ dựng đứng. Tay phải để ngang ngực tác Ấn Chuyển Pháp Luân, vịn cành hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã, Tôn này chủ yếu là có thể làm cho ngưng dứt tất cả tai nạn, cũng là Pháp **Tức Tai**, có thể tiêu trừ tất cả Nghiệp Lực. Bạch Văn Thù có thể dùng trị trăm bệnh. Trì Chú của Bạch Văn Thù có thể dùng trị bách bệnh

Hoàng Văn Thù có thân màu vàng của trái quất (màu cam), đầu đội mão năm Phật. Tay phải cầm hoa sen, trên hoa có cây kiếm Trí Tuệ. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã. Tôn này chủ về sự ban Phước, biểu thị cho Pháp **Tăng Ích**

Tứ Tý Văn Thù được trích ra từ **Văn Thù Chân Thật Danh Kinh**, thân màu vàng hồng, đầu đội mão năm Phật, có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất giơ lên cao cầm cây kiếm Trí Tuệ chém đứt tất cả phiền não Vô Minh, tay thứ hai cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cành hoa Ô Ba Lạp, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã, tay thứ hai cầm cây cung. Tứ Tý Văn Thù chuyên chủ về Pháp **Kính Ái**

Hắc Văn Thù có thân màu đen hay màu xanh lam đậm, đầu đội mão năm Phật, Tay phải giơ lên cao cầm cây kiếm Trí Tuệ, Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh Bát Nhã. Tôn này chủ về trừ Ma Chướng, tức có thể dùng Pháp **Giáng Phục**. Hắc Văn Thù có khẩu quyết quán tưởng bí mật có thể dùng trừ bỏ tất cả chướng ngại



_Tác giả **Sách Lãng** thuộc **Miễn Tát Họa Phái** (hiện đại) đã vẽ năm loại Văn Thù để phổ biến và xưng gọi là **Ngũ Tính Văn Thù**

Trung ương là **Kỵ Sư Giả Hồng Văn Thù**.

Bên trên, phía trái là **Trì Kiếm Hoàng Văn Thù**, hoặc xưng là **Văn Thù Dũng Sĩ**

Bên trên, phía phải là **Bạch Văn Thù**, hoặc xưng là **Trí Tuệ Luân Văn Thù**

Bên dưới, phía trái là **Tứ Tý Văn Thù**

Bên dưới, phía phải là **Hắc Văn Thù**

Ngay chính giữa Thiên Giới là **Tung Tam Thế Phật** biểu thị cho khái niệm thời gian



_Chân Ngôn chính của năm Tôn Văn Thù là **Văn Thù Ngũ Tự Chân Ngôn**:

A (अ): nghĩa là vốn vắng lặng không có sinh (Tỳ Lô Giá Na Phật nói)

RA (र): nghĩa là vốn trống rỗng lìa bụi bặm (A Súc Phật nói)

PA (प): nghĩa là vốn chân thật không có nhiễm dính, lìa dơ bẩn (Bảo Sinh Phật nói)

CA (च): nghĩa là vốn trong sạch, hành màu nhiệm (Quán Tự Tại Vương Như Lai nói)

NA (न): nghĩa là vốn trống rỗng, không có Tự Tính (Bất Không Thành Tựu Như Lai nói)

_Khi cúng phụng chung năm Tôn Văn Thù thì dùng **Ngũ Tự Văn Thù Kiếm Ấn**
Hai tay kết Ngoại Phộc, dựng hợp hai ngón giữa, cong gấp lóng trên như hình cây kiếm. Lại gọi là **Văn Thù Kiếm Ấn**, là Kim Cương Lợi Bồ Tát Ấn trong Kim Cương Giới Tam Muội Gia Hội



Chân Ngôn là:
OṂ _ A RA PA CA NA DHĪḤ



Pháp Môn của năm Tôn Văn Thù hàm chứa năng lực **Tả Tác** (biên chép tạo làm), năng lực Biện Tài, năng lực giảng Pháp, năng lực phân tích sự vật… giúp cho chúng ta đạt được Trí Tuệ phi thường. Có thể khiến cho chúng ta tăng trưởng Tâm Bồ Đề, Tâm Đại Từ Đại Bi, Trí Tuệ của sự tu hành nhóm Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định.

_Trong năm Tôn Văn Thù thì ba Tôn: **Hoàng Văn Thù**, **Bạch Văn Thù** và **Hắc Văn Thù** được truyền dạy rộng rãi hơn. Trong đó:
.)**Hoàng Văn Thù** là Bản Tôn khai phát Trí Tuệ **Không Tính**. Tu trì Pháp Môn của Hoàng Văn Thù thời có thể đắc được Trí Tuệ thông đạt **Không Tính**, phá trừ sự chấp dính và mê mờ đối với biểu tượng của sự vật, từ đây khám phá tướng huyễn hóa, đắc được sự tự tại và sự tự nhiên không có trói buộc của Nội Tâm… tức tăng trưởng Trí Tuệ thuộc phương diện **Thắng Nghĩa Đế**
Chân Ngôn là: OṂ A RA PA CA NA DHĪḤ

.)**Bạch Văn Thù** là Bản Tôn giúp cho mau chóng tăng trưởng sự ghi nhớ và biện tài. Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì Bạch Văn Thù còn được xưng là **Trí Tuệ Luân Văn Thù.** Tu trì Pháp Môn của Tôn này thì rất mau chóng đạt được Trí Tuệ, đặc biệt

đối với sức tăng trưởng sự ghi nhớ, Mẫn Tiệp Tuệ cùng với Trí Tuệ diễn giảng, biện luận có hiệu quả rất đặc thù… tức tăng trưởng Trí Tuệ thuộc phương diện **Tục Đế**

Chân Ngôn là: OṂ_ VĀKYEDA NAMAḤ

.)**Hắc Văn Thù** là Bản Tôn chủ về trừ Ma Chướng. Tu trì Pháp Môn của Tôn này sẽ mau chóng được sự gia trì, có thể trừ khử rất nhiều chướng ngại, đạt được Trí Tuệ, trị liệu bệnh tật, giáng phục loại **Thi Biến**, đuổi trừ Ma Chướng, đạt được công năng tự bảo hộ thân mình rất đặc thù

Chân Ngôn là: OṂ_ A RA PA CA NA DHĪḤ HŪṂ

PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Phổ Hiền Bồ Tát, tên Phạn là: **Samanta-bhadra**, hay **Viśva-bhadra**, dịch âm là **Tam Mạn Đa Bạt Đà La**, **Tam Mạn Đà Xá Hoành Đà, Bật Thâu Hoành Đà** (Viśva-bhadra)….dịch nghĩa là **Tác Biến Cát** (làm khắp mọi việc tốt lành), làm đầy đủ vô lượng **Hạnh Nguyện**, bày khắp Bồ Tát của tất cả cõi Phật hiện tại cho nên Phật Giáo Đồ thường tôn xưng là **Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát** để làm rõ Đức đặc biệt ấy.

Tên **Phổ Hiền Bồ Tát** bắt đầu xuất hiện trong Kinh **Tam Mạn Đà Bạt Đà La Bồ Tát**, sau thấy rộng rãi ở các Kinh rồi thành Tín Ngưỡng phổ biến.

_ Đại Nhật Kinh Sớ, quyển thứ nhất nói: **"Phổ Hiền Bồ Tát.** ***Phổ*** (Samanta, hay Viśva) nghĩa là *khắp tất cả nơi chốn,* ***Hiền*** (Bhadra) *nghĩa là rất Diệu Thiện"* nhằm nói Phổ Hiền Bồ Tát y theo **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) để khởi Nguyện Hạnh với Thân Khẩu Ý thảy đều bình đẳng, khắp tất cả nơi chốn thuần một Diệu Thiện, đầy đủ mọi Đức cho nên gọi là Phổ Hiền.

_ Kinh **Pháp Hoa** (Saddharma-puṇḍarika-sūtra) ghi nhận Phổ Hiền là vị Bồ Tát ở cõi nước **Tịnh Diệu** của Đức Phật **Bảo Uy Đức Thượng Vương Như Lai** phía Đông cõi Sa Bà (Sāha-loka-dhātu) nghe Thế Giới này nói Kinh Pháp Hoa liền thống lãnh năm trăm vị Đại Bồ Tát đến nghe Pháp và phát Tâm hộ trì Chính Pháp của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi)

Phẩm **Phổ Hiền Khuyến Phát** ghi nhận Phổ Hiền Bồ Tát ngồi trên lưng con voi trắng sáu ngà, thủ hộ cho người trì Kinh Pháp Hoa



_Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa Tam Muội Bí Mật Tam Ma Gia** ghi nhận Phổ Hiền Bồ Tát là Bản Tôn của 14 Phẩm sau của **Diệu Pháp Liên Hoa** (Saddharma-puṇḍarīka):

"**Tát Đoả** (tức Kim Cương Tát Đỏa: Vajrasatva) lại bạch Phật rằng: "14 Phẩm sau của Diệu Pháp Liên Hoa thì Phổ Hiền là Bản Tôn của các Phẩm ấy. Điều này có ý gì ư ?"

Đức **Già Na** (Vairocana) bảo rằng: "Phẩm **Khuyến Phát** ghi: Nếu Kinh Pháp Hoa lưu hành ở cõi Diêm Phù Đề mà có người thọ trì thì nên tác niệm này "*Đều là sức uy thần của Phổ Hiền"*. Nếu có thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chính đúng, hiểu nghĩa thú ấy, như Thuyết tu hành thì nên biết người đó hành **Hạnh Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-caryā)"

Tát Đoả lại bạch: "Bản Tôn của Diệu Pháp Liên Hoa là Phổ Hiền lại có cạn, sâu ư?"

Đức **Già Na** (Vairocana) lại nói: "Ông tự mình là Phổ Hiền, sao lại hỏi **Tự** ư ? Phổ Hiền cạn, sâu có năm lớp khác nhau.

1_ **Đẳng Giác Phổ Hiền**

2_ **Diệu Giác Phổ Hiền**

3_ **Bản Giác Phổ Hiền**

4_ **Văn Tự Phổ Hiền**

5_ **Thật Tướng Phổ Hiền**

Thứ nhất **Đẳng Giác Biến Hoá Phổ Hiền** là Phổ Hiền ở cánh sen Đông Nam thuộc tám cánh sen của Diệu Pháp Liên Hoa. Lại Phẩm **Khuyến Phát** *từ phương Đông đến* là Phổ Hiền vậy.

Thứ hai **Diệu Giác Phổ Hiền** là **Bảo Sinh Như Lai** ở cánh sen phương Nam thuộc tám cánh sen của Diệu Pháp Liên Hoa.

Thứ ba **Bản Giác Phổ Hiền** là **bản Giác Đại Nhật Như Lai** ở Trung Đài của Diệu Pháp Liên Hoa

Thứ tư **Văn Tự Phổ Hiền** là một chữ căn bản của Diệu Pháp Liên Hoa. Chữ **A** (अ) *chẳng sinh vòng khắp Pháp Giới* là Phổ Hiền vậy.

Thứ năm **Thật Tướng Phổ Hiền** tức Thật Tướng của các Pháp trong Diệu Pháp Liên Hoa là Phổ Hiền vậy"

Lại nữa, Kim Cương Tát Đoả bạch Phật rằng: "Có **Tự Tính Thân Phổ Hiền, Tự Thọ Dụng Phổ Hiền, Tha Thọ Dụng Phổ Hiền, Biến Hoá Thân Phổ Hiền** ư?"

Đức **Già Na** (Vairocana) bảo rằng: "Thứ nhất **Tự Tính Thân Phổ Hiền.** Kinh **Hoa Nghiêm** bày: *chỉ y theo Như Như, chẳng y theo cõi nước,* là **Tự Tính Thân Phổ Hiền Tôn** vậy.

Thứ hai **Tư Thọ Dụng Phổ Hiền**. Lại ghi rằng: *Trong một lỗ chân lông của Phổ Hiền có cõi Phật nhiều như bụi nhỏ chẳng thể nói được*, là **Tự Thọ Dụng Phổ Hiền Tôn** vậy

Thứ ba **Tha Thọ Dụng Phổ Hiền**. Ở **Sắc Cứu Cánh** (Akaniṣṭha, hay Aghaniṣṭha) thành **Tự Thọ Dụng Thân** *vì giáng phục 59 loại Ngoại Đạo, giáng xuống Nam Diêm Phù Đề hiện tám tướng Thành Đạo* là **Tha Thọ Dụng Phổ Hiền Tôn** vậy

Thứ tư **Biến Hoá Thân Phổ Hiền**. Kinh **Pháp Hoa** nói: *Phổ Hiền Bồ Tát từ phương Đông đến*. Kinh **Phổ Hiền** ghi rằng: *Phổ Hiền Bồ Tát liền sinh về cõi nước* ***Tịnh Diệu*** *ở phương Đông*. Tướng của cõi nước ấy ở trong Kinh **Tạp Hoa** đã rộng phân biệt. Là **Biến Hoá Thân Phổ Hiền Tôn** vậy.

Lại nữa Đức Đại Nhật Như Lai bảo rằng: "Có chín lớp Phổ Hiền

1_ **Đẳng Lưu Phổ Hiền**

2_ **Diệu Pháp Liên Hoa Đẳng Giác Phổ Hiền**

3_ **Diệu Pháp Liên Hoa Diệu Giác Phổ Hiền**

4_ **Diệu Pháp Liên Hoa Trung Đài Bản Giác Đại Nhật Phổ Hiền**

5_ **Diệu Pháp Liên Hoa Bình Đẳng Bản Giác Tỳ Lô Giá Na Như Lai Phổ Hiền**

6_ **Diệu Pháp Liên Hoa Chư Pháp Bản Giác Tỳ Lô Giá Na Như Lai Phổ Hiền**

7_ **Diệu Pháp Liên Hoa Nhất Luân Phổ Hiền**

8_ **Diệu Pháp Liên Hoa Đệ Nhất Phổ Hiền**

9_ **Diệu Pháp Liên Hoa Đỉnh Thượng Phổ Hiền**

Bấy giờ Tát Đoả đầu đội mão báu Ngũ Trí, tay trái cầm cái chuông Kim Cương, tay phải cầm cái chày Kim Cương Ngũ Cổ, chày đè ở trái tim, ngồi trên đài hoa sen, phóng ánh sáng chiếu Pháp Giới, bạch với Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ: Thế Tôn) rằng: "Nay con hiểu lời răn dậy của Đức Phật là Diệu Pháp Liên Hoa có ba Bản Tôn.

1_ **Thích Ca Như Lai** là Tôn Tượng biến hoá của Đại Nhật Như Lai

2_ 14 Phẩm trước thì **Văn Thù Sư Lợi** là Bản Tôn của các Phẩm ấy

3_ 14 Phẩm sau thì **Phổ Hiền Bồ Tát** là Bản Tôn của các Phẩm ấy

Diệu Pháp Liên Hoa tu hành đồng nhập vào một cung **Bản Giác**, **Bản Địa** lâu xa, **Vô Lượng Thọ Mệnh Quyết Định Như Lai**, **Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Như Lai**"

_ Theo truyền thống Hoa Văn thì Phổ Hiền Bồ Tát là đại biểu của Bồ Tát Đại Thừa, tượng trưng cho tinh thần **Đại Thừa** (Mahā-yāna) rốt ráo.

Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra) còn đại biểu cho **Lý Đức, Định Đức, Hạnh Đức** của tất cả chư Phật cùng đối với **Trí Đức, Tuệ Đức, Chứng Đức** của **Văn Thù Bồ Tát** (Maṃjuśrī). Hai vị này là bậc Đại Hiếp Thị của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) là hai bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) của tất cả các Bồ Tát, thường hỗ trợ tuyên dương sự hoá đạo nhiếp ích của Đức Như Lai. **Văn Thù** cỡi sư tử, **Phổ Hiền** cỡi voi biểu thị cho ***Lý Trí Tương Tức***, ***Hành Chứng tương ứng***.



_Trong **Kinh Hoa Nghiêm** (Avataṃsaka-sūtra) bày rõ tất cả Phật Pháp quy về **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) với hai vị Đại Sĩ **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Văn Thù** (Maṃjuśrī). Ba vị này được xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**,

trọng đó Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát đại biểu cho **Chứng Đức** của tất cả Bồ Tát.





_ Kinh **Hoa Nghiêm** (Avataṃsaka-sūtra), phẩm **Phổ Hiền Hạnh Nguyện**, quyển 40 có nói mười loại Hạnh Nguyện rộng lớn của Phổ Hiền là: "***Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, rộng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tuỳ hỷ Công Đức, thỉnh chuyển Pháp Luân, thỉnh Phật trụ đời, thường tuỳ Phật Học, luôn thuận chúng sinh, hồi hướng đều khắp".*** Trong Kinh mỗi mỗi thuật về 10 Nguyện lớn này, minh hoạ cho Công Đức vô lượng. Khi sắp chết được **Nguyện Vương** này dẫn đường để vãng sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang, hay Amitāyus: Vô Lượng Thọ). Như thế 10 Nguyện lớn này là sự biểu tượng cho Hạnh Nguyện của tất cả Bồ Tát, nên cũng xưng là ***Biển Nguyện của Phổ Hiền***.

_ Đài Tông Nhị Bách Đề, quyển 10 lập **Hữu Tướng Phổ Hiền Luận Đề** y theo Hạnh **Hữu Tướng** lễ sám tụng Kinh đạt thành cảm ứng nhìn thấy (Cảm Kiến) ý chỉ của Phổ Hiền.

_Chân Ngôn Tông của Nhật Bản ghi nhận **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) vệ hộ Phật Giáo là Hóa Thân của Bồ Tát Phổ Hiền. Mật Giáo là do Kim Cương Tát Đỏa đã khai sáng. Có thuyết nói Kim Cương Tát Đỏa là thân biến hóa của Bồ Tát Đại Thế Chí hoặc là hóa thân của Phật Bồ Tát khác

_Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì Phái **Ninh Mã** ghi nhận Phổ Hiền Bồ Tát là Báo Thân của **Phổ Hiền Vương Phật** (Samanta-bhadra-rāja-buddha)

Kim Cương Thừa (Vajra-yāna) nhận định Phổ Hiền là hiện thân của **Pháp Thân** (Dharma-kāya) nhằm chỉ Đức **Bản Sơ Phật** (Ādi-buddha)

_Y theo Kinh Điển của Mật Giáo đã ghi chép: Nếu có chúng sinh hay đối trước vị Bồ Tát này như Pháp tu trì và cầu đảo ắt rốt ráo chẳng bị đọa vào ba nẻo ác, quyết định tăng Thọ Mệnh. Suốt đời không có chết yểu, sợ hải bị đoản mệnh cũng không có sợ hãi về mộng ác, Yểm My, Chú Trớ, Quỷ Thần La Sát có hình ác.

Phật Giáo Trung Hoa ghi nhận núi Nga My ở Tứ Xuyên là Đạo Trường của Bồ Tát Phổ Hiền và cũng là một trong bốn ngọn núi nổi tiếng ở Trung Quốc

HÌNH TƯỢNG CỦA PHỔ HIỀN BỒ TÁT

_Thông thường Tôn Tượng của Phổ Hiền Bồ Tát có thân màu vàng ròng, đội mão năm Phật, tay phải cầm hoa sen hoặc ngọc Như Ý, tay trái kết Thí Nguyện Ấn, ngồi Bán Già trên con voi trắng sáu ngà



.) Thân màu vàng ròng đội mão năm Phật: biểu thị cho Báo Thân viên mãn
.) Tay cầm hoa sen hay ngọc Như Ý: biểu thị cho Phật Trí

.) Tay Thí Nguyện: biểu thị cho sự ban bố giúp đỡ tất cả chúng sinh thành tựu phương cách tu hành Chính Pháp Giải Thoát

.) Voi trắng sáu ngà: biểu thị cho sáu căn thanh tịnh, hoặc biểu thị cho **sáu Ba La Mật** (Ṣaḍ-pāramitā) là phương pháp tu hành để đạt đến Niết Bàn

.) Voi có bốn chân: biểu thị cho bốn **Như Ý Túc** hay bốn loại Thiền Định

Từ ý nghĩa này, Giáo Đồ Phật Giáo còn thờ phụng Tôn Tượng Phổ Hiền Bồ Tát có tay phải cầm hoa sen (hiển bày Phật Trí), tay trái cầm quyển Kinh (biểu thị cho sự gìn giữ và truyền bá phương pháp tu hành để đạt đến Niết Bàn), ngồi trên con voi trắng có bốn chân đứng trên bốn hoa sen



Hoặc Tôn Tượng có thân đội mão năm Phật, tay phải cầm quyển Kinh, tay trái kết **Ấn Giáo Hóa** (Vitarka-mudrā), ngồi tại tòa sen trên con voi trắng sáu ngà





Hoặc Tôn Tượng hai tay kết Ấn Giáo Hóa cầm hoa sen, trên hoa có quyển Kinh, ngồi tại tòa sen trên con voi trắng sáu ngà



Tôn Tượng có hai tay cầm quyển Kinh, ngồi trên con voi trắng





Tôn Tượng Phổ Hiền có tay phải cầm cây phất trắng, tay trái cầm ngọc Như Ý, ngồi trên con voi trắng, biểu thị cho phương cách phủi sạch bụi dơ Vô Minh phiền não, hiện bày Phật Trí



Tôn Tượng có hai tay cầm Chày Kim Cương ngồi trên con trắng sáu ngà, biểu thị cho ý nghĩa **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajrasatva) là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Phổ Hiền Bồ Tát



_Trong **Kinh Uy Nghi Hình Sắc của Pháp Hoa Mạn Đà La** thì Phổ Hiền Bồ Tát có vị trí ở cánh hoa phương Bắc biểu thị cho nghĩa **nhập vào Tri Kiến** của Phật

Tôn hình là:

"**Phổ Hiền Bồ Tát**
Mão đẹp nghiêm tóc búi
Tóc biếc rũ cạnh tai
Thân tướng màu tím nhạt
Tả Định (tay trái) Kiếm (cây kiếm) trên sen
Hữu Tuệ (tay phải) Quyền đè gối (đầu gối)
Tướng Đại Bi thương xót
Vòng ngọc với Cà Sa
Áo khoác, Anh Lạc đẹp
Vòng, xuyến ngọc đeo tay
Dây lưng ngàn màu sắc
Xiêm đẹp màu đỏ sáng
Anh sáng Thân màu hồng
Hoa báu dùng làm tòa
An trụ biển vành trăng (nguyệt luân hải)"

Tôn hình này được thay đổi theo dạng thức: tay phải ngửa lòng bàn tay, co hai ngón út và vô danh, duỗi thẳng ba ngón còn lại (tượng trưng cho Tam Bảo). Tay trái cầm hoa sen đỏ, trên hoa có cây kiếm rực lửa sáng (tượng trưng cho Phật Trí tỏa rạng trong Tâm Bồ Đề). Ngồi tại tòa sen đỏ trên con voi trắng sáu ngà (tượng trưng cho sự viên mãn sáu Pháp Ba La Mật)



Ngoài ra, Phổ Hiền Bồ Tát còn được thờ phụng qua nhiều hình tượng khác nhau






ཨོཾ་སུ་ཧྲིཿཀ་ཡ་སྭཱ་ཧཱ།


普賢菩薩像













_Do Phổ Hiền Bồ Tát có Tính Đức ***tăng ích sống lâu*** nên lúc trụ vào cảnh giới của **Tăng Ích Diên Mệnh Tam Muội** thời được thành **Phổ Hiền Diên Mệnh Bồ Tát** (Samanta-bhadrāyuḥ)







Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì Phổ Hiền được vẽ với thân màu xanh (tượng trưng cho Tính Không) hợp nhất với vị phối ngẫu màu trắng (tượng trưng cho Nhất Thể)



Đôi khi Phổ Hiền Bồ Tát này cũng được biểu thị trong hình tướng phẫn nộ được gọi là **Heruka** là vị thần có cánh với thân hình màu xanh đậm có ba mặt, sáu tay và bốn chân, ôm giữ vị phối ngẫu màu xanh lợt.



Theo hệ thống Thuần Mật thì Phổ Hiền đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là **Phổ Hiền Bồ Tát**. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata). Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

_ Tại **Trung Đài Bát Diệp Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Phổ Hiền Bồ Tát được an trí ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh **Thâm Nhập Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn **Tịnh Tâm Bồ Đề**

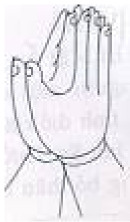
Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, đầu đội mão báu 5 Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để cây kiếm bén chung quanh rực lửa sáng, tay phải mở cánh tay giương duỗi ngửa lòng bàn tay, kết Ấn **Tam Nghiệp Thiện Diệu**, co ngón vô danh với ngón út



Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm trên hoa sen, hay Hiền Bình



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn :** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại. Biểu thị cho Đức của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đức Phật.



Hoặc **Phổ Hiền Bồ Tát Thủ Ấn:** Chắp hai tay lại, chụm mười ngón tay hợp nhau. Bên trong hai lòng bàn tay thành dạng tròn trịa của Tâm trống rỗng.



Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AṂ AḤ _ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Phổ Hiền biểu thị cho Tâm Bồ Đề, được công nhận là đồng Thể với **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva), **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu Bồ Tát** (Sarvārtha-siddhi)**.**



.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Phổ Hiền Bồ Tát là một trong 16 vị Bồ Tát đời Hiền Kiếp, được an trí ở phương Bắc tại vị trí sau cùng của bốn vị Bồ Tát (Vô Tận Ý Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Kim Cương Tạng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát)

Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

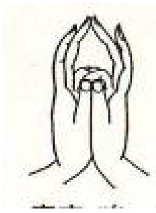
Mật Hiệu là: **Phổ Nhiếp Kim Cương, Như Ý Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm



Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀𑖾

OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ _ AḤ

Hay 𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖀𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

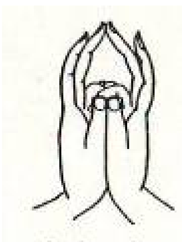
OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA AḤ SVĀHĀ

.) Tại **Tam Muội Gia Hội** thì Phổ Hiền Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm. Biểu thị cho Đức Niết Bàn của Như Lai, xa lìa tất cả phiền não



Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ _ A

.) Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Phổ Hiền Bồ Tát có thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải cầm cây kiếm.

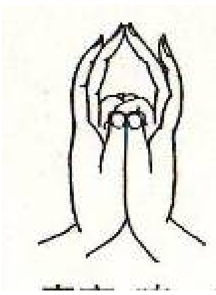


Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀𑖾
OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ _ AḤ

.) Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Phổ Hiền Bồ Tát dùng hai tay nâng trước ngực cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm.



Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)
Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀𑖾
OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ _ AḤ

.) Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Phổ Hiền Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) tức con trưởng của tất cả Như Lai, là Tâm Bồ Đề của tất cả Như Lai, là Tổ Sư của tất cả Như Lai. Chính vì thế cho nên tất cả Như Lai lễ kính Kim Cương Tát Đỏa.

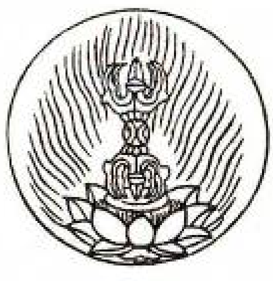
Tôn này trụ Đại Trí Ấn từ Kim Cương Giới đến Kim Cương Linh Bồ Tát dùng 37 Trí thành Thân Quả Đức ***Tự Thọ Dụng, Tha Thọ Dụng.*** Tôn này cũng là Tự Tính Thân, chẳng sinh chẳng diệt, ngang bằng với hư không, tức là Thân tràn khắp Pháp Giới

Chữ chủng tử là: OṂ (ॐ)

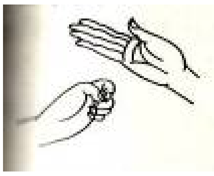
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão Ngũ Phật, tay phải cầm chày Kim Cương Ngũ Cổ vặn nghiêng cổ tay trước ngực, tay trái để ngang đầu gối cầm cái chuông Ngũ Cổ



Tam Muộ Gia Hình là: Chày Kim Cương Ngũ Cổ dựng đứng trên hoa sen



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Đại Ấn.



Chân Ngôn là:

VAJRA-SATVA-UHAṂ

.) Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Phổ Hiền Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Chân Ngôn là:

OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ _ VAṂ

.) Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Phổ Hiền Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm. Biểu thị cho Đức Niết Bàn của Như Lai, xa lìa tất cả phiền não



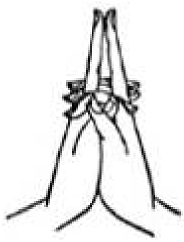
Chân Ngôn là:

OṂ _ SAMANTA-BHADRĀYA   SVĀHĀ _ AḤ

_Ngoài ra trong các Kinh Điển còn ghi nhận một số Thủ Ấn với Chân Ngôn của Phổ Hiền Bồ Tát là:

.) Phổ Hiền Bồ Tát Căn Bản Ấn:

Hai tay Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng hợp đầu ngón. Lại gọi là **Tam Muội Gia Căn Bản Ấn**

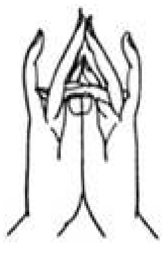


Chân Ngôn là:

SAMAYA STVAṂ

.) **Phổ Hiền Ngoại Ngũ Cổ Ấn:**

Hai tay Ngoại Phộc kèm dựng hai ngón giữa, hai ngón cái, hai ngón út. Cong hai ngón trỏ như hình móc câu đặt bên cạnh lưng hai ngón giữa sao cho không dính nhau.



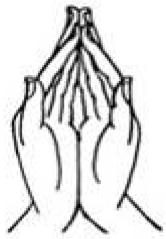
Hình chày Ngũ Cổ dựng đứng tức biểu thị cho Ngũ Trí Kim Cương nên Ngũ Cổ Ấn lại có tên là Đại Yết Ma Ấn, Ngũ Phong Ấn, Ngũ Đại Ấn…Lại Ngoại Ngũ Cổ Ấn còn có Ngoại Phộc Ngũ Cổ Ấn, Trí Tháp Ấn, Đại Tốt Đô Bà Ấn, Thập Chân Như Ấn… với tên gọi chẳng đồng.

Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-SATVA AḤ

.) **Phổ Hiền Nhất Thiết Chi Phần Ấn:**

Hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng, kèm dựng hai ngón cái rồi hơi co đầu ngón. Đây là **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn** thuộc tám Ấn bí mật trong Kinh Đại Nhật.



Như **Nhập Phật Tam Muội Gia Ấn** hai ngón cái thành hình tướng của cái bình nhỏ dùng để quán tưởng rưới rót nước Đại Bi Trí ban cho tất cả chúng sinh khác. Có điều Ấn Đồ là Hợp Chưởng hơi giương ra, cong hai ngón cái đều tự chia đứng như bụm nước đưa đi

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AṂ AḤ _ SVĀHĀ

_**Phật nói Kinh Phổ Hiền Đà La Ni** ghi nhận bài **Nhất Thiết Tối Thượng Mẫu Đà La Ni** là:

TADYATHĀ: OṂ _ NAMO NAMAḤ SATVA BHUVANEŚVARA MAHĀ-BHOGĀYA, ASAMASAMA, AMITA-SAMA, ANANTA-SAMA, GAGANA-SAMA, TRIBHAVA-SAMA, ĀVEŚA-SAMA, PARAMĀRTHA-SAMA, SVABHĀVA-SAMA, TATHĀGATA-SAMA, ARAJA-SAMA, ŚUDDHE-SAMA, BUDDHA-SAMA, DHARMA-TATHĀGATA-SAMA, SIṂHA-VIṢAMA-SAMA, EKA-NĀYA SĀGARA VIŚUDDHA, ĀLOKA HI HI, LABDHA LABDHA, VIJAYA VIJAYA_ ĀṂ , PRAŚAKTA NAYA NAYA_ HAṂ, CIRA ADHIṢṬHĀNA SAṂBHOGA_ AṂ, SANA ALAYA ALAYA DHARMĀGRA, DHARA DHARA, JAYA JAYA, HŪṂ HŪṂ , DHAMA DHAMA SVĀHĀ

[TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là
OṂ: Ba thân
NAMO: Quy mệnh
NAMAḤ : Kính lễ
SATVA: Bậc Hữu Tình
BHUVANEŚVARA: Chủ của Thế Giới, chủ của Đại Địa
MAHĀ-BHOGĀYA: Đại tài vật, đại trân tài, đại thực
ASAMASAMA: Vô đẳng đẳng, không có gì ngang bằng
AMITA-SAMA: Vô lượng đẳng
ANANTA-SAMA: Vô biên đẳng
GAGANA-SAMA: Hư không đẳng
TRIBHAVA-SAMA: Tam Hữu đẳng
ĀVEŚA-SAMA: Nhiệt Tâm đẳng
PARAMĀRTHA-SAMA: Đệ Nhất Nghĩa Đế đẳng
SVABHĀVA-SAMA: Tự Tính đẳng
TATHÀGATA-SAMA: Như Lai đẳng
ARAJA-SAMA: Vô trần cấu đẳng
ŚUDDHE-SAMA: Thanh tịnh đẳng
BUDDHA-SAMA: Phật đẳng

DHARMA-TATHĀGATA-SAMA: Pháp Như Lai đẳng
SIṂHA-VIṢAMA-SAMA: Sư Tử sai biệt đẳng
EKA-NĀYA SĀGARA VIŚUDDHA: Đều khiến cho biển Nhất Thừa thanh tịnh
ĀLOKA: Xuất Thế Gian
HI HI: Thật tốt, tốt thay
LABDHA LABDHA: đã đạt được, đã phát hiện được
VIJAYA VIJAYA: Tối thắng , tối thắng
ĀṂ: Tràn đầy khắp cả
PRAŚAKTA: Vui dính với
NAYA NAYA: Lý thú, giáo nghĩa bên trong bên ngoài
HAṂ CIRA ADHIṢṬHĀNA SAṂBHOGA: Từ lâu xa tôi đã gia trì Báo Thân
AṂ: Thành tựu
SANA: Từ thời cổ đại
ALAYA ALAYA: không có ngừng nghỉ, chẳng diệt
DHARMĀGRA: Sự thượng diệu bậc nhất của Pháp
DHARA DHARA: Gia trì, gia trì
JAYA JAYA: Thắng, Tôn Thắng
HŪṂ HŪṂ: Khủng bố hai chướng bên trong bên ngoài
DHAMA DHAMA: Khiến cho dung hóa hai chướng bên trong bên ngoài
SVĀHĀ : Quyết định thành tựu].

Đức Phật bảo: "Nếu có người nghe Pháp Đà La Ni này thì trải qua vô số kiếp gây tạo tội thảy đều trừ diệt hết, cũng hay làm khô cạn biển lớn Phiền Não, tồi hoại núi cao Ngã Kiến. Ví như có người gặp trăm ngàn Đức Phật , trải qua vô biên kiếp gây tạo căn lành cũng chẳng bằng công đức của Chân Ngôn này.

Đại Đà La Ni này là biển Đại Công Đức Viên Mãn của tất cả Như Lai Tâm để có thể sinh ra **Bồ Đề Trí Chủng** (Hạt giống Trí Bồ Đề) thành tựu **Nhất Thiết Trí Địa** mà các Phật Pháp chẳng thể bằng. Tên Hiệu của Đà La Ni này, giả sử trăm ngàn na do tha câu chi kiếp cũng khó được nghe.

Nếu có người đối với Kinh Điển này , thọ trì đọc tụng, cung kính cúng dường thời chúng sinh của nhóm ấy khéo giải Tổng Trì, hay làm sống Tuệ Mệnh, trụ Như Lai Vị, thành tựu tất cả công đức.

Nếu có người đọc tụng Kinh này một biến, hai biến cho đến ba biến thì người ấy được công đức tối thượng. Hay diệt tất cả tội, hay chặt đứt tất cả phiền não, lại được gặp thẳng chư Phật, chẳng nhận tất cả lo buồn khổ não.

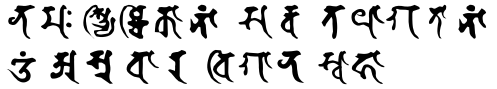
Nếu ở nơi vắng lặng, dưới gốc cây đơn độc, một lòng trì tụng thì người ấy được Pháp thành tựu tất cả, mọi người yêu kính.

Nếu có người ở rừng vắng rộng lớn, ngồi Kiết Già, tụng Kinh Điển này đủ 7 biến thì chẳng bao lâu người ấy được Đại Thiền Định, cắt đứt tất cả phiền não, lại được Phổ Hiền Bồ Tát ngồi Kiết Già hiện ra trước mặt.

Nếu có người tùy theo khả năng dùng hương hoa cúng dường, tụng Đà La Ni này cho đến lúc mệt mỏi nằm ngủ thì ở trong mộng thấy Phổ Hiền Bồ Tát duỗi bàn tay phải, tỏa ánh hào quang của Pháp rưới chiếu thân tâm và nói rằng***: "Lành thay! Lành thay Phật Tử! Như Lai Đại Mạn Noa La chuyển thân mà được Đại Bồ Tát Vị*** **"** thân tâm an lạc, đủ Đại Phước Đức Trí Tuệ, thường thấy Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát"

_Cuối bản **Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tán** (Đại Tạng Kinh, tập 10, No.297) do Tam Tạng Sa Môn **Bất Không** dịch có ghi nhận bài **Tốc Tật Mãn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Đà La Ni** là:

"Nương ma tất-đế-lý dã, địa-vĩ ca nam (1) đát đà nghiệt đá nam (2) Án (3) a tuất phộc la, vĩ nghĩ nễ, sa-phộc ha (4)"



NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ (Kính lễ chư Như Lai ba đời)

OṂ (Nhiếp triệu)_ ASU-VĀRA (sự thắng diệu của sinh mệnh) VIGĀNA (Chán ghét điều ác) SVĀHĀ (thành tựu sự tốt lành)

Mỗi ngày tụng Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện, sau đó liền tụng Chân Ngôn này. Vừa mới tụng một biến thì Hạnh Nguyện của Phổ Hiền thảy đều viên mãn Nhân của Tam Ma Địa, mau được Tam Muội hiện tiền, hai loại trang nghiêm: Phước Đức, Trí Tuệ được Pháp bền chắc, mau chóng thành tựu.

_Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa, quyển 7, phẩm 28: Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát** ghi chép rằng:

Khi ấy Bồ Tát Phổ Hiền bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Năm trăm năm sau, ở trong đời Ác Trược, nếu có người thọ trì Kinh Điển đó thì con sẽ thủ hộ, trừ suy hoạn của người ấy khiến cho được an ổn, khiến cho không có kẻ rình tìm có được dịp thuận tiện để gây hại. Hoặc **Ma** (Māra), hoặc **con của Ma** (Māra-putra), hoặc Ma nữ, hoặc Ma dân, hoặc kẻ bị Ma nhiếp dính, hoặc **Da Xoa** (Yakṣa), hoặc **Cưu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa), hoặc **Tỳ Xá Xà** (Piśāca), hoặc **Cát Già** (Cchaya), hoặc **Phú Đan Na** (Pūtana), hoặc **Vi Đà La** (Vetala), các loài gây phiền não cho con người… đều chẳng được dịp thuận tiện gây hại

Người đó, hoặc đi hoặc đứng mà đọc tụng Kinh này. Lúc đó Con cỡi Bạch Tượng Vương sáu ngà, cùng với chúng Đại Bồ Tát đều đi đến chỗ của người ấy, rồi tự hiện thân cúng dường thủ hộ, an ủi Tâm của người ấy, cũng làm cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Người đó, nếu ngồi suy nghĩ Kinh này. Khi ấy con lại cỡi Bạch Tượng Vương, hiện trước mặt người ấy. Nếu người ấy đối với Kinh Pháp Hoa có quên mất một câu, một bài Kệ thì con sẽ dạy bảo cho, cùng nhau đọc tụng khiến cho thông lợi trở lại. Lúc đó người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa được thấy Thân của con, rất ư vui vẻ, chuyển phục tinh tiến. Do nhìn thấy con cho nên liền được **Tam Muội** (Samādhi) với **Đà La Ni** (Dhāraṇī) trên là **Tuyền Đà La Ni**, **Bách Thiên vạn ức Tuyền Đà La Ni**, **Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni**. Được nhóm Đà La Ni như vậy

Thế Tôn! Nếu đời sau này, sau năm trăm năm, trong đời ác trược. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, người tìm cầu, người thọ trì, người đọc tụng, người viết chép…muốn tu tập Kinh Pháp Hoa đó. Ở trong 21 ngày nên một lòng tinh tiến, đủ 21 ngày xong thì con sẽ cỡi con voi trắng sáu ngà cùng với vô lượng Bồ Tát, tự vây quanh. Dùng Thân mà tất cả chúng sinh đã vui thấy, hiện trước mặt người ấy vì họ nói Pháp, dạy bày lợi hỷ, cũng ban cho Đà La Ni Chú ấy. Do được Đà La Ni đó cho nên không có loài Phi Nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ gây loạn hoặc, Thân của con cũng tự thường hộ giúp người đó. Nguyện xin Đức Thế Tôn lắng nghe con nói Đà La Ni Chú này"

Liền ở trước mặt Đức Phật, rồi nói Chú là:

"**A đàn địa (1) đàn đà bà địa (2) đàn đà bà đế (3) đàn đà cưu xá lệ (4) đàn đà tu đà lệ (5) tu đà lệ (6) tu đà la bà để (7) phật đà ba thiên nỉ (8) tát bà đà la ni, a bà đa ni (9) tát bà bà sa, a bà đa ni (10) tu a bà đa ni (11) tăng già bà lý xoa ni (12) tăng già niết già đà ni (13) a tăng kì (14) tăng già ba già địa (15) đế lệ a nọa**

tăng già đâu lược, a la đế bà la đế (16) tát bà tăng già tam ma địa già lan địa (17) tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế (18) tát bà tát đỏa, a nậu lâu đà kiều xá lược, a (Nậu) **già địa (19) tân a tỳ cát lợi địa đế (20)"**



Adaṇḍe daṇḍavati daṇḍāvartani daṇḍakuśale daṇḍa-sudhāri, sudhāri sudhārapati buddha paśyane, sarva dhāraṇi āvartani, sarva bhāṣyāvartani, su-āvartani, saṃgha parīkṣaṇi, saṃgha nirghātani asaṃge, saṃgāpagate, tri-adhva-saṃga tulya prāpta, sarva saṃgha samati krānte, sarva dharma suparīkṣite, sarva satva ruta kauśalya, anugate siṃha vikrīḍite, svāhā

[**Adaṇḍe**: Bên trong cây Quyền Trượng **chẳng sinh chẳng diệt**

daṇḍavati: Đầy đủ quyền trị phạt

daṇḍāvartani: Sự sinh hoạt của cây quyền trượng

daṇḍakuśale: Sự tốt lành của cây quyền trượng

daṇḍasudhāri: Khéo cầm giữ cây quyền trượng

sudhāri: Khéo gìn giữ

sudhārapati: Thiện Trì Chủ

buddha paśyane: Đức Phật xem xét thấy

sarva dhāraṇi āvartani: Tất cả Tổng Trì hồi chuyển

sarva bhāṣyāvartani: Hồi chuyển tất cả ngữ ngôn

su-āvartane: Khéo hồi chuyển

saṃgha parīkṣaṇi: Sự thực nghiệm của **Hợp Chúng** (tăng già)

saṃgha nirghātani asaṃge saṃgāpagate tri-adhva-saṃga: **Hợp Chúng** (tăng già) không có đấu tranh, xa lìa sự đấu tranh, **sự đấu tranh của ba đời**

tulya prāpta sarva saṃgha samati krānte: Giống như đắc được bước đi trong Tính bình đẳng của tất cả **Hợp Chúng** (tăng già)

sarva dharma suparīkṣite: Khéo đã thành nghiệm tất cả Pháp

sarva satva ruta kauśalya anugate siṃha vikrīḍite: Khéo léo dùng ngôn ngữ của tất cả Hữu Tình, thuận theo **Sư Tử Thần Biến**

svāhā: Quyết định thành tựu]

Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát được nghe Đà La Ni đó, thời nên biết là sức Thần Thông của Phổ Hiền. Nếu Kinh Pháp Hoa lưu hành trong cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa), có người thọ trì thì nên tác niệm này: "*Đều là sức Uy Thần của Phổ Hiền*"

Nếu có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chính đúng, hiểu nghĩa thú ấy, như Thuyết tu hành thì nên biết người đó thực hành **Hạnh Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-caryā), ở trong chỗ của vô lượng vô biên chư Phật gieo trồng căn lành thâm sâu, được các Như Lai dùng bàn tay xoa đỉnh đầu.

Hoặc chỉ cần viết chép thì người đó khi mệnh chung sẽ sinh lên cõi Trời **Đao Lợi**, khi ấy tám vạn bốn ngàn vị **Thiên Nữ** (Apsara) tấu mọi kỹ nhạc đi đến nghênh đón, người ấy liền đội cái mão bảy báu, ở trong nhóm Cung Nữ vui đùa khoái lạc, huống chi là người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chính đúng, hiểu nghĩa thú ấy, như Thuyết tu hành.

Nếu có người thọ trì, đọc tụng, hiểu nghĩa thú ấy. Khi người đó mệnh chung thời được chư Phật trao vào bàn tay, khiến cho chẳng sợ hãi, chẳng bị rơi vào nẻo ác, liền đi đến chỗ của Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) trên cõi Trời **Đâu Suất** (Tuṣita). Bồ Tát Di Lặc

với chúng Đại Bồ Tát có 32 tướng cùng nhau vây quanh, có trăm ngàn vạn ức vị Thiên Nữ làm quyến thuộc, rồi sinh trong cõi ấy.

Có Công Đức lợi ích của nhóm như vậy, thế nên người có Trí cần phải một lòng tự viết, hoặc sai người viết, thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chính đúng, như Thuyết tu hành.

Thế Tôn! Nay con dùng sức Thần Thông ủng hộ Kinh đó, sau khi Đức Như Lai nhập diệt, bên trong cõi Diêm Phù Đề sẽ rộng khiến cho lưu bố, khiến chẳng bị đoạn tuyệt"

_Phổ Hiền Bồ Tát Diên Mệnh Thủ Ấn:

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền, duỗi giương hai ngón trỏ, đem ngón trỏ phải đè ngón trỏ trái. Cả hai cùng móc kết nhau rồi để ở đỉnh đầu.



Ngón trỏ trái (Phong) là **Tức Phong** (gió của hơi thở) sinh diệt của Phàm Phu. Ngón trỏ phải (Phong) là **Mệnh Phong** (Gió của sinh mệnh) Kim Cương Bất Hoại của cõi Phật. Cả hai cùng móc kết nhau tức biểu thị cho gió sinh mệnh bị chia chặt của chúng sinh hòa với Đệ Nhất Mệnh thường trụ của Như Lai, kết hợp tiến vào bờ mé **vốn chẳng sinh** tức là chúng sinh chư phật là Kim Cương Thọ Mệnh của Nhất Như để thành tựu Diên Mệnh (sống lâu)

[Chân Ngôn]

"Án (1) phộc nhật la dụ sái (2) hồng hồng (3) thi khí (4) toa ha (5)"



OṂ_ VAJRĀYUṢE HŪṂ HŪṂ ŚIKHI SVĀHĀ

Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh_ Tập 55_ No.914

PHỔ HIỀN BỒ TÁT PHÁT NGUYỆN VĂN

Hán văn: Thiên Đài **Trí Khải** Đại Sư soạn
Việt dịch: HUYỀN THANH

Cúi lậy tất cả chư Phật ba đời ở mười phương.
Nguyện chứng biết cho con (họ tên là….).

Hết thảy tất cả **Ba La Mật Hạnh** của chư Phật, ngày nay con sẽ như điều ấy tu học. Nguyện xin chư Phật Như Lai Từ Bi thương nhớ.

Con nguyện đối với Tâm Bồ Đề được sức bền chắc to lớn. Ở trong Pháp của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, được sức tin sâu xa. Ở trong Đa Văn, được sức chẳng quên. Ở trong sinh tử qua lại, được sức không có mệt mỏi. Ở trong các chúng sinh, được sức Đại Bi bền chắc. Ở trong Bố Thí, được sức buông xả bền chắc. Ở trong Trì Giới, được sức chẳng hoại. Ở trong Nhẫn Nhục, được sức nhận chịu bền chắc. Loài Ma chẳng thể hoại được sức Trí Tuệ. Ở trong Pháp thâm sâu, được sức tin vui.

Một là: Nguyện con ở tất cả nơi sinh ra, trong tất cả Pháp thường được cúng dường tất cả chư Phật mười phương, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Hai là: Nguyện con thọ trì biển Pháp thâm sâu của Như Lai, liền tự mình hiểu rõ, chẳng do người khác mà ngộ, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Ba là: Chư Phật ngồi ở chốn Đạo Trường. Nguyện con ở bên trong, làm **Tác Nhiếp Thượng Thủ** thỉnh chuyển bánh xe Pháp, độ thoát chúng sinh, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Bốn là: Nguyện con tu hành tất cả Nguyện rộng lớn vô biên của các Bồ Tát, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Năm là: Nguyện con giáo hoá tất cả chúng sinh: sinh từ trứng (noãn sinh), sinh từ bào thai (thai sinh), sinh từ chỗ ẩm ướt (thấp sinh), sinh từ sự biến hoá (hoá sinh) thảy đều khiến vào **Vô Dư Niết Bàn**, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Sáu là: Nguyện con sinh vào các cõi Phật như đối trước mắt, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Bảy là: Nguyện con nghiêm tịnh biển cõi nước thâm sâu của các Phật Như Lai, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Tám là: Nguyện con cùng với tất cả các Bồ Tát đồng hành, tập các căn lành, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Chín là: Nguyện hết thảy Nghiệp *thân miệng ý* của con, nếu chúng sinh thấy nghe đều được lợi ích như **vua cây thuốc** (Dược thụ vương) không có sự tiếp đãi thiếu sót, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

Mười là: Nguyện con ở trong tất cả **Đạo** nhỏ như hạt bụi thành **Chính Đẳng Giác**, chuyển bánh xe Đại Pháp, độ thoát chúng sinh, tận bờ mé vị lai không có ngưng nghỉ.

_”Này Phật Tử ! Nếu hay phát mười Nguyện lớn này thì trăm vạn a tăng chi **Nguyện Môn** thảy đều thấy phát.

Nguyện đem **Thệ Nguyện** rộng lớn này, mọi loại căn lành...hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Nguyện đều lìa hẳn nỗi khổ trong ba đường ác, đầy đủ Hạnh Nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát.

Ta lại đem căn lành này hồi hướng về **Vô Thượng Bồ Đề,** chẳng cầu quả báo của Thế Gian, Nhị Thừa.

Ta lại đem căn lành này hối hướng đến biển **Chân Như Pháp Giới**, Chân Như Vô Diệt, Vô Lậu, Vô Vi chẳng thể phá hoại”

Nguyện cho căn lành của con cũng lại như vậy. Như chư Phật ba đời hồi hướng, con cũng hồi hướng như vậy.

_ Hồi Hướng xong, quy mệnh lễ Tam Bảo.

Hết

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Quán Thế Âm Bồ Tát, tên Phạn là Avalokiteśvara, trong đó AVA: có nghĩa là phía bên dưới, LOKITA: có nghĩa là nhìn thấy, trông thấy, xem xét kỹ lưỡng, ĪŚVARA: có nghĩa là Tự Tại, vị Chúa Tể, bậc có quyền hành xử mọi việc một cách tự do .

AVALOKITA ĪŚVARA được viết gọn thành AVALOKITEŚVARA nên dịch nghĩa là **Quán Tự Tại.** Và đây cũng là tên gọi chính xác nhất của vị Bồ Tát này

AVALOKITEŚVARA là vị Bồ Tát thực hành Trí Tuệ Bát Nhã thâm sâu, quán sát đối tượng **Đương Thể Tức Không** và không bị một chướng ngại bởi các yếu tố giả hợp tạo thành cái ảo tưởng của đương thể nên được gọi là **Quán Tự Tại**

Theo ý nghĩa khác, Bồ Tát Avalokiteśvara quán sát tất cả các Pháp tự do tự tại, tất cả Công Đức hợp với chúng sinh khiến cho họ xa rời bể khổ đạt đến sự an vui phỉ lạc nên Ngài được xem là "***Bậc có uy lực xem xét và bảo hộ chúng sinh một cách tự tại*** " nên Ngài có tên là **Quán Tự Tại** .

Một danh tự khác của Bồ Tát này là LOKEŚVARA trong đó LOKA là thế gian và ĪŚVARA là Tự Tại hay là vị Chúa Tể nên LOKEŚVARA được dịch là **Thế Tự Tại** hoặc là vị Chúa Tể của Thế Gian. **Lokeśvara** là vị Bồ Tát quán rõ các Pháp Thế Gian là huyễn hoá đồng thời điều dụng được toàn bộ Danh Pháp của Thế Gian một cách vô ngại nên đạt quả Tự Tại. Lại nữa, do Ngài quán biết căn cơ của chúng sinh nên sự giáo hóa được tự tại. Vì vị Bồ Tát này có đầy đủ **BI TRÍ**, **LÝ SỰ** vô ngại nên có tên là **Quán Tự Tại**.

_ Trong quyển 1 của "**Chú Duy Ma Cật Kinh**", Ngài **Cưu Ma La Thập** từng nêu ra rằng: "*Đời có nguy nạn, xưng tên tự quy, Bồ Tát quán sát âm thanh đó liền được giải thoát. Cũng gọi là **Quán Thế Niệm**, cũng tên là **Quán Tự Tại** vậy*." Y theo đây có thể biết Ngài **Cưu Ma La Thập** cũng thừa nhận bên trong Hồng Danh "**Quán Thế Âm**" đã hàm chứa nghĩa "**Quán Tự Tại**."

_ Trong quyển thượng "**Bát Nhã Tâm Kinh U Tán**", Đại Sư **Khuy Cơ** cho rằng "**Quán**" nghĩa là chiếu soi, tức Trí Tuệ thông đạt Không Hữu. "**Tự Tại**" nghĩa là tùy ý nhận làm tức là Thắng Quả của Sở Đắc. Quá khứ rộng hành sáu Độ, hiện tại được chứng Quả trọn vẹn, Tuệ Quán là trước tiên thành được mười loại Tự Tại.

Mười Tự Tại là:

1) **Thọ Tự Tại**: Hay kéo dài bảo vệ tính mạng.

2) **Tâm Tự Tại**: chẳng nhiễm ở sinh tử.

3) **Tài Tự Tại**: Hay theo ý vui thích mà hiện, do Sở Đắc của Bố Thí.

4) **Nghiệp Tự Tại**: Chỉ làm việc lành và khuyên người khác làm lành.

5) **Sinh Tự Tại**: Tùy theo ý muốn hay hướng tới, do Sở Đắc của Giới Hạnh.

6) **Thắng Giải Tự Tại**: Hay tùy theo sự ham muốn Biến Hiện, do Sở Đắc của An Nhẫn.

7) **Nguyện Tự Tại**: Tùy theo Quán nơi vui vẻ mà thành tựu, do Sở Đắc của Tinh Tiến.

8) **Thần Lực Tự Tại**: Bắt đầu Tối Thắng Thần Thông, do Sở Đắc của Định lực.

9) **Trí Tự Tại**: Thuận theo lời nói âm thanh Trí Tuệ.

10) **Pháp Tự Tại**: Vào Khế Kinh …. Do Sở Đắc của Trí Tuệ.

Ngài **Khuy Cơ** lại cho rằng, địa vị của Quán Thế Âm Bồ Tát là Bổ Xứ Bồ Tát, tu đạo thành Chứng Đẳng Giác, có đầy đủ Thắng Quả của mười loại Tự Tại kể trên, cho nên có tên là "**Quán Tự Tại**."

_ Do vị Bồ Tát này lấy bản nguyện Từ Bi cứu giúp chúng sinh nên có tên là **Đại Bi Tâm Giả** (Mahā Kāruṇika), hay **Đại Bi Thánh Giả** (Ārya-mahā-kāruṇika)

_ Do Ngài cầm hoa sen là biểu tượng cho Trí thanh tịnh hay Diệu Pháp nên có tên là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi-bodhisatva).

_ Do quán sát và thực hành Pháp môn **Không Hai** nên có tên là **Bất Nhị Bồ Tát** (Advaita-bodhisatva)

_ Do hành trì năm Pháp Quán *(Chân Quán, Thanh Tịnh Quán, Quảng Đại Trí Tuệ Quán, Bi Quán, Từ Quán*) mà hiện rõ ánh sáng thanh tịnh vô cấu nhiễm tức là ánh sáng của Trí Tuệ hay phá các ám tối phiền não nhờ đó mà hàng phục được Bản Tâm cho nên mới có thể đem Trí quang minh mà soi khắp các cõi để cứu khổ cho chúng sinh. Đấy là biểu thị cho sự diệu dụng , lợi tha , do vậy Ngài có tên là **Quang Âm Bồ Tát** (Abhāsvara Bodhisatva) với **Abhā** là *ánh sáng* (Quang) **svara** là *âm thanh*, tiếng (Âm)

_ Do công hạnh quán sát tất cả các tiếng kêu cứu của mọi chúng sinh trong cõi **Ta Bà** (Sāhaloka-dhātu) để kịp thời cứu độ nên Ngài có tên **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokita-lokasvara-bodhisatva)

_ Do luôn hành trì Công Đức của Trí tuệ Bát Nhã nên có tên là **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajñā-bodhisatva)

_ Do Ngài luôn đem lại sự không sợ hãi và ban cho sự an ổn đến các chúng sinh nên có tên là **Thí Vô Úy giả** (Abhayaṃdāda)

_ Do Ngài dùng ba Pháp **Văn Tuệ** (Śrutimayo Prajñā), **Tư Tuệ** (Cintāmayò Prajñā), **Tu Tuệ** (Bhāvanāmayò Prajñā) làm cho ***Nhĩ Căn Viên Thông*** nên có tên là **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokitasvara-bodhisatva)

_ Trong ***Kinh A Di Đà*** *quyển thượng*, ***Kinh Vô Lượng Thọ*** *quyển thượng* và ***Kinh Quán Âm Thọ Ký*** đều dùng hồng danh **Thánh Quán Thế Âm** (Ārya Avalokitasvara) để chỉ vị **Nhất Bổ Xứ Bồ Tát** hầu cận Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) tại **Thế Giới Cực Lạc** (Śukha-vatī-lokadhātu) ở phương Tây của cõi Ta Bà. Vị Bồ Tát này thường cùng với Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh trong cõi Tịnh Độ ấy và ba Tôn này được hợp xưng là **Tây Phương Tam Thánh**



_Theo sự ghi nhận của ***Kinh Quán Âm Tam Muội*** và ***Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi*** thì Quán Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể tư nghị, ở vô lượng kiếp trước đã thành Phật rồi, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya-tathāgata) Nay vì nguyện lực Đại Bi mới thị hiện thân Bồ Tát để cứu khổ chúng sinh .

_Trong Kinh **Pháp Hoa** quyển 7 và Kinh **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm** quyển 6 có ghi:*"Vị Bồ Tát này ở khắp mọi nơi, mọi đất nước. Hiện đủ loại thân tướng, ứng với căn cơ của chúng sinh để hóa độ"* cho nên còn gọi là các **Ứng Hoá Thân Bồ Tát**.

_Phật Giáo Đông Độ nhận định rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Giáo Chủ của Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) hiện tại. Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) có hạnh nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) luôn quán sát lắng nghe âm thanh cầu cứu của chúng sinh liền hóa hiện vô số Hóa Thân đến cứu khổ. Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha) đã nhận lời phó chúc của Đức Phật Thích Ca, ở trong thời đại không có Phật cho đến lúc Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) thành Đạo, Ngài sẽ làm vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi ở cõi Sa Bà này thì mới thành tựu **Nguyện** (Praṇidhāna) của mình. Vì thế mới thiết lập tượng thờ Đức Phật Thích Ca chung với hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Địa Tạng và hợp xưng là **Sa Bà Tam Thánh** (hay Ta Bà Tam Thánh).



_ Trong hệ thống Thuần Mật của Mật Giáo thì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát được nhận định qua nhiều hình tượng và danh từ khác nhau.

*) Căn cứ vào **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì vị Bồ tát này được an vị trong các viện: Trung Đài Bát Diệp viện, Biến Tri viện, Quán Âm viện, Thích Ca viện, Văn Thù viện , Hư Không Tạng viện, Tô Tất Địa viện. Tùy theo vị trí được an lập, vị Bồ Tát này biểu thị cho các phẩm Đức khác nhau.

+ ***Trong Trung đài bát diệp Viện:*** Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Tịnh Đức** là Đức thứ tư trong 4 Đức *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*. Hoặc biểu thị cho hạnh **chứng ngộ Tâm Bồ Đề** là một trong 4 hạnh của Như Lai là *Phát Tâm Bồ Đề, Tĩnh Tâm Bồ đề, Chứng Ngộ Tâm Bồ Đề, Nhập Tâm Bồ Đề.*

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai



Tôn này có Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Biến Tri Viện :*** Vị Bồ tát này được nhận biết qua danh hiệu **Chuẩn Đề Phật Mẫu** (Cuṅdhe-buddha-mātṛ) biểu thị cho **Tĩnh Đức** và là Mẫu của tất cả các Tôn thuộc ***Liên Hoa Bộ*** trong **PHẬT BỘ.**

Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu với thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen, thân tỏa hào quang tròn có dính hạt thóc nhẹ như áo của 10 Ba La Mật Bồ Tát, phía trên bên dưới đều tác màu trắng. Lại góc áo khoác ngoài (Thiên Y) có quấn anh Lạc, đội Mão Trời, cánh tay đều đeo vòng xuyến. Đàn Tuệ (2 bàn tay) đều đeo vòng báu. Mặt Tượng ấy có 3 mắt, 18 cánh tay.

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp

Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, lòng bàn tay thứ năm cầm Cụ Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây Búa, tay thứ bảy cầm Móc Câu, tay thứ tám cầm chày Kim Cương, tay thứ chín cầm Tràng Hạt.

Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu Như Ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm Sợi Dây, tay thứ sáu cầm Bánh

Xe, tay thứ bảy cầm **Thương Khư** (Śaṅkha_Vỏ ốc), tay thứ tám cầm Hiền Bình, tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã"



Tôn này có Mật Hiệu là **Tối Thắng Kim Cương**

+ *Trong Văn Thù Viện :* Vị bồ Tát này biểu thị cho **Đức Quyền Trí**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Thích Ca Viện :*** Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Hư Không Tạng Viện :*** Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thiên Thủ Quán Thế Âm**, biểu thị cho **Đức Pháp Tài.**

Tôn Hình: Thân có 27 đầu mặt, một ngàn cánh tay trong đó có 40 tay cầm khí trượng. Ngồi trên hoa sen báu.



+ ***Trong Tô Tất Địa Viện :*** Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**, biểu thị cho dụng của **TỪ BI**.

Tôn Hình: Thân có 4 cánh tay, ngồi xếp bằng trên Hoa Sen, hai bên mặt chính đều có 1 mặt, bên trên có 5 mặt, lại ở trên nữa có 3 mặt, hợp với mặt chính nên thành 11 mặt . Bên phải tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm Tràng Hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, Tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



+ ***Tại Quán Âm Viện:*** Quán Thế Âm Bồ Tát được xưng là **Quán Tự Tại Bồ Tát** là Chủ Tôn của viện này

Viện này có vị trí ở phương Bắc của Trung Đài Bát Diệp Viện. Lại xưng là Liên Hoa Bộ Viện, Pháp Bộ Viện

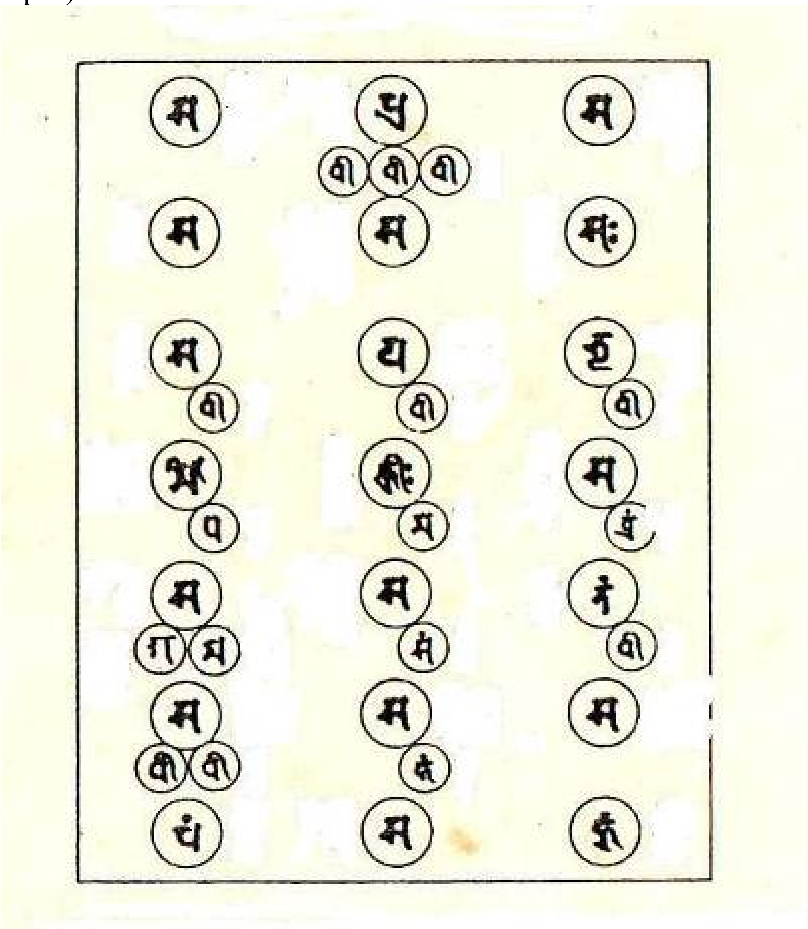
Viện này đại biểu cho Lý Đức "***Chúng sinh vốn có đủ tâm Tịnh Bồ Đề***". Tức biểu thị cho Diệu Đức **Đại Bi Tam Muội** của Như Lai, hoặc **Diệu Quán Sát Trí** là một trong năm Trí của Như Lai.

Do trong thân chúng sinh vốn có đủ Lý Thanh Tịnh của Tâm Tịnh Bồ Đề. Tuy ở tại 6 nẻo, 4 loài, Thế Giới mê vọng… bị luân chuyển trong bùn dơ sinh tử nhưng Tâm Tịnh Bồ Đề vốn có đủ ấy vẫn chẳng bị nhiễm chẳng bị dơ, giống như hoa sen xuất ra từ bùn dơ mà chẳng bị nhiễm dính, vì thế được xưng là Liên Hoa Bộ Viện

Lại nữa, do Tam Muội Đại Bi của Như Lai hay làm cho rạng rỡ tươi tốt muôn điều lành giúp cho chúng sinh tự thấu ngộ bản Tâm thanh tịnh không cấu nhiễm vốn có của mình nên được gọi là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)

Vì Viện này đại biểu cho dụng của **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn ngại cho nên được xưng là **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya)

Viện này có 37 Tôn gồm 21 Tôn Chủ và 16 Tôn bạn thuộc nhóm **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta).



_ Hàng thứ nhất (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới):có 10 Tôn
1_ Liên Hoa Bộ Phát Sinh ()
2_ Đại Thế Chí ()
3_ Tỳ Câu Đê ()
4_ Sứ Giả của Tỳ Câu Đê ()
5_ Thánh Quán Âm ()
6_ Sứ Giả của Thánh Quán Âm ()
7_ Đa La ()
8_ Sứ Giả của Đa La ()
9_ Đại Minh Bạch Thân ()
10_ Mã Đầu ()
_ Hàng thứ hai (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới): có 14 Tôn
1_ Đại Tùy Cầu ())
2_ Ba sứ Giả của Đại Tùy Cầu () () ()
3_ Tát Đỏa Bà Đại Cát Tường ()
4_ Gia Du Đa La ()
5_ Sứ Giả của Gia Thâu Đa La ()
6_ Như Ý Luân ()
7_ Sứ Giả của Như Ý Luân ()
8_ Đại Cát Tường Đại Minh ()

9_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Đại Minh ( )
10_ Đại Cát Tường Minh ( )
11_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Minh ( )
12_ Tịch Lưu Minh ( )
_ Hàng thứ ba (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới): có 13 Tôn
1_ Bị Diệp Y ( )
2_ Bạch Thân ( )
3_ Phong Tài ( )
4_ Sứ Giả của Phong Tài ( )
5_ Bất Không Quyến Sách ( )
6_ Sứ Giả của Bất Không Quyến Sách ( )
7_ Thủy Cát Tường ( )
8_ Hai Sứ Giả
_Bên trái: Đồ Hương Cúng Dường Sứ Giả ( )
_Bên phải: Thiêu Hương Cúng Dường Sứ Giả ( )
9_ Đại cát Tường Biến ( )
10_ Hai vị Sứ Giả ( ) ( )
11_ Bạch Xứ ( )

1_ Liên Hoa Bộ Phát Sinh Bồ Tát (Padma-kulodbhava):

Tôn này biểu thị cho việc Hành Giả bắt đầu tu tập hạnh Đại Bi đối với tất cả chúng sinh, sinh ra mọi Công Đức **Hóa Tha** của Liên Hoa Bộ, để dần dần hoàn thiện mọi tướng tốt của **Báo Thân Phật,** tức 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để ngang ngực cầm hoa sen hé nở, tay phải để ngang trái tim co ngón vô danh, ngồi yên trên hoa sen đỏ.



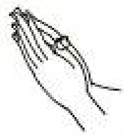
Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA ( ) hay MO ( )

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ - KṢAḤ DAḤ RA YAṂ KAṂ

2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta):

Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), dịch ý là Đắc Đại Thế, Đại Tinh Tiến. Lược xưng là Thế Chí Bồ Tát.

Tôn này dùng ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho chúng sinh lìa xa ba nẻo ác, được sức vô thượng. Khi Tôn này bước đi thời tất cả đại địa đều chấn động cho nên xưng là **Đại Thế Chí**.

Tôn này với Quán Thế Âm Bồ Tát cùng theo hầu Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc, nên được xưng chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Lúc còn ở Nhân Địa thời Đại Thế Chí Bồ Tát dùng Tâm niệm Phật mà nhập vào Vô Sinh Nhẫn cho nên nay nhiếp chúng sinh niệm Phật ở **Thế Giới Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) quy về Tịnh Thổ.

Tôn này hay khiến cho chúng sinh xa lìa ba Độc, được sức vô thượng.

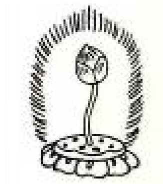
Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen mở khép, tay phải giương lòng bàn tay co 3 ngón ở giữa (vô danh, giữa, trỏ) để trước ngực, ngồi yên trên hoa sen đỏ.



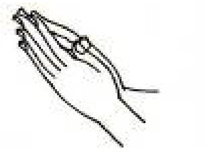
Mật Hiệu là: **Trì Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SAṂ (𑖭𑖽) hay SAḤ (𑖭𑖾)

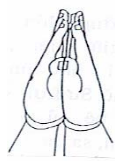
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là:Hư Tâm Hợp Chưởng



Hoặc **Không Tâm Hợp Chưởng** giống như hoa sen chưa hé nở.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ JAṂ JAṂ SAḤ_ SVĀHĀ

3_ Tỳ Câu Chi Bồ Tát (Bhṛkuṭi):

Tôn này là Hóa Thân của Thánh Mẫu Tārā, chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu Độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của **Trí Đại Không** (Mahā-śūnya-jñāna) để hoàn thiện phước báu Diệu Hữu.

Tôn Hình: Thân màu thịt, có búi tóc hình mũ giống như đất giữ gìn vạn vật, chung quanh kết bởi các báu, chính giữa có hình Đức Phật A Di Đà trụ tướng Thuyết Pháp. Điều này biểu thị cho sự kính vâng theo **Trí Tuệ Phổ Môn** (Viśva-mukhe-jñāna) của Như Lai để hoàn thiện Phước Đức.

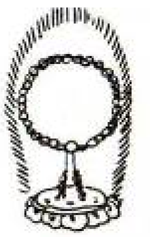


Thân hình có 4 tay. *Bên phải*: Tay thứ nhất rũ xuống thành Ấn **Dữ Nguyện**, tay thứ hai co ngửa lên cầm Tràng hạt .*Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Bình Quân Trì.

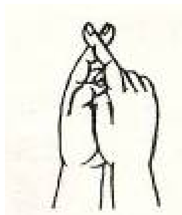
Mật Hiệu là: **Định Tuệ Kim Cương** (Ngoài ra còn có Mật Hiệu khác là: **Giáng Phục Kim Cương, Trừ Chướng Kim Cương**)

Chữ chủng tử là: BHṚ ( ) hay TRĀ ( )

Tam Muội Gia Hình là: chuỗi tràng hạt (Sổ Châu Man)



Tướng Ấn là: Tỳ Câu Chi Ấn. Chắp hai tay lại, giữa rỗng không, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) so le áp cùng nhau



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA BHAYA TRĀSANI HŪṂ SPHAṬYA_ SVĀHĀ

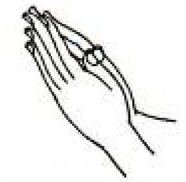
4_ Sứ Giả của Tỳ Câu Chi (Phụng Giáo Sứ Giả: Pratihāri):

Tôn này Thị Giả của ở cạnh bên phải Tỳ Câu Chi, cầu xin hoàn chỉnh Phước Báu Hữu Vi

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, tay phải đè bắp đùi, ngồi yên trên hoa sen



Chữ chủng tử là :DHĪ ()
Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

5_ Thánh Quán Âm (Ārya-avalokiteśvara):

Lại xưng là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, Chính Quán Thế Âm Bồ Tát, Chính Quán Âm. Là Bộ Chủ của Liên Hoa Bộ Viện tượng trưng cho Bản Nguyện dùng Từ Bi cứu tế chúng sinh.

Quán Thế Âm Bồ Tát còn đại biểu cho **Tâm Đại Bi** của chư Phật, biểu tượng của Ngài là hoa sen tượng trưng cho Trí thanh tịnh.

Nguyên Quán Thế Âm Bồ Tát cùng với Đức Phật A Di Đà chỉ là sự sai khác về Nhân và Quả, Ngài là Nhân còn A Di Đà Phật là Quả, có Nhân ắt có Quả, Quả ấy chứng tỏ chẳng trống rỗng (Bất Không) đồng thời biểu thị cho **tức Nhân tức Quả ,** hiện bày Lý không hai của Nhân Quả, vì thế trong mão báu của Ngài có Đức Hóa Phật A Di Đà và Ngài được xem là **Chính Pháp Luân Thân** của Đức Phật A Di Đà.

Tôn này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp Thân Đức , Bát Nhã Đức, Giải Thoát Đức.*

Tôn Hình:Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, trên mão có Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, tay trái cầm hoa sen đỏ, tay phải hơi co các ngón tay cầm một cánh hoa sen làm dạng bóc mở hoa sen, ngồi trên tòa hoa sen



Đức Vô Lượng Thọ Phật trong mão báu biểu thị cho Quả cuối cùng của Hạnh Liên Hoa, tức là Trí **Phương Tiện Phổ Môn** của Như Lai

Hoa sen đỏ ở tay trái biểu thị cho Tâm sen (liên tâm) Bản Giác của chúng sinh bị vô minh phiền não ràng buộc che lấp trong vô lượng kiếp, chẳng thể hé nở cho nên bị chìm đắm trong biển khổ.

Tay phải làm thế bóc hoa tượng trưng cho ý nghĩa: dùng **Công Đức Đại Bi** làm phương tiện để giải trừ sự Vô Minh mê vọng và giúp cho Tâm sen của chúng sinh tự hé nở, tức là giác ngộ được Bản Tâm thanh tịnh vốn có của mình

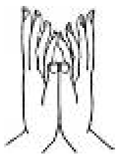
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Bản Tịnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA ([illegible]) hay MO ([illegible]) hay HRĪḤ ([illegible])

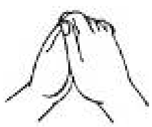
Tam Muội Gia Hình là: Sơ Cát Liên Hoa (hoa sen mới cắt)



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn (Quán Tự Tại Ấn)



Hay **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn:** Hai tay tác Nội Phộc, duỗi thẳng ngón cái phải, xưng là Liên Hoa Bộ Tâm An



Chân Ngôn là:

[illegible]

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆI MAYA_ RA RA RA HŪṂ JAḤ_ SVĀHĀ

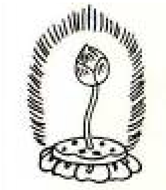
6_ Sứ Giả của Thánh Quán Âm (Liên Hoa Quân Trà Lợi: Padma-kuṇḍali):

Tôn này là Thị Giả ở bên cạnh phải của Thánh Quán Thế Âm Bồ Tát

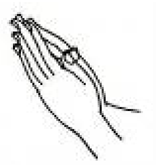
Tôn Hình: Thân màu xanh, tóc như lửa mạnh dựng đứng, cầm hoa sen chưa nở, mặc áo khoác ngoài (thiên Y), ngồi yên trên đài sen



Mật Hiệu là: **Giáng Phục Kim Cương**
Chữ chủng tử là: KU ( ) hay BRAṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

7_ Đa La Bồ Tát (Tārā):

Còn gọi là Đa Lợi Bồ Tát, dịch ý là con mắt, con ngươi (đồng tử), Diệu Mục Tinh, Cứu Độ

Tôn này lại được xưng là Đa La Tôn, Đa Lợi Tôn, là thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm cho nên cũng xưng là Đa La Tôn Quán Âm, Đa Lợi Quán Thế Âm.

Tārā là con mắt hay con mắt tĩnh diệu. Tôn này là một thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm được sinh ra bởi ánh quang minh phóng ra từ mắt của ngài. Tôn này luôn nhìn tất cả chúng sinh giống như bà mẹ hiền theo dõi chăm sóc con thơ. Mục đích của Ngài là cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Do chủ về hai Đức đại Bi và hàng phục nên Tôn này được xem là **Phật Mẫu** của Liên Hoa Bộ.

Tôn này có 21 loại Hóa Thân nên lại xưng là 21 Độ Mẫu.

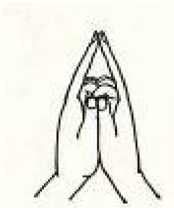
Tôn Hình: Thân màu trắng xanh, mặc áo Yết Ma, đầu đội mão tóc, trên có vị Hóa Phật, chắp hai tay lại, tay cầm hoa sen xanh, ngồi Bán Già trên tòa sen



Mật Hiệu là: **Bi Sinh Kim Cương, Hạnh Nguyện Kim Cương**
Chữ chủng tử là TĀ ( ), hay TAṂ ( ), hay TRA ( )
Tam Muội Gia Hình là hoa sen xanh



Tướng Ấn là: Thanh Liên Hoa Ấn. Hai tay tác Nội Phộc, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) giống như mũi kim nhọn, để 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) lên Phong Luân (ngón trỏ)



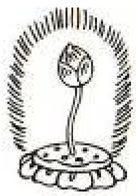
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TĀRE TĀRIṆI KĀRUṆA-UDBHAVE_ SVĀHĀ

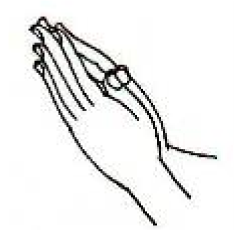
8_ Sứ Giả của Đa La (Tārā-ceṭi):
Tôn này là Thị Giả ở cạnh bên trái của Đa La Bồ Tát
Tôn Hình: Thân màu thịt, quỳ gối chắp hai tay lại, nâng hoa sen chưa nở



Chữ chủng tử là: DHĪ ( )
Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen chưa hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

9_ Đại Minh Bạch Thân Bồ Tát (Gaurī-mahā-vidya):

Tôn này là một trong 8 vị Minh Phi (Vidya-rājñi) có tên gọi là **Ngạo Lý Minh Phi** (Gaurī: Bạch Y Nữ) nên đồng Thể với Bạch Y Quán Âm, biểu thị cho Tâm Bồ Đề trắng tịnh.

Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải co cánh tay kết Dữ Nguyện Ấn để trước ngực, tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen hé nở, ngồi trên hoa sen đỏ



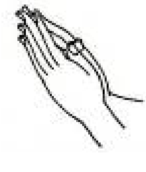
Mật Hiệu là: **Thường Tịnh Kim Cương, Phóng Quang Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭), nghĩa là ***Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể đắc***

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ - KṢAḤ DAḤ RA YAṂ KAṂ

10_ Mã Đầu Minh Vương Bồ Tát (Hayagrīva):

Lại xưng là Mã Đầu Quán Âm, là một trong sáu vị Quán Âm hóa độ sáu nẻo. Là thân Hóa cứu độ chúng sinh trong nẻo súc sinh của Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn , tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ 2 nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh . Do đó Tôn này có tên là Quán Âm Đầu Ngựa (*Mã Đầu Quán Âm*).

Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào 8 đại Minh Vương (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) . Tôn này do nhân Đại Bi nên không trú ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử , cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Đạm Thực kim Cương** (Khada-vajra)

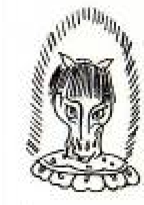
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, ba mặt hai cánh tay. Hai tay kết Ấn, dựng đầu gối phải, đầu đội cái đầu ngựa trắng, ngồi yên trên hoa sen đỏ



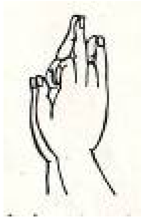
Mật Hiệu là: **Tấn Tốc Kim Cương, Đạm Thực Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAṂ ( ) hay HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Đầu ngựa trắng



Tướng Ấn là: Mã Đầu Ấn. Hai tay tác Không Tâm Hợp Chưởng, đưa ngón vô danh vào trong lòng bàn tay co 2 Ngón trỏ đặt dưới gốc ngón cái cách nhau giống như hạt lúa mạch



Chân Ngôn là:

OṂ_ AMṚTODBHAVA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Hay:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬYA_ SVĀHĀ

11_ Đại Tùy Cầu Bồ Tát (Mahā-pratisarā):

Lược xưng là Tùy Cầu Bồ Tát, hay khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn sự mong cầu.

Do Tôn này thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà diệt trừ Tội Vô Gián; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc…. nên có tên là **Đại Tùy Cầu**.

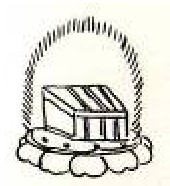
Tôn Hình: Thân hình màu vàng đậm, một mặt , đội mão báu bên trong có vị Hóa Phật, 8 cánh tay dơ cao theo dạng Vô Úy . Bên phải, theo thứ tự 4 tay cầm : Chày Kim Cương Ngũ Cổ, Kích Xoa, Kiếm báu, Búa . Bên trái, 4 tay theo thứ tự cầm : Hoa sen (hoặc bánh xe) , Rương Kinh Phạn, cây Phướng báu, sợi dây.



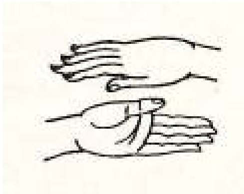
Mật Hiệu là: **Dữ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là PRA ( ) hay SA ( ), VAṂ ( ), AḤ ( ), HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp hay Chày Ngũ Cổ, Tháp Suất Đỗ Ba trong đó có chứa rương Kinh Phạn.



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



OṂ_ BHARA BHARA _ SAṂBHARA SAṂBHARA _ INDRIYA VIŚODHANI HŪṂ HŪṂ _ RURU CALE SVĀHĀ

12,13,14_ Ba vị Sứ Giả của Đại Tùy Cầu Bồ Tát:

Ba Tôn này đều có tên gọi là Liên Hoa Bộ Sứ Giả (Padma-ceti) ở trước mặt, phía bên phải Đại Tùy Cầu Bồ Tát.

Tôn Hình: Ba Tôn này đều hiện thân màu thịt, quỳ gối , vị chính giữa có tay trái cầm hoa, tay phải cầm cây kiếm. Hai vị còn lại ở hai bên trái phải đều chắp tay để trước ngực.

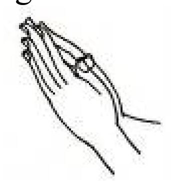


Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖠𑖱)

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm trên hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

15_ Tát Đỏa Bà Đại Cát Tường Bồ Tát (Stūpa-mahā-śrī):

Lại xưng là Tốt Đổ Ba Đại Cát Tường Bồ Tát. Là một trong 7 vị Bạch Cát Tường. Lại xưng là Tháp Đại Cát Tường Bồ Tát, Đới Tháp Đức Bồ Tát, Đới Tháp Cát Tường Bồ Tát.

Hoặc nói Tôn này là Di Lặc Bồ Tát, biểu thị cho Bồ Tát nối tiếp địa vị Như Lai Phật

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay trái phải đều để ngang ngực cầm hoa sen, ngồi yên trên hoa sen đỏ



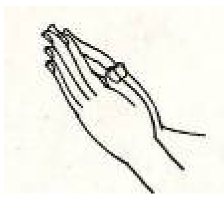
Mật Hiệu là: **Trì Lạc Kim Cương**, hoặc **Lợi Ích Kim Cương**

Chữ chủng tử là :SA ()

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

OṂ_ ĀRYA-STŪPA-MAHĀ-ŚRĪ SVĀHĀ

16_ Gia Du Đà La Bồ Tát (Yaśodhara):

Lại xưng là Gia Du Đa La, Gia Duy Đàn. Dịch ý là Hoa Sắc, Tác Trì Dự , Trì Xưng.

Lại xưng là **La Hầu La Mẫu** (Rāhula-māta) là người nữ cầm cây gậy (Daṇḍa-pāṇi) thuộc giòng họ Thích (Śākya) tại thành Ca Tỳ La ở Trung Ấn Độ, vợ chính của Thái Tử **Tất Đạt Đa** (Siddhārtha), mẹ đẻ của **La Hầu La** (Rāhula)

Một Thuyết nói là con gái của Đại Thần **Ma Ha Ná Ma** (Mahā-nāma) thuộc giòng họ Thích của Tộc **Bà Tư Tra** (Vaśiṣṭhā)

Hoặc nói nguyên là con gái của vua **Thiện Giác** (Suprabuddha) của thành Thiên Tý (Devadaha), em gái của **Đề Bà**, tướng tốt đoan nghiêm, thù diệu bậc nhất, đủ các đức mạo.

Năm năm sau khi Đức Thích Tôn thành Đạo, Gia Du Đà La cùng với di mẫu của Đức Thích Tôn là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahā-prajapati) và 500 cô gái thuộc tộc Thích Ca…. xuống tóc nhuộm áo, thọ nhận Cụ Túc Giới làm Tỳ Khưu Ni.

Tôn này là vị Minh Phi có thế lực lớn, chủ trì việc an lập hạt giống Bồ Đề của tất cả chúng sinh. Các loại Công Đức đều hàm tàng trong vị Minh Phi này mà sinh ra

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện tượng Thiên Nữ, đầu đội mão kim tuyến, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm cành cây



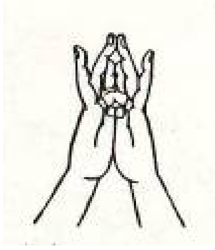
Mật Hiệu là: **Thị Hiện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Dương Liễu hoặc cành cây



Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ YAṂ - YAŚODHARAYA - SVĀHĀ

17_ Sứ Giả của Gia Du Đà La (Duṭī):

Dutì còn được gọi là Liên Hoa Bộ Sứ Giả có vị trí ở trước mặt Gia Du Đà La.

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi Bán Già, dựng đứng gối trái, tay phải nắm quyền để trên đùi bên phải, tay phải cầm hoa sen chưa nở.



Chữ chủng tử là : DHĪ (𑖠𑖱)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

18_ Như Ý Luân Quán Âm (Cintā-maṇi-cakra):

Cintā-maṇi-cakra, dịch âm là Chấn Đa Ma Nê.

Trong Tôn Danh ấy: **Cintā** có nghĩa là suy tư, ước vọng, nguyện vọng. **Maṇi** có nghĩa là viên ngọc báu. **Cakra** có thể dịch là Viên (tròn trịa) hay Luân (bánh xe).Do vậy dịch ý là: Sở Nguyện Bảo Châu Luân, hoặc Như Ý Châu Luân. Nhưng từ xưa đến nay , phần lớn dịch là Như Ý Luân, Như Ý Luân Vương.

Do Bồ Tát này an trụ ở Tam Muội **Như Ý Bảo Châu** có thể như ý sinh ra vô số trân bảo, thường chuyển bánh xe Pháp nhiếp hóa hữu tình, như Nguyện trao cho phú quý, tài sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức… nên tên gọi được xưng đầy đủ là Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát. Lại xưng là Như Ý Luân Bồ Tát, Như Ý Luân Vương Bồ Tát.

Như Ý Luân Quán Âm có một tay cầm viên ngọc Như Ý tượng trưng cho sự hay sinh ra hai loại tài bảo của Thế Gian với báu Thật Tướng của Xuất Thế Gian, hay khiến cho chúng sinh đầy đủ **Phước Đức**. Một tay cầm bánh xe vàng (kim luân) tượng trưng cho sự chuyển động tất cả Pháp Thật Tướng, hay khiến cho chúng sinh đầy đủ **Trí Đức**.

Tôn này thường dạo chơi trong sáu nẻo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

Tôn Hình:Thân màu vàng, trên đầu kết báu quanh đỉnh tóc biểu thị sự trang nghiêm, trong mão có Đức Phật A Di Đà trụ tướng thuyết pháp. Thân ngồi Bán GIà trên hoa sen đỏ, một mặt 6 cánh tay. *Bên phải*: tay thứ nhất nâng mặt làm dạng suy tư biểu thị cho sự mẫn niệm chúng hữu tình, tay thứ hai cầm báu Như ý biểu thị cho sự làm mãn túc ước nguyện của tất cả chúng sinh, tay thứ ba cầm Tràng hạt biểu thị cho sự cứu khổ chúng sinh. *Bên trái*: Tay thứ nhất duỗi thẳng xuống ấn núi Quang Minh biểu thị cho sự khiến chúng sinh chẳng dao động Tín hạnh, tay thứ hai cầm hoa sen biểu thị cho sự hay trừ các phi pháp, tay thứ ba cầm bánh xe biểu thị cho sự chuyển pháp Vô Thượng.



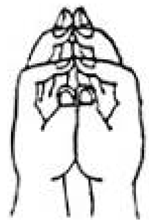
Mật Hiệu là: **Trì Bảo Kim Cương** , hoặc **Dữ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là : HRĪḤ (ཧྲཱིཿ)

Tam Muội Gia Hình là: viên ngọc báu Như Ý



Tướng Ấn là **Như Ý Luân Căn Bản** Ấn: Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, cong hai ngón cái như hình báu, hai ngón giữa cũng co như dạng cánh sen, các ngón còn lại đều hợp đầu ngón như cây phướng.



Đến đây, trên cây phướng có hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc báu.Lại do ngón giữa là lửa, Hỏa Đại là màu đỏ cho nên dùng đây là **Bảo Bồ Tát** của Liên Hoa Bộ. Vì thế dùng hình này biểu thị cho Bản Tôn Như Ý Luân.

Ngoài ra Như Ý Luân để trên cây phướng ắt biểu thị cho Đức **Tự Chứng Hóa Tha**

Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖓𑖰𑖡𑖿𑖝𑖯𑖦𑖜𑖰 𑖕𑖿𑖪𑖩 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪṂ

19_ Sứ Giả của Như Ý Luân (Ratna-pūja):

Tôn này tên là **Bảo Cúng Dường** (Ratna-pūja) là Thị Giả ở trước mặt Như Ý Luân Bồ Tát

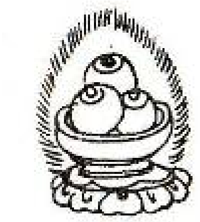
Tôn Hình: Thân màu thịt, qùy gối trên đài sen, hai tay bưng cái mâm Kim Cương chứa đầy ngọc báu



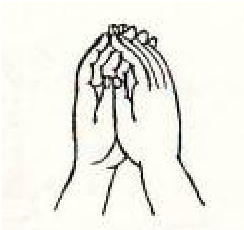
Mật Hiệu là: **Cúng Dường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RA (𑖨) hay MA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: ngọc báu trên cái mâm Kim Cương



Tướng Ấn là: Phổ Cúng Dường Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ_ AMOGHA PŪJA MAṆI PADMA VAJRE TATHĀGATA VILOKITE SAMANTA PRASARA HŪṂ

20_ Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát (Mahā-śrī- mahā-vidya):

Đại Cát Tường (Mahā-śrī) biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, là Tam Muội **Thanh Tịnh Vô Cấu Liên Hoa**

Đại Minh (Mahā-vidya) có nghĩa là **chiếu ứng độ cơ** không có bờ mé

Lại xưng là Đại Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Đại Cát Tường

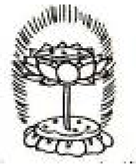
Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái cầm hoa sen hé nở để bên cạnh eo, tay phải co khuỷu tay, dựng đứng lòng bàn tay hướng ra ngoài, co 4 ngón tay lại, dựng thẳng ngón cái vịn cạnh ngón trỏ.



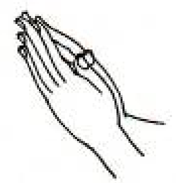
Mật Hiệu là: **Linh Thụy Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ - KṢAḤ DAḤ RA YAṂ KAṂ

21_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Đại Minh (Mālā-pūja)

Vị Sứ Giả này tên là **Man Cúng Dường** (Mālā-pūja) có vị trí ở cạnh bên trái của Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát

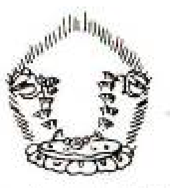
Tôn Hình: Hai tay cầm vòng hoa, khoác Thiên Y, ngồi yên trên đài sen



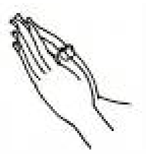
Mật Hiệu là: **Đại Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MA () hay SAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: vòng hoa



Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng để trước đầu



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE_ SVĀHĀ

22_ Đại Cát Tường Minh Bồ Tát (Śrī-mahā-vidya):

Lại xưng là Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Cát Tường Bồ Tát, Cát Tường.

Tôn này biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, trong sạch không dơ, tức dùng Pháp Môn **trong sạch không nhiễm dính** phá trừ sự ưu ám của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái cầm hoa sen chưa hé nở, tay phải dựng lòng bàn tay hướng ra ngoài, co ngón vô danh và ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại



Mật Hiệu là: **Thường Khánh Kim Cương**

Chữ chủng tử là SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

OṂ_ MAHĀ-ŚRĪ-VIDYE SVĀHĀ

23_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Minh Bồ Tát (Padma-kula-ceṭì)

Tôn này là Liên Hoa Bộ Sứ Giả (Padma-kula-ceṭì) có vị trí ở bên cạnh thân của Đại Cát Tường Minh Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kiếm, tay phải cầm hoa sen, phân biệt tượng trưng cho Trí Tuệ và Từ Bi, thân khoác Thiên Y. ngồi trên đài sen

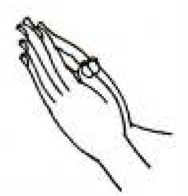


Chữ chủng tử là: DHĪ ( ) hay HAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm dựng đứng trên hoa sen, trên mũi kiếm có hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

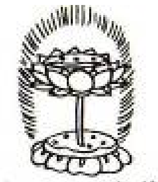
24_ Tịch Lưu Minh Bồ Tát (Śivāvaha-vidya):

Tôn này là thân phẫn nộ (krodha-kāya) của Liên Hoa Bộ. Quan hệ với Tôn của Định Môn, chọn lấy sự vắng lặng làm nghĩa lưu giữ của Tâm nên xưng là Tịch Lưu Minh

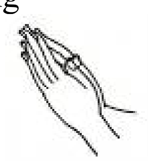
Tôn Hình: Thân màu thịt, đội mão Kim Tuyến, tay trái duỗi ngón trỏ, co 4 ngón còn lại để trước ngực. Tay phải hướng lòng bàn tay ra ngoài giơ cao lên, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Định Quang Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖭)
Tam Muội Gia Hình là: hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

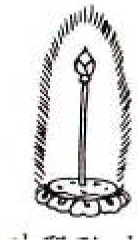


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖫𑖰𑖪𑖯𑖪𑖮𑖪𑖰𑖟𑖿𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ ŚIVĀVAHA-VIDYE SVĀHĀ

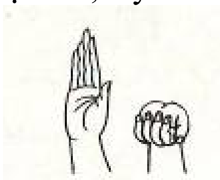
25_ Bị Diệp Y Quán Âm (Palāśambarī):
Palāśambarī còn được ghi nhận tên Phạn là Parṇaśavari, dịch ý là mặc áo lá (bị diệp y). Lại xưng là Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Diệp Y Bồ Tát, Diệp Y Quán Âm, là một trong các ứng hóa thân của Quán Âm. Do thân này ở trong lá sen nên xưng lạ Bị Diệp Y.
Tôn này chuyên trừ các loại bệnh tật, cầu trường thọ, đảo bệnh, an trấn phòng ốc
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây gậy, co dựng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Dị Hạnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA ()
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy trên có hoa sen chưa nở



Thủ Ấn là: Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm sợi dây



Chân Ngôn là:

OṂ_ PALĀŚAṂBARĪ HŪṂ PHAṬ
Hay
OṂ_ PARṆAŚAVARĪ HŪṂ PHAṬ

26_ Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát (Śveta-bhagavati):
Lại xưng là Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Bạch Thân Bồ Tát, Ma Ha Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Thấp Phệ Đa Bạch Thân Bồ Tát, Bạch Thân Quán Âm, Bạch Tôn Giả.
Bạch (Śveta:màu trắng) biểu thị cho Đại Bi thanh tịnh. **Thân** (Aṃge: trong các chi phần của thân) biểu thị cho Đức tụ tập. **Bạch Thân** (Śvetāṃge) biểu thị cho ý tụ tập Đại Bi thanh tịnh
Tôn này biểu thị cho sự tụ tập Đại Bi trắng tịnh
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải duỗi năm ngón úp lại hướng về vai và co khuỷu tay để trên đầu gối phải, gối phải hơi dựng xéo, ngồi trên hoa sen đỏ

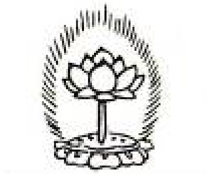


Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật Trí. Tay phải chống khuỷu tay trên đầu gối phải, úp bàn tay hướng che vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

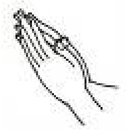
Mật Hiệu là: **Phổ Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen mở khép



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:



OṂ_ MAHĀ-PADME ŚVETĀṂGE HURU HURU SVĀHĀ

27_ Phong Tài Bồ Tát (Bhogavatī):

Phong Tài Bồ Tát (Bhogavatī), dịch ý là: Phước Đức, Tôn Quý. Lại xưng là Tư Tài Chủ Bồ Tát.

Do Phước Đức , Trí Tuệ, Tư Tài của Tôn này rất dư dả, hay tự tại ban cho người mong cầu cho nên xưng là Phong Tài Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho hai Môn **Phước,Trí**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hai hoa sen trong có có một hoa sen đã nở và một hoa chưa nở, tay phải co khuỷu tay để ngang vai, ngửa lòng bàn tay co ngón vô danh và ngón út, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ



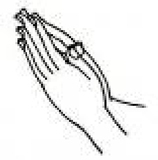
Mật Hiệu là: **Như Ý Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tam muội Gia Hình là: Hai hoa sen với một hoa đã nở, một hoa chưa nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

OṂ_ ĀRYA-DHARĀRI SVĀHĀ

Hay:

OṂ_ ĀRYA-BHOGAVATĪ SVĀHĀ

28_ Sứ Giả của Phong Tài Bồ Tát (Padma-kula-ceṭī):

Tôn này là Liên Hoa Bộ Sứ Giả

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay bưng cái mâm vàng chứa đầy hoa sen

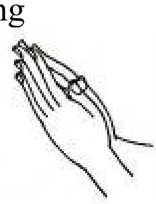


Chữ chủng tử là: DHĪ ()

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen trên cái mâm vàng



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

29_ Bất Không Quyến Sách Quán Âm (Amogha-pāśa):

Lại xưng là Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bất Không Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quảng Đại Minh Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Tất Địa Vương Quán Thế Âm Bồ Tát. Là một trong 6 vị Quán Âm

Bất Không (Amogha) là một tên gọi của Bất Không Quyến Sách Quán Âm, ý nghĩa là chỉ Tâm Nguyện chẳng Không.

Quyến Sách (Pāśa) nguyên là chỉ ở Ấn Độ Cổ Đại, trong lúc chiến tranh hoặc săn bắn dùng dây thừng để bắt Người và Ngựa.

Dùng **Bất Không Quyến Sách** làm tên gọi , ý nghĩa là tượng trưng cho Quán Thế Âm Bồ Tát dùng sợi dây của Từ Bi, cứu độ hóa đạo chúng sinh, Tâm Nguyện ấy chẳng nhiễm dính sự trống rỗng (bất nhiễm không), nên cũng dùng sợi dây làm Tam Muội Gia Hình

Tôn này biểu thị cho ý nghĩa **Nhiếp Phục chúng sinh**, thể hiện Từ Bi rộng lớn của Thệ Nguyện thâm sâu.

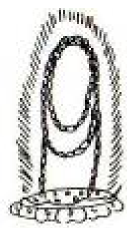
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng , 3 mặt 4 cánh tay, mỗi mặt có 3 mắt . Mặt chính diện màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen. Ba mặt biểu thị cho 3 Đức. *Bên trái*: Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm sợi dây. B*ên phải*: tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



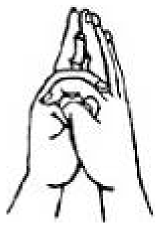
Mật Hiệu là: **Đẳng Dẫn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MO (𑖦𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây



Tướng Ấn là: **Bất Không Quyến Sách Ấn.** Hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng. Hai ngón trỏ, ngón cái cài chéo nhau bên ngoài, duỗi ngón cái phải đến khoảng giữa ngón cái trái và ngón trỏ trái (hổ khẩu). Lại có tên là **Liên Hoa Quyến Sách Ấn**



Liên Hoa Hợp Chưởng biểu thị cho gốc của Liên Hoa Bộ, là Tự Tính vốn có của hoa sen mà ngón cái ngón trỏ bốn ngón cài chéo nhau bên ngoài ắt tác quán hoa sen ở đầu sợi dây (Sách đoan liên hoa quán). Sợi dây biểu thị cho Bản Thể đem bốn loại dây như ngư dân ở Thế Gian câu cá để tế độ chúng sinh cực ác.

Chân Ngôn:

OṂ_ AMOGHA-VIJAYA HŪṂ PHAṬ

Hay

OṂ_ AMOGHA-PADMA-PĀŚA-KRODHA AKARṢAYA PRAVEŚAYA MAHĀ-PAŚUPATI-YAMA-VARUṆA- KUVERA-BRAHMA-VEŚA-DHARA PADMA-KULA-SAMAYAṂ HUṂ HUṂ

30_ Sứ Giả của Bất Không Quyến Sách Bồ Tát (Dūṭī):

Tôn này tên Dūṭī, là Liên Hoa Bộ Sứ Giả

Tôn Hình: Thân màu thịt, quỳ gối trên đài sen, hay tay bưng cái mâm Kim Cương, bên trong chứa đầy hoa tươi.

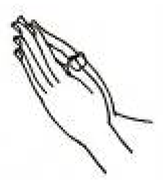


Chữ chủng tử là: DHA ( ) hay DHĪ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa tươi đầy trên cái mâm Kim Cương



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

31_ Thủy Cát Tường Bồ Tát (Udaka-śrī):

Lại xưng là Đại Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát, dùng nước Trí (Trí Thủy) của Đại Nhật Như Lai rưới rót chúng sinh.

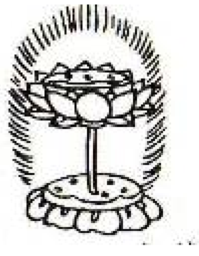
Tôn Hình: Tôn hình màu vàng lợt , tay trái dựng đứng bàn tay, co 3 ngón : cái, trỏ, giữa lại, cầm hoa sen mới nở biểu thị cho phương tiện Đại Bi hay làm cho muôn điều lành tốt đẹp thêm lên . Tay phải duỗi các ngón xuống dưới thành Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh. Ngồi trên hoa sen đỏ



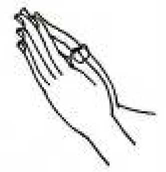
Mật Hiệu là: **Nhuận Sinh Kim Cương**

Chữ chủng tử là :SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

OṂ_ ĀRYA-UDAKAŚRĪ SVĀHĀ

32_ Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát (Dhūpa-pūja)

Tôn này là **Thiêu Hương Cúng Dường Sứ Giả** (Dhūpa-pūja) là vị Bồ Tát dâng hương cúng dường và là Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, tay cầm lò hương, ngồi Kiết Già thên đài sen



Chữ chủng tử là: DHU () hay DHA () hay MA ()

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương



Tướng Ấn là: Hai tay co ngón út, ngón vô danh, ngón giữa sau cho lưng ngón hợp nhau. Dựng thẳng hai ngón trỏ cùng chạm đầu ngón, hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHARMA-DHĀTU ANUGATE_ SVĀHĀ

33_ Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát (Gandha-pūja)

Tôn này là **Đồ Hương Cúng Dường Sứ Giả** (Gandha-pūja), là Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại để ngang ngực, cầm hoa sen chưa hé nở

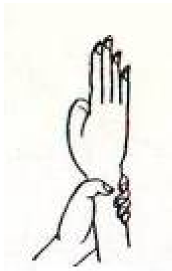


Chữ chủng tử là: GA (𑖐)

Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi



Tướng Ấn là: Đồ Hương Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖰𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖐𑖡𑖿𑖠𑖺𑖟𑖿𑖥𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VIŚUDDHA GANDHA-UDBHAVE_ SVĀHĀ

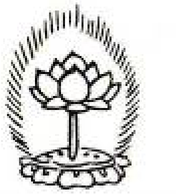
34_ Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Lakṣma-mahā-vidya):

Lại xưng là Đại Cát Biến Bồ Tát. Tôn này trụ ở Tam Muội **Như Huyễn** , biểu thị cho Đức của Phổ Môn Thị Hiện

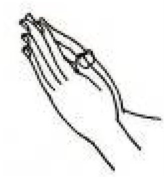
Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái dựng thẳng lưng bàn tay, úp xuống làm dạng Quyền, cầm hoa sen chưa hé nở. Tay phải ngửa lòng bàn tay, hơi co ngón cái, để trước ngực.



Mật Hiệu là: **Công Dụng Kim Cương**
Chữ chủng tử là : SA (स)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen mở khép



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

OṂ_ LAKṢMA MAHĀ-VIDYA SVĀHĀ

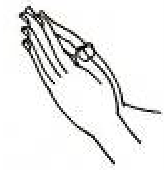
35_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Dūṭī)
Tôn này tên là Dūṭī, là Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát và là Liên Hoa Bộ Sứ Giả.
Tôn Hình: Thân màu thịt, qùy gối trên đài sen , chắp hai tay lại



Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖠𑖱)
Tam Muội Gia Hình là: Hợp Chưởng Thủ



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

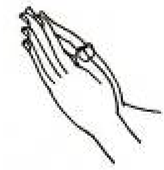


Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖠𑖱 𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖮𑖽 𑖤𑖿𑖨𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

36_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Dūṭī)
Tôn này tên là Dūṭī, là Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát và là Liên Hoa Bộ Sứ Giả.
Tôn Hình: Thân màu thịt, dựng đứng gối trái, co gối phải, quỳ trên đài sen, hai tay bưng cái mâm Kim Cương, bên trong chứa đầy hoa sen hé nở.



Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖠𑖱)
Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖠𑖱 𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖮𑖽 𑖤𑖿𑖨𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

37_ Bạch Xứ Tôn Bồ Tát (Pāṇḍara-vāsinī):

Bạch Xứ Tôn Bồ Tát tức **Bạch Y Quán Âm** (Pāṇḍara-vāsinī). Dịch ý là Bạch Trú Xứ.

Tôn này trú ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo trắngcó một mặt hai tay. Tay phải duỗi các ngón ngửa ra hướng xuống dưới thành Ấn **Dữ Nguyện** (Varada Mudra), tay trái co lại cầm cành hoa sen trắng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ

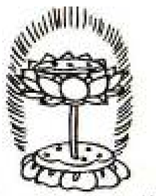


Ngoài ra còn có tượng 3 mặt 6 tay, phần nhiều là tượng nuôi con nít nên là đối tượng của những người cầu con. Do đó Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**

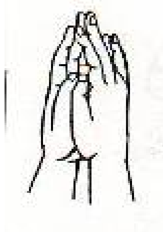
Mật Hiệu là: **Ly Cấu Kim Cương**, **Phổ Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là PA (𑖢) hay PAṂ (𑖢𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở



Tướng Ấn là **Bạch Xứ Tôn Ấn:** Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, co hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, kèm hai ngón cái chạm hai ngón vô danh biểu thị cho Tôn này là Bộ Mẫu của Liên Hoa Bộ, hay sinh các Tôn trong Liên Hoa Bộ



Chân Ngôn :

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖪𑖰𑖬𑖧 𑖭𑖽𑖥𑖪𑖸 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖦𑖯𑖩𑖰𑖡𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _TATHĀGATA-VIṢAYA-SAṂBHAVE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

*) Căn cứ vào **Kim Cương Giới Man Đà La** (Vajra-dhātu-Maṇḍala) thì vị Bồ Tát này được nhận biết dưới danh hiệu ***Kim Cương Pháp Bồ Tát*** (Vajra-dharma Bodhisatva) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A DI ĐÀ (Amitābha: Vô Lượng Quang, hay Amitāyus: Vô Lượng Thọ) ở phương Tây.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (Vajra-dharma) lại được xưng là **Kim Cương Nhãn Bồ Tát** (Vajra-cakṣu)

Tôn này được sinh ra từ **Trí Tuệ tự tại không nhiễm** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Pháp (Pháp của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới tĩnh trừ năm dục của chúng sinh khiến cho thân tâm được thanh tịnh giống như hoa sen chẳng nhiễm bụi dơ, rồi quay trở lại thu làm một Thể.Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt Quán Tự Tại Vương Như Lai".

Do Kim Cương Pháp Bồ Tát gia trì cho nên chứng được bản tính Thanh Tịnh của Pháp, đều hay diễn nói Pháp Môn vi diệu, biết tất cả Pháp đều như Phiệt Dụ (cái bè đưa qua sông), chẳng thể chấp trước.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



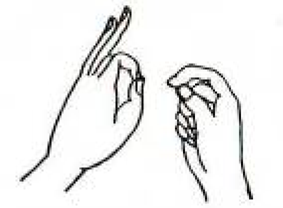
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Liên Hoa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRÌH (ཧྲཱིཿ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Tướng Ấn là: Tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



Chân Ngôn là:

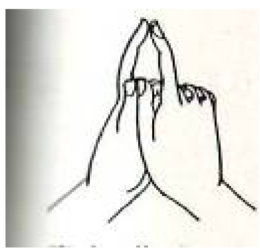
OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: RI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Trên chày Độc Cổ có hoa sen. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái, co hai ngón trỏ như hoa sen



Chân Ngôn là:

SARVA KĀRI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tôn Hình:Tay trái để trên đầu gối ngửa lòng bàn tay, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

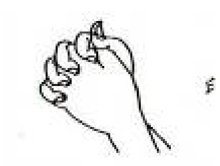
VAJRA-PADMA-ĀTMAKA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Độc Cổ, đầu chày có hoa sen.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc để trên miệng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA DHARMATĀ SAMĀDHIBHIḤ STUNOMI MAHĀ-DHARMA-AGRI HRĪḤ

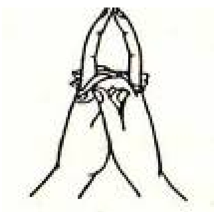
.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát đại biểu cho Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus-buddha) và là một trong 4 vị Bồ Tát thân cận của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho **Pháp Trí Ấn** (Dharma-jñāna-mudra) trong 4 loại Trí Ấn của Như Lai

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, thân hiện màu thịt đỏ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa như hình hoa sen.



Chân Ngôn là:

NIṢAPRAPAÑCA-VAK-SIDDHI-RBHAVATU_ SARVA-TATHĀGATA-SAMĀDHAYOME ĀJAYANTĀṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHA (𑖠)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA-KRODHA-VINĀŚAYA VIŚODHĀYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-Samaya) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-ŚUDDHA-KRODHE HANA MĀRĀYA SARVA DUṢṬĀṂ DHI

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Địa Tạng Bồ Tát tên Phạn là **Kṣiti-garbha**, dịch âm là **Tát Khất Xoa Để Nghiệt Bà.**

Kṣi là động từ mang nghĩa: chịu đựng, tồn tại, cư trú, ở

Kṣiti: nghĩa là trú xứ, nơi đang cư ngụ, căn nhà, đất trồng trọt, đất nước, quê hương, trái đất.

Garbha: nghĩa đen là *Tử cung, dạ con, có thai, thọ thai, tưởng tượng, hình thành trong trí óc*. Nghĩa bóng là *cất chứa, ôm giữ.*

Kṣiti-garbha được dịch ý là **Địa Tạng**, tức là người ôm giữ trái đất hoặc **Mẫu Thể** của Đại Địa.

Do **đất** hay chuyên chở vạn vật, giúp cho vạn vật sinh sôi nảy nở, hàm chứa vô số nguồn lợi, tiền tài, vật báu…cho nên **Địa Tạng** là vị Bồ Tát biểu thị cho kho báu tiềm ẩn trong Đại Địa, hay chuyên chở mọi khổ nạn của tất cả chúng sinh, khiến cho họ phát triển căn lành, được tài bảo vô tận, tròn đủ **Phước Đức** (Puṇya) **Trí Tuệ** (Prajñā).

Nếu người tu hành theo Pháp của Địa Tạng Bồ Tát thì có thể khiến cho ngũ cốc [Đại Mạch (Yava), Tiểu Mạch (Godhūma), Lúa gié (Śāli), Tiểu Đậu (Masūra), mè (Atasī)] đầy kho, kéo dài mạng sống, tránh mọi hiểm nạn, tròn đủ **tư lương** (Sambhāra) **Phước Trí** vượt thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi

_ **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phát triển rất sớm trong các Tông Phái **Đại Thừa** (Mahā-yāna) ở **Ấn Độ** (Thế Kỷ thứ 4)

Khởi nguyên của Tín Ngưỡng Địa Tạng có thể được khai triển từ **Tín Ngưỡng Địa Thiên** (Pṛthivi), tức là Địa Thần, Kiên Lao Địa Thần, Kiên Lao Địa Thiên, Trì Địa Thần. Đây là vị Thần cai quản Đại Địa, biểu thị cho Thể Tính của đất là *bền chắc chẳng động hay giúp cho vạn vật cư trú, lại có tác dụng hay giữ gìn vạn vật.*

Vị Thần này nguyên là vị **Thần Kỳ** (Thần đất) được sùng ngưỡng trong thời Ấn Độ cổ đại. Trong **Lê Câu Phệ Đà** (Ṛg-veda), **A Thát Bà Phệ Đà** (Artha-veda) đều khen ngợi là vị Nữ Thần có đầy đủ Đức tốt đẹp (mỹ đức) như: sự vĩ đại, bền chắc, Tính chẳng bị diệt, nuôi dưỡng quần sinh, đất đai sinh sôi…

Hiện tượng **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phát triển từ **Tín Ngưỡng Địa Thiên** có thể được nhận biết qua hình tượng được ghi nhận trong Phật Giáo đời Thanh ở Trung Quốc là:



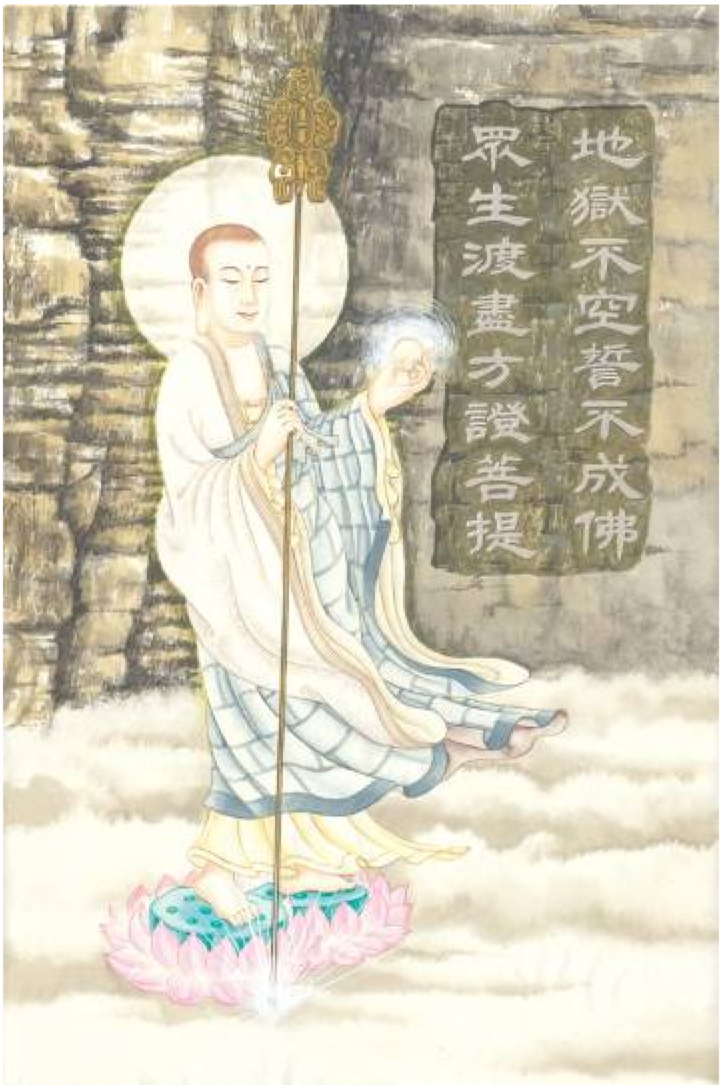
Đầu đội mão Trời, thân khoác áo lụa mỏng, đeo chuỗi Anh Lạc với các vật báu trang sức, tay trái cầm cây lúa (tượng trưng cho ngũ cốc phong phú), tay phải cầm viên ngọc Như Ý để ngang ngực (tượng trưng cho việc thỏa mãn mọi mong cầu của chúng sinh), ngồi trên tòa sen.

Do **Tín Ngưỡng Địa Tạng** không nhận được sự sùng mộ của dân Ấn Độ, nên đã mất dần các dấu tích.

_ Sau này, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** theo bước chân những Tăng Đoàn truyền giáo Phật Giáo du nhập vào vùng Trung Á, trạm dừng chân đầu tiên là Turkestan. Từ đây một hình tượng phổ biến của Địa Tạng Bồ Tát là: *"Nhà sư cầm cây gậy hành hương với một viên ngọc Như Ý"* được phụng thờ như là vị Bồ Tát bảo vệ người lữ hành thoát khỏi mọi hiểm nguy. Hàng ngàn hình tượng Địa Tạng được tôn thờ trong những hang động tại vùng Lung-Men và Tun-Hoang đã minh họa cho Tín Ngưỡng này.







_ Khoảng Thế Kỷ thứ 5, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phổ biến tại Trung Hoa qua Kinh **Đại Tạng Bồ Tát Thập Luân** (Daśa-cakra-Kṣitigarbha-sūtra) trong đó nêu lên những Đức Tính của Ngài.

.) Sau đời Tùy (581_618), Đường (618_917) thì **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được sùng mộ hưng thịnh. Ví dụ như Đời Tùy y theo Kinh **Địa Tạng Thập Luân** (Daśa-cakra-Kṣitigarbha-sūtra) mà đề cao thuyết **Phổ Phật**, **Phổ Pháp** cùng với **Địa Tạng Bồ Tát Lễ Nghi Sám Pháp** và xưng là **Tam Gia Giáo.**

.) Đời Tống, **Thường Cẩn** có soạn một quyển sách ghi nhận 32 loại sự tích linh nghiệm liên quan đến Địa Tạng Bồ Tát từ đời Lương (502_557) đến đời Tống (960_1279). Do điều này mà **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phổ biến rộng rãi, người đời lúc bấy giờ đều lưu truyền, phỏng họa hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng để trong Tự Viện hoặc Phật Đường của tư nhân mà lễ bái cúng dường. Nổi tiếng nhất là hình tượng Địa Tạng Bồ Tát được vẽ trên bức tường phía Đông của chùa **Thiện Tịch**, huyện Đức Dương, Hán Châu trong Đời Lương.

.) Lại nữa, Phật Giáo Trung Hoa còn xếp Địa Tạng Bồ Tát là một trong bốn vị Đại Bồ Tát (Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Am, Địa Tạng) ứng hóa giảng thuyết tại Đạo Tràng ở núi **Cửu Hoa** thuộc tỉnh **An Huy**.



Điện thờ **Địa Tạng Vương Bồ Tát** trên đỉnh núi **Cửu Hoa**

Tống Cao Tăng Truyện, quyển 20 ghi nhận rằng: "**Địa Tạng Bồ Tát** sinh hạ vào giòng Vương Tộc ở nước **Tân La**, tên là **Kim Kiều Giác** rồi xuất gia. Sau thời **Đường Huyền Tôn** thì đến Trung Hoa tu Đạo ở núi **Cửu Hoa**, ở 75 năm đến ngày 30 tháng 7 năm **Khai Nguyên** thứ 26, đời Đường thì viên tịch, thọ thế 99 tuổi. Vì nhục thân chẳng hư hoại nên đem toàn thân vào Tháp, tức là **Nhục Thân Điện** tại núi Cửu Hoa, tương truyền tức là nơi Địa Tạng Bồ Tát thành Đạo". Từ sự tích này nên người dân Trung Hoa chọn ngày 30 tháng 7 Âm Lịch làm ngày Thánh Sinh của Địa Tạng Bồ Tát.

.) Đến đời Thanh (1644_1911) thì **Địa Tạng Bồ Tát** được xem là Bản Tôn chủ quản ngũ cốc phong phú đồng thời cũng chủ về sự kính ái, phù hộ cho gia đình hòa thuận.

.) Ngày nay, đại đa số người dân Trung Hoa đều cho rằng Địa Tạng Bồ Tát là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục và xưng tán Ngài là **U Minh Giáo Chủ Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát** cai quản mười điện Diêm Vương, tức là Bản Tôn chuyên cứu độ chúng sinh bị khổ đau trong cõi Địa Ngục.



Nguồn gốc của danh hiệu **Địa Tạng Bồ Tát** được nói ở trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân** (Daśa-cakra-Kṣitigarbha-sūtra) là: "An nhẫn chẳng động giống như đại địa, lặng lẽ suy nghĩ ngầm biết kho tàng bí mật (Bí Tạng) cho nên gọi là **Địa Tạng**"

"An nhẫn chẳng động giống như đại địa" là nói **Nhẫn Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā) bậc nhất của Địa Tạng Bồ Tát, giống như đại địa (đất đai) hay chịu đựng chuyên chở mọi loại nghiệp tội của tất cả chúng sinh.

"Lặng lẽ suy nghĩ" trong câu **"***Lặng lẽ suy nghĩ ngầm biết kho tàng bí mật"* là hiển rõ sự chẳng thể luận bàn của Trí Tuệ Thiền Định ấy

.) Kinh **Đại Phương Quảng Thập Luân,** quyển một nói rằng*:**"Địa Tạng** có ý nghĩa là ẩn chứa (kho báu bị che dấu trong lòng đất)"* tức là nói tất cả kho báu ngầm dấu kín trong lòng đất đều là Địa Tạng

.) **Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tính Luận**, quyển 4 ghi rằng: "Dùng kho tàng ẩn chứa trong lòng đất ví như hiển bày **Như Lai Tạng** (Tathāgata-garbha). Nhưng kho báu này, một phương diện là đại biểu cho **Phật Tính** (Buddhatā) trong sạch không nhiễm bẩn của chúng sinh, hay khiến cho chúng sinh thành tựu viên mãn Phật Quả. Một phương diện khác là đại biểu cho Phước Đức, Trí Tuệ, Tài Bảo vô tận của sinh mệnh, cho nên **Địa Tạng** đại biểu cho tất cả kho tàng ẩn chứa Công Đức chẳng thể nghĩ bàn".

Địa (đất) còn có bảy ý nghĩa đặc trưng là:

1_ Đất hay sinh ra vạn vật

2_ Đất thu nhiếp vạn vật

3_ Đất chuyên chở vạn vật

4_ Đất cất giữ nhiều kho tàng của cải vật chất

5_ Đất hay nuôi dưỡng giúp cho vạn vật tăng trưởng

6_ Đất hay nâng đỡ, là chỗ dựa của vạn vật

7_ Đất bền chắc vững vàng, chẳng động

Do đó dùng hình dạng cụ thể của **Đất** (địa) để biểu thị cho Phước Đức có được của Địa Tạng Bồ Tát là:

1_ Địa Tạng Bồ Tát hay sinh ra mọi Pháp lành

2_ Địa Tạng Bồ Tát hay thâu nhiếp mọi Pháp lành trong Tâm **Đại Giác**

3_ Địa Tạng Bồ Tát hay gánh vác tất cả chúng sinh, dìu dắt họ tiến dần trên con đường giác ngộ.

4_ Địa Tạng Bồ Tát hay cất giữ mọi Pháp màu nhiệm

5_ Địa Tạng Bồ Tát hay dùng mọi Pháp lành bình đẳng giúp cho mọi chúng sinh tăng trưởng Chính Pháp giải thoát.

6_ Địa Tạng Bồ Tát là chỗ dựa vững chắc của tất cả chúng sinh.

7_ Địa Tạng Bồ Tát hay hiển bày tâm Bồ Đề mầu nhiệm, bền chắc như Kim Cương chẳng thể bị phá hoại.

Trong **Kinh** lại ghi rằng: "Địa Tạng Bồ Tát trụ ở **Kim Cương Bất Khả Hoại Hạnh Cảnh Giới Tam Muội,** giống như **Kim Cương Địa Luân** rất bền chắc chẳng thể phá hoại, cho nên hay trụ giữ vạn vật khiến cho chẳng lay động. Lại giống như trái đất hay ẩn chứa các loại kho tàng quý báu không có cùng tận, hàm chứa tất cả hạt giống, khiến cho chẳng mục nát, dần dần tươi tốt thêm.

Địa Tạng hay khiến cho đầy đủ tất cả Tâm Nguyện của chúng sinh thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, là **thai mẹ** (Mẫu Thai) hay sinh ra chúng sinh để thành Phật.

Đại Địa ở ý nghĩa hiện tượng cụ thể trên, có đầy đủ tính chất đặc biệt là: Sinh trưởng, bền chắc, trụ giữ vạn vật, chẳng động, rộng lớn, cùng với thai mẹ có đầy đủ

khả năng sinh ra tất cả kho báu. Do Địa Tạng Bồ Tát cũng có đầy đủ Phước Đức như vậy, cho nên dùng **Địa Tạng** để tác làm danh hiệu đó".

.) Phẩm **Tựa** của Kinh **Đại Phương Quảng Thập Luân**, quyển 1 và Kinh **Chiêm Sát Thiện Ac Nghiệp Báo**, quyển 1 ghi rằng: "Địa Tạng Bồ Tát do Thệ Nguyện Đại Bi ở đời quá khứ, nên thị hiện thành thân Đại Phạm Vương, thân Đế Thích, thân Thanh Văn, thân Diêm La Vương, thân sư tử, thân cọp, thân chó sói, thân bò, thân ngựa cho đến thân La Sát, thân Địa Ngục…vô lượng vô số thân khác loài để giáo hóa chúng sinh và đặc biệt là thuận theo niệm của chúng sinh, thọ nhận nỗi khổ đau ở đời ác năm Trược, tương ứng với điều mong cầu của chúng sinh giúp cho họ ***tiêu Tai tăng Phước***. Do thành thục căn lành của chúng sinh mà Địa Tạng Bồ Tát biến hiện vô số Hóa Thân như vậy để cứu độ chúng sinh, nên lại được xưng là **Thiên Thể Địa Tạng**"

.) Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), Phẩm **Phân Thân Tập Hội** ghi nhận lời phó chúc của Đức Thích Tôn, ở trong thời đại không có Phật, từ sau khi Đức **Phật Thích Ca** (Śākyamuṇi-buddha) viên tịch cho đến lúc Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) thành Đạo, thời Địa Tạng sẽ làm vị Bồ Tát tự thề độ hết chúng sinh trong sáu nẻo mới thành tựu Nguyện. Do điều này mà **Địa Tạng Bồ Tát** là vị Bồ Tát có **Bi Nguyện** (Kāruṇa-praṇidhāna) đặc biệt sâu nặng.

Dựa vào Đức đặt biệt này mà Phật Giáo Đồ thường xưng tán Ngài là **Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát**.

.) Do trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), có ghi nhận hai tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát là: **Bà La Môn Nữ** và **Quang Mục Nữ** vì muốn cứu độ mẹ thoát khỏi nỗi khổ đau trong Địa Ngục mà chuyên tâm tu hành, thề cứu giúp mẹ với tất cả chúng sinh. Cho nên Phật Giáo Trung Quốc nhận định Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện** là Kinh ***báo hiếu*** của nhà Phật nhằm nhấn mạnh việc tu học bắt đầu từ sự hiếu kính cha mẹ, tôn trọng Thầy Tổ cho đến cứu giúp chúng sinh.

.) **Địa Tạng Bồ Tát** lại được xem như là kho tàng ẩn chứa các Công Đức vi diệu, đầy đủ các trân bảo giải thoát, giống như viên ngọc Như Ý tuôn mưa mọi tài bảo. Tùy theo sự mong cầu chẳng luận là cầu xin ngũ cốc được mùa hoặc là cầu Phước Đức, tiền của, giàu có đều khiến được mãn túc.

Kinh **Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân** ghi rằng: "*Tùy theo chỗ ở. Nếu quần áo, thức ăn uống, đồ dùng hàng ngày của các hữu tình có chỗ thiếu thốn mà hay chí tâm xưng tên niệm tụng, quy kính cúng dường* ***Địa Tạng Bồ Tát****, thời tất cả đều được như Pháp mong cầu*".

Lại nói rằng: *"Hay thủ hộ cho Hành Giả tu học pháp môn của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho tất cả tiền của, quan vị chẳng thiếu thốn"*.

Do điều này mà Địa Tạng Bồ Tát được xem là **Bản Tôn Tài Bảo**, hay khiến cho tất cả chúng sinh thỏa mãn mọi mong cầu, chẳng luận là cầu xin ngũ cốc được mùa hoặc cầu Phước Đức, tiền của, giàu có.

.) **Địa Tạng Bồ Tát** còn được xem là vị Thần bảo toàn đời sống qua tên gọi là **Diên Mệnh Địa Tạng** tức **Thân Hóa Hiện** bởi Thệ Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát để khiến cho sống lâu làm lợi ích cho đời, hay tránh khỏi sự chết yểu, đoản mệnh có đủ Đức của Pháp khoẻ mạnh sống lâu.

Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), quyển Thượng, Phẩm **Như Lai Tán Thán** ghi chép rằng: *"Nếu có người nào mới sinh con*

trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ mới sinh ra đó mà đọc tụng Kinh Điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Ngài Địa Tạng Bồ Tát đủ một vạn biến. Được vậy thời đứa trẻ hoặc trai hay gái mới sinh ra đó, nếu đời trước nó đã gây tạo tội vạ chi cũng được thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ dễ nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi Phước Lực mà thọ sinh, thì đời nó càng được an vui hơn sống lâu hơn".

.) Mật Giáo của Trung Hoa ghi nhận:

Địa Tạng Bồ Tát là Tôn Chủ của Địa Tạng Viện trong **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), hiển hình Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phướng báu Như Ý, tay phải cầm viên ngọc báu ngồi trên hoa sen.

Trong **Kim Cương Giới Mạn Đà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Địa Tạng Bồ Tát được ghi nhận qua tên gọi **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-ketu) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata)

Căn cứ vào sự đề xuất của Kinh **Bát Đại Bồ Tát Man Đồ La** thì Địa Tạng Bồ Tát là một trong tám vị Đại Bồ Tát gồm có: **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), **Từ Thị** (Maitreya), **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), **Văn Thù** (Maṃjuśrī), **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin), **Địa Tạng** (Kṣitigarbha) vây quanh Đức **Phật Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi-buddha) biểu thị cho Pháp tu "**chuyển tám Thức** (Aṣṭau-vijñānāni) **của chúng sinh thành Tướng thanh tịnh màu nhiệm**".Tám vị Bồ Tát này cùng phụ giúp Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn các chúng sinh về Thế Giới Cực Lạc

.) Do **Địa Tạng Bồ Tát** dùng sức **Bi Nguyện** cứu độ chúng sinh, nhất là đối với chúng sinh đang chịu khổ tại cõi Địa Ngục, lại đặc biệt thương xót, thị hiện thân **Diêm La Vương** (Yama-rāja-kāya), thân **Địa Ngục** (Nakara-kāya) rộng vì chúng sinh chịu tội khổ mà nói Pháp để giáo hóa cứu độ. Do điều này mà thân Diêm La Vương thường được xem là một Hóa Thân (Nirmāṇa-kāya) của Địa Tạng Bồ Tát. Như Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Phát Tâm Nhân Duyên Thập Vương** đề xuất ***Bản Địa*** của Diêm La Vương là Địa Tạng Bồ Tát.

Vì chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng này cùng với tư tưởng **Địa Ngục** (Nakara) trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra) nên dân gian Trung Hoa cho rằng Địa Tạng Bồ Tát là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục.

Trong động **Thiên Phật** ở **Đôn Hoàng** có ghi nhận hình vẽ **Địa Tạng Thập Vương** tức hội các tượng của Địa Tạng Bồ Tát với mười vị vua Diêm La kèm theo lời văn minh họa. Hình vẽ này được tạo lập trong đời Tống, niên hiệu **Thái Bình Hưng Quốc**, năm thứ tám (983) nhằm nhấn mạnh rằng Ngài là "*Đấng giải thoát khỏi cực hình Địa Ngục"*

Chính tư tưởng bên trên đã khiến cho một số người ngộ nhận, cho rằng Địa Tạng Bồ Tát chỉ ở tại Địa Ngục để cứu độ chúng sinh trong Địa Ngục. Từ đấy trong việc làm tang ma, Thanh Minh tảo mộ qua tiết Trung Nguyên, Pháp Hội Siêu Độ…thường cúng phụng Địa Tạng Bồ Tát để cầu đảo cho vong linh được siêu độ. Ngoài ra tại nghĩa địa, linh tháp hoặc gặp chiến loạn, sự cố, đất đang phát triển mà mọi người đều đi qua…. thường xây dựng Miếu bái tế Địa Tạng với hy vọng Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo vệ người sống, siêu độ vong linh

Thật ra ở trong cả sáu nẻo, Ngài đều có năng lực giáo hóa tế độ. Điều đó được biểu thị qua sáu vị Địa Tạng, tức là Địa Tạng độ hóa chúng sinh trong sáu nẻo.

Tên của sáu vị Địa Tạng đều y theo **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) có chúng sinh trong sáu nẻo mà nói. Thế Giới ở phương khác hoặc có bảy nẻo, hoặc năm nẻo… chẳng giống nhau thời Địa Tạng cũng y theo nhân duyên của mỗi phương để mỗi mỗi thị hiện ứng hóa.

.) Danh xưng của Địa Tạng trong sáu nẻo thời các Kinh Quỹ ghi chép chẳng giống nhau. Nhưng theo đại thể mà nói thì đều bắt nguồn ở **Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển thứ năm là: Sáu vị Thượng Thủ (Ṣaḍa-pramukha) trong chín Tôn (Nava-nātha) của **Địa Tạng Viện** trong *Thai Tạng Giới* (Garbha-dhātu) tức là: **Địa Tạng** (Kṣitigarbha), **Bảo Xứ** (Ratnakāra), **Bảo Chưởng** (Ratna-pāṇi), **Trì Địa** (Dharanin-dhāra), **Bảo Ấn Thủ** (Ratna-mudrā-hasta), **Kiên Cố Ý** (Dṛḍhādhyāsaya). Trong đó

Địa Tạng Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục
Bảo Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ
Bảo Xứ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo Súc Sinh
Bảo Ấn Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo A Tu La
Trì Địa Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Người
Kiên Cố Ý Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Trời.

.) Kinh **Thập Vương** ghi nhận rằng:

1_ Dự Thiên Hạ Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Trời, tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn

2_ Phóng Quang Vương Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Người, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn

3_ Kim Cương Tràng Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi A Tu La, tay trái cầm cây phướng Kim Cương, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn

4_ Kim Cương Bi Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Súc Sinh, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Tiếp Dẫn Ấn

5_ Kim Cương Mật Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Cam Lộ Ấn

6_ Kim Cương Nguyện Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục, tay trái cầm cây phướng Diêm Ma, tay phải tác Thành Biện Ấn.

.) Kinh **Liên Hoa Tam Muội** ghi nhận là:

1_ Đàn Đà Địa Tạng hay hóa độ nẻo Địa Ngục, tay cầm cây phướng đầu người [Đàn Đa (danda)dịch là Nhân Đầu Tràng]

2_ Bảo Châu Địa Tạng hay hóa độ nẻo Ngạ Quỷ, tay cầm viên ngọc báu

3_ Bảo Ấn Địa Tạng hay hóa độ nẻo Súc Sinh, duỗi bàn tay **Như Ý Bảo Ấn**

4_ Trì Địa Địa Tạng hay hóa độ nẻo Tu La, hay gìn giữa đại địa ủng hộ hàng Tu La

5_ Trừ Cái Chướng Địa Tạng hay hóa độ nẻo người, vì con người trừ sự che chướng của tám khổ

6_ Nhật Quang Địa Tạng hay hóa độ nẻo Trời, soi chiếu năm hiện tượng suy thoái của người Trời để trừ khổ não cho họ.

.) **Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Tân Biên** ghi nhận 6 vị Địa Tạng là:

Hộ Tán Địa Tạng, Diên Mệnh Địa Tạng, Mâu Ni Địa Tạng, Tán Long Địa Tạng, Phá Thắng Địa Tạng, Bất Hưu Tức Địa Tạng

Ngoài ra còn có thuyết ghi nhận là: Địa Tạng Bồ Tát cùng với các vị Bồ Tát Quán Âm (Avalokiteśvara), Đại Thế Chí (Mahā-sthāmaprāpta), Long Thọ (Nāgarjuna)…đều là các vị theo hầu Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) và xưng là **A Di Đà Ngũ Phật**. Cũng còn nói là khi Đức Phật A Di Đà còn là con người thì Bồ Tát **Pháp Tạng** (Dharmākara) với Bồ Tát **Địa Tạng** có cùng một Thể.

Người dân Trung Hoa thờ phụng Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** cùng với Tầm Thanh Cứu Khổ **Quán Thế Âm Bồ Tát**, Thệ Nguyện Độ Tận Chúng Sinh **Địa Tạng Bồ Tát** và hợp xưng là **Sa Bà Tam Thánh**



_ Sáu vị Sứ Giả của Địa Tạng:

Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ nói : "Sáu vị Sứ Giả của Địa Tạng Tôn là:

1_ **Diễm Ma Sứ Giả** (Yama-ceṭa): hóa độ Địa Ngục

2_ **Trì Bảo Đồng Tử** (Ratna-dhāra-kumāra): hóa độ Ngạ Quỷ

3_ **Đại Lực Sứ Giả** (Mahā-bala-ceṭa): hóa độ súc sinh

4_ **Đại Từ Thiên Nữ** (Mahā-maitreya-devī): hóa độ Tu La

5_ **Bảo Tạng Thiên Nữ** (Ratna-garbha-devī): hóa độ loài người

6_ **Nhiếp Thiên Sứ Giả** (Pratigrahadeva-ceṭa): hóa độ chư Thiên

Nghi Quỹ niệm tụng này, tuy chẳng do ngài Bất Không dịch. Xong cùng với nhóm **Diên Mệnh Địa Tạng Kinh, Liên Hoa Tam Muội Kinh** đều là Bản thuộc Nghi Tự Bộ.

_ Tại Tây Tạng, khoảng Thế Kỷ thứ 8, do sự phát triển của Mật Giáo nên Địa Tạng Bồ Tát được minh họa trong các bức tranh và các **Mạn Đà La** (Maṇḍala) như là một trong tám vị Bồ Tát vây quanh Đức Phật, biểu thị cho ý nguyện Từ Bi vĩ đại là:

"*Địa Ngục chưa trống rỗng*
Thề Nguyện chẳng thành Phật
Khi độ hết chúng sinh
Mới chứng đắc Bồ Đề"

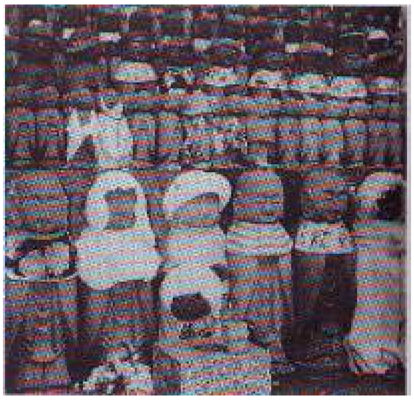
Ngoài ra Phật Giáo Tây Tạng cũng nhận định Địa Tạng Bồ Tát là một trong các Bản Tôn Tài Bảo

_Tại Nhật Bản, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** bắt nguồn trong thời kỳ **Bình An** (Heian:794_1192) và được phát triển qua từng giai đoạn cho đến ngày nay như sau:

.) **Kim Tích Vật Ngữ Tập** ghi nhận Địa Tạng là vị Bồ Tát cứu độ chúng sinh trong đời hiện tại và dẫn dắt họ sang Thế Giới Cực Lạc (Sukhāvatī)

.) Bộ **Nhật Bản Linh Dị Ký** tin rằng Địa Tạng là vị Bồ Tát cứu độ chúng sinh sau khi lâm chung.

.) Người dân Nhật Bản tin tưởng rằng Địa Tạng Bồ Tát chuyên cứu độ linh hồn của trẻ con bị chết yểu nên thường dựng các tượng đá Jizò (Địa Tạng) trong các nghĩa trang và khoác quần áo của trẻ con đã chết ấy lên bức tượng.





Dần dần Địa Tạng Bồ Tát được đồng hóa với **vua Diêm La** (Yama-rāja) và được xem là vị chủ tể của cõi U Minh, chuyên cứu độ tất cả chúng sinh trong cõi Địa Ngục. Như quyển **Bồ Đề Tâm Luận** của ngài **Trân Hải** cho rằng Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện thành thân Phật hoặc thân Diêm La Vương để vào Địa Ngục cứu độ chúng sinh

Biểu tượng thường thấy nhất là tượng Địa Tạng Bồ Tát được tạo dựng trong các nghĩa trang của Phật Giáo hoặc các tranh tượng Địa Tạng qua hình nhà sư đi vào lửa ngục để giải cứu những linh hồn chịu khổ nạn.





.) Ngày nay tại Nhật Bản, Địa Tạng Bồ Tát được thờ phượng qua hình dáng nhà sư đầu trần chân đất, đi vào xã hội cứu độ chúng sinh ngay trong đời này chứ không phải ở chốn Địa Ngục.

Trong Thế Kỷ thứ 9, Tín Ngưỡng Địa Tạng được **Thiên Đài Tông** và **Chân Ngôn Tông** phổ biến qua hình tướng của sáu vị Địa Tạng.

Giác Thiền Sao ghi rằng:

1_ Đại Kiên Cố Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Trời, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải cầm quyển Kinh

2_ Đại Thanh Tịnh Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Người, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải kết Thí Vô Úy An

3_ Thanh Tịnh Vô Cấu Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi A Tu La, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải cầm rương Kinh Phạn

4_ Đại Quang Minh Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Súc Sinh, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải cầm Như Ý

5_ Đại Đức Thanh Tịnh Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Dữ Nguyện An.

6_ Đại Định Trí Bi Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải cầm viên ngọc báu.

Hoặc sáu hình tượng Địa Tạng là sáu Hóa Tôn của sáu nẻo đã được ghi nhận trong **Đại Nhật Kinh Sớ**

Ngoài sáu hình tướng trên, Nhật Bản còn lưu truyền nhiều hình tướng Địa Tạng khác là:

_ Pháp Tính Địa Tạng: Còn gọi là **Bất Hưu Tức Địa Tạng**



_ Địa Trì Địa Tạng (Jiji Jizò): Còn gọi là **Hộ Tán Địa Tạng**



_ Bảo Tính Địa Tạng: Còn gọi là **Phá Thắng Địa Tạng**



_ Pháp Ấn Địa Tạng: Còn gọi là **Tán Long Địa Tạng**



_ Đà La Ni Địa Tạng: Còn gọi là **Biện Ni Địa Tạng**



_ **Long Quy Địa Tạng**: Còn gọi là **Diên Mệnh Địa Tạng** hay **Quang Vị Địa Tạng**



_ **Dự Thiên Địa Tạng** (Yotenga Jizò):Tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải tác Thuyết Pháp Ấn, cứu độ nẻo Trời Người.



_ **Phóng Quang Vương Địa Tạng** (Hòkò- ò- Jizò):Tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, giúp cho Ngũ Cốc được mùa



_ **Kim Cương Tràng Địa Tạng** (Kongòtò Jizò):Tay trái cây phướng Kim Cương, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, cứu độ nẻo Tu La



_ **Kim Cương Bi Địa Tạng** (Kongòhi Jizò):Tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Dẫn Tiếp Ấn, cứu độ nẻo Súc Sinh



_ **Kim Cương Bảo Địa Tạng** (Kongòhò Jizò):Tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Cam Lộ Ấn, cứu độ nẻo Quỷ đói



_ Kim Cương Nguyện Địa Tạng (Kongògan Jizò):Tay trái cầm cây phướng Diễm Ma, tay phải tác Thành Biện Ấn, vàu Địa Ngục cứu khổ



_ Khỏa Địa Tạng: (Hadaka Jizò: Địa Tạng lõa thể)



Trường hợp đặc biệt, Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể mang hình tướng một bà già qua tên gọi **Mẫu Địa Tạng** (Uba Jizò)

Hoặc mang hình tướng của người nữ với tên gọi là **Tử Dục Địa Tạng** (Kosodate Jizò) được kêu cầu như vị Thần bảo vệ và nuôi lớn trẻ con

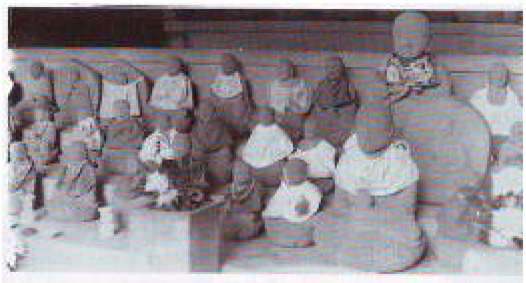


_ **Tử An Địa Tạng** (Koyasu Jizò): giúp cho phụ nữ sinh đẻ và nuôi con dễ dàng.



Tín Ngưỡng này đã thâm nhập vào Tín Ngưỡng Dân Gian từ sau thời đại **Khiếm Thương** (Kamakura: 1192_1336) tức lấy sự thị hiện của Bồ Tát Địa Tạng ở vùng **Tắc Hà** là vị cứu hộ trẻ con, giúp phụ nữ sinh đẻ dễ dàng… và có vẽ hình, ca vịnh tán tụng.

Tại Kiyomizu ở Kyoto có dựng tượng Jizò (Địa Tạng) là nơi dùng để tưởng niệm những đứa trẻ bị chết yểu.



_ **Thủy Tử Địa Tạng** hay **Ấu Thủy Địa Tạng** (Mizuko Jizò): Giúp cho những vong linh trẻ con chết yểu hoặc chết trong thai mẹ…được an lành. Do điều này mà tượng Địa Tạng Bồ Tát thường được đặt dọc theo bờ sông Sai-no-Kawara nhằm giúp cho những vong linh chết trẻ, thoát khỏi mọi hình phạt, sớm được siu thốt. Hoặc thiết lập các nghi lễ cầu siêu cho trẻ con bị chết khi người mẹ bị sẩy thai hay phá thai….

Hình tượng Mizuko Jizò tại chùa Chòsenji (Trường Tuyền Tự)



Người dân Nhật Bản tin tưởng rằng Địa Tạng Bồ Tát có rất nhiều quyền năng như di chuyển, bay, nói hoặc nhổ gai khỏi chân những kẻ lữ hành… Từ đó vô số Tín Ngưỡng Dân Gian đã gắn liền với Địa Tạng như:

_ **Thích Phi Địa Tạng** (Togenuki Jizò): hay giúp cho người lữ hành nhổ gai góc đâm vào chân



_ **Thường Thí Địa Tạng** (Ajimi Jizo): hay giúp cho các vị tu sĩ chuẩn bị các món ăn đặc biệt ở nhà bếp



_ **Cốc Đoàn Bính Địa Tạng** (Botamochi Jizò): hay giúp cho nhà nông có các cái bánh hình tròn để ăn trong thời gian gieo trồng lúa mạ.

_ **Tỵ Thủ Địa Tạng** (Hanatori Jizò): chăm sóc ngựa và gia súc

_ **Hỏa Tiêu Địa Tạng** (Hikeshi Jizò) hay **Hỏa Phần Địa Tạng** (Hitaki Jizò): bảo vệ nhà cửa, ruộng vườn tránh khỏi hỏa hoạn

_ **Thủy Dẫn Địa Tạng** (Mizuhiki Jizò): mang nước đến giúp cho lúa mạ, cây cối tăng trưởng

_ **Vũ Khất Kỳ Địa Tạng** (Amagoi Jizò): Cầu đảo xin trời mưa

_ **Lập Sơn Địa Tạng** (Tachiyama Jizò): tạo làm nơi chốn cho phụ nữ nông dân nghỉ ngơi

_ **Điền Thực Địa Tạng** (Taue Jizò): giúp cho ngũ cốc được mùa

_ **An Sản Địa Tạng** (Anzan-Jizò): giúp cho phụ nữ sinh đẻ dễ dàng



_ **Nhật Hạn Địa Tạng** (Higiri Jizò): giúp cho con người tránh khỏi Thiên Tai

_ **Tâm Bình Địa Tạng** (Shinpei Jizò): giúp cho linh hồn của con người được an bình

_ **Đạo Dẫn Địa Tạng** (Michibiki Jizò): bảo vệ, chỉ đường cho những người đi trong vùng hoang vắng hiểm trở

_ **Thắng Quân Địa Tạng** (Shokògun Jizò): Giúp cho chiến thắng và bình an trong trận mạc



_ **Diên Mệnh Địa Tạng** (Enmei Jizò): giúp cho con người mạnh khỏe sống lâu, không bị bệnh tật.



_ **Du Huyền Địa Tạng** (Aburakake Jizò): chữa trị bệnh tật cho con người



_ **Bảo Ấn Địa Tạng** ((Hòin Jizò): Cứu độ súc sinh

_ **Phóng Quang Vương Địa Tạng** (Hòkò- ò- Jizò) hoặc **Kiên Cố Ý Địa Tạng** (Kenko-i Jizò) hoặc **Nhật Quang Địa Tạng** (Nikkò Jizò): Cứu độ hàng Trời

_ **Bảo Xứ Địa Tạng** (Hòsho Jizò): Cứu độ A Tu La

_**Bảo Chưởng Địa Tạng** (Hòshò Jizò): Cứu độ Quỷ đói

_**Trì Địa Địa Tạng** (Jiji Jizo) hoặc **Trừ Cái Chướng Địa Tạng** (Jogaishò Jizò): Cứu độ loài người

_ **Bảo Châu Địa Tạng** (Hòju Jizò): Cứu độ nẻo Địa Ngục

_ **Hỏa Phục Địa Tạng** (Hifuse Jizò): ngăn chận nạn núi lửa. Điển hình là các Tượng Địa Tạng được dựng gần núi lửa Chasudake tại Nhật

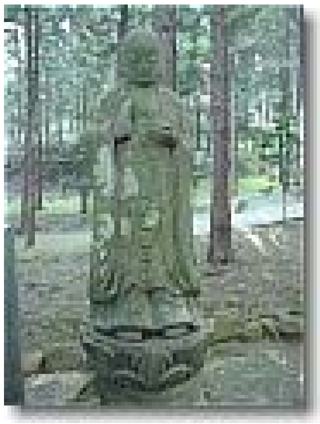


Ngoài ra Địa Tạng Bồ Tát còn được thờ phụng qua nhiều tên gọi như sau:

_ Đàn Đà Địa Tạng (Danda Jizò)
_ Nê Túc Địa Tạng (Doroashi Jizò)
_ Phúc Đới Địa Tạng (Hara-Obi Jizò)
_ Bị Mạo Địa Tạng (Hibò Jizò)
_ Hắc Địa Tạng (Kuro Jizò)
_ Không Thủ Địa Tạng (Karate Jizò)
_ Lạp Địa Tạng (Kasa Jizò)
_ Khái Chỉ Địa Tạng (Sekidome Jizò)
_ Thúc Tử Địa Tạng (Tawashi Jizò)
_ Lung Địa Tạng (Tsunbo Jizò)
_ Thỉ Điền Địa Tạng (Yata Jizò)
_ Thủ Chấn Địa Tạng (Kubifuri Jizò)

Người dân Nhật thường khắc hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát trên đá hoặc dùng đá tảng, cắt xẻ đục đẽo đơn sơ rồi dựng hình tượng của Ngài trên các bệ đá dựng ở ven đường, cổng ra vào của làng mạc, nơi hoang vắng nguy hiểm… nhằm bảo vệ cho làng mạc và khách lữ hành.





Riêng ở Tokyo có hơn 500 bức tượng Jizò (Địa Tạng) được dựng dọc theo nhiều tuyến đường



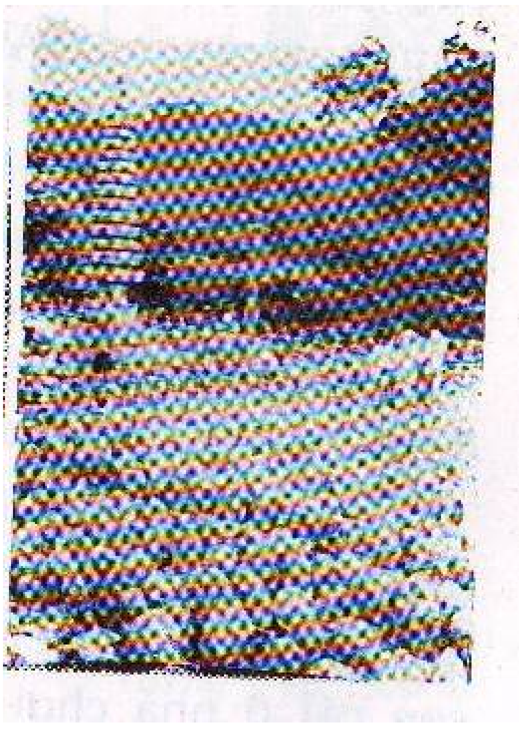
Do người Nhật tin tưởng Địa Tạng là vị Bồ Tát giám hộ trẻ thơ, nên thường cho trẻ con chơi đùa loanh quanh, gần một bức tượng Địa Tạng với niềm tin là Ngài sẽ trông coi và bảo vệ cho lũ trẻ.





Phật Giáo Nhật Bản chọn ngày 24 tháng bảy theo Lịch của Nhật Bản là ngày vía của Địa Tạng Bồ Tát và chọn ngày 23, 24 tháng tám làm ngày lễ hội **Địa Tạng Bồn** (còn gọi là ngày truyền thống của trẻ thơ), nhằm nhắc nhở đến sự mệnh thiêng liêng của Ngài là bảo vệ trẻ thơ vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của đời người.

Nhiều chùa ở Nhật Bản có dựng một dãy tượng Địa Tạng bằng đá đẽo thô mộc, gọi là Sentai Jizò (ngàn thân Địa Tạng)





Do Bản Tính *khoan hòa, từ ái* của Địa Tạng Bồ Tát kèm với hình tướng nhà sư, khiến Ngài có vẻ gần gũi với dân gian hơn là vị Thần khác. Ngài được gắn liền với Đức Phật A Di Đà cùng với Bồ Tát Quán Âm thì được xưng tán là ***"Nhất Phật Nhị Bồ Tát*".**

Đôi khi, Địa Tạng Bồ Tát còn được biểu thị như là một chiến binh của Thần Đạo Nhật Bản được đồng hóa với **Atago Gongen** (vị Thần bảo vệ khỏi bị lửa đốt, là một Nhập Thể tạm thời của **Jizi** được thờ phụng trên núi Atago thuộc tỉnh Kyoto) với hình dáng một chiến tướng ngồi trên lưng ngựa, tay cầm cây gậy hành hương và viên ngọc ước. Thần Thú của Thần **Atago Gongen** là con lợn rừng, biểu tượng cho sức mạnh, lòng dũng cảm và ý chí kiên cường….nhằm giải cứu cho những chiến binh thoát khỏi mọi tình huống khó khăn nguy cấp hoặc tránh sự gây hại của lợn rừng.



_ Tại Việt Nam, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phát triển song hành với sự phát triển của Phật Giáo. Tuy nhiên phần lớn người dân Việt thường chuyên tụng Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** với mục đích cầu siêu cho ông bà, cha mẹ, con cái, họ hàng thân thuộc… tức chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng cho rằng **Địa Tạng Bồ Tát** là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục, Giáo Chủ của cõi U Minh… chứ không hề biết rằng **Địa Tạng Bồ Tát** không chỉ độ hóa chúng sinh trong cõi Địa Ngục, mà còn giúp đỡ bảo vệ cho sinh mệnh của chúng sinh, an dân trấn quốc, viên mãn Phước Trí ngay trong đời hiện tại.

.) Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), quyển Thượng, Phẩm **Đao Lợi Thiên Cung Thần Thông** ghi rằng: "*Vào kiếp lâu xa trong thời quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát là con của một vị Đại Trưởng Giả. Nhân thấy tướng tốt trang nghiêm của Đức* ***Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai*** *mà phát sinh tâm kính ngưỡng, nói rằng để chứng đắc được tướng trang nghiêm này mà phát Nguyện cho đến hết các kiếp chẳng thể tính đếm,* ***ở đời vị lai độ thoát tội khổ của chúng sinh trong sáu nẻo****"*

Lại ghi rằng: "*Một trong các kiếp trong a tăng kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn, Địa Tạng Bồ Tát là người nữ thuộc giòng Bà La Môn, vì cứu độ mẹ thoát khỏi Địa Ngục đã thay mẹ cúng dường tu Phước và phát Nguyện cho đến hết kiếp vị lai đều rộng cứu độ tội khổ của chúng sinh*"

.) Trong Phẩm **Diêm Phù Chúng Sinh Nghiệp cảm** của Kinh trên cũng ghi nhận hai thuyết là:

_ "*Vào thời lâu xa trong quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát làm vua của một nước. Do thấy người dân trong nước tạo nhiều tội ác, nên đã phát Nguyện độ hết tội của các chúng sinh, đều đến Bồ Đề. Nếu chẳng như vậy thì không thành Phật*"

_"*Ở một kiếp lâu xa trong quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát là một người nữ tên là* ***Quang Mục****. Do mẹ của nàng bị đọa vào Địa Ngục nên Quang Mục vì muốn cứu độ mẹ, đã phát Nguyện cứu giúp nhổ bứt tất cả tội khổ của chúng sinh, đợi cho chúng sinh thành Phật rồi, sau đó mình mới thành Chính Giác"*

Các Thuyết ghi trên đều tùy theo Tín Ngưỡng **Địa Tạng** mà rộng truyền trong dân gian, cho nên trong Phật Giáo thường dùng các câu:

_"*Địa Ngục chưa trống rỗng*
Thề Nguyện chẳng thành Phật
Khi độ hết chúng sinh
Mới chứng đắc Bồ Đề"

_ "*Ta chẳng vào Địa Ngục thì ai vào Địa Ngục* ?"

Để hình dung lời Nguyện rộng lớn thuộc Tâm Từ Bi thương xót của Địa Tạng Bồ Tát.

.) Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện**, Phẩm **Địa Thần Hộ Pháp** đề cập đến mười điều lợi ích của việc cúng dường **Địa Tạng Bồ Tát.** Trong đó hay đắp tượng vẽ tranh, cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc hình tượng Ngài Địa Tạng, đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen, thì nơi người đó ở liền được mười điều lợi ích là:

1_Đất cát tươi tốt.
2_Nhà cửa an ổn.
3_Người đã chết được sinh lên cõi Trời.
4_ Những người hiện còn được tăng thọ.
5_ Cầu nguyện gì cũng được toại ý
6_ Không có tai họa về lửa và nước.
7_ Trừ sạch việc hư hao.
8_ Dứt hẳn mộng ác.
9_ Khi ra lúc vào có Thần theo hộ vệ.
10_ Thường được gặp bậc Thánh Nhân.

.) Trong Phẩm **Chúc Lụy Nhân Thiên** nói rằng: "Nếu trong đời sau có kẻ trai lành người nữ thiện nào, nhìn thấy hình tượng Ngài Địa Tạng và nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, thức ăn uống, quần áo, trân bảo, bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, sẽ được hai mươi tám điều lợi ích là:

1_Trời, Rồng thường hộ niệm.
2_Quả lành ngày càng tăng.
3_ Gom chứa Nhân vô thượng của bậc Thánh.
4_ Chẳng thoái Bồ Đề
5_Ăn mặc được đầy đủ.
6_ Thân không bị vướng những bệnh tật, nạn dịch
7_ Xa lìa tai họa về lửa và nước.
8_ Không bị nạn trộm cướp.
9_ Người khác nhìn thấy đều sinh lòng kính trọng.
10_ Quỷ Thần theo hộ trì.
11_ Đời sau sẽ chuyển thân nữ thành thân nam.
12_ Đời sau sẽ làm con gái của các bậc Vương Giả Đại Thần.
13_ Tướng mạo xinh đẹp.
14_ Phần lớn được sinh về cõi Trời.
15_ Làm bậc vua chúa.
16_ Có Trí sáng biết rõ những việc trong đời trước.
17_ Cầu nguyện gì cũng được toại ý
18_ Quyến thuộc an vui.
19_ Các tai họa đột ngột đều được tiêu diệt.
20_ Các nghiệp về nẻo ác đều dứt hẳn.
21_ Đi đến đâu cũng không bị trở ngại.
22_ Đêm nằm mộng được an ổn vui vẻ.
23_ Những người thân tộc đã chết nếu có tội thời được khỏi khổ.
24_ Nếu đời trước có Phước thì được thọ sinh về cõi vui sướng.
25_ Được các bậc Thánh ngợi khen.
26_ Căn Tính lanh lợi thông minh.
27_ Giàu lòng Từ Tâm thương xót.
28_ Cuối cùng thành Phật.

Trong băng đĩa **Cửu Hoa Sơn** (thuộc Tứ Đại Danh Sơn) có ghi nhận bài **Địa Tạng Sám** nhằm nhấn mạnh vào Pháp Tu **Chính Pháp Giải Thoát** qua sự nhiếp hóa của Bồ Tát Địa Tạng như sau:

_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con lìa hẳn ba nẻo ác
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con mau dứt Tham Sân Si
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con siêng tu Giới Định Tuệ
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con thường tùy các Phật Học
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con chẳng thoái Tâm Bồ Đề
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con quyết định sinh An Nhẫn
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con mau được thọ Thánh Ký
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con phân thân khắp các cõi
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con rộng độ các chúng sinh

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát trong Kinh **Thập Luân** nói là tướng Thanh Văn.

Loại hình tướng này của Địa Tạng Bồ Tát là ***"Bên ngoài hiện tướng Tỳ Kheo, bên trong ẩn chứa hạnh Bồ Tát"***, đó là vì khiến chúng sinh hay xa lìa việc luân hồi trong các nẻo ác, cho nên đặc biệt thị hiện tướng Thanh Văn, xa lìa Thế Gian, hướng về đạo Chính Giác.



Đức Phật A Di Đà và bốn vị Bồ Tát (**A Di Đà Ngũ Phật**) tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc.



Trong quyển 28 “**Biệt Tôn Tạp Ký**” và “**Giác Thiền Sao_ Địa Tạng Thượng**” nêu ra là hình Tỳ Kheo, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen.



Tượng Địa Tạng Bồ Tát biến hầm lửa thành hoa sen





Trong Phật giáo Trung Quốc, hình tượng Địa Tạng phần nhiều là hiện tướng Tỳ Kheo Thanh Văn, với tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải cầm cây Tích Trượng.




南無地藏王菩薩






南無地藏王菩薩



Tượng Địa Tạng đội mão Ngũ Phương Phật.





Diên Mệnh Địa Tạng tức **Thân Hóa Hiện** bởi Thệ Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát để khiến cho sống lâu làm lợi ích cho đời, hay tránh khỏi sự chết yểu, đoản mệnh có đủ Đức của Pháp khoẻ mạnh sống lâu. Vị Bồ Tát này hiện tướng Tỳ Kheo Thanh Văn, ngồi bán già trên đài sen, tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái cầm viên ngọc báu.





Sau này lại có Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát có 6 cánh tay biểu thị cho sự hóa độ tại sáu nẻo



Thần Tăng Truyện ghi chép: “**Địa Tạng Bồ Tát** có dẫn theo con chó trắng tên là **Thiện Thính** (hoặc **Đề Thính**) cùng vượt biển đến Trung Quốc”

Từ Thánh Tích này nên có hình Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên lưng con chó Thiện Thính.









Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên lưng con chó trắng, bên trái có vị Tỳ Kheo trẻ tên là **Đạo Minh**, bên phải có một ông già tên là **Mẫn Các**



Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát cùng với Đạo Minh và Mẫn Các



Hình Địa Tạng Bồ Tát, Đạo Minh, Mẫn Các, mười vị vua Diêm La và hai vị Hộ Pháp



Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, Đạo Minh, Mẫn Các với vua Diêm La



Tượng Địa Tạng Bồ Tát và hai vị Đồng Tử **Khuyến Thiện, Thắng Ác** (Hoặc Chưởng Thiện, Chưởng Ác)

(Bích họa, động **Đôn Hoàng**, đời Ngũ Đại)



.) Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát được minh họa theo nghệ thuật biểu hiện Đường Ca, vẽ từ đời Thanh, lưu trữ tại viện Bảo Tàng **Cố Cung**, Bắc Kinh là:

Địa Tạng Bồ Tát có sắc thân màu xanh, đầu đội mão báu, thân khoác Thiên Y, tay phải cầm cây lúa tượng trưng cho ngũ cốc phong phú, tay trái đặt bên hông, hai chân ngồi xếp bằng trên hoa sen.



Hình tượng thường gặp của Địa Tạng Bồ Tát ở Tây Tạng là: Đầu đội mão Trời, thân màu hồng nhạt, tay phải cầm viên ngọc Như Ý để ngang ngực (hoặc kết Thí Vô Úy Ấn), tay trái cầm hoa sen bên trên có cái chuông báu, ngồi trên tòa sen.





Kinh **Đại Nhật** ghi nhận: "Địa Tạng Bồ Tát cũng có hình dáng như Bồ Tát, đầu đội mão Trời, dùng chuỗi Anh Lạc, vật báu… trang nghiêm thân.

Trong "**Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ**" cũng nói: Địa Tạng Bồ Tát hình tướng Thanh Văn, mặc áo cà sa phủ lên vai trái rất trang nghiêm, tay trái cầm hình Doanh Hoa, tay phải tác Thí Vô Úy, ngồi trên hoa sen.

Nếu như hiện tướng Đại Sĩ, thì đỉnh đầu đội mão Trời, mặc áo cà sa, tay trái cầm cuống hoa sen, tay phải như lúc trước, ngồi yên trên đài có 9 hoa sen (Cửu liên đài)

Trong quyển 5 "**Đồ Tượng Sao**"**quyển 28** ; "**Biệt Tôn Tạp Ky**", "**Giác Thiền Sao. Địa Tạng Thượng**" **Địa Tạng quyển 110** trong "**A Sa Phộc Sao**"…. đều nêu rõ Tượng này.

Ngày nay Địa Tạng Bồ Tát có hai loại hình tượng: Một là tướng xuất gia, hiện bày tượng Sa Môn. Hai là tướng tại gia, thông thường đầu đội mão Trời, thân khoác áo cà sa, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải nắm cây Tích Trượng.







_Trong **Kim Cương Giới Mạn Đà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Địa Tạng Bồ Tát được ghi nhận qua tên gọi **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-ketu) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Địa Tạng Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-ketu):

Tôn này được sinh ra từ **Nghĩa viên mãn ước nguyện rộng lớn** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Bảo Tràng Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Bảo Tràng Tam Ma Địa Trí tuông ra ánh sáng Kim Cương Tràng (Cây phướng Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới mãn ý nguyện của tất cả chúng sinh, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tràng Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên trái Bảo Sinh Như Lai".

Do Kim Cương Tràng Bồ Tát gia trì cho nên hay mãn hết thảy ước nguyện về Thế Gian và Xuất Thế Gian của chúng Hữu Tình, giống như cây phướng báu **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi-ketu)

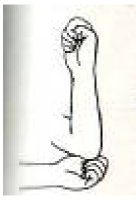
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay cầm cây phướng Như Ý



Mật Hiệu là: **Viên Mãn Kim Cương, Nguyện Mãn Kim Cương**
Chữ chủng tử là: TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽), hay TRĀṂ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Phan Phướng NhưÝ



Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



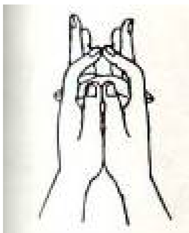
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖸𑖝𑖲 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖽
OṂ _ VAJRA-KETU TRĀṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Địa Tạng Bồ Tát (hay Kim Cương Tràng Bồ Tát) có chữ chủng tử là: TI (𑖝𑖰) hay PTI (𑖢𑖿𑖝𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu cây gậy có Tam Biện Bảo Châu, sợi dây quấn ràng có cây phướng báu, tùy theo gió lay động. Biểu thị cho việc để dễ dàng ban thưởng thù đáp thì nên có Đàn Thí, tức Kim Cương Tràng Bồ Tát (Vajra Ketu Bodhisatva) kiến lập trên cây phướng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc báu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phướng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đàn Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với tâm " **Cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**".



Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Ấn



Chân Ngôn là:

ARTHA PRĀPTI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Địa Tạng Bồ Tát (hay Kim Cương Tràng Bồ Tát) có chữ chủng tử là: TRAṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm cây phướng báu Như Ý



Chân Ngôn là:

VAJRA-DHVAJA-AGRA VAṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Bồ Tát Địa Tạng (hay Kim Cương Tràng) có chữ chủng tử là: TRAṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây phướng báu Như Ý.



Tướng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, để ở trên đỉnh đầu, giương duỗi hai cánh tay.



Chân Ngôn là:

OṂ_ NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀ ŚĀPARIPŪRAṆA CINTĀ-MAṆI DHVAJA-AGREBHYO VAJRA-DHVAJA-AGRI TRĀṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Bồ Tát Địa Tạng (hay Kim Cương Tràng) có chữ chủng tử là HE (𑖮𑖸)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng Như Ý.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KRODHA-KETU DEHI HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Bồ Tát Địa Tạng (hay Kim Cương Tràng) có chữ chủng tử là HṆA (𑖮𑖿𑖜)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng Như Ý. Biểu thị cho việc kiến lập trên cây phướng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc báu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phướng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đàn Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với tâm " **cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**".



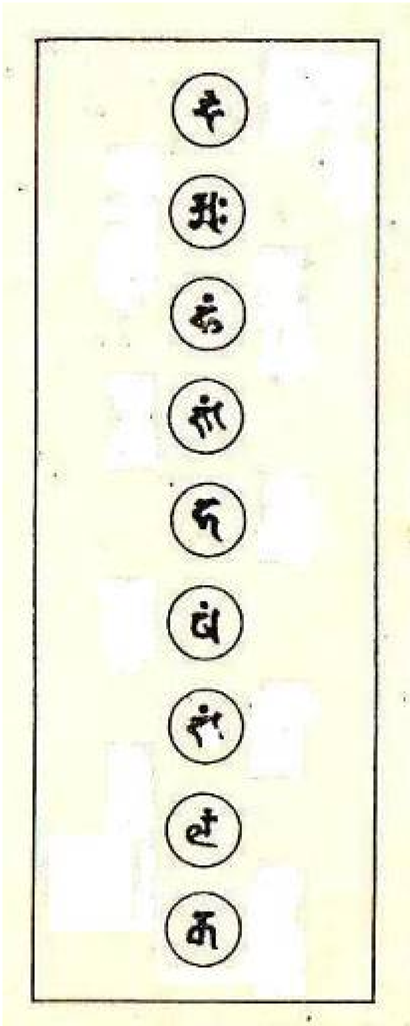
Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-DHVAJA-AGRA KEYŪRĪ MAHĀ-KRODHE DEHI ME SARVĀṂ JI

_Tại **Địa Tạng Viện t**rong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Bồ Tát Địa Tạng là Chủ Tôn có vị trí ở chính giữa viện.

Các Tôn trong Viện này như Đại Địa bền chắc chẳng hoại, Tâm Bồ Đề kiên cố hay trụ giữ vạn vật. Lại như mọi loại kho báu của Đại Địa, đầy đủ căn lành của Tâm Bồ Đề như đồng với Địa Tạng hay sinh ra mọi báu của tất cả Công Đức, giáo hoá chúng sinh về Diệu Đức của nhóm Nhẫn Nhục, Tinh Tiến…Vì thế Địa Tạng Viện tức là hành động thực tiễn **Đại Bi Cứu Tế** của Liên Hoa Bộ, biểu thị cho **Bi Môn** (Kāruṇa-mukhe) của Quán Âm, hay cứu mê tình của 9 Giới.

Viện này có 9 Tôn được trình bày từ trên xuống dưới như sau:



1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Não (दं)
2_ Bất Không Kiến (अः)
3_ Bảo Ấn Thủ (कं)
4_ Bảo Quang (रं)
5_ Địa Tạng (ह)
6_ Bảo Thủ (ध)
7_ Trì Địa (रं)
8_ Kiên Cố Thâm Tâm (लं)
9_ Nhật Quang Bồ Tát (ज)

1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Não Bồ Tát (Sarva-Śokatamoghāta-mati):

Sarva-Śokatamoghāta-mati lại xưng là Trừ Nhất Thiết Ưu Ám Bồ Tát, Trừ Ưu Ám Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ **trừ tất cả ưu não ám tối của chúng sinh**

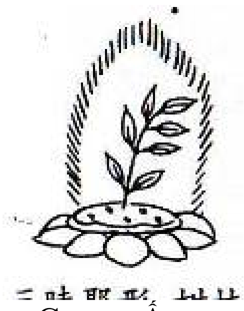
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, dựng đứng khuỷu tay phải, hơi ngửa lòng bàn tay hướng về bên phải. Tay trái cầm cành cây, ngồi trên hoa sen đỏ.



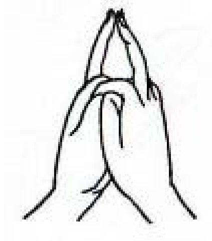
Mật Hiệu là: **Đại Xá Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DAṂ (दं)

Tam Muội Gia Hình là: Cành cây



Tướng Ấn là: Trừ Nghi Quái Kim Cương Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖰𑖦𑖝𑖰𑖓𑖿𑖔𑖸𑖟𑖎 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VIMATI-CCHEDAKA _ SVĀHĀ

2_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśana):

Amogha-darśana là vị Bồ Tát dùng 5 loại mắt: mắt thịt, mắt Trời, mắt Tuệ, mắt Pháp, mắt Phật nhìn khắp sự bình đẳng, sai biệt của chúng sinh trong Pháp Giới, hay trừ tất cả nẻo ác khiến chuyển hướng về Chính Đạo Bồ Đề, Niết Bàn cứu cánh. cho nên gọi là **Bất Không Kiến**.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có lửa rực sáng kèm với con mắt, mũi, miệng. Tay phải dựng lòng bàn tay, hướng tâm lòng bàn ra bên ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.

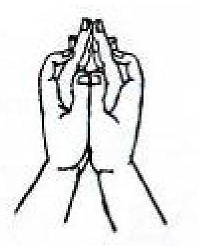


Mật Hiệu là: **Phổ Quán Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Đầu Phật trên hoa sen, hay khuôn mặt ánh sáng trên hoa sen.



Tướng Ấn là:Phật Nhãn Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ AMOGHA-DARŚANĀYA AḤ _ SVĀHĀ

3_ Bảo Ấn Thủ Bồ Tát (Ratna-mudrā-hasta):

Ratna-mudrā-hasta dịch âm La Đát Nẵng Mộ Nại La Hạ Tát Đa, là vị Bồ Tát này dùng **Ấn Trị** quyết định chứng quả vị Tam Bồ Đề (Saṃbodhi: Chính Giác).

Tôn này biểu thị cho **Tam Muội Gia Bản Thệ Môn** của Địa Tạng Bồ Tát, cứu tế chúng sinh.

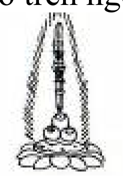
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái rũ trên đầu gối cầm hoa sen, trên hoa có chày Độc Cổ. Co cánh tay phải để trước ngực, ngửa lòng bàn tay cầm vành trăng. Ngồi Kiết Già trên tòa hoa sen đỏ.



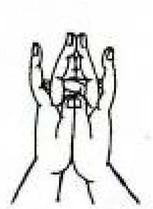
Mật Hiệu là: **Chấp Trì Kim Cương**, hoặc **Chấp Cật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: PHAṂ ( ) , hay HAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ trên ngọc báu.



Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RATNA NIRJĀTA _ SVĀHĀ

4_ Bảo Quang Bồ Tát (Ratna-kalā, hay Ratnākara):

Ratnàkara dịch âm là La Đát Nẵng Ca La. Lại xưng là Bảo Xứ Bồ Tát, Bảo Sinh Bồ Tát, Bảo Tác Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng lòng bàn tay tuôn ra mọi báu ban bố cho chúng sinh

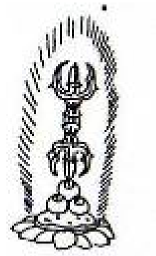
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải tác Thí Vô Uý Ấn. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa cầm hoa sen, trên sen có chày Tam Cổ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



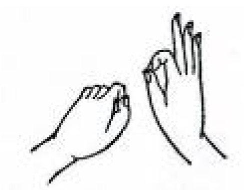
Mật Hiệu là:**Tường Thụy Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JAṂ (𑖕𑖽)

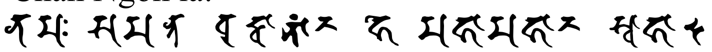
Tam Muộ Gia Hình là: Chày Liên Hoa Tam Cổ hoặ chày Tam Cổtrên ngọ báu.



Tướng Ấn là: Bảo Xứ BồTát Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SVĀHĀ

5_ Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha):

Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Để Ngiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh

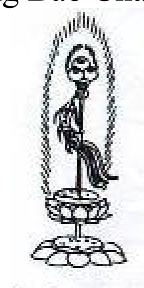
Tôn Hình: Hiện hình Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phướng báu Như Ý. Tay phải cầm viên ngọc báu. Ngồi trên hoa sen



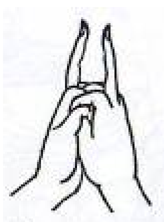
Mật Hiệu là: **Bi Nguyện Kim Cương**, hay **Dữ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HA (ཧ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng Bảo Châu trên hoa sen.



Tướng Ấn là:Địa Tạng Kỳ Ấn (Nội Phộc, duỗi dựng hai ngón giữa).



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HA HA HA VISMAYE _ SVĀHĀ

6_ Bảo Thủ Bồ Tát (Ratna-pāṇi):

Ratna-pāṇi dịch âm là La Đát Nẵng Bá Ni. Lại xưng là Bảo Chưởng Bồ Tát.

Do viên ngọc Như Ý tại bàn tay hay khiến cho ước nguyện của tất cả chúng sinh được đầy đủ cho nên xưng là Bảo Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng viên ngọc báu Như Ý của Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay thành mãn Tất Địa của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

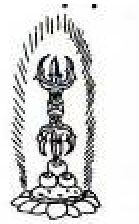
Tôn Hình: Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên hoa có chày Kim Cương Tam Cổ, trên chày có vòng hoa lửa của viên ngọc báu. Tay phải duỗi lòng bàn tay nâng viên ngọc báu ngang ngực, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



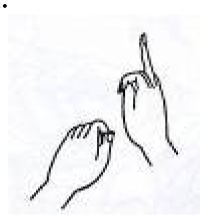
Mật Hiệu là: **Mãn Túc Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SAṂ (𑖭𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên báu.



Tướng Ấn là:Bảo Thủ Bồ Tát Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RATNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

7_ Trì Địa Bồ Tát (Dharaṇi-dhāra):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt giống như Đại Địa hay giữ gìn vạn vật, nuôi lớn Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

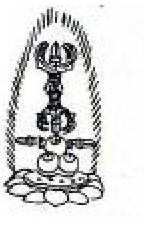
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có chày Tam Cổ. Tay phải tác Thí Vô Uý Ấn. Ngồi trên hoa sen.



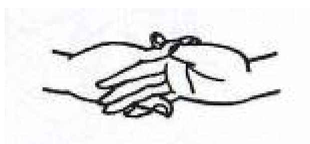
Mật Hiệu là: **Nội Tu Kim Cương, Tịnh Giới Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JAṂ (𑖕𑖽) hay ṄAṂ (𑖒𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Bên trên ngọc báu có hai đầu Kim Cương Nhất Cổ chính giữa có hình Ngũ Cổ, hoặc Chày Tam Cổ trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖠𑖨𑖜𑖰𑖠𑖯𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHARAṆI-DHĀRA _ SVĀHĀ

6_ Kiên Cố Thâm Tâm Bồ Tát (Dṛḍhādhyāsaya):

Dṛḍhādhyāsaya dịch âm là Niết Lý Nại Địa Dã Xã dã, Địa Lợi Đát Địa Dã Xả Dạ. Lại xưng là Kiên Cố Tuệ Bồ Tát, Kiên Cố Bồ Tát, Kiên Cố Ý Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho sự **Nội Chứng** của Địa Tạng Bồ Tát là Tâm Đức bền chắc của Đại Địa.

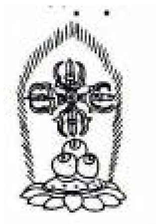
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen nở rộ, trên hoa có Yết Ma Kim Cương rực lửa. Tay trái nắm quyền hướng lên trên đặt trên đùi. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Siêu Việt Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LAṂ ( ) hay ṆAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên báu.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng, hơi cách lìa ngón cái ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAJRA SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

9_ Nhật Quang Bồ Tát (Sūrya-prabha):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt như ánh sáng mặt trời hay trừ ưu não ám tối cho chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để vành mặt trời. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) hay KA (𑖎)
Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Tướng Ấn là: Hai tay, 2 đầu ngón trỏ, 2 đầu ngón cái cùng tiếp chạm nhau. Giương mở 3 ngón còn lại như hình mặt trời phóng ánh sáng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖭𑖳𑖨𑖿𑖧 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
ON _ SŪRYA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

Trong Viện này thì 6 Tôn: Địa Tạng (Kṣitigarbha), Bảo Xứ (Ratnakāra), Bảo Thủ (Ratna-pāṇi), Trì Địa (Dharaṇi-dhāra), Bảo Ấn Thủ (Ratna-mudrā-hasta), Kiên Cố Ý (Dṛḍhādhyāsaya) được hợp xưng là **sáu Địa Tạng** biểu thị cho 6 Tôn hóa độ sáu nẻo

THỦ ẤN CHÂN NGÔN CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

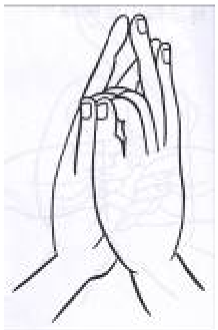
_ Chữ **Chủng Tử** của Địa Tạng Bồ Tát là: A (𑖀), hoặc HA (𑖮)
_ Tam Muội Gia Hình là: Trên Hoa Sen có viên ngọc báu có cờ phướng



1_ Địa Tạng Bồ Tát Ấn:

Các ngón cài nhau hướng vào bên trong. Duỗi ngón út và ngón vô danh sao cho đầu ngón chạm nhau như chóp núi. Hai ngón cái để ngang nhau duỗi thẳng

Quán tưởng hai ngón trỏ, ngón cái là viên ngọc báu, tức là viên ngọc báu trên cây phướng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HA HA HA SUTANU SVĀHĀ
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp hết chư Phật
HA HA HA : lìa ba Nhân
SUTANU: Diệu Thân (thân màu nhiệm)
SVĀHĀ: Thành tựu]

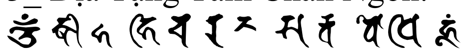
2_ Địa Tạng Bồ Tát Diêm Ma Vương Ấn :

Chắp 2 tay lại. Co ngón út, ngón trỏ vào lòng bàn tay. Hợp móng, duỗi 2 ngón cái vượt lên trên 2 ngón trỏ đè lóng giữa của 2 ngón giữa. Đấy là một thể của Địa Tạng và Diêm Ma Vương vậy

Chân Ngôn là :

OṂ_ YAMĀYA _ A VIRA HŪṂ KHAṂ _ SVĀHĀ
(Quy mệnh Diêm Ma Đẳng, quyết định thành tựu Chân Ngôn của Báo Thân)

3_ Địa Tạng Tâm Chân Ngôn:



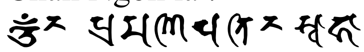
OṂ_ KṢĪḤ HICARA _ SARVA BODHI HŪṂ

(Quy mệnh Đấng chưởng quản trái đất, khiến cho thành tựu tất cả Tuệ Giác)

4_ Địa Tạng Bồ Tát Pháp Thân Ấn :

Ngửa 2 tay. Hai ngón trỏ, hai ngón vô danh đều móc nhau, bên phải đè bên trái. Hai ngón cái đều co vào trong lòng bàn tay, co hai ngón giữa lại đè trên móng hai ngón cái. Lại co đều 2 ngón út vào lòng bàn tay. Hai ngón cái đưa qua đưa lại.

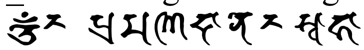
Chân Ngôn là :



OṂ _ PRAMAṆI-PATI _ SVÀHÀ

(Quy mệnh Đức **Thắng Như Ý Ma Ni Bảo Chủ**, quyết định thành tựu tốt lành)

_Bản khác ghi Chân Ngôn này là :



OṂ _ PRAMAṆI-DĀNE _ SVĀHĀ

(Hỡi Đức **Thắng Như Ý Ma Ni Bảo**, hãy ban cho sự thành tựu tốt lành)

Ấn Chú của Pháp này. Vào mỗi ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt, ngày 14 của kỳ Hắc Nguyệt. Dùng nước thơm tắm gội, đứng trên mặt đất, hai chân đặt song song, ngay thẳng thân mình. Kết Ấn này, tụng Chú thì Hộ Thân, diệt tội, trừ ôn dịch ắt ứng nghiệm cực tốt

5_ THẦN CHÚ TĂNG TRƯỞNG TÀI BẢO THẾ LỰC

Địa Tạng Bồ Tát vì muốn khiến cho chúng sinh hay đạt được tất cả Pháp lành của Thế Gian như là: Tăng trưởng ghi nhớ, thọ mệnh, thân thể, sức lực của thân thể, danh tiếng. và khiến cho họ tăng trưởng tất cả Pháp lành của Xuất Thế Gian như là: Trí Tuệ, Đại Từ, Đại Bi….mà tuyên nói Thần Chú chẳng thể nghĩ bàn như bên dưới.

Thần Chú này hay khiến cho danh tiếng truyền ra khắp thế giới và hay tăng trưởng tất cả tinh khí vị ngon của Đại Địa, khiến cho ánh sáng của Trí Tuệ sinh khắp nơi, cho đến viên mãn Bồ Tát Hạnh, thành tựu Niết Bàn Giải Thoát.

Chân Ngôn chẳng thể nghĩ bàn này tên là: “**Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú**”.

Chân Ngôn này hay khiến tăng trưởng tất cả Pháp trắng trong sạch, tăng trưởng tất cả tinh khí vị ngon của tất cả thực vật như là: Hạt giống, gốc rễ, mầm non, cành lá, hoa quả, dược liệu, ngũ cốc ...Cũng hay khiến cho mưa thuận gió hoà, tăng trưởng có ích cho năng lượng của bốn Đại: Đất, Nước, Gió, Lửa... khiến cho thân tâm vui mừng, Tài Bảo, Thắng Lực, cùng với tất cả và nhân duyên hưởng thụ hoàn cảnh bên ngoài, đều được tăng ích, và khiến Trí Tuệ lanh lợi, đập nát tất cả phiền não.

Chân Ngôn Thần Chú này như sau:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA KṢITI-GARBHA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA

TADYATHĀ: KṢAṂ-BHU, KṢAṂ-BHU, KṢUD KṢAṂ-BHU, ĀKĀŚA KṢAṂ-BHU, VĀRAKA KṢAṂ-BHU, ABHŪ KṢAṂ-BHU, VAIRA KṢAṂ-BHU, VAJRA KṢAṂ-BHU, ĀLOKA KṢAṂ-BHU, DAMA KṢAṂ-BHU, SATYĀMA KṢAṂ-BHU, SATYA NIRHĀRA KṢAṂ-BHU, VYAVALOKA KṢAN VĀ KṢAṂ-BHU, UPAŚAMA KṢAṂ-BHU, NATANA KṢAṂ-BHU, PRAJÑĀ

SAṂBHUTI RAṆA KṢAṂ-BHU, KṢAṆA KṢAṂ-BHU, VIŚĪLYA KṢAṂ-BHU, ŚĀSTĀLĀVA KṢAṂ-BHU, VYĀḌA SUṬA MAHILE DĀHILE DAME ŚAME, CAKRĀSI CAKRA MAṢILE KṢILE BHĪRE, HIRE GRAH SAṂVALA VṚĀTE RATNA PĀLE, CA CA CA CA, HĪRE MILE EKĀRTHA THAḤKHETHA GOLO, THALE THALE MILE, BĀṬHE TĀḌE KULE KU MILE, AMILE AÑGO CITTĀVI, ARI GILI PARAGILI KUŚA ŚAMALE, JAÑGE JAÑGULE, HURU HURU HURU HURU, STU-MILE MIMĪLEḌHE ŚAMILE TARE BHĀ DADA HĀRA, HĪRA HĪRE, HURU HURU NU, BHĀVA RAJA VIŚODHANE SVĀHĀ

KALIYUGA VIŚODHANE SVĀHĀ
KALUṢA MANA VIŚODHANE SVĀHĀ
KALUṢA MAHĀ-BHŪTA VIŚODHANE SVĀHĀ
KALUṢA RASA VIŚODHANE SVĀHĀ
KALUṢA OJA VIŚODHANE SVĀHĀ
SARVA ĀŚA PARIPŪRAṆI SVĀHĀ
SARVA SASYA SAṂPĀDANE SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬHITE SVĀHĀ
SARVA BODHI-SATVA ADHIṢṬHITA ANU MODITE SVĀHĀ

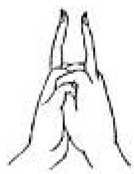
Khi Địa Tạng Bồ Tát tuyên nói Chân Ngôn thù thắng này lưu chuyển vào núi, sông, trái đất và tất cả pháp giới thời hết thảy cây cỏ trong trái đất đều vui mừng nẩy nở tươi tốt thêm, tất cả hoàn cảnh đều thu được sự sinh sôi nảy nở không thể nào so sánh được, hết thảy cộng đồng sinh mệnh cùng phồn thịnh, tốt lành hòa kính tất cả, tràn đầy giữa vũ trụ. Điều này thật sự là khiến cho tất cả Đại Địa được tăng trưởng thủ hộ, tất cả sinh mệnh được tăng ích, có thể nói đó là Chú màu nhiệm kỳ diệu để bảo vệ sinh mệnh.

6_ THỦ ẤN CỦA SÁU VỊ ĐỊA TẠNG

a) Địa Tạng Bồ Tát Căn Bản Ấn:

Đây là Thủ Ấn của Địa Tạng Bồ Tát tại Địa Tạng Viện trong Thai Tạng Giới, có tên gọi là **Kỳ Ấn**

Hai tay tác Nội Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng đối nhau.



Hai ngón giữa tượng trưng cho hai trang nghiêm của Phước Trí. Tức có nghĩa là: hai tay sinh Phước Trí trao cho tất cả chúng sinh khác. Lại hai ngón giữa dựng đứng như dạng cây cờ cho nên gọi là **Kỳ Ấn.**

Chân Ngôn là:

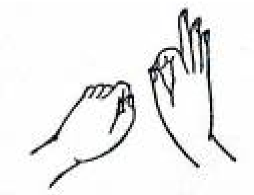


NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HA HA HA VISMAYE SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HA HA HA : lìa ba Nhân
VISMAYE: Hiếm có
SVĀHĀ: Thành tựu]

b) Bảo Xứ Bồ Tát An:

Tay phải nắm quyền. Duỗi 3 ngón: **út, vô danh, giữa** cho thẳng. Ngón trỏ vịn đầu ngón cái

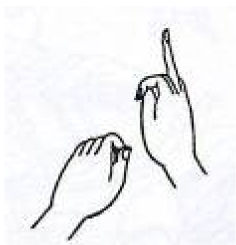


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SVĀHĀ
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HE: mừng thay
MAHĀ- MAHĀ: sự to lớn bên trong sự to lớn
SVĀHĀ: Thành tựu]

c) Bảo Thủ Bồ Tát Ấn:

Tay phải nắm quyền, đem ngón cái đè các ngón và duỗi ngón vô danh thẳng đứng

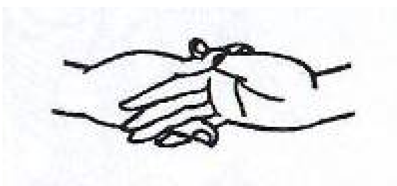


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RATNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
RATNA-UDBHAVA: sinh ra báu, tuôn ra vật báu
SVĀHĀ: Thành tựu]

d) Trì Địa Bồ Tát An: (Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn)

Tay phải ngửa, tay trái sấp. Bắt chéo ngón cái phải với ngón út trái và ngón út phải với ngón cái trái sao cho ngón cái và ngón út phải hướng xuống dưới, ngón cái và ngón út trái hướng lên trên

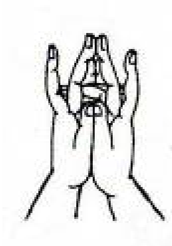


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHARAṆI-DHĀRA _ SVĀHĀ
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
DHARAṆI-DHĀRA: Trì giữ đất đai
SVĀHĀ: Thành tựu]

e) Bảo Ấn Thủ Bồ Tát Ấn: (Ngoại Ngũ Cổ Ấn)

Chắp 2 tay lại, các ngón đều cài nhau bên ngoài. Duỗi 2 ngón giữa khiến cho đầu ngón dựa nhau. Ngón cái và ngón út đều đứng thẳng. Cong 2 ngón trỏ đặt phía sau lưng 2 ngón giữa sao cho đừng chạm lưng ngón , hình trạng như chày Ngũ Cổ Kim Cương

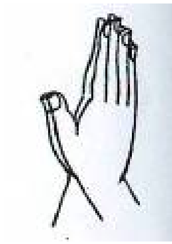


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RATNA NIRJĀTA _ SVĀHĀ
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
RATNA NIRJĀTA: Sinh ra vật báu
SVĀHĀ: Thành tựu]

f) Kiên Cố Ý Bồ Tát Ấn:

Liên Hoa Hợp Chưởng, hơi cách lìa ngón cái ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAJRA SAṂBHAVA _ SVĀHĀ
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
VAJRA SAṂBHAVA: Sinh ra từ Kim Cương
SVĀHĀ: Thành tựu]

LỤC ĐỊA TẠNG BỒ TÁT PHÁP ĐÀN



_ Trung Tâm Đàn là chữ OM̟ () biểu thị cho **Pháp Thân** của Địa Tạng Bồ Tát

_ Tam Giác có đỉnh hướng lên trên hiển hiện ba chữ chủng tử biểu thị cho ba cõi: A Tu La, Ngạ Quỷ, Thiên Giới

.) Chữ PHAṂ () biểu thị cho **Bảo Ấn Thủ Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi A Tu La.

.) Chữ SAṂ () biểu thị cho **Bảo Thủ Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ

.) Chữ ṆAṂ () **Kiên Cố Ý Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Trời.

_ Tam Giác có đỉnh hướng xuống dưới hiển hiện ba chữ chủng tử biểu thị cho ba cõi: Địa Ngục, Súc Sinh, Nhân Giới

.) Chữ YAṂ () biểu thị cho **Địa Tạng Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục

.) Chữ JAṂ () biểu thị cho **Bảo Xứ Bồ Tát** là Hóa Tôn của nẻo Súc Sinh

.) Chữ ṄAṂ () biểu thị cho **Trì Địa Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Người

_6 chữ giáp bên trong vòng tròn biểu thị cho cho **Hóa Thân** của Địa Tạng Bồ Tát

HA HA HA VISMAYE

[HA HA HA : lìa ba Nhân
VISMAYE: Hiếm có]

_6 chữ bên ngoài vòng tròn biểu thị cho **Báo Thân** của Địa Tạng Bồ Tát
𑖮𑖮𑖮 𑖭𑖲𑖝𑖡𑖲
HA HA HA SUTANU
[HA HA HA : lìa ba Nhân
SUTANU: Diệu Thân (thân màu nhiệm)]

*) Ý nghĩa của Pháp Đàn :

Do **Địa Tạng Bồ Tát** dùng sức **Bi Nguyện** cứu độ chúng sinh, nhất là đối với chúng sinh đang chịu khổ tại cõi Địa Ngục, lại đặc biệt thương xót, thị hiện thân **Diêm La Vương** (Yāma-rāja), thân **Địa Ngục** (Nakara-kāya) rộng vì chúng sinh chịu tội khổ mà nói Pháp để giáo hóa cứu độ. Do điều này mà thân Diêm La Vương thường được xem là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Địa Tạng Bồ Tát. Như Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Phát Tâm Nhân Duyên Thập Vương** đề xuất ***Bản Địa*** của Diêm La Vương là Địa Tạng Bồ Tát.

Vì chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng này cùng với tư tưởng **Địa Ngục** (Nakara) trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra) nên dân gian Trung Hoa cho rằng Địa Tạng Bồ Tát là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục.

Chính tư tưởng bên trên đã khiến cho một số người ngộ nhận, cho rằng Địa Tạng Bồ Tát chỉ ở tại Địa Ngục để cứu độ chúng sinh trong Địa Ngục. Từ đấy trong việc làm tang ma, Thanh Minh tảo mộ qua tiết Trung Nguyên, Pháp Hội Siêu Độ…thường cúng phụng Địa Tạng Bồ Tát để cầu đảo cho vong linh được siêu độ. Ngoài ra tại nghĩa địa, linh tháp hoặc gặp chiến loạn, sự cố, đất đang phát triển mà mọi người đều đi qua…. thường xây dựng Miếu bái tế Địa Tạng với hy vọng Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo vệ người sống, siêu độ vong linh

Thật ra ở trong cả sáu nẻo, Ngài đều có năng lực giáo hóa tế độ. Điều đó được biểu thị qua sáu vị Địa Tạng, tức là Địa Tạng độ hóa chúng sinh trong sáu nẻo.

Tên của sáu vị Địa Tạng đều y theo **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) có chúng sinh trong sáu nẻo mà nói. Thế Giới ở phương khác hoặc có bảy nẻo, hoặc năm nẻo… chẳng giống nhau thời Địa Tạng cũng y theo nhân duyên của mỗi phương để mỗi mỗi thị hiện ứng hóa.

.) Danh xưng của Địa Tạng trong sáu nẻo thời các Kinh Quỹ ghi chép chẳng giống nhau. Nhưng theo đại thể mà nói thì đều bắt nguồn ở **Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển thứ năm là: Sáu vị Thượng Thủ (Saḍa-pramukha) trong chín Tôn (Nava-nātha) của **Địa Tạng Viện** trong *Thai Tạng Giới* (Garbha-dhātu) tức là: **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Bảo Xứ** (Ratnakāra), **Bảo Chưởng** (Ratna-pāṇi), **Trì Địa** (Dharaṇindhāra), **Bảo Ấn Thủ** (Ratna-mudrā-hasta), **Kiên Cố Ý** (Dṛḍhādhyāsaya). Trong đó

Địa Tạng Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục
Bảo Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ
Bảo Xứ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo Súc Sinh
Bảo Ấn Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo A Tu La
Trì Địa Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Người
Kiên Cố Ý Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Trời.

_Ở vô lượng kiếp trước, với tâm Đại Bi vô hạn, Địa Tạng Bồ Tát muốn cứu thoát tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, nên đối trước chư Phật mười

phương, Ngài phát nguyện rằng: ***"Nguyện con cứu độ hết tất cả chúng hữu tình. Nếu còn có chúng sinh nào ở Địa Ngục thì con thề không chứng nhận quả vị Chính Đẳng Chính Giác".***

.)**Cõi Trời** (Sura hay Deva) là một cõi thụ hưởng. Trong cõi đó, chư Thiên thường khởi tâm tự mãn và bám chặt vào các ảo tưởng về những niềm vui tạm thời. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thành thân **Kiên Cố Ý Bồ Tát** (Dṛḍhādhyāsaya) biểu thị cho sự **Nội Chứng** của Địa Tạng Bồ Tát là Tâm Đức bền chắc của Đại Địa, đánh thức chư Thiên thoát khỏi những ảo tưởng của phước báo mà họ đang thụ hưởng, đồng thời đưa họ đến một thực tại cao siêu hơn, một sự hòa hợp sâu sắc hơn và vĩnh cửu hơn.



.)**Cõi Tu La** (Asura) hay cõi **Thần** (Devatā) là cõi chiến đấu. Trong cõi đó, chư Thần thường khởi tâm ganh tỵ, chỉ thích tranh đấu để chiếm đoạt các quả của cây **Kalpa Taru** (cây Thỏa mãn mọi ước nguyện) đứng giữa cõi Trời và cõi Thần. Do đó,

Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thân **Bảo Ấn Thủ Bồ Tát** (Ratna-mudrā-hasta) biểu thị cho **Tam Muội Gia Bản Thệ Môn** của Địa Tạng Bồ Tát, cứu tế chúng sinh, dứt trừ các mối dây ràng buộc bởi sự thèm khát, đồng thời dậy cho chư Thần sự chiến đấu cao thượng để đạt thành quả của sự thấy biết mà thoát khỏi mọi tham dục.



.)**Cõi Người** (Manuṣyana hay Nāra) là cõi hành động. Đây là thế giới của sự cố gắng, của hoạt động có ý thức về mục đích của mình, trong đó sự tự do quyết định giữ một vai trò thiết yếu. Trong cõi này, con người có khả năng biết rõ các đặc tính của các cõi và tất cả hiện tượng đều do "***Nhân duyên mà sinh khởi***" như nhau, đồng thời con

người có thể tìm ra được bản tính chân thật của vũ trụ và nhận thức được con đường vĩnh viễn ra khỏi vòng sinh tử luân hồi. Tuy vậy, đại đa số con người thường mang tâm: tự kiêu, ích kỷ, hoài nghi mà bị trói buộc trong các hoạt động nhằm tìm cầu chiếm hữu và thỏa mãn dục tình cho riêng mình. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện ra hình tướng **Trì Địa Bồ Tát** (Dharaṇindhāra) biểu thị cho Đức đặc biệt giống như Đại Địa hay giữ gìn vạn vật, nuôi lớn **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) của chúng sinh nhằm chỉ bày con đường giải thoát cho những ai có khả năng xóa bỏ mọi dục vọng tư kỷ, dứt trừ tâm kiêu mạn hoài nghi, thực hiện công hạnh cứu độ tối hậu.



.)**Cõi Súc Sinh** (Tiryanc hay paśu) là cõi sợ hãi. Trong cõi đó, các loài vật thường mang tâm thức thờ ơ gắn chặt với bản năng, không đủ năng khiếu phát triển tư tưởng. Vì thế, chúng luôn luôn sống trong sự sợ hãi qua sự đuổi bắt, vây hãm, ăn nuốt lẫn nhau và bị đẩy vào số phận mù quáng của những nhu cầu tự nhiên, những bản năng không thể kiểm soát được. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thân **Bảo Xứ Bồ Tát**

(Ratna-kalā, hay Ratnākara) biểu thị cho việc dùng lòng bàn tay tuôn ra **mọi báu** (Trí Tuệ) ban bố cho chúng sinh, nhằm nâng cao Tâm thức trì độn mù quáng của loài súc sinh để hướng chúng tới một tinh thần phát triển, vượt thoát bản năng tăm tối.



.)**Cõi Ngạ Quỷ** (Preta) là cõi ước mong không được thỏa mãn. Là thế giới đầy dẫy sự thèm khát mong muốn tham dục mà không bao giờ thực hiện được. Chúng sinh trong cõi này thường mang những hình tướng quái dị như: thân thể cao lớn, đầu to như núi, cuống họng nhỏ như cây kim, đầu tóc lởm chởm, miệng như ngọn đuốc lửa, bụng to lớn …. dù gặp vật thực cũng chẳng ăn nuốt được. Hoặc có loài da đen như than, đầu tóc lởm chởm, miệng khô đắng, ưa le lưỡi tự liếm miệng, thường chịu đói khát. Hoặc

có loài tên là Mãnh Diễm Mang, mỗi khi ăn uống đều bị hóa lửa đốt làm cho đói khát khổ đau.

Tất cả loài Ngạ Quỷ này đều bị đói khát dày vò không bao giờ được thỏa thích no đủ. Vì thế, tâm thức của chúng gắn chặt với sự tham dục đam mê không biết nhàm chán và luôn bị sự thất vọng dày xéo bủa vây. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát liền hiện thân **Bảo Thủ Bồ Tát** (Ratna-pāṇi) biểu thị cho việc dùng viên ngọc báu Như Ý của Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay thành mãn Tất Địa của Thế Gian và Xuất Thế Gian, nhằm xoa dịu những nỗi khổ đau vì thèm khát của loài Ngạ Quỷ, khơi động Tâm Thức nhàm chán những đối tượng nhiễm ô và khởi Tâm ưa thích những đối tượng thanh khiết (nghĩa là thay Dục Lạc bằng Pháp Lạc, tìm hiểu Chính Tri Kiến và Chân lý) để cho chúng mau chóng hồi tâm sám hối, vượt thoát cảnh khổ đau.



.)**Cõi Địa ngục** (Nāraka hay Niraya) là cõi hành hạ đền tội. Đó là thế giới đầy dẫy những cảnh khổ đau qua những cuộc hành hạ tra tấn. Chúng sinh của cõi này luôn luôn chịu đựng những nỗi thống khổ, là những phản ảnh không thể tránh được do chính các hành động của họ gây ra. Vì thế, tâm thức của họ luôn bị sự giận dữ oán ghét

bủa vây. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thân Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phướng báu Như Ý. Tay phải cầm viên ngọc báu, ngồi trên hoa sen. Biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh: **"Địa Ngục chưa trống rỗng, thề chẳng thành Phật"**, nhằm thanh lọc Tâm Thức bị ô nhiễm bởi sự giận ghét và biến đổi các cuộc hành hình tội nhân thành ngọn lửa thanh lọc để giúp họ vươn tới những hình thức sinh sống tốt đẹp hơn.



Do công hạnh ứng hóa trong sáu cõi (Saḍa gatayaḥ hay saḍa Kula) để hóa độ chúng sinh nên **Lục Địa Tạng Pháp Đàn** có hiệu quả đặc biệt nhằm tịnh hóa 06 phiền não gốc ***(ảo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận)*** để ngăn ngừa sự tái sinh vào 06 cõi và xua tan các nỗi khổ đau ẩn tàng trong mỗi cõi, đồng thời giúp cho Hành Giả thực chứng được **Thánh Quả** giải thoát.

18/02/2014

DI LẶC BỒ TÁT

Bồ Tát **Di Lặc** tên Phạn là Maitreya, dịch âm Hán Việt là Di Đế Lệ, Mai Đê Lê, Mê Đế Lệ, Mai Đát Lệ, Mỗi Đát Lý, Mai Đát Lệ Dược, Muội Đát Lý Duệ…là họ của Bồ Tát, nghĩa là **Từ Thị**, còn tên của Ngài là **A Dật Đa** (Ajita) nghĩa là **Vô Năng Thắng.**

_ Bồ Tát Di Lặc có hiệu là **Từ Thị**, tên hiệu đó xác lập căn bản tối hậu là **Bản Nguyện Sở Hạnh** của Ngài. Ngay trên Duyên Khởi, đời đời kiếp kiếp Ngài đều tu tập ***Tam Muội*** **Từ Tâm** (Maitra-citta-samādhi), thực hiện **Từ Hạnh** (Maitra-caryā) để cứu độ chúng sinh. Đức đặc biệt của Di Lặc là sau khi bứt trừ sự thống khổ của các chúng sinh, liền tiến thêm một bước là ban cho chúng sinh niềm vui của Pháp (Pháp Lạc)

.) Kinh **Nhứt Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Nhân Duyên Bất Thực Nhục** ghi rằng: "Bồ Tát Di Lặc phát tâm không ăn thịt, vì nhân duyên này mà có tên là **Từ Thị** (Maitreya)".

.) **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1** ghi nhận là: "Từ Thị Bồ tát dùng **Tâm Từ** (Maitra-citta) trong bốn Tâm Vô Lượng của Phật làm đầu, Lòng Từ này từ trong Chủng Tính của Như Lai sinh ra, hay khiến cho tất cả Thế Gian chẳng bị đứt mầm giống Phật cho nên xưng là **Từ Thị**".

.) Kinh **Đại Thừa Tâm Địa Quán** ghi nhận rằng: "Bồ Tát Di Lặc là con của vị Pháp Vương, từ khi phát Tâm vì muốn kết duyên lành hóa độ hết thảy chúng sanh, nên không ăn thịt, vì nhân duyên đó mà có tên là **Từ Thị**"

_ Do Di Lặc là vị Bồ Tát vào thời đương lai sẽ sinh xuống cõi Diêm Phù Đề, nối tiếp sau Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) để thành Phật, vì thế được xưng là **Nhất Sinh Bổ Xứ Bồ Tát** (Ekajāti-pratibaddha-bodhisatva)**, Bị Xứ Tát Đỏa** hoặc **Di Lặc Như Lai** (Maitreya-tathāgata)

.) Kinh **Di Lặc Thượng Sinh** và Phẩm **Ba Bà Ly** của Kinh **Hiền Ngu Nhân Duyên** ghi nhận rằng:

Tại thời đại khi Đức Phật Đà trụ ở đời thì lưu vực của sông Hằng có nước **Ba La Nại** (Vārāṇasī), thôn **Kiếp Ba Lợi** (Kalpali), lại có tên gọi là **Ba Bà Lợi** (Bàvari). Trong nhà Bà La Môn, Bồ Tát Di lặc hạ sinh làm con của Bà La Môn. Thân thể của Ngài có màu vàng ròng, lại có 32 Tướng, 80 loại vẻ đẹp, Tâm Tính nhân từ, lấy tên gọi là **A Dật Đa** (Ajita), là cao nhân có Trí Tuệ, ở tại nhà phú quý được răn dạy vệ hộ trưởng thành.

Di Lặc nhận sự sai khiến của người cậu tên là **Ba Bà Lê (**Bàvari) đi đến núi **Thứu Đầu** (Gṛdhrakūṭa) ở thành **Vương Xá** (Śrāvasti) bái kiến Đức Phật Đà. Khi gần đến núi **Thứu Đầu** thời nhìn thấy tướng bánh xe ngàn căm (thiên bức luân) của Đức Phật, nên Tâm rất ngưỡng mộ, sau đó theo Đức Phật xuất gia, làm vị Tỳ Khưu Tăng

Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ('Sākyamuṇi) trước sau ở trong Kinh, nhiều lúc Thọ Ký cho Bồ Tát Di Lặc, tương lai sẽ sinh xuống cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) thành Phật hóa độ chúng sinh. Ngay tại đây, trước tiên hộ trì cho chúng sinh trong chốn này và lưu bày Chính Pháp khiến chẳng bị đoạn tuyệt.

A Dật Đa (Ajita) quay về nước của mình, ngồi Kiết Già nhập diệt, Thân màu vàng tía, ánh sáng như đồng, **Toàn Thân Xá Lợi** như tượng vàng đúc, trong hào quang tròn của thân có chữ nghĩa của **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, Bát Nhã Ba La Mật** sáng rực. Chư Thiên liền tạo dựng cái Tháp màu nhiệm bằng mọi vật báu, cúng dường Xá Lợi

Sau khi Bồ Tát Di Lặc nhập diệt thì ở tòa Sư Sử của điện Ma Ni tại cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣiṭa), đột nhiên hóa sinh ngồi Kiết Già trên hoa sen, thân có màu vàng Diêm Phù Đàn với 32 Tướng 80 loại vẻ đẹp, đỉnh đầu có Nhục Kế màu Lưu Ly xanh biếc, dùng báu Ma Ni làm mão Trời, trong mão phóng ra ánh sáng có vô số vị Hóa Phật với các vị Bồ Tát. **Sợi lông trắng** (Ūrṇa: bạch hào) ở tam tinh tuôn ra màu sắc trăm báu, cùng với các vị **Thiên Tử** (Deva-putra) đều ngồi tại tòa hoa, ngày đêm thường nói Pháp chẳng thoái chuyển, đợi Duyên sinh xuống ở cõi Diêm Phù Đề….

_ Vấn đề liên quan đến việc Bồ Tát Di Lặc được Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** thọ ký sẽ thành vị Phật nối tiếp Ngài trong thời tương lai đã được ghi nhận sớm nhất tại Ấn Độ trong bản Kinh **Cakkavatti Sutta** (Kinh Chuyển Luân Vương Thánh Vương Sư Tử Hống) ở **Digha Nikaya** (Trường Bộ 26) thuộc Kinh Tạng Pali.

_ Trường Bộ Kinh
Digha Nikaya
26. Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống
(Cakkavati-Sìhanàda sutta)

25. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời, là vị A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng, và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời, loài Người; như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời và loài Người. Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; như Ta hiện nay thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hành hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ kheo Tăng đoàn; như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ kheo Tăng đoàn vậy.

26. Này các Tỷ kheo, vua Sankha sẽ cho thiết lập cung điện mà vua Mahà Panada đã thiết lập. Sau khi thiết lập, vua trú tại đó. Sau vua lại bố thí cung điện ấy, dâng cúng cho các vị Sa môn, Bà-la-môn, các hàng bần cùng, du đãng, ăn xin, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn Metteyya, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Vị này xuất gia như vậy, sống một mình, biệt lập, tinh tấn, trì chú, chuyên tâm, chẳng bao lâu chứng được vô thượng phạm hạnh, mà vì mục đích này các thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Với vô thượng phạm hạnh này, ngay trong hiện tại, vị này tự tu, tự chứng, đạt đến và an trú.

(Bản dịch của Thượng Tọa **Thích Minh Châu**)

Sau đó truyền thống **Di Lặc sẽ thành Phật trong thời vị lai** được ghi nhận trong một số Kinh Bản và được lưu trữ trong Tạng Hán Văn

_ Kinh **Phật thuyết Pháp Diệt Tận** ghi rằng: “Lúc Pháp của Ta diệt thời cũng như đèn diệt, từ đây về sau khó thể đếm nói. Như vậy sau đó hàng ngàn vạn năm thời **Di Lặc** (Maitreya) sẽ xuống Thế Gian làm **Phật** (Buddha), thiên hạ thái bình, độc khí tiêu trừ, mưa thấm nhuần ôn hoà thích hợp, năm loại lúa đậu tươi tốt, cây cối lớn dài, người cao tám trượng đều sống đến 84 ngàn tuổi, chúng sinh được độ chẳng thể xưng đếm”.

_ Kinh **Chuyển Luân Vương Tu Hành** (trích trong Kinh **Trường A Hàm** do **Thích Tuệ Sĩ** dịch) có ghi:

"Khi thọ mạng kéo dài đên bốn vạn tuổi, người bấy giờ lại suy nghĩ: 'Chúng ta do tu thiện mà tuổi thọ kéo dài thêm. Vậy nay hãy tăng thêm một ít điều thiện nữa. Nên tu tập điều thiện gì? Ta nên hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng.' Từ đó mọi người đều hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, và thọ mạng tăng lên đến tám vạn tuổi.

"Trong lúc nhân loại sống tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới gả chồng, và có chín thứ bịnh là lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, ham ăn và già. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng không có rạch hầm, gò nổng gai gốc, cũng không mòng muỗi, rắn rết, trùng độc. Ngói, đá, cát, gạch thì biến thành lưu ly. Nhân dân sung túc, ngũ cốc rẻ thường, dồi dào, phước lạc không xiết tả. Có tám vạn thành lớn được dựng lên, thôn thành san sát gần nhau, gà gáy cùng nghe được.

"Vào thời kỳ ấy thì có đức Phật ra đời hiệu là Di-Lặc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ, như đức Thích-ca Như Lai ngày nay không khác. Đức Di-lặc kia ở giữa hàng Chư Thiên, Đế Thích, Ma, Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, và nhân gian, mà tự thân tác chứng, cũng như Ta ngày nay ở ngay giữa hàng Chư Thiên, Đế Thích, Ma hoặc Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân gian mà tự mình tác chứng vậy.

"Đức Di-lặc sẽ thuyết pháp, khoảng đầu, giữa và cuối đều trọn lành, đầy đủ nghĩa vị, tịnh tu phạm hạnh, như ngày nay Ta thuyết pháp, khoảng đầu, giữa, cuối đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh vậy.

"Đức Di-lặc có chúng đệ tử vô số ngàn vạn, như Ta ngày nay có đệ tử vài trăm. Nhân dân lúc ấy gọi đệ tử ngài là Từ tử như gọi đệ tử ta nay là Thích tử.

_ Kinh **Thuyết Bổn** (trích trong Kinh **Trung A Hàm** do **Thích Tuệ Sĩ** dịch) ghi là:

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ tám vạn tuổi sẽ có Đức Phật hiệu là Di-lặc, Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng như hôm nay Ta đã thành vị Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

"Đức Phật ấy ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Đức Phật ấy sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Đức Phật ấy sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện.

"Đức Phật ấy sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như Ta hôm nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo."

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc đang ở trong chúng ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch áo đang mặc, vòng tay hướng về Đức Phật, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ mạng đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cũng như bây giờ Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

"Con sẽ ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Thế Tôn ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Con sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Thế Tôn hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Thế Tôn hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

"Con sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như hiện giờ Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo."

Bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán Tôn giả Di-lặc rằng:

"Lành thay! Lành thay! Di-lặc, ngươi phát tâm cực diệu là dẫn lãnh đại chúng. Lý do vì sao? Vì ngươi đã nghĩ:

"– Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ mạng đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Cũng như bây giờ Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Con sẽ ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Thế Tôn ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Con sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Thế Tôn hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Thế Tôn hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện."

Đức Phật lại nói: "Này Di-lặc, vào một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, ngươi sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Giống như Ta hiện nay là Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

"Ngươi sẽ ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Ngươi sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Ngươi sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

"Ngươi sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như hiện giờ Ta có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo."

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu Phật. Lúc đó, Đức Thế Tôn quay lại bảo:

"Này A-nan, ngươi hãy lấy tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng dệt mang lại đây. Nay Ta muốn cho Tỳ-kheo Di-lặc."

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời Đức Thế Tôn, liền lấy tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng dệt mang lại trao cho Đức Thế Tôn. Sau khi Đức Thế Tôn nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng từ Tôn giả A-nan, Ngài bảo:

"Này Di-lặc, ngươi hãy nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng này từ Như Lai mà bố thí cho Phật, Pháp và Đại chúng. Lý do vì sao? Này Di-lặc, các Đức Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vì muốn cứu hộ thế gian và mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong an ổn khoái lạc."

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc nhận lấy tấm y dệt bằng chỉ vàng từ Đức Như Lai xong, liền dâng cúng cho Phật, Pháp và Đại chúng.

_ Đến thời kỳ phát triển Phật Giáo thì các Kinh Bản có liên quan đến **tín ngưỡng Di Lặc** đã được phổ biến khá sớm tại Trung Quốc, bắt đầu từ thời Nam Bắc Triều, dần dần thịnh hành tại đời Đường, hình thành pháp tu **Di Lặc Tịnh Độ** và kéo dài đến cho ngày nay. Trong đó có 6 Bộ Kinh thuật lại việc Bồ Tát Di Lặc sinh lên cõi Trời **Đâu Suất** và từ cung Trời Đâu Suất hạ sinh xuống cõi Diêm Phù Đề thành Phật, cùng Quốc Độ, thời tiết, nhân duyên, chủng tộc, xuất gia, thành Đạo và chuyển bánh xe Pháp.

6 Bộ Kinh này được lưu trữ trong **Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh**, tập 14, gồm có:

1_ **Phật Thuyết Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên Kinh**, 1 quyển, [do Cư Sĩ **Thư Cừ Kinh Thanh** dịch ở đời **Liêu Tống Nam Triều**] (No.452)

2_ **Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Kinh**, 1 quyển, [do Tam Tạng **Trúc Pháp Hộ** dịch ở đời **Tây Tấn**, năm 303] (No.453)

3_ **Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật Kinh**, 1 quyển, [do Tam Tạng **Cưu Ma La Thập** dịch ở đời **Hậu Tần**, năm 402] (No.454)

4_ **Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật Kinh**, 1 quyển, [do Tam Tạng Pháp Sư **Nghĩa Tịnh** dịch ở đời **Đường**, năm 701] (No.455)

5**_ Phật Thuyết Di Lặc Đại Thành Phật Kinh**, 1 quyển, [do Tam Tạng **Cưu Ma La Thập** dịch ở đời **Diêu Tần**, năm 402] (No.456)

6_ **Phật Thuyết Di Lặc Lai Thời Kinh**, 1 quyển, [Đời **Đông Tấn**, mất tên người dịch] (No.457)

Trong 6 Bộ Kinh này thì 3 Bộ Kinh số 454, 455, 567 được gọi riêng là **Di Lặc Tam Bộ Kinh**

Trọng tâm của các Kinh Bản này xiển dương Pháp tu giúp cho con người được sinh về cung Trời Đâu Suất, tiếp tục tu hành dưới sự hóa độ của Bồ Tát Di lặc và đợi đến ngày cùng với Bồ Tát Di Lặc sinh xuống cõi Diêm Phù Đề (khi đó tuổi thọ của con

người là tám vạn tuổi). Lúc đó sẽ thật sự thoát khỏi sự chi phối của **sinh, già, bệnh, chết** và luôn hưởng thụ được Phước Lạc vô biên.

Từ 6 bản Kinh này, tại Trung Hoa đã xuất hiện hai Pháp Môn tu theo **tín ngưỡng Di Lặc** là:

1_ Tín ngưỡng **Di Lặc Thượng Sinh**: là Tín ngưỡng tu hành dựa theo tinh thần của Kinh **Phật Thuyết Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên**, cầu sinh về Tịnh Độ của Phật Di Lặc tại Cung Trời Đâu Suất. Đại Sư **Đạo An** ở đời Đông Tấn (314-385) là người khởi xướng và hành trì Pháp Môn này. Ngài đã từng cùng Đệ Tử **Pháp Ngụ** và tám người khác ở trước tượng của Đức Di Lặc phát nguyện vãng sanh về cung Trời Đâu Suất. Tiếp theo là các Ngài: **Đạo Kiểu, Tăng Nghiệp, Huệ Nghiêm, Đạo Uông, Đạo Pháp, Pháp Thịnh, Đàm Phó, Đàm Vô**….Đến đời Đường, các Ngài **Huyền Trang, Khuy Cơ** cũng hoằng dương tín ngưỡng **Thượng Sinh Đâu Suất** và tín ngưỡng này trở thành truyền thống của **Pháp Tướng Tông**.

_ Các Chú Sớ về Kinh **Di Lặc Thượng Sinh** gồm có:

Di Lặc Kinh Du Ý, 1 quyển của Ngài **Cát Tạng**

Di Lặc Thượng Sinh Kinh Tông Yếu, 1 quyển của Ngài **Nguyên Hiểu**

Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên Kinh Tán (hay **Di Lặc Thượng Sinh Kinh Sớ**), 2 quyển do Ngài **Khuy Cơ** soạn.

2_ Tín ngưỡng **Di Lặc Hạ Sinh**: là tín ngưỡng tu hành dựa theo tinh thần của các Kinh **Di Lặc Hạ Sinh** và Kinh **Phật nói Pháp Diệt Tận…** cầu mong được sinh vào cảnh Tịnh Độ giữa nhân gian khi Đức Di Lặc ra đời, thành Phật dưới cây Long Hoa và nói Pháp 3 Hội để cứu độ chúng sinh. Đây là thuyết **Long Hoa Tam Hội**.

_ Các Chú Sớ về Kinh **Di Lặc Hạ Sinh** gồm có:

Di Lặc Hạ Sinh Kinh Sớ, 1 quyển của **Cảnh Hưng**

Di Lặc Hạ Sinh Kinh Nghĩa Sớ, 1 quyển của **Thiện Châu**

Di Lặc Hạ Sinh Kinh Thuật Tát, 1 quyển (không rõ người biên soạn)

_ Do thuyết **Di Lặc Hạ Sinh** phù hợp với tinh thần **Tịnh Độ Nhân Gian** của Phật Giáo Đại Thừa và tinh thần **Thế Ngoại Đào Viên** của dân tộc Trung Hoa, cho nên tín ngưỡng **Hạ Sinh** và **Long Hoa Tam Hội** được phổ biến rất rộng rãi

Xuất Tam Tạng Ký, tập 12_ Pháp Uyển Tạp Duyên Nguyên Thủy Tập Mục Lục Tự ghi nhận là: " Đời **Lưu Tống**, vua **Minh Đế** (tại vị: 465-471) soạn **Long Hoa Thệ Nguyện Văn**

Châu Ngung soạn **Kinh Sư Chư Ấp Tạo Di Lặc Tam Hội Ký**

Đời **Tiêu Tề**, **Cánh Lăng Văn Tuyên Vương** soạn **Long Hoa Hội Ký**

Ngài Nam Nhạc **Huệ Tư** soạn **Lập Thệ Nguyện Văn**

_ Theo các sách sử ghi chép thì các nhóm phản loạn thường dựa vào tín ngưỡng **Di Lặc Hạ Sinh** mà xuyên tạc Kinh Văn rồi xúi giục dân chúng nổi loạn rất nhiều

.) Đời **Tùy**, năm 613 **Tống Tử Hiền** và **Hướng Hải Minh** tự xưng là Phật Di Lặc xuất thế, tập hợp dân chúng làm loạn

.) Đời **Đường**, khoảng năm 713_755, ở Bối Châu (Hà Bắc) **Vương Hoài Cổ** tự xưng là **Tân Phật** (tức Phật Di Lặc) dấy binh làm loạn và bị bắt

.) Khoảng năm 873_ 888 giáo đồ Di Lặc ở **Tây Thục** mở rộng thanh thế, tổ chức **Hội Di Lặc**

.) Đời **Bắc Tống,** khoảng năm 1022_1063 **Vương Tắc** ở Bối Châu thống lãnh giáo đồ Di Lặc khởi loạn

.) Đời **Nam Tống**, đời **Nguyên, Bạch Liên Giáo** trà trộn vào Di Lặc Giáo, mượn danh Di Lặc Hạ Sinh để mưu phản

_ Ngoài tín ngưỡng **Di Lặc Tịnh Độ** ra, Pháp tu theo Đức Di Lặc còn được ghi nhận qua nhiều Kinh Bản khác

.) Kinh **Nhứt Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Nhân Duyên Bất Thực Nhục** (No.183) ghi nhận tiền thân của Đức Di Lặc.

.) Đời **Tây Tấn**, Tam Tạng của nước **Nguyệt Chi** là **Trúc Pháp Hộ** dịch một quyển **Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Bản Nguyện Kinh** (No.349)

.) Đời **Hậu Ngụy**, Thiên Trúc Tam Tạng **Bồ Đề Lưu Chí** đã dịch Bộ **Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Lạc Kinh** (còn gọi là **Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh**) gồm 2 quyển và Bộ **Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh Luận** gồm 9 quyển (No.1525).

.) Bộ Mật Giáo, tập 20 ghi nhận 4 Bộ Kinh liên quan đến Bồ Tát Di Lặc là:

1_ **Từ Thị Bồ Tát Lược Tu Dũ Nga Niệm Tụng Pháp,** 2 quyển [do Tam Tạng **Thiện Vô Úy** dịch ở đời Đường] (No.1141)

2_ **Phật Thuyết Từ Thị Bồ Tát Đà La Ni,** 1 quyển [do Minh Giáo Đại Sư **Pháp Hiền** dịch ở đời Tống] (No.1142)

3_ **Phật Thuyết Từ Thị Bồ Tát Thệ Nguyện Đà La Ni Kinh**, 1 quyển [do Minh Giáo Đại Sư **Pháp Hiền** dịch ở đời Tống] (No.1143)

4_ **Phật Thuyết Di Lặc Bồ Tát Phát Nguyện Vương Kệ**, 1 quyển [do Tổng Quản Nghi Tân **Công Bố Tra Bố** dịch ở đời Thanh] (No.1144).

_ Do **Tín Ngưỡng Di Lặc** rất phổ biến tại Trung Hoa, cho nên việc tạo Tượng Di Lặc rất nhiều

Đời **Nam Tề**, Ngài **Tăng Hộ** có phát nguyện dựng tượng Di Lặc cao khoảng 303m ở núi **Thạch Thành** huyện **Diệm** nhưng Tâm Nguyện chưa thành. Đến năm 516 ngài **Tăng Hựu** hoàn thành tượng này và được người đời gọi là **Tam Thế Thạch Phật, Đại Phật** huyện **Diêm**

Đời **Bắc Ngụy**, vua **Hiến Văn Đế** tạo động Di Lặc ở hang thứ 13 **Vân Cương Đại Đồng** và an trí pho tượng ngồi cao 16m. Sau khi dời Đô về **Lạc Dương**, vua Hiến Văn Đế còn tạo hang động **Long Môn** trong đó có hơn 100 pho tượng Di Lặc lớn nhỏ.

Đời **Bắc Triều**, trên sườn núi **Hoàng Thạch** ở **Lịch Thành, Sơn Đông** và ở núi **Thiên Phật** cũng có nhiều tượng Di Lặc.

_ Đặc biệt vào đời nhà **Lương** thời **Ngũ Đại** có vị Hóa Thượng họ **Thị** tự xưng là **Khế Thử**, hiệu là **Trường Đinh Tử**, người ở **Phụng Hóa** thuộc **Minh Châu** (hoặc nói là người ở **Tứ Minh**), tỉnh **Chiết Giang**. Hàng ngày, Ngài thường dùng cây gậy gánh một cái túi vải, thấy vật liền xin, cho nên người đời gọi Ngài là **Bố Đại Hòa Thượng**

Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển 27 ghi nhận rằng: "Thân của Bố Đại Hòa Thượng béo phì, lông mày rậm, bụng to, lời nói ra không có định được, nằm ngủ ở bất kỳ chỗ nào, thường dùng cây gậy gánh một cái túi vải, hễ ai cho thứ gì thời đều bỏ vào trong cái túi ấy nên người đời gọi là **Trường Đinh Tử Bố Đại Sư**. Sư hay chỉ bày cho người việc tốt xấu, có thể dự báo được thời tiết"

Đời **Lương, Trinh Minh** năm thứ hai (916) tháng 03, sư sắp **thị tịch** nên ngồi ngay thẳng trên tảng đá bên dưới **Đông Lang** ở chùa **Nhạc Lâm** rồi nói **Kệ** rằng:

"彌勒真彌勒，

Di Lặc chân Di Lặc

分身千百億；

Phân thân thiên bách ức

時時示時人，

Thời thời thị thời nhân

時人自不識

Thời nhân tự bất thức"

(*Di Lặc thật Di Lặc*
Phân thân ngàn trăm ức
Mọi lúc dạy người đời
Người đời chẳng tự biết)

Nói Kệ xong, an nhiên **nhập tịch**. Về sau, có người ở Châu khác nhìn thấy sư phụ **Bố Đại** đang đi. Người đời cho rằng Sư là Thân ứng hóa của Bồ Tát Di Lặc, nên chọn ngày mồng một Tháng Giêng (ngày sinh của Sư) làm ngày vía của Đức Phật Di Lặc và xưng tụng là **Xuân Di Lặc.** Từ đây trở đi, hình tượng Hòa Thượng **Bố Đại** được tạo dựng ở rất nhiều nơi và người dân Trung Hoa thường xem các Tôn Tượng này là tượng Phật Di Lặc.



Sau này, sự tích của Hòa Thượng **Bố Đại** lưu truyền đến Nhật Bản thì Sư trở thành một trong 7 vị **Phúc Thần** của dân tộc Nhật.

Hiện nay tại Trung Hoa, tín ngưỡng Di Lặc không còn thịnh hành như ngày xưa là do **tín ngưỡng vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà** phát triển mạnh mẽ hơn, thế nhưng tín ngưỡng này vẫn còn phát triển sâu rộng ở Hàn Quốc, Nhật Bản

_ Tại Việt Nam, tín ngưỡng vãng sinh về cung trời Đâu Suất tu tập dưới sự chỉ dạy của Bồ Tát Di Lặc rất mờ nhạt, thế nhưng thuyết **Long Hoa Tam Hội của Đức Phật Di Lặc** thì lưu truyền rất rộng trong dân gian.

Đại đa số người dân Việt Nam cho rằng **Bố Đại Hòa Thượng** tức là Đức Phật Di Lặc nên thường phụng thờ Ngài qua hình tượng mập mạp phúc hậu và thường lễ bái cầu xin Ngài ban cho sự vui vẻ, hạnh phúc, giàu có….cho dù những người chưa hề quy y Tam Bảo, rất ít đến chùa chiền, nhưng hàng năm vẫn được nghe đến **xuân Di Lặc** và Pháp Hội **Long Hoa** của Đức Phật Di Lặc trong thời vị lai.

HÌNH TƯỢNG BỒ TÁT DI LẶC

Hình tượng Bồ Tát Di Lặc được phụng thờ theo nhiều cách:

_ Hiện nay Bồ Tát Di Lặc đang mang thân Thiên Chủ ngự trong nội cung Đâu Suất giáo hóa Đồ Chúng, nên Ngài thường được phụng thờ qua hình tượng vị **Nhất Bổ Xứ Bồ Tát**

.) Kinh **Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên** ghi nhận là:

"Bồ Tát ngồi Kiết Già ở sàng tọa Sư Tử, trên điện Ma Ni, bên trong cái đài bảy báu. Thân như màu vàng Diêm Phù Đàn, dài sáu mươi Do Tuần, thảy đều đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi chủng tử.

Nhục Kế trên đỉnh đầu phát ra màu Lưu Ly xanh biếc, mão báu được trang nghiêm bằng **Thích Ca Tỳ Lăng Già Ma Ni** (Śakrābhi lagna-maṇi-ratna), trăm ngàn vạn ức báu **Chân Thúc Ca** (Kiṃśuka:đá báu màu đỏ).

Mão báu của cõi Trời ấy có trăm vạn ức màu sắc, trong mỗi một màu sắc có vô lượng trăm ngàn vị **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha), các vị **Hóa Bồ Tát** (Nirmāṇa-bodhisatva) dùng làm **Thị Giả** (Ante-vāsin)

Lại có các vị Đại Bồ Tát ở phương khác, tác **thập bát biến** (18 loại thần biến), tùy ý tự tại trụ trong mão Trời.

Tam Tinh của Di Lặc có ánh sáng của tướng **Bạch Hào** (Ūrṇā: sợi lông màu trắng xoay vòng theo bên phải) tuôn ra mọi ánh sáng làm màu sắc của trăm loại báu.

Ba mươi hai tướng, trong mỗi một tướng có năm trăm ức màu sắc báu, mỗi một vẻ đẹp (hảo) cũng có năm trăm ức màu sắc báu. Ánh lửa của mỗi một vẻ đẹp tuôn ra tám vạn bốn ngàn đám mây ánh sáng cùng với các vị Thiên Tử đều ngồi trên Tòa hoa, ngày đêm sáu thời thường nói Hạnh **Bất Thoái Chuyển Địa Pháp Luân.** Trải qua một thời, thành tựu năm trăm ức Thiên Tử khiến chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Như vậy (Bồ Tát) ở cõi Trời Đâu Suất Đà, ngày đêm luôn nói Pháp này, hóa độ các vị Thiên Tử. Khi số tuổi ở cõi Diêm Phù Đề là năm mươi sáu ức vạn tuổi, thì Ngài mới sinh xuống cõi Diêm Phù Đề"







.) Bồ Tát Di Lặc và Đồ Chúng trong nội cung Đâu Suất









.) Bồ Tát Di Lặc và chúng Thánh tiếp dẫn người vãng sinh về cung Trời Đâu Suất:





彌勒菩薩來迎圖

.) Hình tượng Bồ Tát Di Lặc có hai tay, Tay trái cầm một đài sen báu, trên Đài hoa có Táo Bình. Tay phải ngang vai, mở năm ngón tay làm thế Vô Úy Thí



_ **Từ Thị Bồ Tát Lược Tu Dũ Nga Niệm Tụng Pháp, quyển hạ** ghi nhận là:

Tượng **Nhất Sinh Bổ Xứ Bồ Tát Tối Thắng Đại Tam Muội Gia**, hiệu là **Mãng Hạ Muội Đát-Lợi Gia Tam Muội Gia** (Mahā-maitreya-samaya), cũng có tên gọi là **Từ Sinh Tam Muội Gia.** Tượng đoan chính vi diệu bậc nhất, màu sắc như màu Đàn Kim (vàng đỏ lợt) của cõi **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa). Vẽ tượng có màu vàng đỏ đậm là đúng nhất. Đầu đội mão bảy báu của năm Phật Trí, mọi loại Anh Lạc trang nghiêm, áo khoác ngoài, vòng xuyến, vòng hoa, sợi dây Chú, chân châu, giải áo buông thả, dây lưng trắng, cái đãi cột tóc….

Ở trong đại viên minh, vẽ hoa sen trăm báu lớn. Vẽ tượng ngồi Kiết Già ở trên hoa sen, nhập **Tam Muội Ngưng Định**, diện mạo Từ Bi mỉm cười, có đủ 30 cánh tay đều cầm hoa sen báu, ở trên hoa sen đều nắm giữ Bản Ấn Khế, đều biểu thị cho Tam Muội Gia chẳng giống nhau. Có mọi loại hào quang ở thân, đỉnh đầu, sau lưng cũng vậy

Đầu tiên, tay thứ nhất bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa vẽ Pháp Giới Tháp Ấn. Tay thứ nhất bên phải nắm Kim Cương Quyền, duỗi Phong Tràng (ngón trỏ) chỉ gò má phải khiến chẳng đến ba phân

Tiếp, tay thứ hai bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa dựng thẳng vẽ Thất Bảo Kim Luân (bánh xe vàng bảy báu). Tiếp tay thứ hai bên phải tác Kim Cương Quyền, cũng duỗi Phong Tràng (ngón trỏ) xoay ngang múa giỡn **Tam Cổ Va Đam-La** (chày Kim Cương Tam Cổ)

Tiếp tay thứ ba bên trái dựa theo tay bên phải dựng xoay múa giỡn chày Kim Cương Ngũ Cổ. Tay thứ ba bên phải cầm móc câu Kim Cương

Tiếp tay thứ tư bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen để sợi dây Kim Cương. Tay thứ tư bên phải lật úp xuống vẽ cái loa báu như xoay múa giỡn hình chày Ngũ Cổ

Tiếp tay thứ năm bên trái cầm phướng phan báu. Tay thứ năm bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ cung điện bảy báu

Tiếp tay thứ sáu bên trái cầm tràng hạt. Tay thứ sáu bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen để **Yết Ma Kim Cương**

Tiếp tay thứ bảy bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen để **Bảo Kim Cương.** Tay thứ bảy bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen để **Pháp Kim Cương**

Tiếp tay thứ tám bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Lai Hào Tướng Tam Muội Gia.** Tay thứ tám bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Lai My Hình Tam Muội Gia**

Tiếp tay thứ chín bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Lai Nhãn Tam Muội Gia**. Tay thứ chín bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ hình **Như Lai Tỵ Tam Ma Địa**

Tiếp tay thứ mười bên trái cầm **Như Lai Nhĩ Căn Tam Muội Gia** với **Tam Mãng Địa Ấn**. Tay thứ mười bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Lai Thiệt Căn Tam Muội Gia**

Tiếp tay thứ mười một bên trái cầm **Như Lai Khẩu Tam Mãng Địa**. Tay thứ mười một bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Phật Tâm Tam Muội Gia**

Tiếp tay thứ mười hai bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Lai Tề Tam Ma Địa**. Tay thứ mười hai bên phải cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Lai Mã Âm Tàng Tam Ma Địa**

Tiếp tay thứ mười ba bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ **Như Ý Ma Ni** (Cintà-mani). Tay thứ mười ba bên phải cầm cây gậy Như Ý (Như Ý Bổng)

Tiếp tay thứ mười bốn bên trái cầm cây kiếm báu Như Ý. Tay thứ mười bốn bên phải cầm cái gương báu của Như Lai (Như Lai Bảo Kính)

Tiếp tay thứ mười lăm bên trái cầm hoa sen, ở trên hoa sen vẽ sư tử báu. Tay thứ mười lăm bên phải cầm chuông chày Kim Cương (Kim Cương Xử Đạc)

Phần bên trên, 32 tay như vậy đều dùng Kim Cương Quyền cầm hoa sen báu, ở trên hoa sen để Ấn Khế đều dùng dây đai của cõi Trời để cột buộc, lửa rực sáng vây quanh với dùng áo khoác ngoài, mỗi loại trang nghiêm Tượng.



_ Hệ thống Mật Giáo ghi nhận tôn tượng của Bồ Tát Di Lặc trong **Trung Đài Bát Diệp Viện** thuộc **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) là:



Mật Hiệu là: **Tấn Tật Kim Cương**
Chữ chủng tử là: YU (𑖧𑖲)
Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình trên hoa sen, hoặc Tấn Tật Ấn trên hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn, hay **Tấn Tật Trì Ấn** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Hai tay kết Hư Tâm Hợp Chưởng, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển. Biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.



Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MAHĀ-YOGA YOGINI YOGEŚVARI _ KHAṂ JARĪKE _ SVĀHĀ

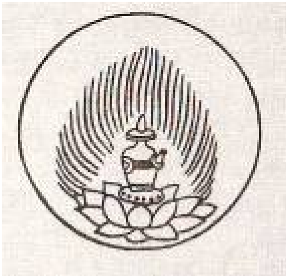
_ Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala), Di Lặc Bồ Tát là một vị thuộc 16 Tôn đời Hiền Kiếp được an trí ở đầu phía Bắc bên phương Đông của nhóm Tam Muội Gia Hội.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Di Lặc Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

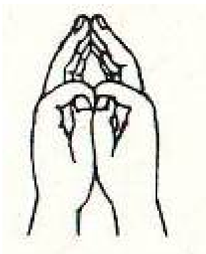
Mật Hiệu là:**Tấn Tật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay MAI (𑖦𑖹)

Tam Muộ Gia Hình là:cái bình Quân Trì



Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, hai móng ngón trỏ cùng hợp nhau, hai ngón cái đè mặt bên cạnh ngón trỏ



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

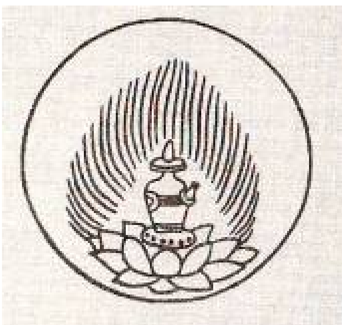
OṂ_ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ A

Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖀 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

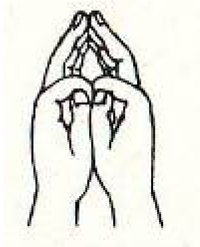
OṂ_ MAITREYĀYA A SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Di Lặc Bồ Tát có chữ chủng tử là:A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình Quân Trì. Biểu thị cho việc dùng nước của cái bình năm Trí rưới rót mọi loài trong Pháp Giới



Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, hai móng ngón trỏ cùng hợp nhau, hai ngón cái đè mặt bên cạnh ngón trỏ



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ_ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ A

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Di Lặc Bồ Tát có Chữ chủng tử là: MAI (𑖦𑖹)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa trước rốn cầm bình Quân Trì, tay phải đè nắp bình.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖦𑖹

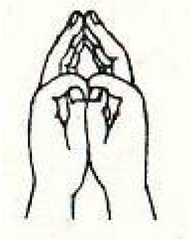
OṂ_ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ MAI

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Di Lặc Bồ Tát có chữ chủng tử là: MAI (𑖦𑖹)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài hoa sen, bên trên có bình Quân Trì.



Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, hai móng ngón trỏ cùng hợp nhau, hai ngón cái đè mặt bên cạnh ngón trỏ



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖦𑖹

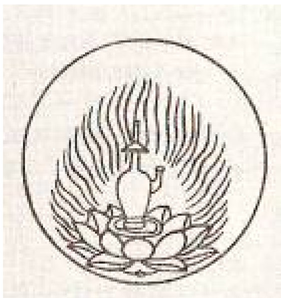
OṂ_ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ MAI

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Di Lặc Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài sen, bên trên có bình Quân Trì.



Tam Muội Gia Hình là: Cái bình Quân Trì.



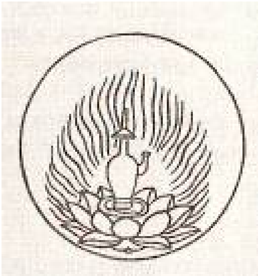
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ_ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ A

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Di Lặc Bồ Tát có chữ chủng tử là: MO (𑖦𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình Quân Trì. Biểu thị cho việc dùng nước của cái bình năm Trí rưới rót mọi loài trong Pháp Giới



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖦𑖺

OṂ_ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ MO

_ Bồ Tát Di Lặc còn được phụng thờ qua hình tượng Đức Phật là:





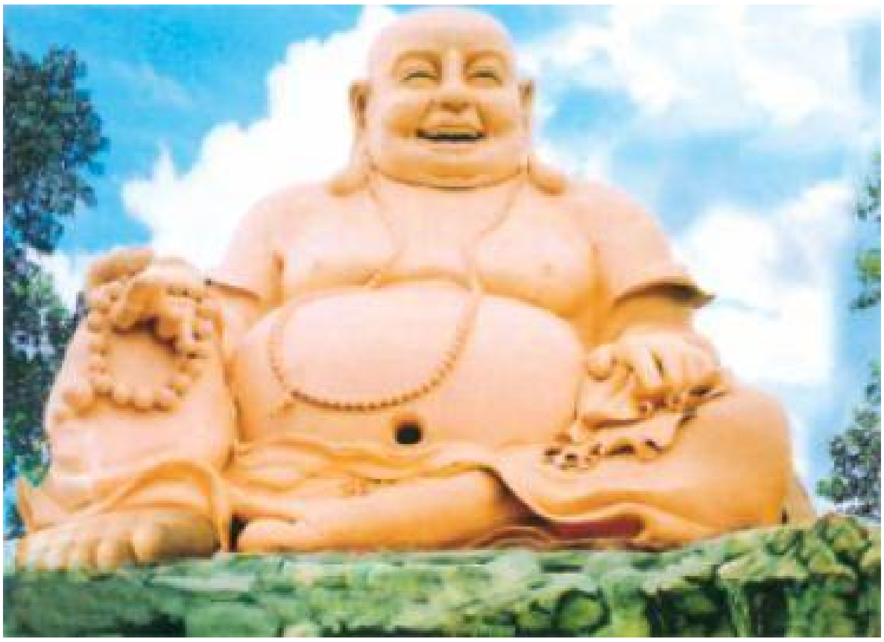




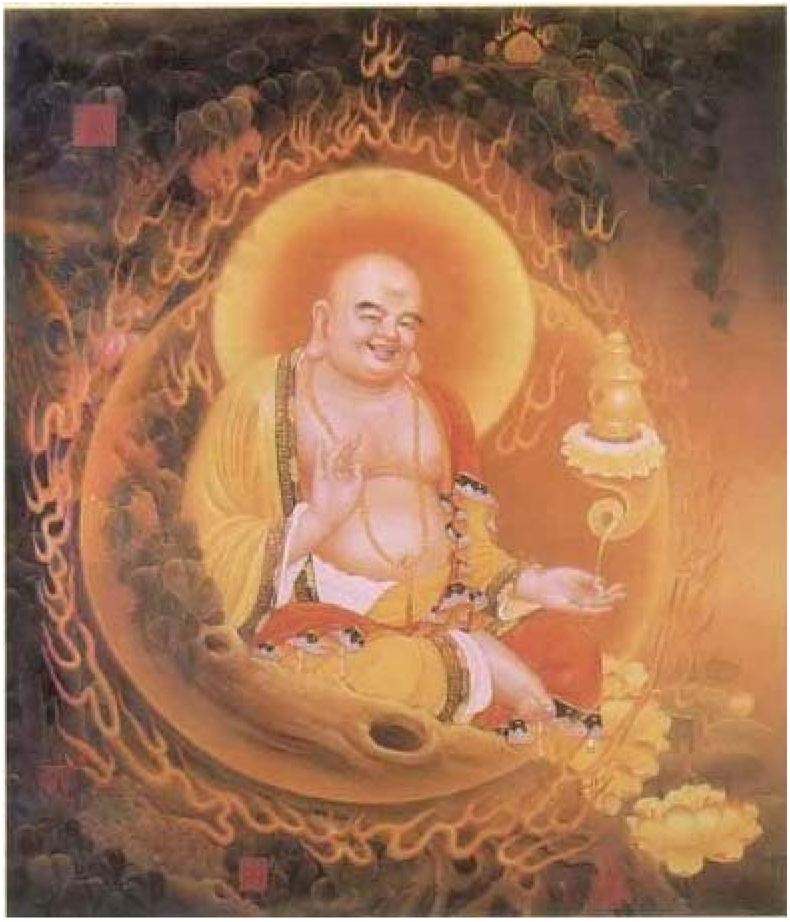
Tượng Đại Phật Di Lặc ở Lạc Sơn, Tứ Xuyên, Trung Quốc được khởi tạo năm 713



_ Dân gian thường thờ phụng Bồ Tát Di Lặc qua hình tượng **Bố Đại Hòa Thượng** là:





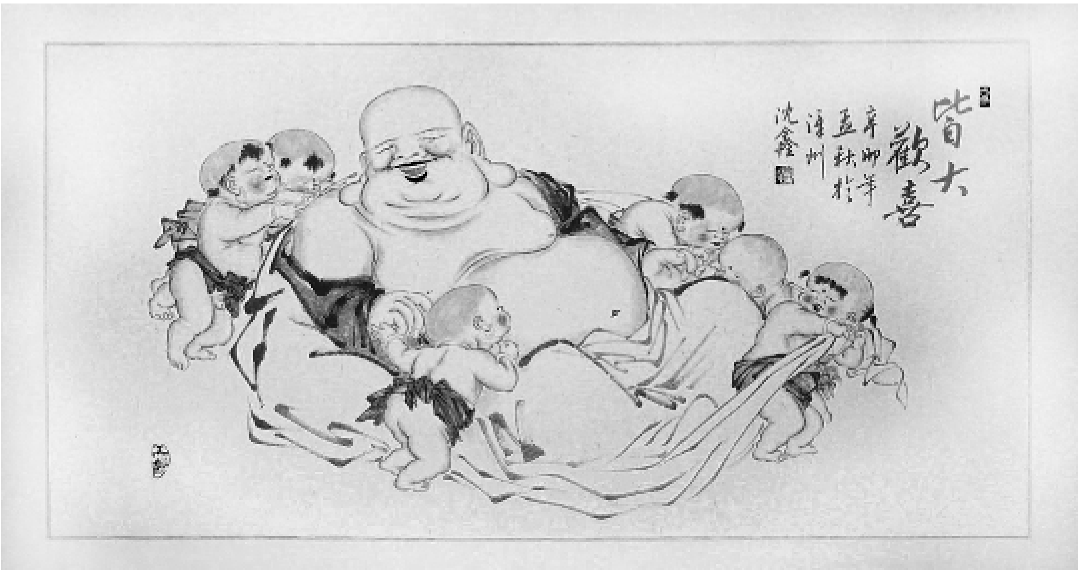




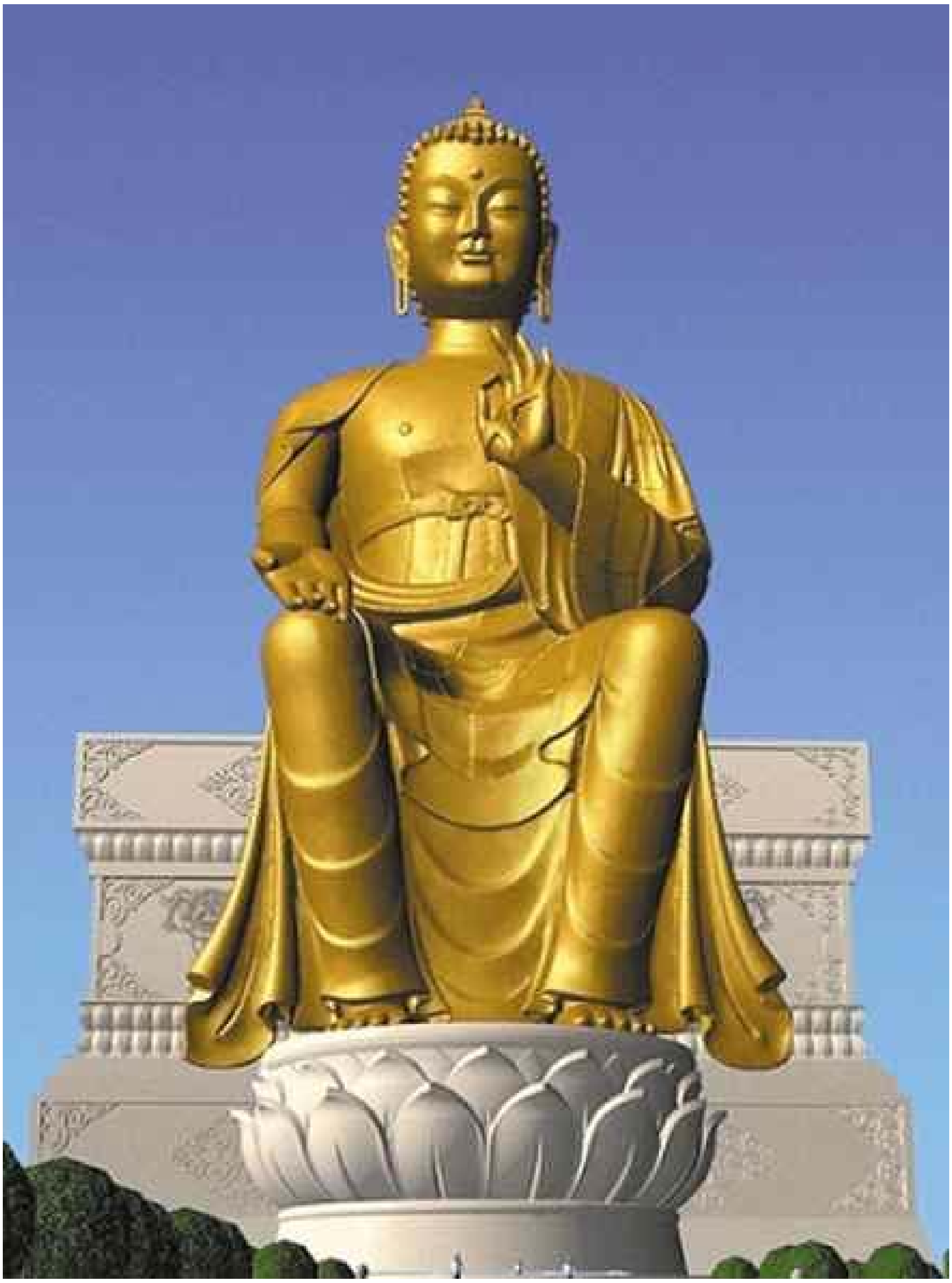
Hình Tượng Bố Đại Hòa Thượng ngồi với 5 đứa trẻ tượng trưng cho **năm Dục** đã được giáo hóa.



Hình Tượng Bố Đại Hòa Thượng ngồi với 6 đứa trẻ tượng trưng cho “Lục tặc - Lục căn” đã được giáo hóa.

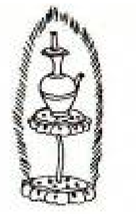


Ngày nay, công trình xây dựng Đại Phật Di Lặc ở Kushinagar tại Ấn Độ theo phong cách Di Lặc cổ xưa, có thể là tượng Phật Di Lặc lớn nhất thế giới.



THỦ ẤN CHÂN NGÔN CỦA DI LẶC BỒ TÁT

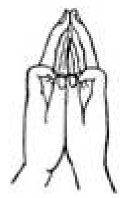
Chữ chủng tử là: YU (ञु) hay MAI (मै) hay A (अ)
Mật Hiệu là: **Tấn Tật Kim Cương**
Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình trên hoa sen, hoặc Tấn Tật Ấn trên hoa sen



1_ Di Lặc Bồ Tát Thủ Ấn (1)_ Tốt Tháp Bà Ấn (Stūpa-mudra)

Ấn này biểu thị cho nghĩa Di Lặc Bồ Tát cầm cái tháp có tất cả Pháp Thân. Đối với tất cả Ái Kiến, Phiền Não cho đến vật chẳng thể thắng của hàng Nhị Thừa thời đều thắng được. Biết tất cả tính hiểu biết (Tri Tính) của chúng sinh, tương ứng mà khởi nghĩa **Từ** (ban niềm vui). Lại xưng là **Phát Sinh Phổ Biến Đại Bi Tâm Tam Muội Gia Ấn**.

Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) kèm dựng đứng hai ngón cái hợp nhau rồi tiếp chạm phần gốc của hai ngón giữa, co cong hai ngón trỏ vịn nhẹ đầu ngón của hai ngón cái



***) Từ Thị Bồ Tát Căn Bản Chân Ngôn:**

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: OṂ _ MAITRI MAITRI _ MAITRA MANASE _ MAITRA-SAṂBHAVE _ MAITRODBHAVE _ MAHĀ-SAMAYA _ SVĀHĀ

[NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

TADYATHĀ: Liền nói Chú là

OṂ: Nhiếp triệu

MAITRI: Từ, tâm ý hiền thiện hay đem lại niềm vui cho người khác

MAITRI: Từ

MAITRA MANASE: ý nguyện sâu xa về lòng Từ

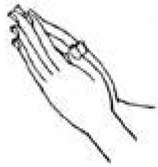
MAITRA-SAṂBHAVE: Phát sinh ra lòng Từ

MAITRODBHAVE = MAITRA + UDBHAVE: Hiện lên lòng Từ

MAHĀ-SAMAYA SVĀHĀ: Quyết định thành tựu Đại Thệ Nguyện]

2_ Di Lặc Bồ Tát Thủ Ấn (2) _ Liên Hoa Hợp Chưởng:

Đây là Thủ Ấn của Di Lặc Bồ Tát tại Trung Đài Bát Diệp Viện trong Thai Tạng Giới, là Liên Hoa Hợp Chưởng.



Hay **Tấn Tật Trì Ấn c**òn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Hai tay kết Hư Tâm Hợp Chưởng, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển. Biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.



Chân Ngôn là :

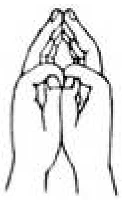
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MAHĀ-YOGA YOGINI YOGEŚVARI _ KHAṂ JARĪKE _ SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp cả chư Phật
MAHĀ-YOGA: Đại Tương Ứng
YOGINI: Người tương ứng (Người tu Du Già)
YOGEŚVARI: Tương ứng tự tại
KHAṂ: Hư Không
JARĪKE: Tác sinh
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu]

3_ Di Lặc Bồ Tát Thủ Ấn (3):

Đây là Thủ Ấn của Di Lặc Bồ Tát tại Thành Thân Hội của Kim Cương Giới.

Chắp hai tay lại giữa rỗng, hai ngón trỏ cùng hợp móng ngón, hai ngón cái đè mặt ngón bên cạnh hai ngón trỏ



Chân Ngôn là:

OṂ _ MAITREYA _ A _ SVĀHĀ

[OṂ: Quy mệnh
MAITREYA: Từ Thị, Di Lặc
A: Chủng tử
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu]

_Từ Thị Bồ Tát Thệ Nguyện Đà La Ni:

Namo bhagavate Śākyamuṇāye tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Ajite ajitaṃ jaye, bhara bhara, maitra avalokite, kara kara, mahā-samaya siddhi, bhara bhara, bodhi māna vī ni, smara smara, asmākaṃ samayaṃ, bodhi bodhi mahā-bodhi svāhā

[**Namo bhagavate Śākyamuṇāye tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya**: Quy y Đức Thế Tôn **Thích Ca Mâu Ni** Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Tadyathā: Như vậy, liền tuyên nói Chú là

Ajite: Vô Năng Thắng

Ajitaṃ: Nhóm Vô Năng Nắng

Jaye: Tôn Thắng

Bhara bhara: Đắc được, đạt được

Maitra avalokite: Tâm **Từ** quán chiếu khắp cả

Kara kara: Tác làm, gây tạo

Mahā-samaya siddhi: Thành tựu Đại Thệ Nguyện

Bhara bhara: Đắc được, đạt được

Bodhi māna vī ni: Dẫn đến ý chí Bồ Đề

Smara smara: Ghi nhớ, ghi nhớ

Asmākaṃ samayaṃ: Thệ Nguyện của chúng ta

Bodhi bodhi mahā-bodhi : Giác Tuệ, Giác Tuệ, Đại Giác Tuệ

Svāhā: Quyết định thành tựu]

Từ Thị Bồ Tát lại phát lời nguyện*: "Nếu có chúng sinh ở thời Mạt Pháp trong đời vị lai mà hay đọc tụng, thọ trì. Giả sử Nghiệp xưa (Túc Nghiệp) bị đọa vào ngục A Tỳ thì khi Tôi thành Phật sẽ dùng Phật Lực cứu bạt ra khỏi, lại trao cho A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Ký"*

_Từ Thị Bồ Tát Đà La Ni:

Tadyathā: Siri siri, sara sara, suru suru, dhara dhara, cala cala mahā-cala, bhara bhara mahā-bhara, kaṃpa kaṃpa mahā-kaṃpa, hūṃ visara dharma agra-sāgara svāhā

[**Tadyathā**: Như vậy, liền tuyên nói Chú là

Siri siri: Tuôn chảy điều tốt lành

Sara sara: Lưu chuyển sự bền chắc

Suru suru: Tuôn chảy nước Cam Lộ

Dhara dhara: Gìn giữ phụng trì

Cala cala mahā-cala: Lay động, lay động, lay động lớn mạnh

Bhara bhara mahā-bhara: Đắc được, đạt được, đạt được sự to lớn

Kaṃpa kaṃpa mahā-kaṃpa: Chấn động, chấn động, chấn động lớn mạnh

Hūṃ: Thành tựu

Visara dharma agra-sāgara: Kéo dài dẫn đến biển tối thắng của Pháp

svāhā: Quyết định thành tựu]

KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA BỒ TÁT

Kim Cương Tát Đỏa, tên Phạn là Vajra-satva, dịch âm là Phộc Nhật-La Tát Đỏa, dịch ý là Dũng Mãnh Hữu Tình. Lại xưng là Chấp Kim Cương, Trì Kim Cương, Kim Cương Thủ, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cụ Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát, Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ…



_Kim Cương Tát Đỏa là vị Tổ thứ hai trong tám vị Tổ của Chân Ngôn Tông. Là vị Thánh Tôn rất được tôn sùng trong Phật Giáo Mật Tông

_**Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva): Xưa dịch là **Mật Tích**, nếu giản lược cho rõ nghĩa thì **Bí Mật Chủ** (Guhyādhipati) tức là **Dạ Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) cầm chày Kim Cương hộ vệ Đức Phật, cho nên nói là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Nhưng trong ý nghĩa sâu xa, khi nói **Dạ Xoa** (Yakṣa) tức là Thân Ngữ Ý mật của Như Lai, chỉ Phật với Phật mới có thể biết, cho đến hàng Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) đối với Thần Thông bí mật như vậy chẳng phải là nơi mà sức theo kịp. Rất bí mật trong bí mật ấy là Chủ của Tâm Mật, cho nên nói là **Bí Mật Chủ**, hay cầm giữ Ấn này cho nên nói là **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

_Vì Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát cầm chày Kim Cương cho nên có tên gọi là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), thuộc **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) là thân hóa hiện Phẫn Nộ của Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng với nhóm **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Văn Thù** (Maṃjuśrī) hợp làm **Tam Tộc Tính Tôn**, phân biệt đại

biểu cho ba loại đặc tính là **Lực Lượng, Từ Bi, Trí Tuệ**… cho nên xưng là **Đại Lực Kim Cương Thủ**

_ Trong điển Tịch của Phật Giáo: Khi Đức **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha) nhập vào **Phổ Hiền Tam Muội** (Samanta-bhadra-samādhi) thì sinh ra Kim Cương Tát Đỏa (hay Kim Cương Thủ) cho nên Kim Cương Tát Đỏa thuộc **Phật Bộ** (Buddhā-kulāya) cùng với Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) là vị Thánh Tôn đồng Thể khác tên, cũng được xưng là **Kim Cương Tâm Bồ Tát** (Vajra-citta-bodhisatva)

_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Kim Cương Tát Đỏa là một trong rất nhiều vị **Kim Cương Trì** (Vajra-dhāra), thường thường giảng giải đến Pháp Thân Phổ Hiền. Theo Giáo Lý thì năm Đức Phật ở năm phương là năm vị Kim Cương Trì: Đại Nhật Như Lai ở phương trung ương, A Súc Phật ở phương Đông, Bảo Sinh Phật ở phương Nam, A Di Đà Phật ở phương Tây, Bất Không Thành Tựu Phật ở phương Bắc. Riêng Pháp Thân Phổ Hiền tức là vị Kim Cương Trì thứ sáu thì chính là Kim Cương Tát Đỏa và Ngài còn có tên gọi là **Kim Cương Tổng Trì**

_**Bí Tạng Ký** ghi nhận Tôn này là Kim Cương Tát Đỏa của **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu)

Phần cuối của **Bí Tạng Ký** lại đề cử Ngài là **Tát Đỏa** (Satva) của **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

_Kim Cương Tát Đỏa tượng trưng cho Tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.** Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**.

HÌNH TƯỢNG CỦA KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA

_**Lý Thú Thích Kim Cương Tát Đỏa Sơ Tập Hội Phẩm** nói rằng: "Kim Cương Tát Đỏa: đầu đội mão năm Phật, vui vẻ mỉm cười, tay trái kết **Kim Cương Mạn Ấn**, tay phải rút ném **Bản Chử Đại Kim Cương** (chày Kim Cương), làm thế **Dũng Tiến**

.)**Bản Chử** (chày Kim Cương) là Pháp Giới xưa nay vốn thanh tịnh

.) Tay trái kết Kim Cương Mạn Ấn: là giáng phục hữu tình **Tả Đạo Tả Hạnh** khiến quy thuận Đạo

.) Tay phải rút ném chày Kim Cương Ngũ Trí, làm thế Dũng Tiến: là khiến cho Tam Ma Địa thâm sâu của Ta Người thuận theo Phật Đạo, niệm niệm thăng tiến, đắc được Địa của Bồ Tát Phổ Hiền. Nắm quyền để bên cạnh eo là **Kim Cương Mạn Ấn**"

_**Kim Cương Đỉnh Liên Hoa Bộ Tâm Niệm Tụng Nghi Quỹ** nói rằng: "Quyền trái để bên cạnh eo, tay phải rút ném cái chày"



_**Lý Thú Thích Tỳ Lô Giá Na Lý Thú Hội Phẩm** nói rằng: "Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát có vành trăng ở lưng, đội mão năm Đức Phật, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái cầm cái chuông, ngồi Bán Già"



_**Ngũ Bí Mật Quyết** nói rằng: "Dùng năm Đức Phật làm mão đội, lưng dựa vành trăng, ngồi trên hoa sen trắng, tay phải cầm chày Kim Cương Ngũ Trí an trên trái tim, tay trái cầm cái chuông Bát Nhã Ba La Mật Kim Cương đè trên háng, thân màu trắng"

.)Tay phải cầm chày Kim Cương an trên trái tim: Kim Cương Tát Đỏa này chủ về Pháp Ấn Kim Cương của tất cả Như Lai, người cầm cái chày này hay nghiền nát mười loại phiền não

.) Tay trái cầm cái chuông: biểu thị cho việc dùng Pháp Âm thanh tịnh của Bát Nhã Ba La Mật cảnh giác tất cả hữu tình với người thuộc **Nhị Thừa** (Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa)

.)Thân màu trắng: biểu thị cho Kim Cương trắng tinh không có nhiễm dính



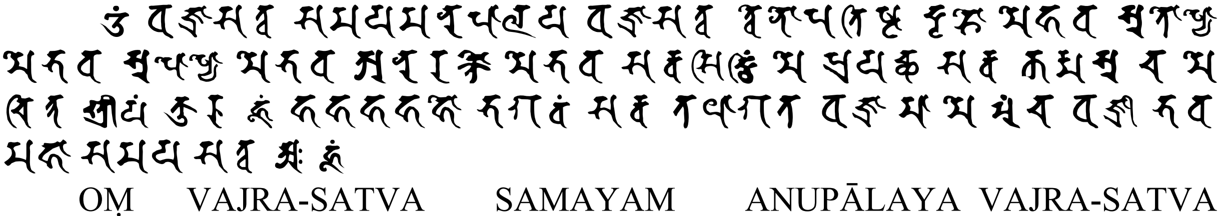
_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận hình tượng của Bản Tôn Kim Cương Thủ Bồ Tát (hay Kim Cương Tát Đỏa) là: "Thân màu xanh đen, một đầu hai cánh tay, đội mão năm đầu lâu, ba mắt có ba con ngươi tròn trịa, màu vàng tu Pháp **Nghịch Thụ**, thân khoác áo Trời tung bay, dùng da cọp làm quần, tay phải nâng cao **Phẫn Nộ Ấn** cầm cái chày Kim Cương, tayh trái để ngang ngực **Phẫn Nộ Ấn** cầm sợi dây Kim Cương, co chân phải duỗi chân trái, đứng trên vành trăng hoa sen bảy màu trong lửa rực của Bát Nhã



_Do Kim Cương Tát Đỏa là vị Chủ Tôn duy nhất của **Tiêu Nghiệp diệt Tội**. Hành Giả vì Sám Tội Giải Oan nên tu Pháp của Bản Tôn ắt công hiệu rất lớn. Vả lại, muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề đều phải trải qua từng giai đoạn, nếu thường trì Chân Ngôn của Bản Tôn sẽ hay phá trừ phiền não, chận đứng các niệm ác, sinh các Công Đức. Bởi vậy Hành Giả tu Mật Giáo trước tiên thường tu Pháp của Kim Cương Tát Đỏa (hay Kim Cương Thủ) để giáng phục sự quấy nhiễu của Ma, hộ trì cho Hành Giả.

Phàm tu Pháp **tụng Kinh trì Chú**, khi thời khóa xong rồi thì nên tụng thêm **Kim Cương Tát Đỏa Bách Tự Minh** ba biến hoặc bảy biến, sau đó Hồi Hướng ắt viên mãn tất cả Công Đức. Giả sử có sai sót thì Kim Cương Hộ Pháp chẳng bắt lỗi.

Kim Cương Tát Đỏa Bách Tự Minh là:



OṂ_ VAJRA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA_VAJRA-SATVA TVENA-UPATIṢṬA DṚḌHO ME BHAVA, SUTOṢYO ME BHAVA, SUPOṢYO ME BHAVA, ANURAKTO ME BHAVA, SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA, SARVA KARMASU CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU, HŪṂ HA HA HA HA HOḤ, BHAGAVAṂ SARVA TATHĀGATA VAJRA, MA ME MUṂCA, VAJRĪ BHAVA, MAHĀ-SAMAYA-SATVA, AḤ HŪṂ

*) Tạm diễn dịch là :

Hỡi Kim Cương Tát Đỏa! Xin Ngài hãy giữ gìn Bản Thệ! Xin Kim Cương Tát Đỏa hãy trú ngụ nơi con! Làm cho con được kiên cố vững chắc. Giúp cho con hoàn thành mọi nguyện cầu. Thúc đẩy con phát khởi Tâm Đại Trí mà thành tựu tất cả. Đồng thời làm cho Tâm của con được tinh khiết trong sáng trong mọi hành động_ Hùm Ha Ha Ha Ha Hốc_ Xin Đức Thế Tôn, tất cả Như Lai Kim Cương đừng bỏ rơi con. Hãy giúp con phát sinh được **Trí Tuệ Đại Không** phá hoại mọi phiền não. Đừng để con phân cách với Đấng Kim Cương Tát Đỏa mà thành tựu đại nguyện hữu tình_ Ắc, Hùm

.) **Kim Cương Tát Đỏa Tâm Chú** là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ VAJRA-SATVA HŪṂ

_Tu Pháp của **Kim Cương Tát Đỏa** (hay Kim Cương Thủ) có vô lượng Công Đức chẳng thể nghĩ bàn. Nói đơn giản là hay đầy đủ Uy Quyền lớn, chế phục các Ma và Ngoại Đạo, tiêu diệt tất cả tai nạn do tất cả **đất, nước, lửa, gió, hư không** sinh ra, tất cả mong cầu không có gì chẳng thành tựu như Nguyện. Khi mệnh chung thời sinh thẳng về Tịnh Thổ ở phương Tây, ấy là do Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát thống lãnh tất cả Kim Cương Hộ Pháp phụ trợ Đức Phật A Di Đà hóa độ chúng sinh

Trong tám vị Bồ Tát trợ giúp cho Đức Phật A Di Đà thì **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) là **chiết phục và tồi phá tất cả Ma ác**



_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) là Chủ Tôn của **Kim Cương Thủ Viện,** biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva). Do đó Kim Cương Thủ Viện còn được xưng là **Tát Đỏa Viện**.

Viện này có vị trí ở phương Nam của **Trung Đài Bát Diệp Viện**, biểu thị cho Đức Đại Trí của Như Lai, giáng phục các Ma Não, tức đại diện cho Phật Trí có công năng làm đủ tất cả Nguyện. Đây là **Trí Thân** giống như hư không chẳng có thể phá hoại được và tất cả mọi thứ đều không thể hàng phục Trí này được. Do đó các Tôn trong viện này đều đội các mão báu biểu thị cho Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho đến khi đạt Quả Địa của Tâm thì đổi tên là Nhất Thiết Chủng Trí

Kim Cương Thủ Viện đại biểu cho Đức **trên cầu Đại Trí**, tức do Đức **Nội Chứng** của **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) gia trì cho nên từ Nhất Thiết Trí Ấn đều hiện thân **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra) với hình sắc tính loại đều có biểu tượng tùy theo Bản Duyên Tính Dục dẫn nhiếp chúng sinh. Đây cũng là diệu dụng của **Thành Sở Tác Trí** hay khiến cho ba Nghiệp đồng với Bản Tôn, từ một Môn này được vào Pháp Giới, tức là vào khắp tất cả Pháp Giới Môn

Trong ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ và Kim Cương Bộ thì Viện này biểu thị cho Đức Đại Trí của Kim Cương Bộ , hay tồi phá phiền não.

Viện này có 33 Tôn của nhóm Hư Không Vô Cấu Luân Trì Kim Cương biểu thị cho Đức **Đại Trí Thượng Cầu** (bên trên cầu Đại Trí). Trong đó có 21 Tôn Chủ và 12 Tôn quyến thuộc



_Hàng thứ nhất (từ bên trái qua bên phải, từ trên xuống dưới):gồm 14 Tôn

1_ Phát Sinh Kim Cương Bộ ( )

2_ Kim Cương Câu Nữ ( )

3_ Kim Cương Thủ Trì Kim Cương ( )

4_ Bên phải: Kim Cương Sứ Giả Nữ ( )

Bên trái: Kim Cương Sứ Giả ( )

5_ Kim Cương Tát Đỏa ( )

6_ Bên trái: Sứ Giả ( )

Bên phải Kim Cương Câu ( )

7- Trì Kim Cương Phong ( )

8_ Bên trái: Sứ Giả ( )

Bên phải: Kim Cương Trì ( )

9_ Kim Cương Quyền ( )

10_ Tốn Bà Bồ Tát ( )

11_ Nguyệt Yểm Phẫn Nộ ( )

_Hàng thứ hai (từ bên trái qua bên phải, từ trên xuống dưới):gồm 12 Tôn (?11 Tôn)

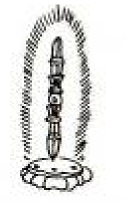
1_ Hư Không Vô Cấu Trì Kim Cương ( )
2_ Kim Cương Lao Trì Bồ Tát ( )
3_ Phẫn Nộ Trì Kim Cương ( )
4_ Kim Cương Sứ Giả ( )
5_ Hư Không Vô Biên ( )
6_ Kim Cương Quyền ( )
7_ Kim Cương Tỏa ( )
8_ Kim Cương Đồng Tử ( )
9_ Kim Cương Trì ( )
10_ Bên trái: Tốn Bà Kim Cương ( ) [Đồ hình này ghi dư, vì Tôn này chính là Tốn Bà Bồ Tát ở hàng thứ nhất]
Bên phải: Kim Cương Vương Bồ Tát ( )
11_ Trú Vô Hý Luận ( )
_Hàng thứ ba (từ bên trái qua bên phải, từ trên xuống dưới): gồm 08 Tôn
1_ Kim Cương Luân Trì ( )
2_ Kim Cương Nhuệ ( )
3_ Thích Duyệt Trì Kim Cương Man ( )
4_ Kim Cương Nha ( )
5_ Ly Hý Bồ Tát ( )
6_ Kim Cương Sứ Giả ( )
7_ Trì Diệu Kim Cương ( )
8_ Trì Kim Cương Lợi ( )

1_ Phát Sinh Kim Cương Bộ Bồ Tát (Vajra-kulodbhava):
Tôn này biểu thị cho Tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay kết Định Ấn, trên ấn có chày Độc Cổ dựng đứng, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ

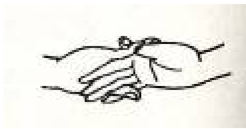


Mật Hiệu là: **Bất Hoại Kim Cương**
Chữ chủng tử là VA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

2_ Kim Cương Câu Nữ Bồ Tát (Vajrāṃkuśī):

Tôn này dùng móc câu Bát Nhã, triệu tập chúng sinh, ban cho Trí Tuệ của chân thắng.

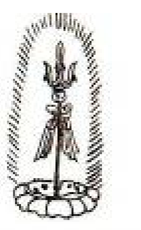
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay, ngửa lòng bàn tay để dưới nách, các ngón tay đều hướng xuống dưới, giương mở ngón cái, hơi mở ngón trỏ. Tay trái cầm móc câu Kim Cương, dựng đứng đầu gối trái, mặt hướng về bên phải nhìn xuống dưới, ngồi trên hoa sen đỏ.



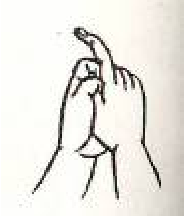
Mật Hiệu là: **Triệu Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ĀḤ () hay A ()

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Tam Cổ , hay cái mâu Tam Cổ



Tướng Ấn là: Đại Câu Triệu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṂ_ AḤ SARVATRA APRATIHATE TATHĀGATA-AṂKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

3_ Kim Cương Thủ Trì Kim Cương Bồ Tát (Vajra-hasta-vajra-dhāra):

Tôn này đồng Thể với Mang Mãng Kê Bồ Tát (Māmaki) của Kim Cương Bộ Mẫu, chủ về Đức hay sinh (Năng Sinh) của Kim Cương Bộ

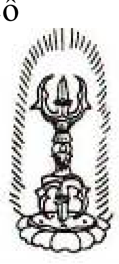
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, Tay trái hướng vào bên trong cầm chày Tam Cổ, tay phải tác Thí Nguyện , mắt hơi hướng về bên phải, ngồi trên hoa sen đỏ.



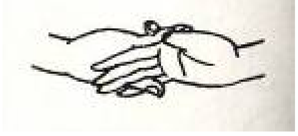
Mật Hiệu là: **Kiên Cố Kim Cương** hoặc **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRIṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



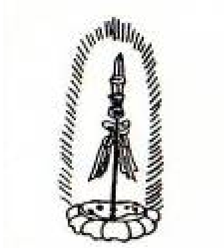
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ TRIṬA TRIṬA JAYATI_ SVĀHĀ

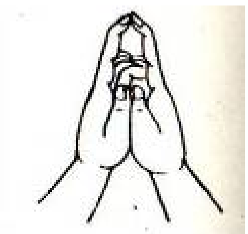
4_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa):
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây gậy (Bổng)



Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸) hay VA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Độc Cổ Kích



Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

5_ Kim Cương Sứ Giả Nữ (Vajra-cețī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện tướng phẫn nộ, tay phải cầm cây đao, co dựng đầu gối trái, giao ống chân mà ngồi.



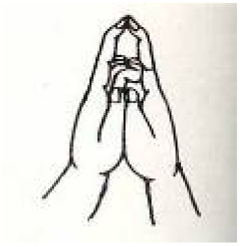
Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸) hay VA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: cây đao



Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

6_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Kim Cương Tát Đỏa tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.**

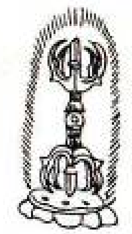
Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**

Tôn Hình: Thân màu thịt, nghiêng đầu về bên phải. Co cong cánh tay phải hơi nâng hướng lên trên, ngửa lòng bàn tay hướng lên trên, hơi co 5 ngón tay, trong lòng

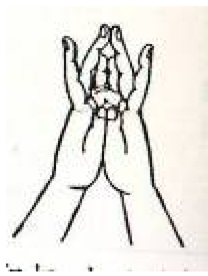
bàn tay cầm cái chày Tam Cổ. Co cong cánh tay trái, nâng bàn tay hướng lên trên, nắm quyền để trước ngực, đối lưng lòng bàn tay với tay phải.



Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VAṂ ( ) hay HŪṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Ngũ Cổ



Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:
NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA_ HŪṂ

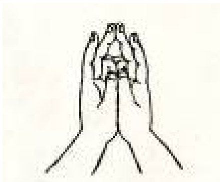
7_ Kim Cương Quân Trà Lợi (Vajra-kuṇḍalī):
Tôn này biểu thị cho nghĩa dùng nước Cam Lộ tẩy rửa tâm của chúng sinh, hoặc dùng gia trì vật cúng dường
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay giao chéo nhau trước ngực, dựng thẳng 3 ngón trỏ, giữa, vô danh; co ngón út và ngón cái.



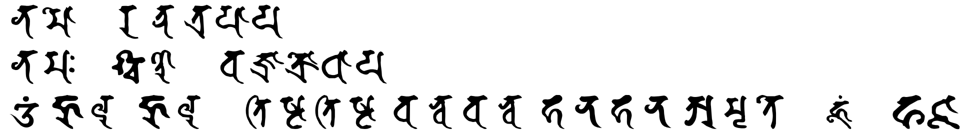
Mật Hiệu là: Cam Lộ Kim Cương
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Đại Tam Muội Gia Ấn



Chân Ngôn là:



NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCAṆḌA MAHĀ-VAJRA-KRODHĀYA
OṂ – HULU HULU – TIṢṬA TIṢṬA – BANDHA BANDHA – HANA HANA – AMṚTE HŪṂ PHAṬ.

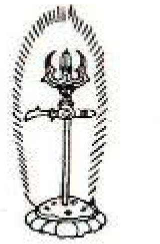
8_ Kim Cương Câu Nữ (Vajrāṃkuśī):

Tôn này đồng Thể với Kim Cương Câu Nữ Bồ Tát, hay câu triệu tất cả chúng sinh, viên mãn công đức của Như Lai

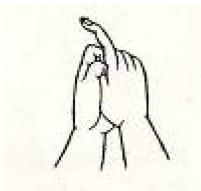
Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm móc câu Kim Cương, dựng đứng đầu gối phải đạo xéo lên lòng bàn chân trái, khoác Thiên Y



Mật Hiệu: **Triệu Tập Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ) hay ĀḤ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Móc câu



Tướng Ấn là: Đại Câu Triệu Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṂ_ AḤ SARVATRA APRATIHATE TATHĀGATA-AṂKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

9_ Trì Kim Cương Phong Bồ Tát (Vajràgra-dhàri):

Tôn này đại biểu cho Phật Đà dùng cây cọc Trí Tuệ sắc bén phá trừ phiền não của chúng sinh

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái kết Trí Quyền, ngửa hướng lòng bàn tay lên trên, để dưới rốn, tay phải cầm cây gậy (bổng)

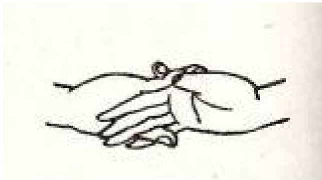


Mật Hiệu là: **Tấn Lợi Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Độc Cổ Kích



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



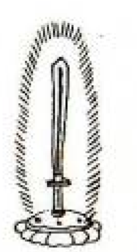
Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATI-GṚHṆA-TVAM-IMAṂ-SATVAṂ MAHĀ-BALAḤ

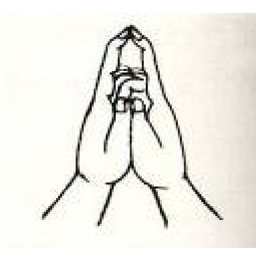
10_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa):
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm chày Độc Cổ



Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸) hay VA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cây Đao



Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

11_ Kim Cương Trì (Vajra-dhāra):

Tôn này dùng sức mạnh to lớn phá trừ vô minh căn bản của chúng sinh, nên có tên gọi là Đại Lực Kim Cương (Mahā-bala-vajra).

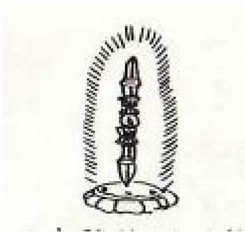
Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm chày Độc Cổ, khoác Thiên Y



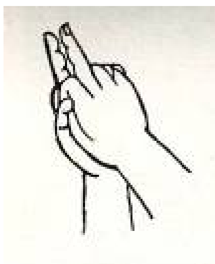
Mật Hiệu là: **Đại Động Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE ( ) hay VA ( )

Tam Muội Gia Hình là Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Bổng Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

12_ Kim Cương Quyền Bồ Tát (Vajra-muṣṭi):

Tôn này dùng Trí Tuệ Kim Cương phá hoại phiền não, ba độc Tham Sân Si của chúng sinh. Tay cầm cái chày Thập Tự Yết Ma đại biểu cho Sở Hạnh mãnh liệt mau chóng phá trừ phiền não.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền ngửa lòng bàn tay lên trên, tay phải cầm cái chày Thập Tự Độc Cổ.



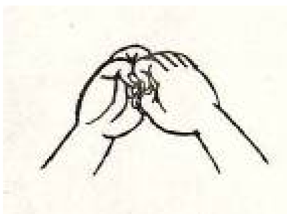
Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Độc Cổ



Tướng Ấn là: Kim Cương Quyền Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SPHOṬAYA VAJRA-SAṂBHAVE _ SVĀHĀ

13_ Tốn Bà Bồ Tát (Sumbha):

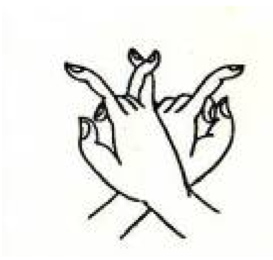
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, tóc kết mão báu, giao ống chân ngồi, tay trái cầm chày Độc Cổ, nâng lên trước vai, tay phải nắm quyền để trước ngực, dựng đứng ngón cái và ngón út, đều co gập ba ngón còn lại



Mật Hiệu là: Tối Thắng Kim Cương
Chữ chủng tử là: MA ( ) hay SU ( ) hay GṚ ( )
Tam Muội Gia Hình là : Chày Độc Cổ, hoặc sợi dây



Tướng Ấn là **Giáng Tam Thế Ấn:** Hai tay tác Phẫn Nộ Quyền, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, hai lưng bàn tay hướng vào nhau; lúc này hai ngón út cùng móc kết nhau, dựng đứng hai ngón trỏ.
Chuyển bên trái là Tịch Trừ
Chuyển bên phải tức Kết Giới.



Chân Ngôn là:

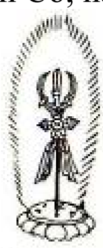


OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

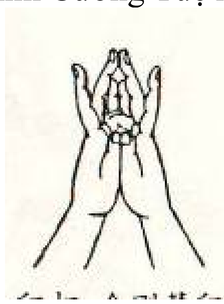
14_ Nguyệt Yểm Phẫn Nộ Bồ Tát (Krodha-candra-lilaka):
Lại xưng là Phẫn Nộ Trì Minh Nguyệt Yểm Tôn, Phẫn Nộ Nguyệt Yểm Tôn, Kim Cương Nguyệt Yểm, Nguyệt Yểm Tôn.
Tôn này hay giáng phục Đại Chướng
Tôn Hình: Thân màu đen xanh, đội mão Trời, ba mắt 4 cánh tay, hiện hình phẫn nộ, miệng có 4 răng nanh. Hai tay thứ nhất nắm quyền giao cổ tay để trước ngực, tay trái thứ hai giương cánh tay cầm chày Độc Cổ, tay phải thứ hai co khuỷu tay cầm Tam Cổ Kích, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Để La Kim Cương**
Chữ chủng tử là HRĪṂ () hay HRĪḤ ()
Tam Muội Gia Hình là: cây Kích Tam Cổ, hay Độc Cổ Kích



Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn (Kim Cương Tuệ Ấn)



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HRĪṂ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Hay

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HRĪḤ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

15_ Hư Không Vô Cấu Trì Kim Cương Bồ Tát (Gaganāmala-vajra-dhāra):
Lại xưng là Hư Không Vô Cấu Chấp Kim Cương Bồ Tát.

Tôn này cầm Kim Cương Trí Ấn của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho Đức **Nhân** trong **năm chuyển,** cũng tức là Tâm Thể Bồ Đề của chúng sinh, dùng Tâm Thể Bồ Đề lìa tất cả phiền não oán địch, trong sạch giống như hư không, cho nên xưng là Hư Không Vô Cấu.

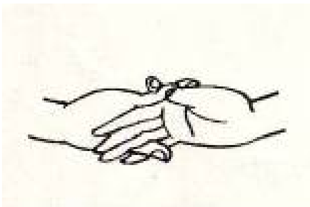
Tôn Hình:Thân màu thịt, tay phải co cánh tay ngửa lòng bàn tay kết Dữ Nguyện Ấn, tay trái dựng quyền cầm chày Độc Cổ để bên trái trước ngực , mặt hướng về bên phải, ngồi trên hoa sen trắng



Mật Hiệu là: **Ly Nhiễm Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



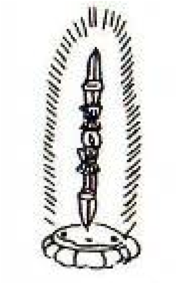
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

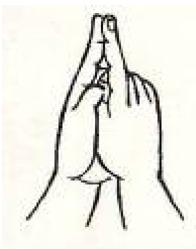
16_ Kim Cương Lao Trì Kim Cương Bồ Tát (Śivajra-dhāra):
Tôn này đại biểu cho lời thề bền chắc **hộ thủ tất cả chúng sinh**
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm chày Độc Cổ, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Thủ Hộ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Chùy Ấn



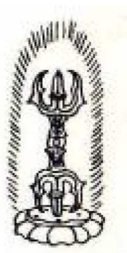
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

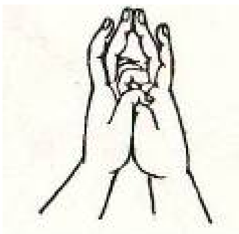
17_ Phẫn Nộ Trì Kim Cương Bồ Tát (Vajrāgra-vajra-dhāraḥ):
Lại xưng là Kim Cương Lợi Trì Bồ Tát, Kim Cương Phong Trì Bồ Tát.
Tôn này có đủ Trí Kim Cương rất mạnh bén của Như Lai. Dùng sự tồi phá tất cả sự mê hoặc, phiền não của chúng sinh làm Bản Thệ.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay mở khuỷu tay, ngửa lòng bàn tay tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm chày Tam Cổ để trước ngực, dựng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen trắng.



Mật Hiệu là:**Uy Mãnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Kích Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

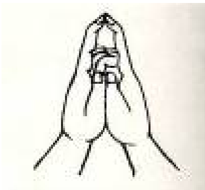
18_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa):
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ



Mật Hiệu: **Hộ Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (ह) hay VA (व)
Tam Muội Gia Hình là: Tam Cổ Kích



Tướng Ấn là: : Phụng Giáo Đao Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

19_ Hư Không Vô Biên Siêu Việt Bồ Tát (Gagagānanta-vikirama):

Lại xưng là Việt Vô Lượng Hư Không Bồ Tát, Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cương Bồ Tát, Hư Không Du Bộ Chấp Kim Cương Bồ Tát

Du Bộ nghĩa là chẳng trụ, thắng tiến, thần biến… dùng tâm Tịnh Bồ Đề ở tất cả Pháp đều không có chỗ trụ mà thường tiến tu vạn hạnh , khởi đại thần biến cho nên có tên là **Hư Không Du Bộ.**

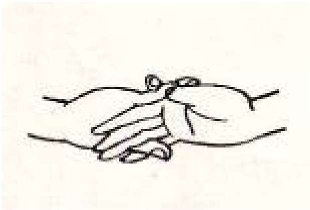
Tôn Hình: Thân màu trắng vàng, tay phải co cánh tay mở khuỷu tay, ngửa lòng bàn tay hướng đầu ngón tay về bên phải, tay trái hướng vào bên trong để trước ngực cầm chày Tam Cổ, dựng đầu gối phải, giao ống chân ngồi trên hoa sen đỏ, đầu áo kéo che vai trái, rũ xuống dưới



Mật Hiệu là: **Quảng Đại Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿 𑖣𑖘𑖿 𑖣𑖘𑖿 𑖕𑖽 𑖕𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

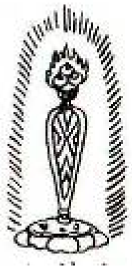
20_ Kim Cương Quyền (Vajra-daṇḍa):

Tôn này đồng Thể với Kim Cương Quyền Bồ Tát, tay cầm cây gậy (bổng) tượng trưng cho sự phá trừ phiền não của chúng sinh

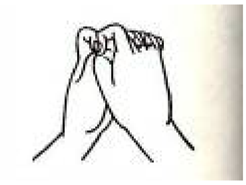
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái co khuỷu tay ngửa lòng bàn tay để dưới vú trái, tay phải co khủy tay để dưới vú phải, cầm cây gậy, ngồi trên đài sen



Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HÙM (𑖮𑖳𑖽) hay DA (𑖟)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (bổng) hay chày Thập Tự Độc Cổ



Tướng Ấn là: Kim Cương Quyền Ấn để ở eo, miệng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ SPHOṬAYA-VAJRA SAṂBHAVE SVĀHĀ

21_ Kim Cương Tỏa Bồ Tát (Vajra-śaṃkhara):

Lại xưng là Kim Cương Thương Yết La Bồ Tát.

Kim Cương Tỏa là những vòng xích liền nhau, hai đầu xích có chày Kim Cương biểu thị cho sự nhiếp giữ hóa độ chúng sinh ngang ngược khó giáo hóa.

Tôn này biểu thị cho Trí Tuệ của Kim Cương Bộ, hay cột buộc tất cả chúng sinh khiến cho thoát khỏi phiền não, hai chướng **Sở Tri**

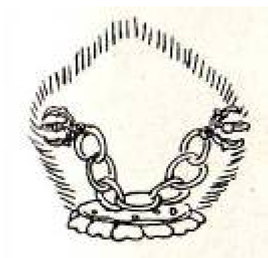
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải cầm sợi xích vàng, tay trái ngửa quyền để ở eo, dựng đầu gối phải, mặt hướng về bên phải, chéo hai bàn chân ngồi trên hoa sen đỏ



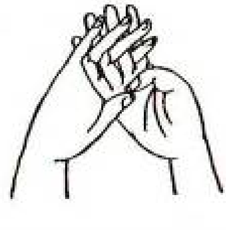
Mật Hiệu là: **Kiên Trì Kim Cương, Kiên Cố Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ) hay BAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Tỏa (móc xích Kim Cương)



Tướng Ấn là: Chuyển Pháp Luân Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ BANDHA BANDHĀYA MOṬA MOṬĀYA VAJRODBHAVE SARVATRA APRATIHATE SVĀHĀ

22_ Kim Cương Đồng Tử (Kaṇi-krodha):

Dùng Tôn này là Bản Tôn của pháp tu Tức Tai, Điều Phục… thì xưng là Kim Cương Đồng Tử Pháp, khi tu thời có thể được hiện tướng Tất Địa, hiện thân Kim Cương Nhi (con nít), thấy chư Phật, được tài bảo, trừ sợ hãi, được các Công Đức của nhóm Văn Trì

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, duỗi giương hai cánh tay, tay trái cầm chày Kim Cương, vai phải có hiện bày 7 Đức Phật, tay phải hướng xuống dưới kết Thí Vô Úy Ấn, hai chân dẫm đạp trên hoa sen, dơ cao bàn chân phải, đầu có hào quang, tóc dựng lên trên như dạng lửa rực



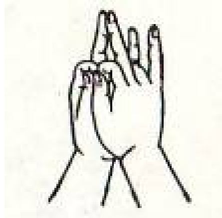
Mật Hiệu là: **Sự Nghiệp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là **Phẫn Nộ Tâm Mật Ấn**: Chắp hai tay lại giữa rỗng, co ngón vô danh và ngón trỏ vào trong lòng bàn tay, kèm dựng ngón cái đè bên cạnh ngón trỏ, dựng thẳng hai ngón út như răng nanh



Chân Ngôn là:

HŪṂ VAJRA-KUMĀRA- KAṆI DHUNI HŪṂ HŪṂ PHAṬ

23_ Kim Cương Trì Bồ Tát (Vajra-dhāra):

Tôn này biểu thị cho nghĩa nắm giữ Trí Đại Không, tồi phá tất cả chướng ngại.

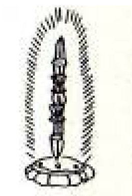
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay phải co khuỷu tay hướng lòng bàn tay lên trên cầm đầu bên dưới của cái chày Độc Cổ dựng đứng, tay phải cũng nắm chày Độc Cổ để ở ngực trái, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ.



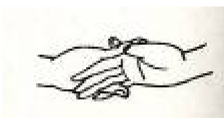
Mật Hiệu là: **Thường Định Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

24_ Kim Cương Vương Bồ Tát (Vajra-rāja):

Tôn này có Bản Thệ dùng 4 Nhiếp Pháp câu triệu tất cả hữu tình

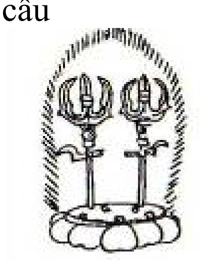
Tôn Hình:Thân hiện màu xanh lục nhạt (hay màu thịt), hai tay nắm Quyền dựng đứng ngón trỏ, giao cổ tay để trước ngực, khoác Thiên Y, đai áo tung bay hướng lên trên, chéo hai bàn chân ngồi trên đài sen



Mật Hiệu là: **Tự Tại Kim Cương, Chấp Câu Kim Cương**

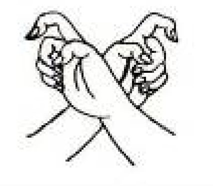
Chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu



Tướng Ấn là: Hai Quyền, dựng ngón trỏ thành dạng móc câu, giao chéo nhau trước ngực.

Ấn Câu Triệu này biểu thị cho việc***: “Trên y theo sự tự lợi của tất cả Như Lai, dưới đem lại sự lợi ích dẫn dắt chúng sinh***”. Tức đối với hai Lợi Tự Tha đều hành, nguyện không ngại, được tự tại



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖯𑖕 𑖕𑖾

OṂ_ VAJRA-RĀJA JAḤ

25_ Trụ Vô Hý Luận Bồ Tát (Aprapace-vihārī):

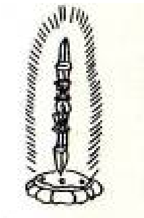
Lại xưng là Trụ Vô Hý Luận Chấp Kim Cương [Bản khác ghi là: Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát (Vajrāgra-dhāra)]

Tôn này trụ ở Đại Không Tuệ, quán sát Thật Tướng của Duyên Khởi, không sinh không diệt, chẳng đoạn chẳng thường, cũng chẳng phải đi đến…. Chỗ đấy đều dứt các hý luận giống như Niết Bàn. Vì cầm giữ Trí Ấn như vậy cho nên có tên gọi là Trụ Vô Hý Luận.

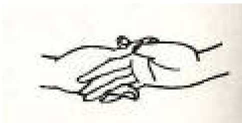
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm chày Độc Cổ, dựng đứng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Vô Lượng Ngữ Kim Cương** , hay **Vô Ý Ngữ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ, hoặc chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



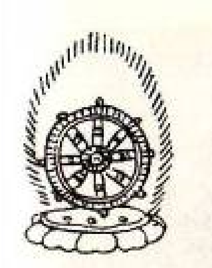
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

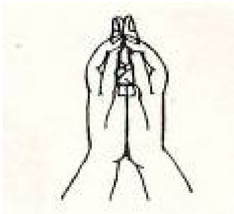
26_ Kim Cương Luân Trì Bồ Tát (Cakra-vajra-dhàra):
Tôn này dùng Trí Tuệ sắc bén của Kim Cương tồi phá tội chướng phiền não
Tôn Hình: Thân màu thịt, úp tay trái để trên đùi trái, tay phải dựng lòng bàn tay để ngang ngực, co ngón giữa và ngón vô danh, dựng đứng ba ngón còn lại



Mật Hiệu là: **Tồi Phục Kim Cương**
Chữ chủng tử là: STRYI ( ) hay CA ( )
Tam Muộ Gia Hình là: Bánh xe Kim Cương



Tướng Ấn là: Đại Kim Cương Luân Sám Hối Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ STRIYADHVIKĀNĀṂ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ_ ĀṂ VIRAJI VIRAJI _ MAHĀ-CAKRA-VAJRI _ SATA SATA_ SARATE SARATE_ TRAYI TRAYI_ VIDHAMATI SAṂBHAṂJANI_ TRAMATI SIDDHI AGRYE TRĀṂ_ SVĀHĀ

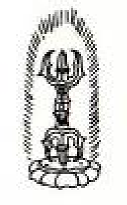
27_ Kim Cương Nhuệ Bồ Tát (Vikhyāto- vajra-dhāraḥ):

Tôn này là tên khác của Kim Cương Châm Bồ Tát (Vajra-suci), biểu thị cho Tuệ bền bén của một tướng một duyên

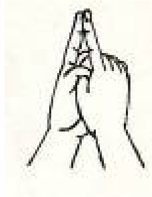
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ dựng đứng, dựng đứng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Nhận Tấn Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ) hay SU ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Kim Cương Châm Ấn



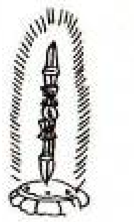
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SUCI VARADE_ SVĀHĀ

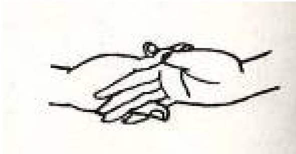
28_ Dịch Duyệt Trì Kim Cương Bồ Tát (Sarata-vajra-dhāra):
Tôn này đại biểu cho sự an trụ ở Pháp Lạc, cảnh địa vui thích màu nhiệm
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải dựng đứng chày Độc Cổ trong lòng bàn tay, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: Hỷ Kim Cương
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ) hay SU ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

29_ Kim Cương Nha Bồ Tát (Vajra-daṃṣṭra):

Lại xưng là Đại Phương Tiện Bồ Tát, Tồi Phục Ma Bồ Tát.

Tôn này hay ăn nuốt phiền não của tất cả chúng sinh cương cường, hướng họ về Vô Thượng Bồ Đề.

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ Đại Bi, hay theo Như Lai phòng hộ chúng sinh, ăn nuốt tất cả Hoặc Nghiệp phiền não của chúng sinh, thường hay đập nát Thiên Ma và tất cả các loài gây chướng

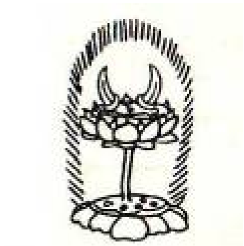
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có một nửa hình chày Tam Cổ , tay phải co 4 ngón tay để ngang ngực, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ



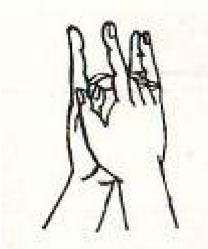
Mật Hiệu là: **Điều Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Răng nanh trên hoa sen



Tướng Ấn là: Kim Cương Dược Xoa Đại Bi Tam Muội Gia Minh Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖐𑖪𑖱 𑖤𑖩 𑖫𑖝𑖿𑖨𑖳 𑖮𑖳𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ GAVĪ BALA ŚATRŪ HŪṂ SVĀHĀ

30_ Ly Hý Luận Bồ Tát (Niṣpra-pañca-vihāri-vajra-dhāra):

Lại xưng là Vô Hý Luận Bồ Tát, hiển thẳng Thật Tướng của Đệ Nhất Nghĩa

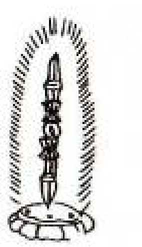
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, dựng đứng ngón trỏ, hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái nắm quyền úp xuống dưới cầm phần trên của chày Độc Cổ, đầu chày ở bên dưới cắm chạm hoa sen , dựng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen đỏ



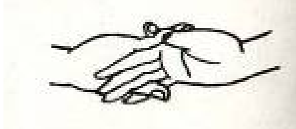
Mật Hiệu là: **Chân Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

31_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa)

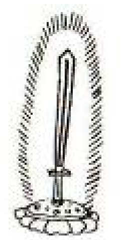
Tôn Hình: Thân màu xanh, tay phải cầm cây đao



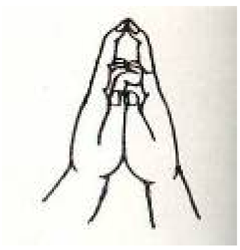
Mật Hiệu là: : **Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE ( ) hay VA ( )

Tam Muội Gia Hình là: cây đao



Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn



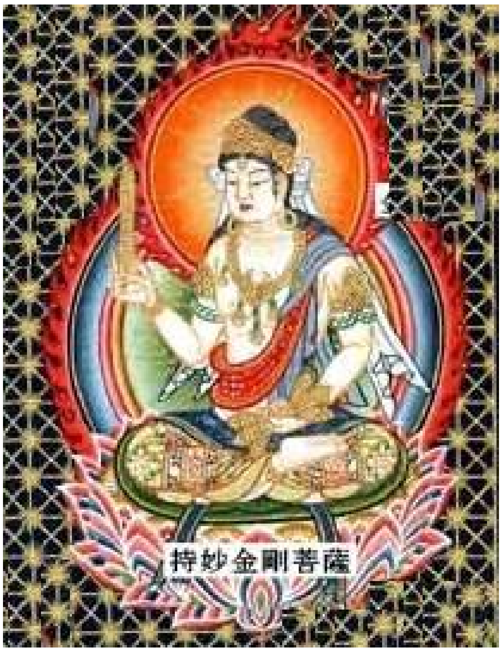
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

32_ Trì Diệu Kim Cương Bồ Tát (Suvajra-dhāra):

Lại xưng là Đẳng Diệu Kim Cương Bồ Tát

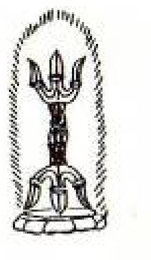
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái đề ngang eo cầm chày Tam Cổ của GIáng Tam Thế Hội, tay phải cầm chày Độc Cổ dựng đứng, ngồi trên hoa sen đỏ



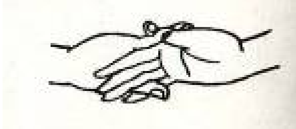
Mật Hiệu là: **Vi Tế Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Yết Ma Trấn Đàn



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

33_ Trì Luân Kim Cương Bồ Tát (Mahā-cakra-vajra):

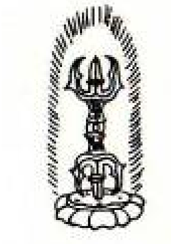
Lại nói Tôn này là Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát

Tôn này biểu thị cho sự gìn giữ bền chắc Giáo Pháp tối thắng của Kim Cương Bộ

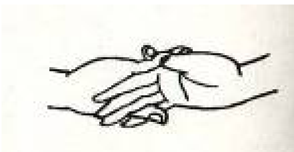
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, mắt hơi nhìn hướng lên trên, tay phải co cánh tay cầm tràng hạt, tay trái co cánh tay cầm chày Tam Cổ để trước ngực, dựng đứng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen trắng



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HÙM ()
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ, hoặc chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) là một trong bốn Tôn hầu cận Đức Phật **A Súc** (Akṣobhya-buddha) được sinh ra từ **Thể Tính bền chắc của Bồ Đề** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Tát Đỏa Dũng Mãnh Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí** .Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Tát Đỏa Dũng Mãnh Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Ngũ Phong Kim Cương (Chày Kim Cương có năm ngọn) chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh đốn chứng (chứng ngay) Hạnh Phổ Hiền, rồi quay trở lại thu làm một Thể.

Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt A Súc Như Lai”

Do Kim Cương Tát Đỏa gia trì cho nên ở sát na mãnh lợi Tâm, chứng ngay (Đốn Chứng) Vô Thượng Bồ Đề.

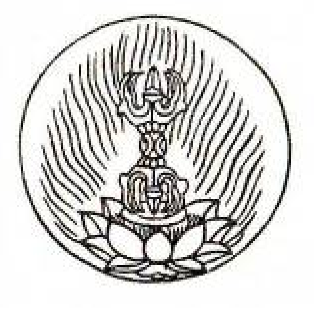
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm chày Ngũ Cổ để trước ngực, tay trái cầm cái chuông Ngũ Cổ



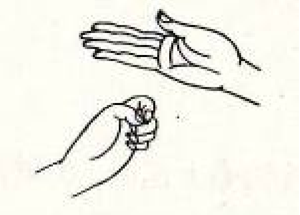
Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương, Đại Dũng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), Ā (𑖁), AḤ (𑖀𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ dựng thẳng đứng



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Ấn. Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, tay phải tác Kim Cương Quyền để ở tim, dùng quyền phải làm thế rút nắm như chưởng



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖀𑖾

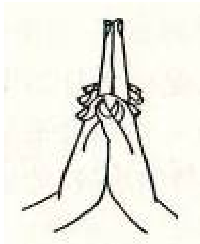
OṂ _ VAJRA-SATVA AḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tát Đỏa có chữ chủng tử là: SVTA (स्त) hay STVAṂ (स्त्वं)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ dựng đứng. Biểu thị cho Tâm Đại Bồ Đề. Từ lúc mới phát ý, kiên cố dõng mãnh trụ Tam Ma Địa Trí, ánh sáng rực rỡ của thân Tự Thọ Dụng rộng chiếu vô biên, cầm Chày Ngũ Trí Kim Cương giữ gìn tòa vị, ngạo mạn tự tại



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Tam Muội Gia Ấn



Chân Ngôn là:

समय स्त्वं

SAMAYA STVAṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tát Đỏa có chữ chủng tử là: A (अ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

वज्र आत्मक

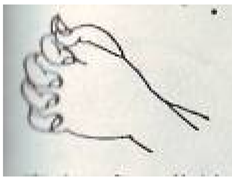
VAJRA- ĀTMAKA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tát Đỏa có chữ chủng tử là: AḤ (अः) hay ĀḤ (आः)

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen trên hoa có chày Độc Cổ, bên trên chày có hoa sen chưa nở.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc Quyền để ngang ngực.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA SARVA-ĀTMA NIRYĀTANA PŪJA SPHARAṆA KARMA-VAJRI _ ĀḤ

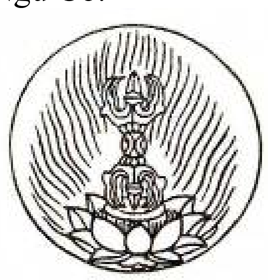
.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Tát Đỏa biểu thị cho Đức Phật **A Súc** (Akṣobhya-buddha)

Chữ chủng tử là : HŪṂ ( )

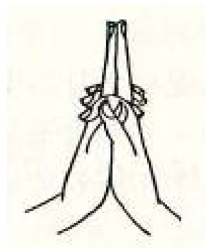
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, thân hiện màu xanh.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Đại Ấn, Kim Cương Tam Muội Gia Ấn.



Chân Ngôn là:



OṂ_ HṚDAYA-MANIṢITĀNI SARVA-TATHĀGATA SIDDHYANTĀṂ

.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Hội này biểu thị việc Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) hiện thân **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) dùng Chính Pháp hóa Độ chúng sinh. Lại gọi là **Tát Đỏa Hội, Phổ Hiền Hội**

Hội này diễn nói Lý Thú của Nghĩa **Phiền não tức Bồ Đề** là Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa .

Hội này có 17 Tôn được trình bày như sau:



Đồ Thức có 3 hình vuông gồm có 17 Tôn được trình bày như sau

_ Hình vuông thứ nhất được chia ra làm 9 hình vuông nhỏ bao quanh 9 vành trăng:

Vành trăng chính giữa là vị trí của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) ( )

Vành trăng phương Đông là vị trí của **Dục Kim Cương** ( )

Vành trăng phương Nam là vị trí của **Xúc Kim Cương** ( )

Vành trăng phương Tây là vị trí của **Ái Kim Cương** ( )

Vành trăng phương Bắc là vị trí của **Mạn Kim Cương** ( )

Vành trăng góc Đông Nam là vị trí của **Ý Sinh Kim Cương Nữ** (Hương) ( )

Vành trăng góc Tây Nam là vị trí của **Kế Lý Cát La Nữ** (Hoa) ( )

Vành trăng góc Tây Bắc là vị trí của **Ái Kim Cương Nữ** (Đăng) ( )

Vành trăng góc Đông Bắc là vị trí của **Mạn Kim Cương Nữ** (Đồ) ( )

_ Hình vuông thứ hai có 8 vành trăng nhỏ:

Vành trăng phương Đông là vị trí của **Sắc Kim Cương** (Câu) ( )

Vành trăng phương Nam là vị trí củ **Thanh Kim Cương** (Sách) ( )

Vành trăng phương Tây là vị trí của **Hương Kim Cương** (Tỏa) ( )

Vành trăng phương Bắc là vị trí của **Vị Kim Cương** (Linh) ( )

Vành trăng góc Đông Nam là vị trí của **Xuân Kim Cương** (Hý) ( )

Vành trăng góc Tây Nam là vị trí của **Hạ Kim Cương** (Man) ( )

Vành trăng góc Tây Bắc là vị trí của **Thu Kim Cương** (Ca) ( )

Vành trăng góc Đông Bắc là vị trí của **Đông Kim Cương** (Vũ) ( )

_ Hình vuông thứ ba có 4 đài hoa sen ở 4 phương, 4 chày Kim Cương ở 4 góc và các hoa văn xen kẽ.

1_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Kim Cương Tát Đỏa là Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra) tức con trưởng của tất cả Như Lai, là Tâm Bồ Đề của tất cả Như Lai, là Tổ Sư của tất cả Như Lai. Chính vì thế cho nên tất cả Như Lai lễ kính Kim Cương Tát Đỏa.

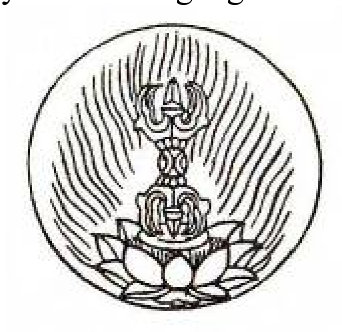
Tôn này trụ Đại Trí Ấn từ Kim Cương Giới đến Kim Cương Linh Bồ Tát dùng 37 Trí thành Thân Quả Đức ***Tự Thọ Dụng, Tha Thọ Dụng.*** Tôn này cũng là Tự Tính Thân , chẳng sinh chẳng diệt, ngang bằng với hư không, tức là Thân tràn khắp Pháp Giới

Chữ chủng tử là: OṂ ( )

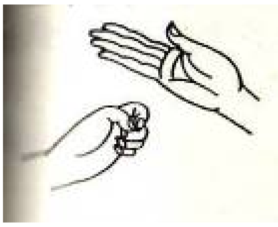
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão Ngũ Phật, tay phải cầm chày Kim Cương Ngũ Cổ vặn nghiêng cổ tay trước ngực, tay trái để ngang đầu gối cầm cái chuông Ngũ Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Đại Ấn.



Chân Ngôn là:

VAJRA-SATVA-UHAṂ

2_ **Dục Kim Cương** (Iṣṭa-vajra):

Lại xưng là Y Sắt Tra Phộc Nhật La, Dục Kim Cương, Tiễn Kim Cương, Ý Sinh Kim Cương, Kim Cương Tiễn, Nhãn Tiễn.

Tôn này là **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā), hay thông đạt tất cả Phật Pháp , không ngưng trệ không ngăn ngại như Kim Cương hay sinh ra chư Phật.

Tôn này cầm mũi tên Kim Cương bắn tất cả hạt giống Hữu Lậu trong A Lại Gia Thức (Tàng Thức), thành Đại Viên Kính Trí. Cũng dùng Mũi tên **Dục** của Đại Bi bắn sự Tham Dục trong tâm của chúng sinh khiến cho hay ngộ nhập Lý Thú thanh tịnh của Bát Nhã.

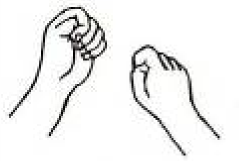
Chữ chủng tử là: MA (𑖦) hay JAḤ (𑖕𑖾)

Tôn Hình:Thân màu thịt đỏ, đầu đội mão báu, hai tay cầm mũi tên.



Tam Muội Gia Hình là: Mũi tên Kim Cương. Biểu thị cho việc dùng mũi tên Tâm Bồ Đề câu triệu tất cả hữu tình, an trí vào Phật Đạo.

Tướng Ấn là: Kim Cương Vương Ấn.



Chân Ngôn là:



JAḤ _ VAJRA-DṚṢṬI SAYAKE MAṬ

3_ Xúc Kim Cương (Kīlikīla):

Kīlikīla (Hay Kelikila) dịch âm Phạn là Kế Ly Cát La Kim Cương, Kế Lý Kế La Kim Cương, Kế Lợi Cát La Kim Cương. Lại xưng là Kim Cương Hỷ Duyệt Bồ Tát. Xưng đầy đủ là Kế Lợi Cát La Kim Cương Bồ Tát, hoặc Kim Cương Kế Ly Cát La Bồ Tát.

Tôn này là **Hư Không Tạng Tam Ma Địa** (Ākāśa-garbha-samādhi) ban an vui cho vô biên chúng sinh, cứu vớt chúng sinh bị chìm đắm trong bùn nghèo túng, mọi ước nguyện mong cầu Thế Gian với Xuất Thế Gian đều khiến cho đầy đủ.

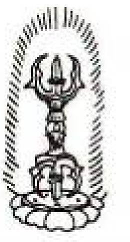
Tôn này ôm **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) biểu thị cho sự Tịnh **Thức thứ bảy** (Manas-vijñāna: Mạt Na Thức) vọng chấp **Thức thứ tám** (Ālaya-vijñāna: Tàng Thức) làm Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái… thành **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna), tức biểu thị cho Tính của việc tiếp chạm (Xúc Tính) tức là Bồ Đề. Hoặc lại dùng Trí không nhiễm quán sát chia Y Tha Tính, trao cho Viên Thành **chẳng tức là chẳng sai khác** (bất tức bất dị) trong địa vị Quả Đức, biết tất cả Pháp cùng với Bồ Đề Niết Bàn **chẳng tức là chẳng sai khác**

Chữ chủng tử là: HĀ (), hay HŪṂ ()

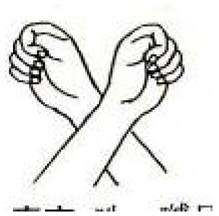
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, thân đeo Anh Lạc, hai tay giao chéo nhau, ôm dính chày Tam Cổ (hoặc chày Ngũ Cổ).



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ. Biểu thị cho **Đại Phương Tiện Kim Cương Thừa** khiến chứng Trí chẳng nhiễm.



Tướng Ấn là: Hai tay làm thế giao nhau, ôm chày Tam Cổ.



Chân Ngôn là:
𑖮𑖳𑖽 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖰𑖩𑖰𑖎𑖰𑖩𑖸 𑖮𑖳𑖽
HŪṂ VAJRA-KĪLIKĪLE HŪṂ

4_Ái Kim Cương (Rāga-vajra):

Lại xưng là Ái Phộc Kim Cương, Ái Lạc Kim Cương, Bi Mẫn Kim Cương.

Tôn này là **Đa La Bồ Tát** (Tārā) hay trụ Đại Bi Giải Thoát thương xót vô biên hữu tình bị khổ, thường cưu mang bạt tế, ban cho an vui.

Tôn này cầm cây phướng Ma Kiệt hay tịnh **Ý Thức** (Manōvijñāna: Thức thứ sáu) duyên lự nơi Tâm Hữu Lậu tịnh nhiễm thành **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyeka-kṣana-jñāna). Cũng hay dùng Đại Bi Thiên Nhãn (mắt Trời Đại Bi) quán thấy Thể Phổ Hiền trong thân của tất cả hữu tình chẳng tăng chẳng giảm

Chữ chủng tử là: SU (𑖭𑖲), hay VAṂ (𑖪𑖽)

Tôn Hình: Thân màu xanh, hai tay cầm cây phướng Yết Ma dựng đứng sát bên trái.



Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng Yết Ma. Biểu thị cho việc dùng sợi dây **yêu nhớ cột buộc khắp chúng sinh dẫn họ đến Bồ Đề**, cuối cùng chẳng buông bỏ… giống như con cá lớn Ma Kiệt ăn nuốt tất cả vật đã tiếp chạm, một khi đã vào trong miệng xong thì không có cơ hội thoát khỏi.

Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn. Biểu thị cho **Đại Bi Kim Cương Tỏa** trải qua vô lượng kiếp ở sinh tử, tâm chẳng dời đổi, cứu độ tất cả chúng sinh dùng làm Đạo ấy.



Chân Ngôn là:

VAṂ_ VAJRIṆI SMĀRA RAṬ

5_ Mạn Kim Cương (Mana-vajra):

Lại xưng là Kim Cương Mạn, Kim Cương Phỏng, Ý Khí Kim Cương, Kim Cương Dục Tự Tại.

Tôn nay là **Đại Tinh Tiến Ba La Mật** (Mahā-vīrya-pāramitā) hay trụ vô ngại giải thoát, rộng làm việc Phật ở vô biên Như Lai với làm lợi ích cho chúng sinh.

Tôn này đem hai Kim Cương Quyền để ở háng biểu thị cho tịnh thân chất ngại của năm thức, khởi đại cần dũng, khắp hết hữu tình không dư sót đều mau khiến thành Phật , hay tịnh năm thức thân thành Thành Sở Tác Trí. Cũng dùng con mắt thịt trong sạch không ngại, quán tất cả hữu tình ở tại địa vị sinh khác nhau, tuy trần lao che ngăn Bản Tính thanh tịnh. Nếu cùng với đại tinh tiến tương ứng tức được thanh tịnh lìa dơ bẩn.

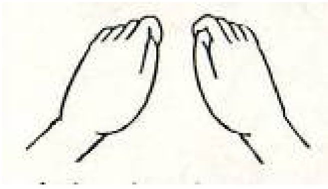
Chữ chủng tử là: KHA () hay HOḤ ()

Tôn Hình: Thân màu vàng, hai tay nắm Kim Cương Quyền để trên đùi, hướng đầu về bên trái.



Tam Muội Gia Hình là: Hai Kim Cương Quyền Ấn.Biểu thị cho Đức của Tha Hóa Tự Tại

Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền để trên đùi, hướng đầu về bên trái.



Chân Ngôn là:

[Siddham script]

HOḤ_ VAJRA-KĀMEŚVARI TRĀṂ

6_ Ý Sinh Kim Cương Nữ :

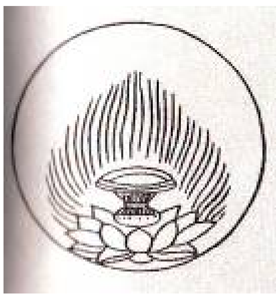
Lại xưng là Kim Cương Phần Hương Bồ Tát (Vajra-dhūpa), Dục Kim Cương Nữ (Iṣṭa-vajri)

Chữ chủng tử là: VA ([Siddham]) hay A ([Siddham])

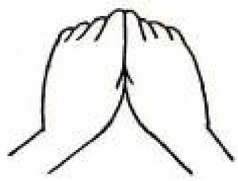
Tôn Hình: Màu xanh, hai tay cầm lò hương hình hoa sen.



Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền kèm song song nhau, hướng xuống dưới bung tán, như đám mây hương lan tỏa khắp.



Chân Ngôn là:

MAHĀ RATA VAJRI HOḤ

7_ Kế Lý Cát La Nữ (Kīlikīle):

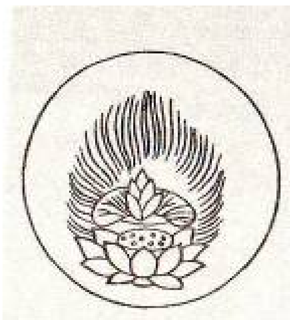
Lại xưng là **Kim Cương Hoa Bồ Tát** (Varja-puṣpa), Xúc Kim Cương Nữ.

Chữ chủng tử là: JRA ( )

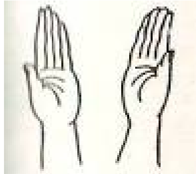
Tôn Hình: Màu vàng lợt, tay trái cầm vật khí chứa đầy hoa, tay phải tựa dạng bốc lấy.



Tam Muội Gia Hình là: vật khí chứa đầy hoa



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, ngửa lên rồi bung tán



Chân Ngôn là:
𑖮𑖸 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖝𑖰𑖾
HE VAJRA RATIḤ

hay 𑖮𑖸 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖝𑖰
HE VAJRA VATI

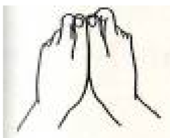
8_ Ái Kim Cương Nữ (Rāga-vajri):
Lại xưng là Kim Cương Đăng Bồ Tát (Vajra-Āloka)
Chữ chủng tử là: SA (𑖭)
Tôn Hình: Thân mày thịt đỏ, hai tay cầm đài nến.



Tam Muội Gia Hình là: Đèn nến báu



Tướng Ấn là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, dựng thẳng hai ngón cái kèm song song.



Chân Ngôn là:

OM   VAJRA LOCANE

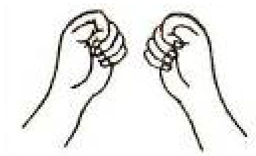
9_ Mạn Kim Cương Nữ (Mana-vajri):
Lài xưng là Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát (Vajra-gandha)
Chữ chủng tử là: TVA ( )
Tôn Hình: Thân màu xanh lục, tay trái cầm vật khí chứa hương xoa bôi, tay phải bốc giữ.



Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi (Đồ Hương Khí)



Tướng Ấn là: Hai tay đều nắm quyền, mở lòng bàn tay xoa bôi ngực.



Chân Ngôn là:

MAHĀŚRĪ-VAJRI HIḤ

Hay

OṂ_ MAHĀŚRĪ-VAJRI HE

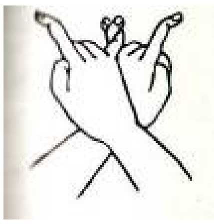
10_Sắc Kim Cương (Rūpa-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Câu Bồ Tát (Vajra-aṃkuśa):
Chữ chủng tử là: JAḤ (ཛཿ)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn, hai ngón trỏ đều co như móc câu



Chân Ngôn là:
[Siddham]
VAJRA AṂKUŚE JAḤ

Hay: [Siddham]
OṂ_ VAJRA-RŪPE JAḤ

11_ Thanh Kim Cương (Śabda-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Sách Bồ Tát (Vajra-pāśa):
Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

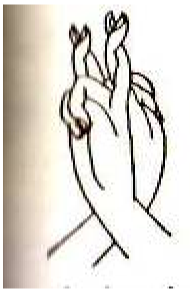
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Kim Cương



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út cùng móc nhau, hai đầu ngón cùng trụ nhau như sợi dây.



Chân Ngôn là:

VAJRA-PĀŚA HŪṂ

Hay

OṂ_ VAJRA-ŚABDE HŪṂ

12_ Hương Kim Cương (Gandha-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Tỏa Bồ Tát (Vajra-sphoṭa):
Chữ chủng tử là: VAṂ ( )

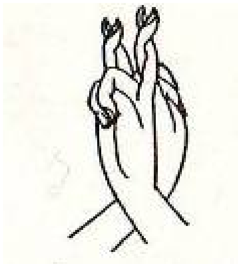
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Tỏa (móc xích Kim Cương)



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hai ngón út và hai ngón trỏ cùng móc nhau như hình móc xích.



Chân Ngôn là:

VAJRA ŚAMKARE VAṂ

Hay

OṂ_ VAJRA-GANDHE VAṂ

13_ Vị Kim Cương (Rasa-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Linh Bồ Tát (Vajra-aveśa)
Chữ chủng tử là: HOḤ ()

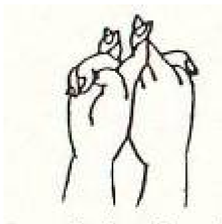
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út, hai ngón trỏ cùng móc nhau, cổ tay hơi cách nhau



Chân Ngôn là:

VAJRA GHAṂTE HOḤ

Hay

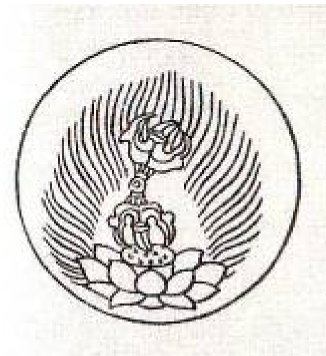
OṂ_ VAJRA-RASE HOḤ

14_ Xuân Kim Cương (Vasanta-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Hy Hý Bồ Tát (Vajra-lāse)
Chữ chủng tử là: SU ( )
Mật Hiệu là: **Trang Nghiêm Thanh Tịnh, Xuân Kim Cương**

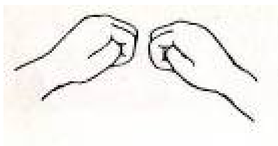
Tôn Hình: Hai tay để cạnh eo nắm Kim Cương Quyền.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong



Tướng Ấn là: Kết hai quyền, úp xuống kèm nhau ngang trái tim, chuyển theo bên phải



Chân Ngôn là:

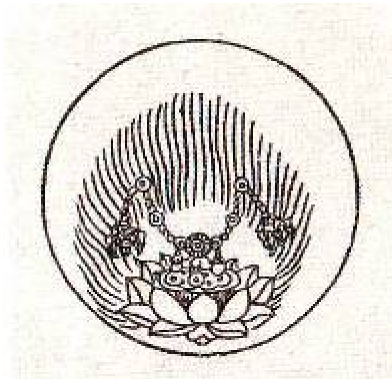
HE RATI VAJRA-VILĀSINI TRAṬ

15_Hạ Kim Cương (Grīṣma-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Man Bồ Tát (Vajra-māla):
Chữ chủng tử là: RA ( )
Mật Hiệu là: **Ý Tư Nhuận, Hạ Kim Cương**.

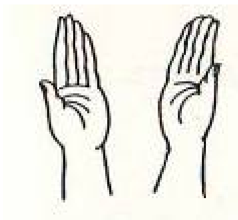
Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: vòng hoa báu (Bảo Man)



Tướng Ấn là: Hai quyền úp xuống kèm nhau, nâng lên ngang miệng thì bung duỗi dần dần từ ngón út.



Chân Ngôn là:
𑖮𑖸 𑖨𑖝𑖰 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖯𑖭𑖸 𑖮𑖮
HE RATI VAJRA-HĀSE HA HA

16_Thu Kim Cương (Śarat-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Ca Bồ Tát (Vajra-gīta):
Chữ chủng tử là: TA (𑖝)
Mật Hiệu là: **Quang Minh, Thu Kim Cương**

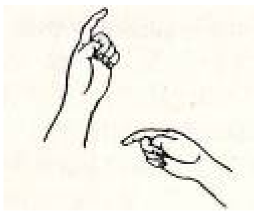
Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội



Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Không Hầu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Quyền, duỗi ngón trỏ hơi co lại, co dựng cánh tay trái như đàn Không Hầu, ngón tay phải làm thế búng gảy dây đàn Không Hầu.



Chân Ngôn là:

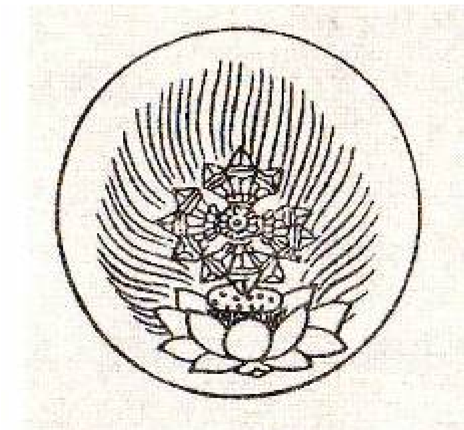
HE RATI VAJRA-GĪTE TE TE

17_Đông Kim Cương Śiśira-vajra):
Lại xưng là Kim Cương Vũ Bồ Tát (Vajra-nṛtye):
Chữ chủng tử là: STVAṂ ( )
Mật Hiệu là: **Thân Lạc, Đông Kim Cương**

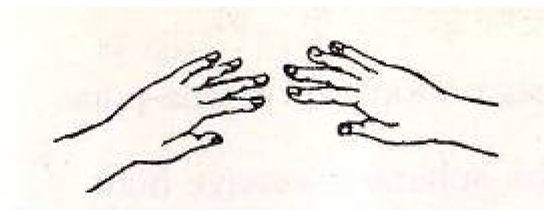
Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma



Tướng Ấn là: Hai quyền để ngang ngực chuyển múa. Liền tác Hư Tâm Hợp Chưởng đưa đến miệng rồi bung mở.



Chân Ngôn là:

HE RATI VAJRA-NṚTYE VEPA VEPA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tát Đỏa hiện **thân phẫn nộ** là nơi hóa hiện của Đại Nhật Như Lai. Thân này có tên gọi là **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya). Lại xưng là Thắng Tam Thế, Nguyệt Yểm Tôn, Phẫn Nộ Trì Minh Vương...Là một trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ thuộc 5 Bộ.

Chữ chủng tử là: SA (स) hay HŪṂ (हूं)

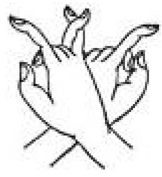
Tôn Hình: Đồng với Giáng Tam Thế Minh Vương. Thân màu đen xanh, 4 mặt 8 cánh tay, đội mão tóc lửa, mỗi mặt đều có 3 mắt. Mặt chính màu xanh, mặt bên phải màu vàng, mặt bên trái màu xanh lục, mặt phía sau màu hồng. Hai tay thứ nhất để trước ngực, kết Ấn. Bên phải: Tay thứ hai cầm chày Kim Cương, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư cầm cây đao. Bên trái: Tay thứ hai cầm chày Tam Cổ, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư cầm sợi dây. Bàn chân trái đạp lên **Tự Tại Thiên** (Maheśvara), bàn chân phải đạp lên **Ô Ma Phi** (Uma).



Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

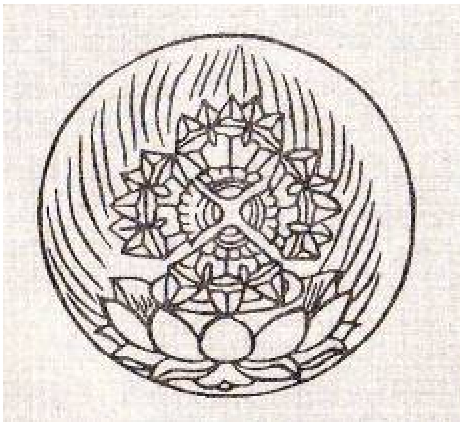
Hay

OṂ_ VAJRA-SATVA KRODHA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tát Đỏa hiển hiện Tam Muội Gia Hình của Giáng Tam Thế Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Ngũ Cổ. Biểu thị cho sự phát khởi Tâm Đại Bồ Đề , kiên cố dung mãnh trụ Tam Ma Địa Trí, ánh sáng rực rỡ của thân Tự Thọ Dụng rộng chiếu vô biên, cầm chày Thập Tự Ngũ Cổ, ngạo mạn tự tại giáng phục 3 độc **Tham Sân Si** và 3 cõi **Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới**. Điều phục Thiên Ma, giáng phục Vô Minh Phiền não căn bản



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KRODHA SAMAYE JHI

ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT

Đại Thế Chí Bồ Tát, tên Phạn là Mahā-sthāma-prāpta, dịch âm là Ma Ha Sa Thái Ma Bát La Bát Đá, dịch nghĩa là Đắc Đại Thế. Lại xưng là Đại Thế Chí, Đại Tinh Tiến hoặc lược xưng là Thế Chí



_Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** nói: Vị Bồ Tát này dùng ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho chúng sinh xa lìa ba nẻo ác, được sức Vô Thượng cho nên xưng vị Bồ Tát này là Đại Thế Chí.

Ngài cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát cùng là vị hầu cận bên cạnh Đức Phật A Di Đà. Di Đà, Quán Âm, Thế Chí được hợp xung là **Tây Phương Tam Thánh** phân biệt tượng trưng cho **Trí, Bi** của Đức Phật A Di Đà.



Do thân lượng của Đại Thế Chí Bồ Tát, lớn nhỏ đều ngang bằng với **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara), hào quang tròn bốn phương lớn nhỏ đều là 125 Do Tuần,

chiếu đến 250 Do Tuần. Toàn thân tỏa ánh sáng màu vàng tía chiếu khắp mười phương quốc thổ, hay khiến cho chúng sinh có duyên tự mình nhìn thấy. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng phóng ra từ một lỗ chân lông của Ngài thì kẻ ấy sẽ thấy ánh sáng tịnh diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương

Tôn này dùng ánh sáng Trí của vô lượng, giáng phục **ba Hoặc** (Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc), chiếu khắp mười phương cho nên xưng là **Vô Lượng Quang** (Amita-prabha)

_Y theo sự ghi chép của Kinh **Lăng Nghiêm** thì Chỗ tu (Sở Tu) tại Nhân Địa của Đại Thế Chí Bồ Tát là **Niệm Phật Tam Muội.** Nhân đây, Ngài đem Pháp Môn **Niệm Phật** dạy Đạo cho chúng sinh.

Trong Kinh ghi là: Chư Phật Như Lai ở mười phương có tâm thương xót chúng tựa như bà mẹ nhớ nghĩ đến con cái. Nếu quả nhiên tâm của chúng sinh cũng như vậy **nhớ Phật, niệm Phật** thì đời này, đời sau quyết định hay nhìn thấy Phật

Do đó Ngài đã mở bày Pháp Môn đó là: **Đều nhiếp sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, được Tam Ma Địa**. Đây là bậc nhất trong mọi Pháp Môn. Ở đời sau thành chuẩn mực trọng yếu của Hành Giả tu Tịnh Độ

Trong Kinh **Thất Phật Bát Bồ Tát Thần Chú** của Mật Giáo với Kinh **Dược Sư Bản Nguyện** xếp vị Bồ Tát vào một trong tám vị Đại Bồ Tát.

Hệ Thống Mật Giáo ghi nhận **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) là **thân Phẫn Nộ** (Krodha-kāya) của Đại Thế Chí Bồ Tát, biểu tượng cho việc chiết phục và tồi phá tất cả Ma ác



金剛手菩薩 (Vajrapani)

_Kinh Điển của hệ **Đại Nhật Kinh** đem Tôn này xếp thuộc vào Quán Âm Bộ, Mật Hiệu là **Trì Luân Kim Cương, Trì Quang Kim Cương, Chuyển Luân Kim Cương, Không Sinh Kim Cương**….

Tại **Quán Âm Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tôn này dùng ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho chúng sinh lìa xa ba nẻo ác, được sức vô thượng. Khi Tôn này bước đi thời tất cả đại địa đều chấn động cho nên xưng là **Đại Thế Chí**.

Lúc còn ở Nhân Địa thời Đại Thế Chí Bồ Tát dùng Tâm niệm Phật mà nhập vào Vô Sinh Nhẫn cho nên nay nhiếp chúng sinh niệm Phật ở Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-dhātu) quy về Tịnh Thổ.

Tôn này hay khiến cho chúng sinh xa lìa ba Độc, được sức vô thượng.

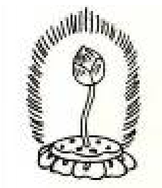
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen mở khép, tay phải giương lòng bàn tay co 3 ngón ở giữa (vô danh, giữa, trỏ) để trước ngực, ngồi yên trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Trì Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SAṂ (सं) hay SAḤ (सः)

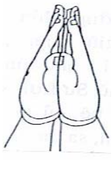
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Hư Tâm Hợp Chưởng



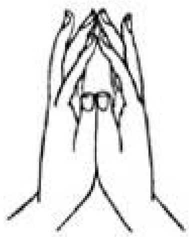
Hoặc **Không Tâm Hợp Chưởng** giống như hoa sen chưa hé nở.



Hoặc **Đại Thế Chí Bồ Tát Thủ Ấn**:

Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) co mười ngón tay vào bên trong thành dạng hình tròn như hoa sen chưa hé nở. Tiếp theo đem hai ngón giữa hơi đánh mở, tức là **Vị Phu Liên Hoa Ấn**

Hư Tâm Hợp Chưởng, liền ở hoa sen chưa hé nở, rõ rệt như rương báu của Như Lai rồi hé nở, rút lại như hợp khép.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ JAṂ JAṂ SAḤ _ SVĀHĀ

NHẬT QUANG BỒ TÁT

Nhật Quang Bồ Tát, tên Phạn là Sūrya-prabha, dịch âm là Tô Lợi Gia Bát La Bà. Lại xưng là Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Nhật Diệu Bồ Tát hay Nhật Quang Phổ Chiếu Bồ Tát.

Danh hiệu **Nhật Quang Bồ Tát** được lấy từ ý tưởng: *"Mặt trời phóng ra ngàn ánh sáng chiếu khắp thiên hạ, phá mọi ám tối"*. Vị Bồ Tát này y theo Bản Nguyện **Từ Bi**, Tam Muội **Phổ Thí** chiếu diệu Pháp Giới, bụi thế tục… phá nát sự tối tăm của sinh tử giống như ánh sáng mặt trời chiếu khắp thế gian, cho nên có tên này.





Kinh **Dược Sư** ghi nhận Nhật Quang Bồ Tát vị đứng hầu bên trái Đức Phật Dược Sư, cùng với vị Nguyệt Quang Bồ Tát đứng hầu bên phải, là hai vị Đại Phụ Tá của Đức Phật Dược Sư trong quốc thổ Tịnh Lưu Ly ở phương Đông. Đây là hai vị Bồ Tát thượng thủ của vô lượng chúng Bồ Tát, thọ trì kho báu Chính Pháp của Đức Dược Sư Như Lai.

Đức Phật Dược Sư với hai vị Bồ Tát này được hợp xưng là **Đông Phương Tam Thánh**



Nhật Quang Bồ Tát cùng với Đức Phật Dược Sư có quan hệ rất sâu xa. Trong thời quá khứ xa xưa, ngay khi Đức **Điện Quang Như Lai** hành hóa ở thế gian thời có một vị **Phạm Sĩ** (Brāhmaṇa: Bà La Môn) nuôi dưỡng hai đứa con. Ba cha con đều cảm thấy sự trược loạn của thế gian, khi ấy phát khởi Tâm Bồ Đề, thề nguyện cứu chữa chúng sinh bị bệnh khổ nên Đức Điện Quang Như Lai đối với họ khen ngợi khác thường, liền vì vị Phạm Sĩ đổi tên là **Y Vương**, hai người con được đổi tên là **Nhật Chiếu, Nguyệt Chiếu**. Do nương nhận sự phó chúc của Đức Điện Quang Như Lai nên sau khi thành Phật thì vị Phạm Sĩ ấy tức là Đức Dược Sư Như Lai. Hai người con tức là hai vị Đại Hiếp Thị **Nhật Quang, Nguyệt Quang** mà Nhật Chiếu tức là Nhật Quang Bồ Tát.



Hình tượng của Nhật Quang Bồ Tát được minh họa theo nhiều dạng khác nhau







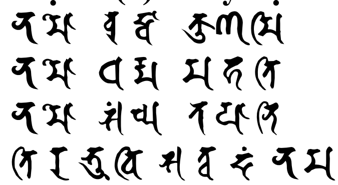


_Nhật Quang Bồ Tát cùng với Đại Bi Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát có quan hệ mật thiết. Người trì tụng Đại Bi Chú được Nhật Quang Bồ Tát hợp với vô lượng Thần Nhân đi đến chứng minh kèm tăng thêm hiệu nghiệm. Phàm người trì tụng Chú Đại Bi nếu hay trì tiếp Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni ắt hay tịch trừ Ma Chướng, được quả báo tốt lành chẳng thể nghĩ bàn

_Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** ghi rằng:

Nhật Quang Bồ Tát (Sūrya-prabha) vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà La Ni, nói Đại Thần Chú để ủng hộ là:

"Nam mô bột đà cù na mê (1) Nam mô đạt ma mạc ha đê (2) Nam mô tăng già đa dạ nê (3) Để lý bộ tất tát đốt diêm nạp ma".



NAMO BUDDHĀ KUṆAMI
NAMO DHARMA MAHATI
NAMO SAṂGHA TAYĀNI
TIRABHŪBI SATVADAṂ NAMA

Tụng Chú này diệt được tất cả tội, cũng hay đuổi được Ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng một biến, lễ Phật bái, Như vậy mỗi ngày, riêng ba Thời tụng Chú lễ Phật thì trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân sẽ được mỗi một tướng mạo đoan chính, được quả báo đáng vui mừng".

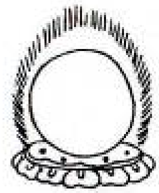


_Tại **Địa Tạng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Nhật Quang Bồ Tát** biểu thị cho Đức đặc biệt như ánh sáng mặt trời hay trừ ưu não ám tối cho chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để vành mặt trời. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) hay KA (𑖎)
Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Tướng Ấn là: Hai tay, 2 đầu ngón trỏ, 2 đầu ngón cái cùng tiếp chạm nhau. Giương mở 3 ngón còn lại như hình mặt trời phóng ánh sáng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖭𑖳𑖨𑖿𑖧 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
ON _ SŪRYA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

NGUYỆT QUANG BỒ TÁT

Nguyệt Quang Bồ Tát, tên Phạn là Candra-prabha, dịch âm là Tán Nại La Bát La Bà. Lại xưng là Nguyệt Tịnh Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát



Xuất xứ của Nguyệt Quang Bồ Tát có nhiều Thuyết chẳng đồng nhau, thông thường có ba loại giải thích:

1_ Ngài là vị Đế Vương cổ xưa của Ấn Độ, tức là tiền thân của Đức Thích Ca tu Bồ Tát Hạnh ở đời quá khứ

Kinh **Hiền Ngu**, quyển 6_Kinh **Nguyệt Quang Bồ Tát**_Kinh **Đại Bảo Tích**, quyển 80… ghi chép là: "Vị vua này có Đại Uy Đức, sau này bố thí cái đầu cho Bà La Môn **Lao Độ Sai** để đầy đủ Hạnh **Đàn Ba La Mật**. Lại xưng là Nguyệt Quang Bồ Tát"

2_Nguyệt Quang là tên gọi khác của **Ba Tư Nặc** (Prasenajit) là vua của nước **Xá Vệ** (Śrāvastī) ở Trung Ấn Độ khi Đức Phật còn tại thế

Kinh **Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật**, quyển Thượng nói rằng: "Chủ của nước Xá Vệ là vua Ba Tư Nặc có tên gọi là Nguyệt Quang"

Ba Tư Nặc (Prasenajit) lại xưng là Tác La Tê Na Thị Đa Vương, La Tẩy Nẵng Dụ Na Vương. Dịch ý là Thắng Quân Vương, Thắng Quang Vương, Hòa Duyệt Vương, Nguyệt Quang Vương, Minh Quang Vương. Ngài là vị vua của nước **Kiều Tát La** (Kauśala) tại thành **Xá Vệ** (Śrāvastī) ở Trung Ấn Độ đồng thời đại với Đức Thích Tôn, là bậc Đại Ngoại Hộ cho Giáo Đoàn của Đức Thích Tôn kèm thống lãnh nước **Ca Thi** (Kāśi) cùng với nước **Ma Yết Đà** (Magadha) đều là đại cường quốc. Ban đầu, nhà vua rất bạo ác không có niềm tin, sau khi quy y Đức Phật, được Đức Phật Đà giáo hóa thì mới dốc lòng tin Phật Pháp, từng cùng với vị phu nhân của Ngài là **Ma Lợi Ca** (Mallikā) hỏi đáp, được kết luận là "**con người đều yêu chính mình nhất**", sau đó Ngài thỉnh giáo Đức Thích Tôn. Cuộc đối thoại ấy còn lưu lại ở đời cho đến ngày nay.

3_Nguyệt Quang Bồ Tát là vị hầu cận bên phải Đức Phật **Dược Sư** (Bhaiṣaijya-guru-buddha) tại Thế Giới **Tịnh Lưu Ly** (Vaiḍurya) ở phương Đông cùng với vị hầu cận bên trái Đức Phật Dược Sư là **Nhật Quang Bồ Tát** (Sūrya-prabha). Cả ba vị này được hợp xưng là **Đông Phương Tam Thánh**



Tương truyền Đức Dược Sư Như Lai cùng với Nhật Quang, Nguyệt Quang vốn là cha con, từng ở trong Pháp Vận của Đức **Điện Quang Như Lai** siêng tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), nhận sự phó chúc của Đức Điện Quang Như Lai, phân biện cải tên gọi là **Y Vương** cùng với **Nhật Chiếu**, **Nguyệt Chiếu** phát Đại Nguyện **Vô Thượng Bồ Đề** thề cứu tất cả hữu tình trong sáu nẻo thoát khỏi khổ Luân Hồi

_Trong Phật Pháp thì Nguyệt Quang Bồ Tát biểu thị cho sự **lắng tâm tĩnh lự nhập vào Thiền Định** (tĩnh định), ánh sáng trong suốt rực rỡ có thể dung nhiếp mỗi một chúng sinh trong Đại Thiên khiến cho miễn trừ được sự bức não của ba Độc **Tham, Sân, Si**

Căn cứ vào sự ghi chép trong Kinh **Dược Sư Như Lai Bản Nguyện** thời Nguyệt Quang Bồ Tát cùng với Nhật Quang Bồ Tát đồng là bậc thượng thủ của vô lượng vô số chúng Bồ Tát, **Thứ Bổ Phật Xứ** (Vị Bồ Tát chờ thành Phật) thọ trì kho báu Chính Pháp của Đức Dược Sư Như Lai

_Nguyệt Quang Bồ Tát lại được xưng là **Nguyệt Thần** (Thần mặt trăng) là vị Thần Tiên được lưu truyền rất rộng trong dân gian Trung Quốc

HÌNH TƯỢNG CỦA NGUYỆT QUANG BỒ TÁT

_Tôn Tượng của Nguyệt Quang Bồ Tát xuất hiện chẳng nhiều, hình tướng cùng với vật trang sức chẳng sai khác lắm so với vị Bồ Tát Ma Ha Tát

.) Y theo **Tu Dược Sư Nghi Quỹ Bố Đàn Pháp** ghi chép: "Nguyệt Quang Bồ Tát có thân màu trắng, ngồi trên tòa ngỗng, tướng tốt đẹp trang nghiêm, thân đeo Anh Lạc với vật trang sức, tay cầm hoa sen xanh, trên sen có hình nửa vành trăng. Hoặc là nâng bàn tay cầm một vành trăng sáng"

Ánh sáng mặt trăng biểu thị cho ánh sáng hiền thiện (từ quang) trong mát yên tĩnh, ở trong chốn hắc ám phát ra ánh sáng trắng tinh dẫn đưa Tà vào Chính



.)Hoặc Nguyệt Quang Bồ Tát có hình Đồng Tử, ngồi trên hoa sen đỏ, trang điểm màu vàng, tay phải cầm hoa sen xanh bên trên có nửa vành trăng, tay trái cầm hoa sen chưa nở



Sau này Tôn Tượng Nguyệt Quang Bồ Tát được phụng thờ theo nhiều dạng thức khác nhau











Đồ Chúng Phật Giáo còn thờ phượng chung cả hai Tôn Tượng của Nguyệt Quang Bồ Tát và Nhật Quang Bồ Tát





Hệ Mật Giáo ghi nhận Nguyệt Quang Bồ Tát có vị trí ở Văn Thù Viện trong Thai Tạng Giới Mạn Đa La, cũng là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp thuộc Kim Cương Giới Mạn Đa La.

_Tại **Văn Thù Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Nguyệt Quang Bồ Tát** (Candra-prabha) biểu thị cho việc gìn giữ kho báu Chính Pháp

Tôn Hình: Quyền phải để ngang eo, cầm hoa sen, bên trên hoa có nửa vành trăng. Tay trái dựng quyền cầm hoa sen chưa nở. Ngồi ngay thẳng trên đài sen.



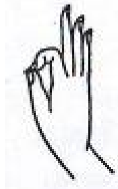
Mật Hiệu là:**Uy Đức Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA (𑖓)

Tam Muộ Gia Hình là: Trên hoa sen để nửa vành trăng.



Tướng Ấn là Chấp Liên Hoa Ấn: Tay phải, dựng lòng bàn tay đem ngón cái và ngón trỏ cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ CANDRA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Nguyệt Quang Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

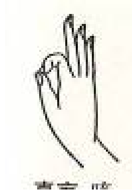
Mật Hiệu là: **Thanh Lương Kim Cương, Hoạt Duyệt Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA (𑖓) hay MA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng



Tướng Ấn là:Tay phải tác Thanh Liên Hoa Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖦

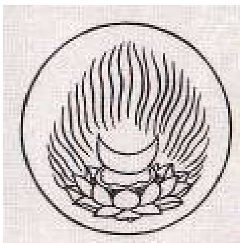
OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ MA

Hay 𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Nguyệt Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng. Biểu thị cho việc phóng tỏa ánh sáng soi chiếu chúng sinh trong nẻo hắc ám, khiến cho họ hướng về Trí Tuệ của Phật Quả



Tướng Ấn là:Tay phải tác Thanh Liên Hoa Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖧

OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ YA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Nguyệt Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: BHA (𑖥)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm giữ vành trăng, tay trái nắm quyền để cạnh eo.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖥

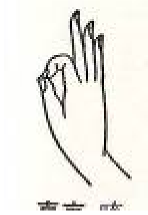
OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ BHA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Nguyệt Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: BHA (𑖥)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có nửa vành trăng.



Tướng Ấn là:Tay phải tác Thanh Liên Hoa Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖥

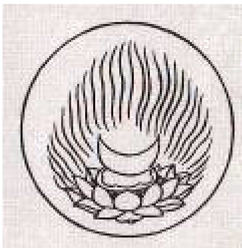
OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ BHA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Nguyệt Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có nửa vành trăng.



Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng**.**



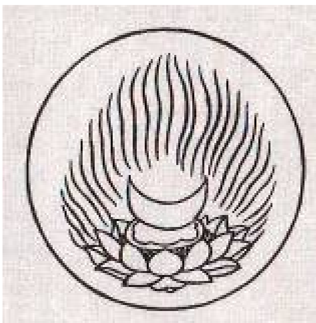
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖧

OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ YA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Nguyệt Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: BHA (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng**.** Biểu thị cho việc phóng tỏa ánh sáng soi chiếu chúng sinh trong nẻo hắc ám, khiến cho họ hướng về Trí Tuệ của Phật Quả



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖥

OṂ _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ BHA

_Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** ghi nhận bài **Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni** là:

"Thâm đê đế đồ tô tra (1) A nhược mật đế ô đô tra (2) Thâm kỳ tra (3) Ba lại đế (4) Gia di nhược tra ô đô tra (5) Câu la đế tra kỳ ma tra (6) sa bà ha".



NAMO SAṂDHETI TUṢŪṬHA ĀMITI ŪTŪṬHA SAṂKAIṬHA PALAUTIYEMEJAṬHA ŪTŪṬHA KAULĀTAUṬHA KAIMOṬHA SVÀHÀ

Tụng Chú này năm biến, lấy chỉ ngũ sắc làm sợi dây Chú (Chú Sách) rồi cột buộc ở chỗ bị đau nhức. Chú này do bốn mươi hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đã nói, nay tôi cũng nói, vì các Hành Nhân mà làm ủng hộ để trừ tất cả chướng nạn, trừ sự đau nhức của tất cả bệnh ác, thành tựu tất cả Pháp lành, xa lìa tất cả các sự sợ hãi.

Đức Phật bảo: "Này A Nan ! Ông nên dùng Tâm sâu xa trong sạch mà thọ trì Đà La Ni này, rộng nói lưu truyền nơi cõi Diêm Phù Đề đừng để cho đoạn tuyệt. Đà La Ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong ba cõi. Tất cả bịnh khổ ràng buộc nơi thân, dùng Đà La Ni này mà trị thì không có bệnh nào chẳng khỏi.

Dùng Đại Thần Chú chú vào cây kho héo thì cây ấy còn được sinh cành lá, hoa quả huống chi hữu tình là chúng sanh Thức. Nếu thân có bệnh hoạn, dùng Chú này trị mà chẳng lành, ắt không có chuyện đó

Thiện Nam Tử ! Sức uy thần của Đà La Ni này chẳng thể luận bàn ! Chẳng thể luận bàn ! Khen ngợi không thể hết được! Nếu chẳng phải là người từ đời quá khứ lâu xa đến nay đã rộng gieo căn lành, thì cho đến tên gọi còn chẳng được nghe, huống chi là được thấy! Đại Chúng các ông, Trời, Người, Rồng,Thần… nghe Ta khen ngợi đều nên tùy vui".

DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT VÀ DƯỢC THƯỢNG BỒ TÁT

Dược Vương Bồ Tát, tên Phạn là Bhaiṣaijya-rāja hay Bhaiṣajya-rāja, dịch âm là Bệ sái thệ la nhạ.

Dược Thượng Bồ Tát, tên Phạn là Bhaiṣaijya-samudgata hay Bhaiṣajya-samudgata, dịch âm là Bệ Sái Thệ Tam Muột yết đa.

Do hai vị Bồ Tát này ở đời quá khứ hay ban cho thuốc tốt cứu trị hai loại bệnh **Thân Tâm** của chúng sinh cho nên được tên gọi là **Dược Vương** và **Dược Thượng**. Hai Tôn này đều là một trong 25 vị Bồ Tát của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha), một trong tám vị Đại Bồ Tát của Đức **Phật Dược Sư** (Bhaiṣaijya-gūru-buddha)

Hai vị Bồ Tát này tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), các Nguyện đã mãn thời ở đời vị lai: Bồ Tát Dược Vương thành Phật hiệu là **Tịnh Nhãn Như Lai.** Bồ Tát Dượng Thưỡng cũng thành Phật, hiệu là **Tịnh Tạng Như Lai**

Hai vị Bồ Tát **Dược Vương, Dược Thượng** thường luôn luôn đi theo hầu cận cúng dường Đức Phật Dược Sư (thuyết khác nói là Nhật Quang Bồ Tát và Nguyệt Quang Bồ Tát). Có lúc cả hai vị Bồ Tát này hợp làm người hầu cận (hiếp thị) của Đức Phật Thích Ca hoặc Đức Phật A Di Đà… để biểu thị cho Đức **vốn đồng một Thể** của chư Phật



药王菩萨 药上菩萨

_**Phật nói Kinh quán hai Bồ Tát Dược Vương Dược Thượng** ghi chép rằng:

"Đức Phật bảo A Nan: Ở thời quá khứ cách nay vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, lại gấp bội mỗi mỗi cõi nước đó chẳng thể nói. Thời đó có Đức Phật hiệu là **Lưu Ly Quang Chiếu** Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn, kiếp đó tên là **Chính An Ổn**, cõi nước tên là **Huyền Thắng Phan**, chúng sinh sinh ở nước đó có thọ mệnh tám đại kiếp.

Đức Phật Thế Tôn ấy hiện ra ở Thế Gian 16 Đại Kiếp, sau đó ở giảng đường **Liên Hoa** (Padma) nhập vào **Bát Niết Bàn** (Parinirvāṇa). Sau khi Đức Phật vào **Niết Bàn**

(Nirvāṇa) thì Chính Pháp trụ ở đời đủ tám Đại Kiếp, Tượng Pháp trụ ở đời cũng tám Đại Kiếp. Ở trong thời Tượng Pháp có một ngàn vị Tỳ Kheo phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) cầu Bồ Tát Giới, vì khắp chúng sinh du hành giáo hóa

Thời ấy trong Chúng có một vị Tỳ Kheo tên là **Nhật Tạng** (Sūrya-garbha) thông minh đa Trí, dạo qua các làng xóm, thôn, doanh, thành, ấp, tăng phòng, nhà gác, chốn A Luyện Nhã với đến Luận Đường (nơi luận bàn)… vì các Đại Chúng rộng khen Bản Duyên của Bồ Tát Đại Thừa, cũng nói Đại Tuệ vô thượng bình đẳng thanh tịnh của Như Lai

Lúc đó trong Chúng có một vị Trưởng Giả tên là **Tinh Tú Quang** (Nakṣatra-prabha) nghe nói Đại Tuệ bình đẳng của Đại Thừa nên tâm sinh vui vẻ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cầm quả **Ha Lê Lặc** với các tạp dược (thuốc đủ loại) đến chỗ của Nhật Tạng rồi bạch rằng:"Đại Đức ! Con nghe Nhân Giả nói thuốc Cam Lộ. Như Ngài đã nói, người uống thuốc này sẽ chẳng già chẳng chết"

Nói lời đó xong, cúi đầu mặt sát đất, lễ bàn chân của vị Tỳ Kheo. Lại cầm thuốc này dâng lên Tỳ Kheo rồi bạch rằng:"Nhân Giả ! Nay đem thuốc này dâng lên Nhân Giả với Đại Đức Tăng"

Bấy giờ Nhật Tạng liền làm Chú Nguyện, nhận **Ha Lê Lặc**. Trưởng Giả nghe Pháp, lại nghe Chú Nguyện nên tâm sinh vui vẻ, lễ khắp vô lượng chư Phật ở mười phương, ở trước mặt Nhật Tạng phát Hoằng Thệ Nguyện rồi nói lời này:

"Con nghe Nhân Giả nói thuốc của Phật Tuệ. Như Ngài đã nói chân thật chẳng hư dối. Nay cầm thuốc tốt (lương dược) của núi Tuyết dâng lên Nhân Giả cùng với chúng Tăng. Dùng Công Đức này, nguyện cho con đời đời chẳng cầu Phước Báo trong ba cõi của Người, Trời. Chính tâm hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Nay con chí thành phát Tâm Vô Thượng Đạo, ở đời vị lai ắt sẽ thành Phật. Nguyện này chẳng hư dối như Phật Tuệ mà Tôn Giả đã nói. Khi con được sức trong sạch của Bồ Đề thời, tuy chưa thành Phật. Nếu có chúng sinh nghe tên của con thì nguyện được trừ diệt ba loại bệnh khổ của chúng sinh.

1_ 404 bệnh trong thân của chúng sinh, chỉ xưng tên của tôi liền được trừ khỏi.

2_ Nguyện vĩnh viễn chẳng nhận chịu nỗi khổ của Tà Kiến, ngu si với nẻo ác. Khi tôi thành Phật thời các chúng sinh trong quốc độ của tôi thảy đều ngộ giải Đại Thừa bình đẳng, lại thêm không có nẻo khác

3_ Trong Diêm Phù Đề với phương khác, có tên gọi của ba nẻo ác. Người nghe tên của tôi vĩnh viễn chẳng nhận chịu thân trong ba nẻo ác. Giả sử bị rơi vào nẻo ác thì cuối cùng tôi chẳng thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

Nếu có người lễ bái, buộc niệm, quán thân tướng của tôi. Nguyện cho chúng sinh này tiêu trừ ba Chướng như Lưu Ly trong sạch, trong ngoài sáng tỏ.

Thấy sắc thân của Phật cũng lại như vậy, nếu có chúng sinh thấy sắc thân thanh tịnh của Đức Phật. Nguyện cho chúng sinh này ở Tuệ bình đẳng, vĩnh viễn chẳng lùi mất"

Phát Nguyện này xong, cúi năm vóc sát đất, lễ khắp vô lượng chư Phật ở mười phương. Lễ chư Phật xong, cần hoa trân châu rải trên Nhật Tạng rồi bạch rằng:

"Hòa Thượng ! Nhân vào Hòa Thượng cho nên được nghe Phật Tuệ vô thượng thanh tịnh. Con nghe điều đó xong, ở trước Hòa Thượng đã phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nếu Nguyện này chẳng hư dối ắt thành Phật thì khiến cho hoa trân châu màu nhiệm mà con đã rải, hóa làm lọng hoa trụ trên Hòa Thượng"

Nói lời đó xong thì ngọc báu đã rải như hoa sen báu bày thành hàng trong hư không, biến thành cái lọng hoa. Cái lọng ấy có ánh sáng đầy đủ màu vàng ròng.

Tất cả Đại Chúng nhìn thấy việc này đều khác miệng đồng âm khen ngợi Đại Trưởng Giả **Tinh Tú Quang** rằng*: "Lành thay ! Lành thay Đại Trưởng Giả ! Ông hay*

ở trong Đại Chúng này, đã hay phát Đại Hoằng Thệ Nguyện thâm sâu nên hiện tướng điềm lành vi diệu như đây. Nay chúng tôi quán tướng điềm lành này ắt được thành Phật, không có nghi ngờ"

Thời đó Trưởng Giả **Tinh Tú Quang** có người em trai tên là **Điện Quang Minh** thấy người anh phát Tâm Bồ Đề nên thân tâm tùy vui, bạch rằng:"Đại Huynh ! Nay em trong nhà có Đề Hồ với thuốc tốt, nguyện xin anh nghe em đem cho khắp tất cả chúng Tăng chẳng giới hạn"

Người anh ấy bảo rằng: "Cứ thuận theo ý của em"

Khi ấy Điện Quang Trưởng Giả bạch với anh rằng: "Nay em cũng lại tùy theo Đại Huynh, muốn phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề thâm sâu"

Người anh ấy đáp rằng: "Nếu muốn phát Tâm. Nay em nên lễ chư Phật ở mười phương, ở trước mặt Đại Hòa Thượng Nhật Tạng Tỳ Kheo, thích hợp phát ý Vô Thượng Đạo thâm sâu"

Người em bạch với anh rằng: "Nay em đem Đề Hồ, thuốc tốt này bố thí tất cả. Lại đem vật khí thơm tho dâng lên mười phương Phật, hồi Công Đức này, nguyện như Đại Huynh đã phát Thệ Nguyện, không có khác. Nếu ước nguyện của em thành thật cẳng hư dối thời khiến cho hoa sen màu nhiệm mà em đã rải, trụ trong hư không giống như cây hoa (hoa thọ)"

Thời Đại Chúng trong Hội thấy hoa sen mà Điện Quang Trưởng Giả đã rải, xếp thành hàng, trụ trong hư không. Mỗi một hoa ấy như cây Bồ Đề xếp thành hàng, trụ trong hư không, đầy đủ hoa quả.

Lúc đó Đại Chúng khác miệng đồng âm cũng đều khen ngợi Điện Quang Trưởng Giả, rồi nói lời này:"*Nay điềm lành của ông, ứng như người anh Trưởng Giả không có khác. Ở đời vị lai ắt được thành Phật không có nghi ngờ"*

Đức Phật bảo A Nan:"Nay ông nên biết. Khi Đại Trưởng Giả đem Ha Lê Lặc, Thắng Dược của núi Tuyết dâng cho chúng Tăng. Chúng Tăng uống vào xong được nghe Diệu Pháp, do sức của thuốc cho nên trừ hai loại bệnh. Một là bốn Đại tăng giảm, hai là phiền não giận dữ. Nhân thuốc này cho nên khi các Đại Chúng đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề thời xướng lên lời này*:"Chúng tôi ở đời vị lai đều sẽ thành Phật"*

Thời các Đại Chúng đều cùng nhau nói rằng*: "Nay chúng tôi nhân vào hai loại thuốc mà Đại Sĩ ban cho nên được phát Tâm của Vô Thượng Pháp Vương, làm vua của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Vì báo ân cho nên tạo lập Hiệu, nhân vào Hạnh mà lập tên gọi, cho nên gọi là **Dược Vương*** (Bhaiṣaijya-rāja)"

Đức Phật bảo A Nan: "Nay ông nên biết. Dược Vương Bồ Tát này nghe các Đại Chúng vì mình tạo lập Hiệu thời kính lễ Đại Chúng rồi nói lời này:

"Đại Đức Chúng Tăng vì tôi lập Hiệu, tên gọi là **Dược Vương**. Nay tôi cần phải y theo tên gọi mà định thật.

Nếu mọi Sở Thí của tôi hồi hướng Phật Đạo đều được thành tựu. Nguyện cho hai bàn tay của tôi, tuôn mưa tất cả thuốc xoa rửa chúng sinh, trừ tất cả bệnh

Nếu có chúng sinh nghe tên của tôi, lễ bái tôi, quán thân tướng của tôi sẽ khiến cho nhóm này đều uống thuốc Pháp không ngại của Đà La Ni màu nhiệm thâm sâu. Sẽ khiến cho nhóm này trên thân hiện tại, trừ khử các ác, không có Nguyện gì chẳng theo. Lúc tôi thành Phật thời nguyện cho các chúng sinh đầy đủ Hạnh Đại Thừa"

Nói lời đó xong thời ở trong hư không, tuôn mưa lọng bảy báu che bên trên Dược Vương. Trong ánh sáng của cái lọng, mà nói Kệ rằng:

"Đại Sĩ ! Nguyện diệu thiện
Ban thuốc cứu tất cả
Vị lai sẽ thành Phật

*Hiệu gọi là **Tịnh Nhãn***
Rộng độ các Trời, Người
Tâm Từ không bờ mé
Mắt Tuệ chiếu tất cả
Vị lai sẽ thành Phật"

Bấy giờ Dược Vương nghe Kệ này xong thì thân tâm vui vẻ, liền nhập vào Tam Muội. Tam Muội ấy tên là **Duy Vô Trang Nghiêm**, do sức của Tam Muội cho nên thấy Phật vô số, tịnh trừ nghiệp chướng, liền được vượt qua tội của 900 vạn ức a tăng kỳ kiếp sinh tử

Khi ấy trong Chúng tạo lập Hiệu, nay chính là Dược Vương Bồ Tát Ma Ha Tát này

Đức Phật bảo A Nan: "Nay ông ở thời này nên biết người em trưởng giả đem thuốc bố thí cho người. Nhân vào thuốc bố thí cho nên người đời khen ngợi thuốc của Trưởng Giả này dùng bố thí cho chúng Tăng với ban cho tất cả. Người uống thuốc này được khí lực cao, được thuốc diệu thượng cũng nghe thuốc Pháp Đại Thừa thượng diệu. Người đời của thời đó nhân vào Hạnh mà lập tên, gọi là **Dược Thượng**

Bấy giờ Dược Thượng Bồ Tát nghe các người đời khen ngợi Đức của mình, gọi là Dược Thượng. Nhân phát Nguyện: "Nay tất cả Đại Chúng của Thế Gian này vì tôi lập Hiệu, gọi là **Dược Thượng**

Nguyện tôi đời sau , lúc được thành sức của 16 loại thanh tịnh thời dùng thuốc Thượng Pháp ban cho khắp tất cả

Nguyện cho các chúng sinh nghe tên của tôi, mau được tiêu diệt lửa mạnh phiền não

Nếu có chúng sinh lễ bái tôi, xưng tên của tôi, quán thân tướng của tôi sẽ khiến cho nhóm này được uống **Thượng Diệu Bất Tử Giải Thoát Cam Lộ Thượng Dược**"

Khi ấy Đại Chúng nghe lời đó xong, đều cởi chuỗi Anh Lạc, rải trên Dược Thượng Bồ Tát. Chỗ đã rải Anh Lạc, lớn như cái đài bảy báu, đứng trụ trong hư không. Trong cái đài có ánh sáng thuần màu vàng rực, tiếng như Phạm Âm mà nói Kệ là:

"Lành thay ! Thắng Đại Sĩ
Hiển phát Hoằng Thệ Nguyện
Đều độ chúng sinh khổ
Tâm không có nghi lo
Vị lai sẽ thành Phật
*Hiệu, gọi là **Tịnh Tạng***
Cứu giúp các Thế Gian
Người chìm trong biển khổ"

Đức Phật bảo A Nan:" Nay ông khéo nên nghe cho kỹ lời của Phật, cẩn thận đừng quên mất. Hai vị Bồ Tát Dược Vương Dược Thượng tức là **Quán Đỉnh Pháp Tử** của chư Phật Thế Tôn ba đời quá khứ hiện tại vị lai

Nếu có chúng sinh nghe tên của hai vị Bồ Tát này thì vượt qua hẳn biển khổ chẳng bị đọa trong sinh tử, luôn được gặp thẳng chư Phật Bồ Tát, huống chi là tu hành đầy đủ như đã nói.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Thần Chú mà hai vị Bồ Tát đã nói, hoặc quán thân tướng của hai vị Bồ Tát này thì ở đời hiện tại đều được thấy Dược Vương Dược Thượng với nhìn thấy Ta, ngàn Đức Phật đời Hiền Kiếp. Ở đời vị lai, thấy vô số Phật, mỗi một Đức Thế Tôn vì kẻ ấy nói Pháp, sinh vào cõi Phật thanh tịnh, tâm ấy bền chắc, cuối cùng chẳng thoái chuyển Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề"

_**Kinh** này lại ghi nhận Uy Đức của Danh Xưng và Đà La Ni của hai vị Bồ Tát này là:

"Đức Phật bảo Bảo Tích: "Chúng sinh đời vị lai có đủ năm nhân duyên sẽ được nghe tên của hai vị Bồ Tát Dược Vương Dược Thượng. Thế nào là năm ?

1_ Tâm hiền lành (từ Tâm) chẳng giết chóc, đủ Cấm Giới của Phật, chẳng khuyết uy nghi

2_ Hiếu dưỡng cha mẹ, hành mười điều Thiện của đời.

3_ Thân tâm an tịch, buộc niệm chẳng loạn

4_ Nghe Kinh **Phương Đẳng**, tâm chẳng nghi sợ, chẳng mất chẳng lùi

5_ Tin Phật chẳng diệt, ở Tâm **Đệ Nhất Nghĩa** như nước chảy, niệm niệm chẳng dứt"

Đức Phật bảo Bảo Tích: "Nếu có chúng sinh đủ năm duyên này thì đời đời sinh ra được nghe tên của hai vị Bồ Tát này với nghe tên của chư Phật Bồ Tát ở mười phương. Nghe Kinh Phương Đẳng thì tâm không có nghi lo. Đã được nghe tên của hai vị Bồ Tát này, do sức uy Thần cho nên đời đời sinh ra, trong năm trăm a tăng kỳ kiếp chẳng bị rơi vào nẻo ác"

Khi Đức Phật nói lời đó thời Dược Vương Bồ Tát nương theo uy thần của Đức Phật, liền nói Chú là:

"A mục khư (1) ma ha mục khư (2) toạ lệ (3) ma ha toạ lệ (4) đả sí (5) ma ha đả sí (6) thường cầu lợi (7) ma ha thường cầu lợi (8) ô ma trí (9) ma ha ô ma trí (10) đả sí, đả sí (11) ma ha đả sí (12) đâu đế, đâu đế (13) ma ha đâu đế (14) a thâu, a thâu (15) ma ha a thâu (16) lâu già ca (17) ma ha lâu già ca (18) đà xa mị (19) ma ha đà xa mị (20) đa đâu, đa đâu (21) ma ha đa đâu (22) ca lưu ni ca (23) đà xa la toa ha (24) a trúc khâu, a trúc khâu (25) ma trừng kì (26) ba đăng thư (27) già đệ (28) già lâu ca đệ (29) phật đà già lê (30) ca lưu ni ca (31) toa ha"

A mukha mahā-mukha, jvale mahā-jvale, dakṣi mahā-dakṣi, jaṅguli mahā-jaṅguli, umati mahā-umati, dakṣi dakṣi mahā-dakṣi, dyote mahā-dyote, ayu ayu mahā-ayu, rucaka mahā-rucaka, dhasame mahā-dhasame, tattvo tattvo maha-tattvo, kāruṇika dhasala svāhā

A cakṣu, A cakṣu, mataṅgi pataṃge cate, carudgate, buddha-cārye kāruṇika, svāhā

Khi ấy Dược Vương Bồ Tát Ma Ha Tát nói Chú đó xong liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Như Thần Chú (Mantra) này là điều mà tám mươi ức Phật ở đời quá khứ đã nói, ngày nay Đức Thích Ca Mâu Ni Phật của đời hiện tại với ngàn vị Phật Hiền Kiếp ở đời vị lai cũng nói Chú đó. Sau khi Đức Phật diệt độ nếu Tỳ Kheo (Bhikṣu), Tỳ Kheo Ni (Bhikṣuṇī), Ưu Bà Tắc (Upāsaka), Ưu Bà Di (Upāsikā) nghe Chú này, tụng Chú này, trì Chú này, trong sạch thì các Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng mau được trừ diệt. Ở thân hiện tại tu các Tam Muội, trong mỗi mỗi niệm nhìn thấy sắc thân của Phật, cuối cùng chẳng quên mất tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Anuttāra-samyaksaṃbuddhi)

Nếu Dạ Xoa (Yakṣa), hoặc Phú Đan Na (Putana), hoặc La Sát (Rākṣasa), hoặc Cưu Bàn Trà (Kuṃbhaṇḍa), hoặc Cát Già (Cchāya), hoặc Tỳ Xá Đồ (Piśāca), ăn nuốt tinh khí con người, tất cả Quỷ ác…có thể xâm hại được thời không có chuyện đó. Lúc mạng muốn dứt thời chư Phật mười phương thảy đều đến nghênh đón, tùy theo ý, vãng sinh về Tịnh Quốc ở phương khác"

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen Dược Vương Bồ Tát rằng:"Lành thay ! Lành thay ! Nam Tử chóng nói Chú này, chư Phật ba đời cũng nói Chú này. Ta đối với Chú này sinh tùy hỷ sâu xa"

Khi ấy Dược Thượng Bồ Tát cũng ở trước mặt Đức Phật mà nói Chú là:

"Nan na mưu (1) phù trí phù (2) lưu phù khâu, lưu phù khâu (3) ca lưu ni ca (4) lễ mưu, lễ mưu, ca lưu ni ca (5) tỳ đệ, tỳ đệ (6) ca lưu ni ca (7) a tỳ đệ tha (8) a tiện tha, a tiện tha (9) ca lưu ni ca (10) san già la, toa ha (11)"

Dāna muc_ bhūti bhūḥ _ rūpa-akṣa rūpa-akṣa kāruṇika _ ripu ripu kāruṇika_ viṭi viṭi kāruṇika_ abhitiṣta _ atyanta atyanta _ kāruṇika saṅkara svāhā

Dược Thượng Bồ Tát nói Chú đó xong, liền bạch Phật rằng:"Thế Tôn ! Nay con ở trước mặt Đức Như Lai, nói **Giáng Phiền Não Hải Quán Đỉnh Đà La Ni** đó. Đà La Ni Chú này là điều mà chư Phật ba đời đã tuyên nói. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nghe Chú này, tụng Chú này, trì Chú này sẽ được mười Công Đức lợi. Nhóm nào là mười ?

1_ Do sức uy thần của Chú này cho nên tội sát sinh mau được trong sạch

2_ Hủy Cấm, tên ác thảy đều trừ diệt

3_ Người hoặc Phi Nhân chẳng được dịp thuận tiện gây hãm hại

4_ Phàm chỗ tụng niệm, nhớ giữ chẳng quyên giống như A Nan

5_ Là nơi kính trọng của Thích Phạm, chư Thiên Hộ Thế

6_ Là nơi kính trọng của quốc vương, đại thần

7_ Chín mươi lăm loại các Tà Luận Sư chẳng thể khuất phục

8_ Tâm dạo Thiền Định, chẳng ưa thích niềm vui của đời.

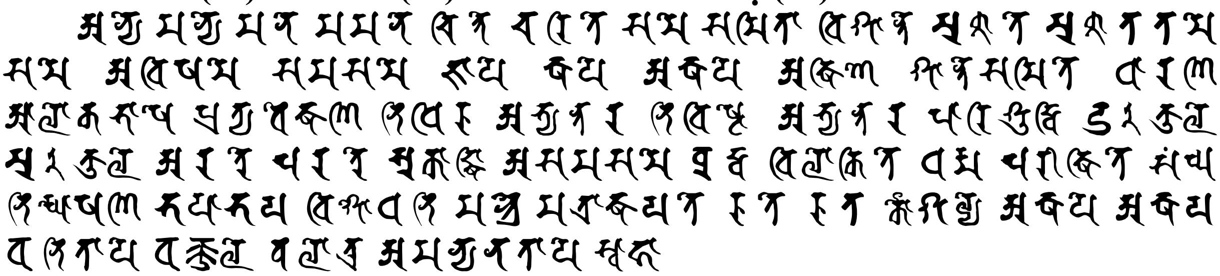
9_ Là nơi hộ niệm của chư Phật với các Bồ Tát ở mười phương và các Thanh Văn đều đến thưa hỏi, thọ nhận.

10_ Lúc mệnh chung thời tịnh trừ nghiệp chướng, chư Phật ở mười phương phóng ánh sáng màu vàng ròng, đều đến nghênh tiếp, vì mình nói Diệu Pháp, tùy theo ý vãng sinh về nước Phật thanh tịnh".

_Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**, quyển 7, phẩm **Đà La Ni** ghi nhận **Đà La Ni Chú** của Bồ Tát Dược Vương ủng hộ cho người thọ trì Kinh **Pháp Hoa** là:

"Khi ấy Bồ Tát Dược Vương bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay con đem **Đà La Ni Chú** cho người nói Pháp, dùng để thủ hộ"

Liền nói Chú là: "**An nhĩ (1) mạn nhĩ (2) ma nỉ (3) ma ma nỉ (4) chỉ lệ (5) già lê đệ (6) xa mê (7) xa lý đa vĩ (8) thiên đế (9) mục đế (10) mục đa lý (11) sa lý (12) a vĩ sa lý (3) tang lý (14) sa lý (15) xoa duệ (16) a xoa duệ (17) a kì nị (18) thiên đế (19) xa lý (20) đà la ni (21) a lô già bà sa bá giá tỳ xoa nị (22) nỉ tỳ thế (23) a tiện đá la nỉ lý thế (24) a đản đá ba lệ du địa (25) ẩu cứu lệ (26) mưu cứu lệ (27) a la lệ (28) ba la lệ (29) thủ ca sái (30) a tam ma tam lý (41) phật đà tỳ cát lợi trật đế (32) đạt ma ba lợi sái đế (33) tăng già niết cồ sa nỉ (34) bà xá bà xá du địa (35) mạn đá la (36) mạn đá la xoa dạ đa (37) bưu lâu đá (38) bưu lâu đá kiều xá lược (39) ác xoa la (40) ác xoa dã đa dã (41) a bà lô (42) a ma nhã na đa dạ (44)**"



Anye manye, mane mamane citte carite, same samitā viśānte, mukte muktatame, same aviṣame samasame, jaye kṣaye akṣaye, akṣiṇe śānte samite

dhāraṇi, ālokabhāṣe pratyavekṣiṇi, nidhiru abhyantara niviṣṭe, abhyantara pāriśuddhi, utkule mutkule, araḍe paraḍe sukaṅkṣi asamasame, buddha vilokite, dharma parīkṣite, saṃgha nirghoṣaṇi, bhayābhaya viśodhani, mantre mantrākṣaye, rute ruta kauśalya akṣaye, akṣaya vanitāye vak-kule baloḍra amanyanatāye svāhā

[**Anye**: Rực rỡ hiếm có

Manye: Điều đã suy nghĩ

Mane: Ý niệm

Mamane: Không có Ý niệm

Citte: bên trong Tâm ý

Carite: Điều đã thực hành phụng tu

Same: Lặng lẽ

Samitā: Đạm bạc

Viśānte: Chí hướng lặng yên

Mukte: Giải thoát

Muktatame:Tế độ

Same: Bình đẳng

avişame: Không có nghiêng lệch

sama: An hòa

same: Ngang bằng khắp cả

jaye: Tôn thắng

kṣaye: Diệt hết

akṣaye: Không có cùng tận

akṣiṇe: Tuyệt không đánh mất

śānte: Vô Vi thanh tịnh

samite: Yên lặng

dhāraṇi: Tổng trì

ālokabhāṣe pratyavekṣiṇi: Quán sát rõ ràng ánh sáng Xuất Thế

nidhiru: Sáng rực

abhyantara niviṣṭe: Có chỗ nương cậy tựa nhờ bên trong

abhyantara pāriśuddhi: Thanh tịnh rốt ráo

Utkule: Không có hầm hố

mutkule: Cũng không có cao thấp

araḍe: Không có hồi chuyển

paraḍe: Nơi chốn đã xoay vòng

sukaṅkṣi: Sự trong sạch của con mắt

asamasame: Không có gì ngang bằng

buddha vilokite: **Giác Tuệ** (Phật) quán chiếu

dharma parīkṣite: **Pháp** đã thành nghiệm

saṃgha nirghoṣaṇi: **Hợp Chúng** (Tăng) không có âm tiếng

bhayābhaya viśodhani mantre: Bên trong Thần Chú khiến cho sự sợ hãi và sự không sợ hãi đều được thanh tịnh

mantrākṣaye: Thần Chú không có cùng tận

rute ruta kauśalya akṣaye: Sự khéo léo của âm tiếng ngữ ngôn không có cùng tận

akṣaya vanitāye vak-kule baloḍra: Mong ước hiểu rõ chủng tính năng lực của ngôn ngữ không có cùng tận

amanyanatāye: Không có dính mắc

svāhā: quyết định thành tựu]

Thế Tôn! Đà La Ni Thần Chú đấy là điều mà 62 ức hằng ha sa đẳng chư Phật đã nói. Nếu có kẻ nào xâm hủy vị Pháp Sư này tức là xâm hủy chư Phật đó vậy".

Thời Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) khen Bồ Tát Dược Vương rằng: "Lành thay ! Lành thay Dược Vương! Ông thương nhớ, ủng hộ vị Pháp Sư này cho nên nói Đà La Ni đấy, đối với chúng sinh có nhiều sự nhiêu ích"

_Trong Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**, quyển 7, Phẩm **Diệu Trang Nghiêm Bản Sự** ghi nhận: "Tại vô số kiếp đời quá khứ có Đức Phật **Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí** giải nói Kinh **Pháp Hoa** (Saddharma-puṇḍarīka). Thời đó có vị vua tên là **Diệu Trang Nghiêm**, vị phu nhân tên là **Tịnh Đức**, hai người con tên là **Tịnh Tạng** và **Tịnh Nhãn**. Do vị vua ấy có Tà Kiến chỉ tin tưởng mãnh liệt vào Pháp của Ngoại Đạo cho nên vị phu nhân cùng với hai người con lập bày mọi loại phương tiện khiến nhà vua đi đến chỗ của Đức Phật **Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí** nghe Kinh Pháp Hoa, cùng nhau được lợi ích.

Sau khi được nghe Đức Phật ấy nói pháp, chỉ dạy làm cho lợi ích an vui. Nhà vua cùng với vị phu nhân cởi chuỗi Trân Châu đeo ở cổ, đem rải trên Đức Phật. Chuỗi ngọc ấy ở giữa hư không hóa thành cái Đài báu có bột cây trụ, trong Đài có cái giường báu trải ngàn muôn cái áo Trời, trên đó có Đức Phật ngồi Kiết Già phóng ánh sáng lớn. Khi ấy nhà vua nghĩ rằng: "Thân Phật tốt đẹp lạ kỳ hiếm có, thành tựu sắc thân vi diệu bậc nhất".

Bấy giờ Đức Phật **Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí** bảo bốn Chúng rằng: "Vị vua này ở trong Pháp của Ta, làm vị Tỳ Kheo siêng năng tu tập các món Trợ Phật Đạo Pháp, sau này sẽ được thành Phật hiệu là **Đa La Thọ Vương**, tên nước là **Đại Quang**, kiếp tên là **Đại Cao Vương**"

…. **Đức Phật** (Đức Phật Thích Ca) bảo Đại Chúng: "Ý của các ông thế nào? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải người nào khác, nay chính là **Hoa Đức Bồ Tát**, vị Tịnh-Đức phu nhân nay chính là **Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát** hiện đang ở trước Phật, vì thương xót vua Diệu-Trang-Nghiêm và quyến thuộc nhà vua nên vị Bồ-Tát này sinh sống trong cung. Còn hai người con nay chính là **Dược Vương Bồ Tát** và **Dược Thượng Bồ Tát".**

_Trong Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**, quyển 6, Phẩm **Dược Vương Bồ Tát Bản Sự** ghi nhận: "Ở đời quá khứ cách nay vô lượng hằng hà sa kiếp có Đức Phật, hiệu là **Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức Như Lai**. Thời ấy có vị Bồ Tát tên là **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến** ưa thích tu Khổ Hạnh mà được **Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội.** Khi được Tam Muội ấy rồi thì sinh khởi Tâm rất vui vẻ, lại nhập vào trong Tam Muội cúng phụng Đức **Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức Như Lai**.

Cúng dường như vậy xong rồi, từ Tam Muội khởi dậy mà tự nghĩ rằng: ***"Dù Ta dùng Thần Lực cúng dường Đức Phật, cũng chẳng bằng dùng thân cúng dường***". Liền uống các thứ hương: Chiên Đàn, Huân Lục, Đâu Lâu Bà, Tất Lực Ca, Trầm Thủy Giao Hương. Lại uống dầu thơm các thứ bông Chiêm Bặc v.v.. mãn một ngàn hai trăm năm, rồi lấy dầu thơm xoa thân ở trước mặt Đức Phật **Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức** dùng áo báu cõi Trời, tự quấn thân, rưới các thứ dầu thơm, dùng sức nguyện Thần Thông, tự đốt thân của mình cúng dường Đức Phật.

Sau khi mệnh chung, Bồ Tát **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến** lại sinh vào trong nước của Đức Phật **Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức** rồi đi đến chỗ Đức Phật ngự. Khi ấy Đức Phật **Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức** giao phó Phật Pháp lại cho vị Bồ Tát này rồi vào khoảng cuối đêm nhập vào Niết Bàn.

Bồ Tát **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến** dùng Chiên Đàn làm giàn cúng dường để thiêu đốt thân Phật. Sau đó thâu lấy **Xá Lợi** đựng trong tám vạn bốn ngàn cái bình báu, xây tám vạn bốn ngàn cái tháp, dùng phan, lọng, chuông báu, các thứ trang nghiêm.

Bấy giờ Bồ Tát **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến** lại tự nghĩ rằng: ***"Dù cho Ta làm việc cúng dường đó nhưng lòng còn chưa đủ. Nay Ta nay lại nên cúng dường Xá Lợi"***. Liền ở trước tám vạn bốn ngàn cái tháp đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, mãn bảy vạn hai nghìn năm để cúng dường. Khiến vô số chúng cầu Thanh-Văn, vô lượng vô số người phát tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đều làm cho trụ trong **Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội**

Lúc đó, các Bồ-Tát, Trời, Người, A-tu-la v.v.., thấy Ngài không có tay nên buồn rầu thương cảm nói rằng: "Bồ Tát **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến** này là Thầy của chúng ta, giáo hoá chúng ta, nay lại đốt tay, nên thân chẳng đầy đủ.

Khi ấy **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát** ở trong Đại Chúng lập lời thề rằng: "Tôi bỏ hai tay này ắt sẽ được thân màu vàng ròng của Đức Phật. Nếu là thật, không có hư dối thì khiến cho hai tay của tôi hoàn phục như cũ". Nói lời thề ấy xong thì hai tay tự nhiên hoàn phục, đấy là do Phước Đức Trí Tuệ thuần hậu của Bồ Tát mà cảm ứng như thế.

Ngay lúc đó ba ngàn Đại Thiên Thế Giới đều chấn động theo sáu cách, Trời tuôn hoa báu, tất cả người, Trời được việc chưa từng có.

Đức Phật (Đức Phật Thích Ca) bảo ngài Tú Vương Hoa Bồ Tát rằng: "Ý của ông thế nào? Bồ Tát **Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến** đâu phải người nào khác, nay chính là Dược Vương Bồ Tát vậy"

HÌNH TƯỢNG CỦA DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT

_Phật nói Kinh quán hai Bồ Tát Dược Vương Dược Thượng ghi chép rằng:

"Thân của Dược Vương Bồ Tát đó dài 12 do tuần, tùy ứng chúng sinh hoặc 18 trượng hoặc hiện tám xích (8/3 m). Thân màu vàng tía, có 32 tướng 80 tùy hình tốt đẹp như Đức Phật không có khác. Nhục Kế trên đỉnh đầu có 40 viên ngọc Ma Ni, mỗi một viên ngọc có 40 góc (lăng), mỗi một khoảng góc có 40 bông hoa dùng nghiêm sức mão trời (thiên quan). Bên trong mão trời ấy có mười phương Phật với các Bồ Tát thảy đều ảnh hiện như mọi báu, Hào Tướng ở tam tinh có màu Lưu Ly trắng, nhiễu quanh thân bảy vòng như trướng báu màu trắng. Các lỗ chân lông trên thân tuôn ra ánh sáng như viên ngọc Ma Ni, số đủ tám vạn bốn ngàn. Mỗi một viên ngọc ấy uyển chuyển xoay theo bên phải như bảy báu thành hoa Ưu Bát La. Trên mỗi một hoa có một vị Hóa Phật, thân cao trượng sáu như Đức Thích Ca Mâu Ni. Mỗi một Đức Như Lai có 500 vị Bồ Tát dùng làm Thị Giả.

Hai cánh tay của Dược Vương Bồ Tát đó như màu sắc của trăm báu, mười đầu ngón tay tuôn mưa các bảy báu. Nếu có chúng sinh quán mười đầu ngón tay của Bồ Tát này thì 444 bệnh tự nhiên trừ diệt, các phiền não của thân thảy đều chẳng khởi.

Bên dưới hai bàn chân của Ngài tuôn mưa báu Kim Cương, mỗi một viên ngọc hóa thành đài mây, trong đài mây ấy có vị Hóa Bồ Tát, vô số chư Thiên dùng làm Thị Giả. Thời vị Hóa Bồ Tát diễn nói **bốn Đế** (Catvāri-ārya-satya), **Khổ** (Duḥkha), **Không** (Śūnya),**Vô Thường** (Anitya), **Vô Ngã** (Anātman)… cũng nói các **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-cārya) thâm sâu".










藥王菩薩





Chữ chủng tử là Hūṃ ( )
Chân Ngôn là;
NAMO BHAIṢAIJYA-RĀJA SVĀHĀ_ HŪṂ

HÌNH TƯỢNG CỦA DƯỢC THƯỢNG BỒ TÁT

_**Phật nói Kinh quán hai Bồ Tát Dược Vương Dược Thượng** ghi chép rằng:

"Thân của Dược Thượng Bồ Tát đó dài 60 do tuần, như màu vàng tía, các ánh sáng của thân như màu vàng Diêm Phù Đà Na, ở trong ánh sáng tròn (viên quang) có 60 ức vị Hóa Phật, thân cao tám xích (8/3 m), ngồi Kiết Già trên hoa sen báu. Mỗi một vị Hóa Phật có 60 vị Bồ Tát dùng làm Thị Giả đều cầm hoa màu trắng, tùy theo hào quang xoay theo bên phải, bên trong ánh sáng của toàn thân có mười phương Thế Giới, chư Phật Bồ Tát với các Tịnh Thổ đều hiện ở trong. Nhục Kế trên đỉnh đầu như Thích Ca Tỳ Lăng Già Ma Ni Bảo Châu, bốn mặt của Nhục Kế hiển phát ánh sáng vàng ròng. Trong mỗi một ánh sáng có bốn hoa báu đủ màu sắc của trăm báu. Trên mỗi một hoa hóa Phật Bồ Tát, hoặc hiển hoặc ẩn, số chẳng thể biết.

Dược Thượng Bồ Tát đó có 32 tướng 80 tùy hình tốt đẹp, trong mỗi một tướng có ánh sáng năm màu, trong mỗi một tùy hình tốt đẹp có trăm ngàn ánh sáng. Hào Tướng (Ūrṇa: sợi lông xoáy vòng) ở tam tinh như màu vàng Diêm Phù Đàn Na, trăm ngàn viên ngọc báu màu trắng dùng làm Anh Lạc. Mỗi một viên ngọc ấy phóng trăm ánh

sáng báu trang điểm sợi lông xoáy vòng ở tam tinh (hào) như cây phướng pha lê, đông đầy tượng vàng ròng (chân kim), các vật dụng trang nghiêm đều hiện ở trong.









Chữ chủng tử là Aṃ (阿)

Chân Ngôn là:

NAMO BHAIṢAIJYA-SAMUDGATA SVĀHĀ_ AṂ

HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha, hay Gagana-gañja):

Ākāśa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà. **Gagana-gañja** dịch âm là Nga Nga Nẵng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là **Hư Không Dựng** Bồ Tát.



Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh. Nhân đây lại được gọi là Như Ý Kim Cang, Phú Quý Kim Cang, Vô Tận Kim Cang.

Trong **Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh**, quyển 16 ghi nhận là: "Đức Phật Đà bảo **Tốc Biện Bồ Tát** nói: *"Hư Không Tạng Bồ Tát ở trong hư không tùy theo điều mà chúng sinh mong cầu, hoặc bố thí Pháp, hoặc bố thí tiền của, hay bố thí ban cho hết, đều khiến cho vui vẻ. Chính vì thế cho nên, này kẻ trai lành! Hiền Sĩ đó dùng Trí phương tiện nên có tên là **Hư Không Tạng**"*.

Lại nói "Hư Không Tạng Bồ Tát ở đời quá khứ, lúc Đức **Phổ Quang Minh Vương Như Lai** ra đời, là con của **Công Đức Trang Nghiêm Chuyển Luân Thánh Vương,** tên là **Sư Tử Tiến**, cùng với các vương tử của hàng Sư Tử…. từ bỏ Vương vị của đời, xuất gia tu đạo. Sau này vì độ hóa Tâm kiêu mạn của đức vua **Công Đức Trang Nghiêm**, hiện vô lượng Thần Biến: Ở trong hư không tuôn mưa mọi loại vật màu nhiệm là các hương, hoa, hương bột, hương xoa bôi, lọng lụa màu, phướng, phan, làm các loại nhạc Trời, Mỹ Thiện (Yến tiệc), thức ăn uống, Anh Lạc, quần áo, các loại trân bảo đều từ trong không trung rực rỡ rơi xuống. Mưa báu như vậy, tràn đầy ba ngàn

Đại Thiên Thế Giới, chúng sinh được điều chưa từng có, đều rất vui mừng. Bấy giờ, từ Địa Thần, Chư Thiên, bên trên đến Trời **A Ca Nhị Tra** (Akaniṣṭha: Sắc Cứu Cánh) đều vui mừng hớn hở, xướng lên như vầy : *"Đại Bồ Tát này xứng đáng được tên là **Hư Không Tạng**. Sở dĩ như thế là do từ trong hư không tuôn mưa vô lượng trân bảo tràn đầy tất cả*". Lúc này Đức Thế Tôn liền Ấn Khả lời nói đó, đặt tên là **Hư Không Tạng**".

Trong **Kinh** cũng ghi chép rằng: "Hư Không Tạng Bồ Tát được người đời xưng là **Nhất Thiết Chúng Sinh Ý Tam Muội**, người đã dùng sức Tam Muội này ở ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này, trong hư không trên Diệu Bảo Trang Nghiêm Đường tuôn mưa mọi loại vật màu nhiệm, tùy theo mong muốn của chúng sinh mà ban cho đầy đủ. Ấy là cần hoa thì tuôn mưa hoa, cần vòng hoa, cần hương, cần hương bột, cần hương xoa bôi, cần lọng phan phướng bằng lụa màu, cần mọi loại âm nhạc, cần vật dụng Anh Lạc quần áo nghiêm thân, cần thức ăn uống ngon ngọt đẹp đẽ, cần xe cộ người theo hầu; cần Vàng, Bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Xà Cừ, Mã Não, trân châu, San Hô...thì tuôn mưa mọi loại trân bảo như vậy, tùy theo ý ban cho.

Có Người cần Pháp, muốn Pháp, ưa thích Pháp, thì ở trong hư không tùy theo điều thích nghe sẽ phát ra mọi Pháp Âm mà tai ưa thích, ấy là: Khế Kinh, Âm Hợp Kệ Kinh, Thọ Ký Kinh, Kệ Kinh, Kết Khả Kinh, Nhân Duyên Kinh, Song Cú Kinh, Bản Sanh Kinh, Thắng Xứ Kinh, Phương Đẳng Kinh, Vị Tằng Hữu Kinh, Đại Giáo Sắc Pháp...Người cần Kinh của nhóm như vậy đều tương ứng xuất ra hết.

Người cần ví dụ, người cần khắp âm thanh (biến âm) của hàng **Na La** (Nāra:loài người), người cần ngôn ngữ khéo, người cần mọi loại tạp âm, người cần âm thanh thâm sâu, người cần âm thanh cạn cợt của phương tiện...người cần âm thanh của nhóm như vậy đều tương ứng xuất ra hết.

Người cần **Thanh Văn Thừa** (Śrāvaka-yāna) độ thì tương ứng tuôn ra Pháp bốn Đế, người cần **Duyên Giác** (Pratyeka-buddha) độ thì tương ứng tuôn ra **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa) của mười hai Nhân Duyên thâm sâu, người cần **Đại Thừa** (Mahā-yāna) độ thì tương ứng tuôn ra Pháp Âm chẳng thoái chuyển của **sáu Ba La Mật** (Ṣaḍ-pāramitā)…………..

Dùng sức Thần của Hư Không Tạng Bồ Tát cho nên, ở trên không trung tuôn mưa Pháp màu nhiệm và tiền của như vậy, khiến cho tất cả chúng sinh trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới được đầy đủ vô lượng ước nguyện khoái lạc chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng sinh có bệnh khổ sẽ được thuốc trừ khỏi bệnh, chúng sinh cô đơn nghèo khó được vô lượng trân bảo, chúng sinh bị cột trói cấm đoán được khai ngộ giải thoát, các Căn chẳng đủ đều được đầy đủ".

_ Quyển 2 "**Biệt Tôn Tạp Ký**" ghi chép rằng: "Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho hằng sa Công Đức Phước Tụ Tư Lương của tất cả Như Lai. Người tu **Du Già** (Yoga) thì vào trong Bộ này, nhanh chóng thành tựu tất cả Phục Tàng đã mong cầu, đều hiện được báu **Chân Đa Ma Ni** (Cintāmaṇi)".

_ "**Giác Thiền Sao**" trích dẫn quyển 11 "**Đại Nhật Kinh Sớ**" nói rằng: "Như hư không (Ākāśa, hay Gagana) chẳng thể phá hoại, tất cả chẳng thể thắng được, cho nên gọi là **Hư Không** (Ākāśa) …. Lại nói về chữ **Tạng** (Garbha): Như con người có kho báu lớn, ban cho điều mong muốn, tự tại lấy dùng chẳng bị nghèo túng. Tạng Hư Không của Như Lai cũng lại như vậy, tất cả việc lợi lạc của chúng sinh đều từ bên trong tuôn ra vô lượng Pháp Bảo, tự tại nhận dùng, không bao giờ cạn hết, nên gọi là **Hư Không Tạng.** Tạng này hay sinh ra tất cả Phật Sự vậy".

_ Quyển 4 "**Giáo Vương Kinh Sớ**" lại nêu rằng: "Hư Không Tạng Đại Bồ Tát, là chủ của Tam Muội, tức là Hạnh mà vị Bồ Tát này đã tu, cho nên nói là **Hư Không Tạng Bồ Tát Tam Muội Gia**, gom tụ Phước Đức vô biên không có bờ mé, giống như Hư Không, cho nên nói là **Tạng**".

Lược lại, có ba nghĩa là: Một là **Năng Tàng** (hay tàng chứa) nên gọi là Tạng, hai là **Sở Tàng** (nơi chứa) nên gọi là Tạng, ba là **Năng Sinh** (hay sinh) nên gọi là Tạng. **Tam Muội Gia** (Samaya) này bao hàm gom tụ **Phước Đức** (Puṇya) của Thế Gian (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara), không có chỗ nào gây trở ngại được.

Nói **Năng Tàng** mà gọi là Tạng, cho nên trong "**Lý Thú Thích**" nói rằng: "Bồ Tát này ở vành trăng bên phải, biểu thị cho nhóm gom tụ Tư Lương hằng sa Công Đức thuộc Chân Như của tất cả Như Lai.

Lại chúng sinh Phước mỏng chẳng thể cảm nhận được, nên vì kẻ có Phước mỏng mà hiển bày Phục Tàng, cho nên gọi là **Sở Tàng**.

Đại Thánh Từ Bi thương xót Hữu Tình, mở Tạng Pháp Giới, sinh ra vô lượng Kim Cang, bảy báu ban cho tất cả, cho nên nói **Năng Sinh** là Tạng vậy".

_ Kinh **Hư Không Tạng Bồ Tát Thần Chú** ghi nhận Đức Phật Đà ngợi khen Hư Không Tạng Bồ Tát rằng:

Thiền Định như biển
Tịnh Giới như núi
Trí như hư không
Tinh tiến như gió
Nhẫn như Kim Cang
Tuệ như hằng sa.

Là Pháp Khí của Chư Phật, con mắt của Chư Thiên, Chính Đạo của con người, chỗ nương tựa của súc sinh, nơi Quỷ đói theo về, Pháp Khí cứu hộ chúng sinh ở Địa Ngục.... xứng đáng thọ nhận sự cúng dường tối thắng của tất cả chúng sinh". Có thể thấy Công Đức thù thắng của vị Bồ Tát này vậy.

_ Kinh **Hư Không Tạng Bồ Tát** lại ghi nhận rằng:" Khi Đức Phật Đà ở núi **Khư La Để Xí** thời Hư Không Tạng Bồ Tát từ chỗ của Đức Phật **Thắng Hoa Phu Tạng** tại Thế Giới **Nhất Thiết Hương Tập Y** ở phương Tây cùng với mười tám ức Bồ Tát đi đến Thế Giới **Sa Bà**, cùng nhau dùng sức Thần đó biến hóa Thế Giới Sa Bà trở thành Tịnh Thổ, khiến cho tất cả Đại Chúng trong Hội, hai tay đều có viên ngọc Như Ý Ma Ni, viên ngọc ấy phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp Thế Giới, cùng tấu nhạc Trời sinh ra mọi loại vật báu".

_ **A Sa Phộc Sao** nêu ra trong "**Lý Thú Thích**" rằng: "Người tu hành tu **Hư Không Tạng Bồ Tát Tam Ma Địa Hạnh,** cần phải xây dựng Mạn Trà La của Bản Tôn Bồ Tát này. Chính giữa vẽ **Hư Không Tạng Bồ Tát** như bản hình, phía trước vẽ **Kim Cang Bảo**, bên phải vẽ **Kim Cang Quang**, bên trái vẽ **Kim Cang Tràng**, phía sau vẽ **Kim Cang Tiếu**, bốn góc của Nội Ngoại Viện đều đặt riêng bốn Cúng Dường của **Nội Cúng** như bản hình. Cửa Đông an trí cái Chày Kim Cang, cửa Nam an trí Báu, cửa Tây an trí Hoa Sen cửa Bắc an trí cái Chuông. Người tu hành nếu vào Mạn Trà La này, thời khiến cho mọi mong cầu trong đời này của người khác đều được tất cả phú quý, quan vị, diệt tất cả sự nghèo túng".

Ngoài ra, trong quyển thứ 300 "**A Sa Phộc Sao**"cũng nêu ra trong "**Đại Hư Không Tạng Quỹ**" rằng: "Tại gia, Xuất Gia có Phước mỏng, thiếu Đức, thiếu thốn vật dụng...mong cầu Thắng Nguyện thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, phần nhiều chẳng

toại ý. Nếu y theo Giáo Pháp này tu hành thì chướng của nhóm nghiệp báo thảy đều tiêu trừ; tăng trưởng Phước Đức, tâm thần vui vẻ, tịnh tín Đại Thừa, lợi lạc Hữu Tình, tâm không thoái chuyển; hết thảy Tài Bảo thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian thảy đều đạt được, đối với tất cả chúng sinh hay làm lợi ích. Một lần xưng một lần niệm đều gom tụ được Phước giống như Hư Không, huống chi tác ý như Pháp Tu trì, mọi nguyện ắt được thành tựu thù thắng".

Từ đây có thể biết hiệu nghiệm của Pháp cầu Tài Bảo Phú quý ấy là giống nhau.

TÔN TƯỢNG CỦA HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

_ Trong Kinh **Quán Hư Không Tạng Bồ Tát** ghi nhận rằng: "Bấy giờ nên khởi Tâm nhìn tưởng Hư Không Tạng Bồ Tát đó, trên đỉnh có viên ngọc Như ý, viên ngọc Như ý ấy có màu vàng tía (tử kim sắc). Nếu thấy viên ngọc Như Ý liền thấy mão Trời, trong mão Trời đó có 35 tượng Phật. Tượng Phật ở mười phương trong viên ngọc Như Ý hiện thân Hư Không Tạng Bồ Tát, dài hai mươi do tuần. Nếu hiện thân lớn, ngang bằng với Quán Thế Âm. Bồ Tát này ngồi Kiết Già, tay nâng viên ngọc Như Ý, viên ngọc Như ý diễn mọi Pháp Âm".



_ **Giác Thiền Sao** nêu ra trong "**Lý Thú Thích**" rằng: "Lưng của Hư Không Tạng Bồ Tát có vành trăng, tay phải cầm báu Kim Cang, tay trái tác Thí Nguyện, ngồi Bán Già".



Lại ghi nhận **Niệm Tụng Kết Hộ** nói là: "Hư Không Tạng Bồ Tát có thân màu vàng tía, đỉnh đội năm Đức Phật, tay trái tác Thí Vô Úy, tay phải cầm Hoa Sen xanh, trong Hoa Sen có báu pha lê hồng. Bồ Tát ở Hoa Sen xanh Trung Thừa, ngồi trong vành trăng".



_ Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận Tôn Tượng của **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Nan-mkhaḥi-sñiṅ-po, Nam-mkhaḥ-mdsod) là:







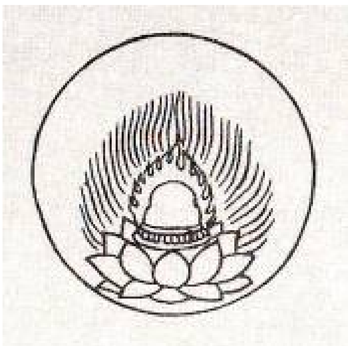
_ **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Hư Không Tạng Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-ketu) và là một trong 16 vị Bồ Tát đời Hiền Kiếp, có vị trí thứ ba tại phương Nam của cái Đàn hình vuông ở Ngoại Viện.

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Hư Không Tạng Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

Mật Hiệu là: **Phú Quý Kim Cương, Viên Mãn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (अ) hay Ā (आ)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu



Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, hai ngón trỏ cùng vịn nhau như hình báu, hai ngón cái kèm song song nhau



Chân Ngôn là:

OṂ _ GAGANA GAÑJĀYA SVĀHĀ _ Ā

Hay

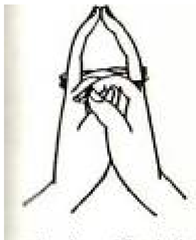
OṂ _ GAGANA GAÑJĀYA Ā SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Hư Không Tạng Bồ Tát hay Bảo Ba La Mật Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRĀḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc được tròn đủ ước nguyện của tất cả chúng sinh, không còn thiếu thốn



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, co 2 ngón giữa cùng chạm đầu ngón, thành hình báu



Chân Ngôn là:

VAJRA-GAURĪ TRĀḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Hư Không Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ()

Tôn Hình:Thân màu thịt trắng, lòng bàn tay phải cầm viên ngọc báu Như Ý, tay trái để ngang eo nắm quyền.



Chân Ngôn là:

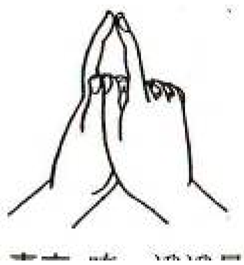
OṂ _ GAGANA GAÑJĀYA SVĀHĀ _ HŪṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Hư Không Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: HÙM ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý.



Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, hai ngón trỏ cùng vịn nhau như hình báu, hai ngón cái kèm song song nhau



Chân Ngôn là:

OṂ _ GAGANA GAÑJĀYA SVĀHĀ _ HŪṂ

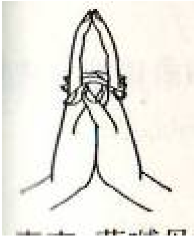
.) Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Hư Không Tạng Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Bảo Bồ Tát** (Vajra-ratna-bodhisatva)

Chữ chủng tử là: TRĀḤ ( )

Tôn Hình: Màu vàng, đầu đội mão báu Tam Biện Bảo Châu, tay trái cầm Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình báu.



Chân Ngôn là:

SARVA-MUDRĀṂ ME PRĪYA BHAVATU

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Hư Không Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý.



Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu.



Chân Ngôn là:

OṂ _ GAGANA GAÑJĀYA SVĀHĀ _ Ā

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Hư Không Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc mở bày vạn Đức, tùy theo sự mong cầu, hay sinh ra vạn Pháp



Chân Ngôn là:

ॐ गगन गञ्जाय स्वाहा अ

OṂ _ GAGANA GAÑJĀYA SVĀHĀ _ A

_ Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala)

.) Tại **Thích Ca Viện** thì Hư Không Tạng Bồ Tát là vị theo hầu bên trái Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và đại diện cho **Tăng Bảo**

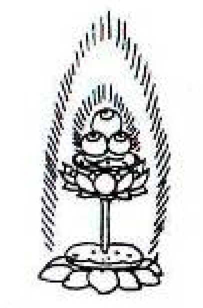
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa cầm cây phất trắng. Tay trái úp quyền để phía trước rốn cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục, khoác Thiên y, đứng thẳng trên tòa hoa sen.



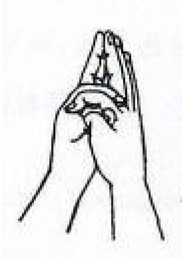
Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**

Chữ chủng tử là: I (इ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Hư Không Tạng Ấn (Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trỏ để bên dưới hai ngón giữa, đưa ngón cái vào trong lòng bàn tay).



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA-ANUGATA VICITRĀṂ VARA-DHARA_ SVĀHĀ

.) Tại **Hư Không Tạng Viện** thì Hư Không Tạng Bồ Tát là Chủ Tôn của viện.

Viện này đại biểu cho Bi Trí Hợp Nhất, hàm chứa vạn Đức, hay trao cho chúng sinh tất cả báu màu nhiệm kèm Trí Đức đầy đủ nhưng dùng Phước Đức làm gốc. Trong đó:

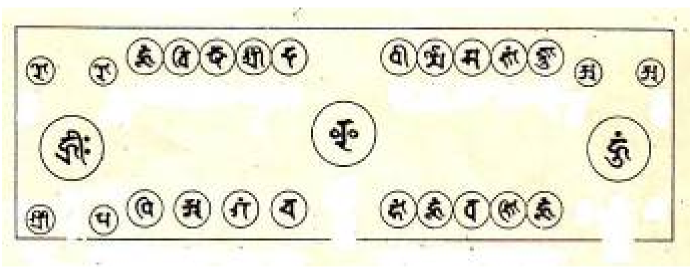
Hư Không Tạng Bồ Tát: Tay phải cầm cây kiếm biểu thị cho Trí Đức. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Phước Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Phật Bộ

Thiên Thủ Quán Âm dùng Liên Hoa Bộ Quán Âm Viện làm Nhân Hạnh để sinh ra Quả Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Liên Hoa Bộ

Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát dùng Kim Cương Bộ Kim Cương Thủ Viện làm Nhân Hạnh để sinh ra Quả Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Kim Cương Bộ

10 vị Ba La Mật Bồ Tát: 5 vị Bồ Tát **Đàn, Giới, Nhẫn, Tiến, Thiền** biểu thị cho Phước Môn. 5 vị Bồ Tát **Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí** biểu thị cho Trí Môn.

Viện này gồm có 28 Tôn được trình bày như sau:



_ Hàng trên từ trái qua phải có 14 Tôn

1_ Phi Thiên ( )

2_ Phi Thiên ( )

3_ Thiền ( )

4_ Tiến ( )

5_ Nhẫn ( )

6_ Giới ( )

7_ Đàn ( )

8_ Tuệ ( )

9_ Phương ()
10_ Nguyện ()
11_ Lực ()
12_ Trí ()
13_ Sứ Giả()
14_ Sứ Giả()
_ Hàng giữa từ trái qua phải có 3 Tôn
1_ Thiên Thủ ()
2_ Hư Không Tạng ()
3_ Kim Cương Tạng (22 mặt, 108 tay) ()
_ Hàng dưới từ trái qua phải có 11 Tôn kèm 2 hoa sen
1_ Công Đức Thiên ()
2_ Bà Tô Đại Tiên ()
3_ Bất Không Câu Quán Thế Âm (()
4_ Phẫn Nộ Câu Quán Thế Âm ()
5_ Sinh Niệm Xứ Bồ Tát ()
6_ Cộng Phát Trí Chuyển Luân Bồ Tát ()
7_ Vô Cấu Thệ BồTát ()
8_ Tô Bà Hồ()
9_ Kim Cương Châm ()
10_ Tô Tất Địa Già La BồTát (()
11_ Mạn Đồ La Bồ Tát ()
12_ Liên (Sen)
13_ Liên (sen)

_

1_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha, hay Gagana-gañja):

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh. Là Chủ Tôn của Hư Không Tạng Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mão Ngũ Phật, co cánh tay phải cầm cây kiếm, chung quanh cây kiếm toả lửa sáng. Tay trái để bên cạnh eo cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý. Ngồi trên hoa sen báu.

Hiện thân màu thịt biểu thị cho nghĩa Nhân của vạn hữu tức là Quả, Nhân Quả chẳng phải hai.

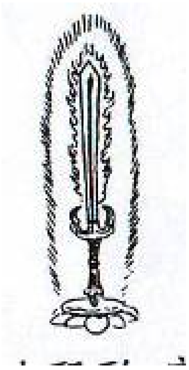
Đầu đội mão Ngũ Phật biểu thị cho Quả Đức của Tôn này có đầy đủ vạn Đức.

Tay phải cầm cây kiếm báu biểu thị cho Trí của Nội Chứng mà 5 Ba La Mật Bồ Tát: Tuệ, Phương, Nguyện, Lực, Trí …do đây sinh ra.

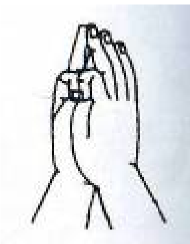
Tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu. Viên ngọc báu có một múi, ba múi hoặc 5 múi. Viên ngọc có một múi (Nhất Biện Bảo Châu) biệu thị cho Tâm Bồ Đề của một Thật Tướng. Ba múi biểu thị cho 3 Bộ của Thai Tạng Giới: Đại Định, Tuệ, Trí. Viên ngọc báu có 5 múi (Ngũ Biện Bảo Châu) biểu thị cho 5 Trí của Kim Cương Giới, cũng tức biểu thị cho Phước Đức của Nội Chứng, từ đây tuôn ra 5 Ba La Mật Bồ Tát: Đàn, Giới, Nhẫn, Tiến, Thiền… 10 vị Ba La Mật Bồ Tát thuộc Yết Ma y theo hai Nghiêm **Phước Trí** của Hư Không Tạng Bồ Tát mà hiện ra, thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.



Mật Hiệu là:**Như Ý Kim Cương**
Chữ chủng tử là: I (𑖂)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu



Tướng Ấn là: Hư Không Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀṂ-VARA DHARA_ SVĀHĀ

2_Đàn Ba La Mật Bồ Tát (Dāna-pāramitā-bodhisatva):
Dāna-pāramitā dịch âm là Đàn Na Ba La Mật Đa. dịch ý là Bố Thí Đáo Bỉ Ngạn.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

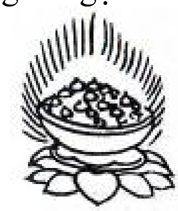
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma, tay trái cầm cái mâm Kim Cương, trên mâm chứa đầy hoa hoặc quả trái. Tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón cái, ngón giữa cùng vịn nhau, giao ống chân ngồi trên hoa sen đỏ



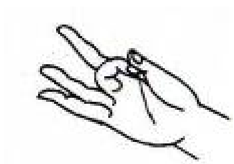
Mật Hiệu là:**Phổ Thí Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DA ()

Tam Muội Gia Hình là: Quả trái ngon ngọt.



Tướng Ấn là Đàn Ba La Mật Ấn: Ngửa lòng bàn tay phải co độ Nhẫn (Ngón giữa phải) cùng vịn Thiền độ (ngón cái phải), các ngón khác đều duỗi thẳng



Chân Ngôn là:

Oṃ_ bhagavate dānādhipati visṛja pūraya dānaṃ svāhā

Do kết Ấn, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp keo kiệt trong vô lượng Kiếp, đắc được Phước của ba loại Thí là: **Tư Sinh Thí**, **Vô Úy Thí**, **Pháp Thí…** tức viên mãn **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā). Đời này được giàu có, đầy đủ tư duyên, Tâm được tự tại, thọ mệnh lâu dài.

3_ Giới Ba La Mật Bồ Tát (Śīla-pāramitā-bodhisatva):

Śīla-pāramitā dịch âm là Thi La Ba La Mật Đa, dịch ý là Giới Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát và thường dùng hương Giới để trang nghiêm nghiệp của Thân Khẩu Ý.

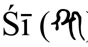
Tu học Pháp Môn của Giới Ba La Mật Bồ Tát ắt hết thảy tội vi phạm vào 4 Trọng Cấm, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phạm vào 8 tội nặng đều được trong sạch, ngày sau tuỳ theo ước nguyện được sinh về cõi Phật thắng diệu trong sạch

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

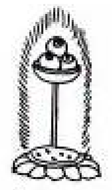
Tôn Hình:Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Dựng lòng bàn tay phải , co cong ngón trỏ và ngón giữa, tay cầm cây gậy ngắn, đầu gậy có viên ngọc báu ba múi toả lửa sáng. Úp lòng bàn tay trái trên đầu gối, mắt hướng về bên phải nhìn xuống dưới. Giao ống chân ngồi trên hoa sen.



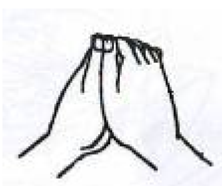
Mật Hiệu là: **Thi La Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Śī ()

Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc báu



Tướng Ấn là: Giới Ba La Mật Ấn, hai tay cài chéo các ngón bên trong rồi nắm thành quyền, dựng thẳng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ Śīla-dhāriṇi bhagavate hūṃ haḥ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp phá Giới trong vô lượng Kiếp, được Công Đức của 3 loại Giới là: **Nhiếp Luật Nghi Giới**, **Nhiếp Thiện Pháp Giới**, **Nhiêu Ích Hữu Tình Giới…** tức viên mãn **Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā) thường dùng hương Giới trang nghiêm nghiệp thân khẩu ý. Hết thảy việc vi phạm **bốn Trọng Cấm** (4 loại Cấm Giới rất nghiêm trọng của Tỳ Khưu), **Bật**

Sô (Bhikṣu) **Bật Sô Ni** (Bhikṣunī) phạm tám **Tha Thắng Tội** (Pārājika: tội nặng của Tỳ Khưu) thảy đều thanh tĩnh, ngày sau tùy theo Nguyện được sinh về cõi cõi Phật Tịnh Diệu.

4_ Nhẫn Nhục Ba La Mật Bồ Tát (Kṣānti-pāramitā-bodhisatva):

Kṣānti-pāramitā dịch âm là Khất Xoa Để Ba La Mật Đa, dịch ý là Nhẫn Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải hơi co ngón giữa, ngón vô danh, ngón út, dựng lòng bàn tay hướng về thân. Tay trái cầm cái mâm vàng hướng về trái tim. Ngồi trên hoa sen đỏ.



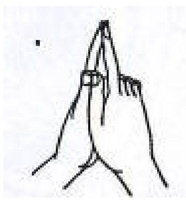
Mật Hiệu là: **Đế Sát Kim Cương**, hoặc **Đế Lợi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Kṣa (𑖎𑖿𑖬) hay Kṣaṃ (𑖎𑖿𑖬𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cái gương báu



Tướng Ấn là Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn: Dựa theo Giới Ba La Mật Ấn, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) hợp nhau như cây kim, kèm đứng Thiền Trí (2 ngón cái).



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖎𑖿𑖬𑖯𑖡𑖿𑖝𑖰 𑖠𑖯𑖨𑖰𑖜𑖰 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿

Oṃ_ bhagavate kṣānti-dhāriṇi hūṃ phaṭ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp giận ghét trong vô lượng kiếp, đắc được Công Đức của ba loại Nhẫn là: **Hại Oán Nại Nhẫn**, **An Thọ Khổ Nhẫn**, **Đế Sát Pháp Nhẫn**. Tức viên mãn **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā). Nghi dung đoan nghiêm khiến người ưa nhìn, chẳng khởi ganh ghét, đều đến gần gũi phụ giúp, **Thắng Giải** (Adhimokṣa) thâm sâu, tùy niệm biến hóa.

5_ Tinh Tiến Ba La Mật Bồ Tát (Vīrya-pāramitā-bodhisatva):

Vīrya-pāramitā dịch âm là Vi Lợi Dã Ba La Mật Đa, dịch ý là Tinh Tiến Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

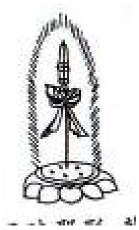
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay trái cầm cây kích Độc Cổ. Dựng đứng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh với ngón út, biểu thị cho Thệ Cú (câu thề nguyện) của dũng mãnh tinh tiến.



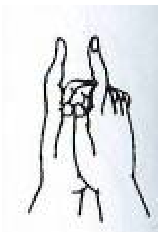
Mật Hiệu là:**Tuệ Hộ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Vi (), hoặc Vī ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kích



Tướng Ấn là Tinh Tiến Ba La Mật Ấn: Dựa theo Nhẫn Ba La Mật An, mở bẻ Tiến Lực (2 ngón trỏ) liền thành.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ vīrya-kāri hūṃ, vīrye vīrye svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp giải đãi, lười biếng, đắc được ba loại Tinh Tiến là: **Bị Giáp Tinh Tiến**, **Nhiếp Thiện Pháp Tinh Tiến**, **Lợi Lạc Hữu Tình Tinh Tiến**, tức viên mãn **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) thân tâm an vui, xa lìa các bệnh tật, không có khổ não, đều được *thành biện* (thành công) Nguyện ***Phước Trí*** của **Xuất Thế Gian** (Lokottara)

6_ Thiền Ba La Mật Bồ Tát (Dhyāna-pāramitā-bodhisatva):

Dhyāna-pāramitā dịch âm là Địa Dã Tha (Thiền Na) Ba La Mật Đa, dịch ý là Tĩnh Lự Đáo Bỉ Ngạn. Lược xưng là Thiền Ba La Mật, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Pháp Môn của Thiền Na Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay viên mãn Thiền Ba La Mật, thân tâm nhẹ nhàng linh hoạt, hết thảy thần thông đều được thành tựu, các Ma chẳng thể xâm hại, tất cả Nghiệp Chướng thảy đều tiêu diệt.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

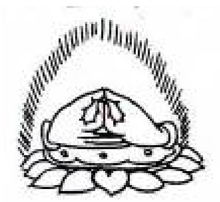
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo Yết Ma, tay kết Pháp Giới Định Ấn, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Chính Định Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Hūṃ (𑖮𑖳𑖽), hoặc Dhyā (𑖠𑖿𑖧𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Định Ấn.



Tướng Ấn là Di Đà Định Ấn: Liền ngồi Kiết Già, ngửa lòng bàn tay trái đặt trên Già Phu, ngửa lòng bàn tay phải đặt trên tay trái, để hai độ Thiền Trí (2 ngón cái) cùng chạm móng nhau.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖢𑖯𑖢𑖯𑖮𑖯𑖨𑖰𑖜𑖰𑖧𑖸 𑖦𑖮𑖯 𑖟𑖸𑖝𑖿𑖧𑖸 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿

Oṃ_ bhagavate sarva-pāpāhāriṇiye, mahā-detye hūṃ hūṃ hūṃ hūṃ phaṭ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp tán loạn trong vô lượng Kiếp, đắc được ba loại Tĩnh Lự là: **An Trụ Tĩnh Lự**, **Dẫn Phát Tĩnh Lự**, **Biện Sự Tĩnh Lự**, tức viên mãn **Thiền Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā). Thân tâm nhẹ nhàng lanh lợi, mau được thành tựu Thần Thông đã tu, các Ma chẳng dám xâm nhiễu, tất cả nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt.

7_ Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát (Prajñā-pāramitā-bodhisatva):

Prajñā-pāramitā dịch ý là Tuệ Đáo Bỉ Ngạn. Lại xưng là Tuệ Ba La Mật Bồ Tát, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu trì Pháp Môn của Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay chứng được Trí Tuệ viên mãn của Bát Nhã Ba La Mật mà ngộ giải Pháp của Thế Gian với Xuất Thế Gian. Rộng lớn thông đạt 5 Minh của Bồ Tát là: Thanh Minh, Nhân Minh, Y Phương Minh, Công Xảo Minh, Nội Minh.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

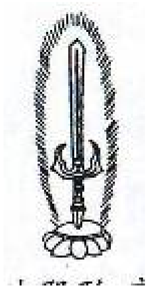
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải để cạnh eo cầm cây kiếm. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa và duỗi giương 3 ngón còn lại. Hơi dựng đầu gối phải, khoác áo cà sa.



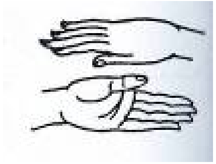
Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Dhī (𑖠𑖱), hoặc Pra (𑖢𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu



Tướng Ấn là Phạn Khiếp Ấn: Tay trái duỗi năm ngón bằng phẳng, ngửa đặt dưới trái tim, đem tay phải che ở trên tay trái.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ dhīḥ śrī śrūta vijaye svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp ngu si trong vô lượng Kiếp, đắc được ba loại Tuệ là: **Nhân Không Vô Phân Biệt Tuệ**, **Pháp Không Vô Phân Biệt Tuệ**, **Câu Không Vô Phân Biệt Tuệ**, tức viên mãn **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā), đắc được thông minh Trí Tuệ, ***ngộ giải*** (lĩnh ngộ hiểu rõ) Pháp **Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara), thông đạt rộng rãi nghĩa lý thâm sâu của **năm Minh** [Panca-vidyā-sthānāni: gồm có ***Thanh Minh*** (Śabda-vidyā), ***Công Xảo Minh*** (Śilpa-karma-vidyā), ***Y Phương Minh*** (Cikitsā-vidyā), ***Nhân Minh*** (Hetu-vidyā), ***Nội Minh*** (Adhyātma-vidyā)]

8_ Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát (Upāyā-pāramitā-bodhisatva):

Upāyā-pāramitā dịch ý là Phương Tiện Đáo Bỉ Ngạn, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Pháp Môn của Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát có thể tiêu trừ Nghiệp chất chồng trong vô lượng kiếp để đắc được phương tiện khéo léo của sự Hồi Hướng, phương tiện khéo léo cứu tế chúng sinh.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

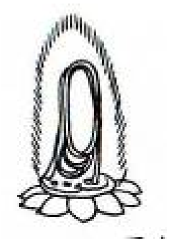
Tôn Hình: Thân màu thịt, co khuỷu tay phải cầm sợi dây. ngửa bàn tay trái để trước ngực nhận đầu sợi dây. Ngồi trên toà hoa sen đỏ.



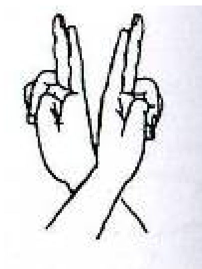
Mật Hiệu là: **Cứu Cánh Kim Cương**, hoặc **Cứu Cánh Thiện Xảo Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Mai (𑖦𑖹)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây



Tướng Ấn là Phương Tiện Ba La Mật Ấn: Tay phải: Tuệ (ngón út) Phương (ngón vô danh) nắm Trí độ (ngón cái). Tay trái: Đàn (ngón út) Giới (ngón vô danh) nắm Thiền độ (ngón cái). Hai tay cùng nắm lại, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) quay lưng lại với nhau,dựng thẳng như cây kim, duỗi bằng Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng trụ bên cạnh nhau.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ mahā-maitra-citte svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống Nghiệp phương tiện không khéo léo trong vô lượng Kiếp, được hai loại Phương Tiện khéo léo là: **Hồi Hướng Phương Tiện Thiện Xảo**, **Bạt Tế Hữu Tình Phương Tiện Thiện Xảo**, tức viên mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā). Tu trì **sáu Ba La Mật** (Saḍ-pāramitā) của **Thế Gian** (Loka). Do Ấn Chân Ngôn này tương ứng **Du Già** (Yoga) chỉ thực hiện chút ít công nghiệp sẽ mau được thành tựu Phước Đức rộng nhiều, đều đến **Cứu Cánh** (Uttara) thành **Tư Lương** (Sambhāra) của **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi).

9_ Nguyện Ba La Mật Bồ Tát (Praṇidhāna-pāramitā-bodhisatva):

Praṇidhāna-pāramitā dịch âm là Ba La Ni Na Ba La Mật Đa, dịch ý là Thệ Nguyện Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Bồ Tát này dùng nhóm 5 Đại Nguyện làm Nội Chứng, dùng sự hoá độ chúng sinh làm Bản Thệ.

Tu trì Pháp Môn của Nguyện Ba La Mật Bồ Tát có thể tiêu trừ Nghiệp chất chồng trong vô lượng kiếp, được hai loại Thắng Nguyện: một là **Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện**, hai là **Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện**, viên mãn Nguyện Ba La Mật. Trong khoảng từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, mọi mong cầu thuộc Thượng Nguyện thù thắng của Thế Gian với Xuất Thế Gian đều được viên mãn.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

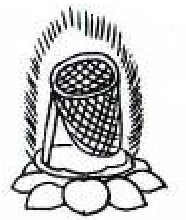
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo Yết Ma. Dựng lòng bàn tay phải hướng cạnh tay ra ngoài, co ngón vô danh với ngón út. Dựng đứng lòng bàn tay trái, hơi ngửa hướng lên trên, co ngón trỏ ngón giữa cầm **Lộc Thủy Nang** (Parisrāvaṇa: Cái túi lọc nước khử trùng), Ngồi bán Già trên hoa sen đỏ.



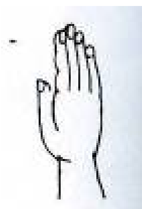
Mật Hiệu là: **Thành Tựu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭), hoặc SAM (𑖭𑖽) có ý là thành tựu, viên mãn. Biểu thị cho sự viên mản tất cả chúng sinh thành tựu Thệ Nguyện

Tam Muội Gia Hình là: Thuỷ Nang (Parisrāvaṇa: Cái túi lọc nước khử trùng)



Tướng Ấn là Thí Vô Uý Ấn: Tay phải dựng thẳng năm ngón, đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài làm thế Thí Vô Úy.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖎𑖯𑖨𑖲𑖜𑖰 𑖮 𑖮 𑖮 𑖭𑖽

Oṃ_ Kāruṇi ha ha ha saṃ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp **Nguyện ác** trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Thắng Nguyện là: **Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện**, **Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện**, tức viên mãn **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna-pāramitā) từ lúc bắt đầu phát Tâm cho đến khi thành Phật, ở trong khoảng giữa ấy, mọi mong cầu Thế gian và Xuất Thế gian với Thượng Nguyện Thù Thắng đều được viên mãn.

10_ Lực Ba La Mật Bồ Tát (Bala-pāramitā-bodhisatva):

Bala-pāramitā dịch âm là Phộc La Ba La Mật Đa, tức là ý có đủ sức mạnh đến được bờ bên kia. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Chân Ngôn của Bồ Tát này sẽ tiêu trừ nghiệp chồng chất của tâm ý kém cỏi, đắc được sức tinh tiến lựa chọn quyết định và sức tu tập, điều phục tất cả phiền não, đoạn trừ tất cả **Hoặc Nghiệp**, lúc tu Đạo thời được quyết định Thắng Giải. Tất cả bạn bè của Thiên Ma tà ác chẳng thể cải biến được chí hướng của người ấy, và được Thánh Quả chẳng thoái chuyển.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình:Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải giang duỗi cùi chỏ, tay cầm lá sen, trên lá có một con sư tử. Tay trái nắm quyền chống eo, hướng mặt về bên phải nhìn vật đang cầm. Hai bàn chân: chân phải bên trong, chân trái bên ngoài cùng giao chéo nhau, ngồi trên hoa sen đỏ.



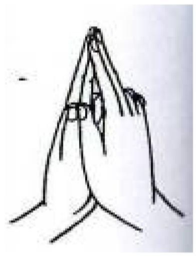
Mật Hiệu là: **Dũng Lực Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Jaṃ (), hoặc Ba (), hay Jaḥ ()

Tam Muội Gia Hình là: Con sư tử trên lá sen.



Tướng Ấn là Lực Ba La Mật Ấn: Dựa theo Giới Ba La Mật Ấn lúc trước, đều dựng Thiền Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho cùng hợp đầu ngón.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ damani mudite, hūṃ ha ha ha hūṃ jaḥ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp ***ý kém cỏi*** của Thế Gian và Xuất Thế Gian trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Lực là: **Tư Trạch Lực**, **Tu Tập Lực**, tức viên mãn **Lực Ba La Mật** (Bala-pāramitā). Đối với các pháp đối trị, giáng phục các phiền não, cắt đứt các Hoặc Chướng. Lúc tu Đạo thì quyết định **Thắng Giải** (Adhimokṣa), tất cả Thiên Ma bạn ác chẳng dám dời đổi, đắc được ***bất thoái chuyển*** (Avaivartika).

11_ Trí Ba La Mật Bồ Tát (Jñāna-pāramitā-bodhisatva):

Jñāna-pāramitā dịch âm là Nhạ Nương Nẵng Ba La Mật Đa. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải dựng lòng bàn tay cầm rương Kinh Phạn với một bộ phận của rương Kinh thòng xuống dưới. Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, co ngón vô danh ngón út. Ngồi trên hoa sen trắng.



Mật Hiệu là: **Viên Mãn Kim Cương**
Chữ chủng tử là: Jña (ज्ञ)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là Trí Ba La Mật Ấn: Hai tay cài chéo nhau bên ngoài rồi nắm quyền, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) trợ giao nhau chút ít, co đầu Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ tròn trịa, dựng thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho đầu ngón hợp nhau.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ mahā-jñāna-kāri hūṃ svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống **Câu Sinh Ngã Chấp** và hạt giống **Câu Sinh Pháp Chấp** trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Thọ Dụng Trí là: **Thọ Dụng Pháp Lạc Trí**, **Thành Tựu Hữu Tình Trí** [thiếu: *tức viên mãn **Trí Ba La Mật*** (Jñāna-pāramitā)]. Chặt đứt hai loại **Chướng** (Avaraṇa) là: **Phiền Não Chướng** (Kleśāvaraṇa) và **Sở Tri Chướng** (Jñeyāvaraṇa). Chứng được tất cả các Pháp như Huyễn, như dợn nước dưới nắng (dương diệm), như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang (cốc hưởng), như quang ảnh, như bóng trăng dưới nước (thủy nguyệt), như biến hóa, như **Nhân Đà La võng** (Indra-jāla: lưới trời Đế Thích), như hư không; chẳng bao lâu mãn túc **mười Địa** (Daśa-bhūmi), trụ **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) làm Đại pháp sư.

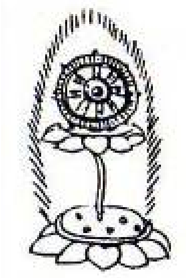
12_ Cộng Phát Ý Chuyển Luân Bồ Tát (Saha-cittotpāda-dharma-cakra):

Saha-cittotpāda-dharma-cakra dịch âm là Sa Ha Chất Đô Đát Bả Đà Đạt Ma Chước Yết La. Lại xưng là Cộng Phát Tâm Pháp Chuyển Bồ Tát, đồng với Tôn Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân Bồ Tát trong Kinh **Bát Nhã Lý Thú**

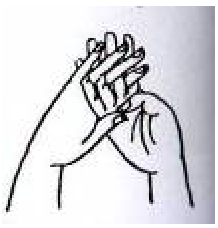
Tôn Hình: Thân màu thịt. Dựng đứng lòng bàn tay phải cầm giữ hoa sen, trên sen có bánh xe. Ngửa lòng bàn tay trái lên trên, để một cái chày Độc Cổ trên lòng bàn tay. Hướng về bên trái, ánh mắt nhìn xuống bên dưới, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Pháp Luân Kim Cương**
Chữ chủng tử là: CA (च)
Tam Muộ Gia Hình là: Bánh xe vàng trên hoa sen



Tướng Ấn là: Chuyển Pháp Luân Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RIṂ_ CAKRA VARTTI_ SVĀHĀ

13_ Sinh Niệm Xứ Bồ Tát (Smṛti-sajātyaḥ):

Smṛti-sajātyah có ý chỉ vị Bồ Tát sinh ra phương pháp và Trí Tuệ. Lại xưng là Ức Niệm Sinh Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho 4 Hạnh Đức: **Từ, Bi, Hỷ, Xả** của Hư Không Tạng Bồ Tát

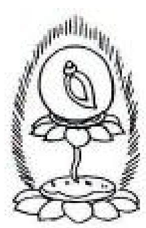
Tôn Hình:Thân màu thịt. Tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen là vành trăng có Pháp Loa. Tay trái duỗi ngón trỏ, hơi co các ngón khác để ngang ngực rồi ngửa lên. Ngồi Bán Già trên hoa sen đỏ.



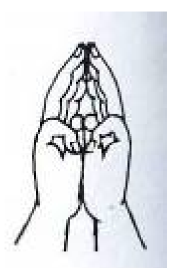
Mật Hiệu là: **Ức Trì Kim Cương**

Chữ chủng tử là: GAṂ (𑖐𑖽), hay GA (𑖐)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên hoa sen. Hoặc Thương Khư (Pháp Loa)



Tướng Ấn là: Thương Khư Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖐𑖝𑖽 𑖠𑖨𑖿𑖦𑖭𑖽𑖥𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

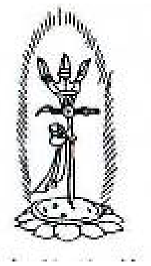
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ GATAṂ _ DHARMA-SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

14_Phẫn Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát: tên Phạn là Amogha-krodha-aṃkuśa-rāja dịch âm là A Mục Khư Cú Lộ Đà Ương Cú Xả La Nhạ, dịch nghĩa là Phẫn Nộ Câu Vương. Lại xưng là Phẫn Nộ Câu Bồ Tát

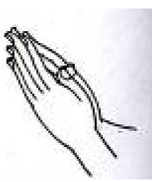
Trong **Hư Không Tạng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có ba mặt bốn cánh tay. Mặt chính màu thịt, mặt bên trái màu xanh, mặt bên phải màu xanh lục, mỗi mặt đều có 3 con mắt, trên mặt có vị Hoá Phật. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên Phải: tay thứ nhất cầm Thiết Câu, tay thứ hai tác Dữ Nguyện Ấn. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Trì Câu Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay O (𑖌)
Tam Muội Gia Hình là: Việt Câu (móc câu có lưỡi búa)



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn, hoặc Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta buddhānāṃ_ Kuvalaya svāhā

15_ Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát có tên Phạn là Amogha-aṃkuśa, dịch âm là A Mộ Già Ương Câu Xả, dịch nghĩa là Bất Không Câu. Lại xưng là Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát.

Bồ Tát này có Bản Thệ là dùng móc câu Đại Bi dẫn nhiếp chúng sinh, hay câu triệu Thánh Trí của chư Phật nhập vào tâm của chúng sinh và hay câu triệu tất cả chúng sinh nhập vào cảnh giới của chư Phật, ý nguyện ấy quyết định chẳng trống rỗng (Amogha: bất không).

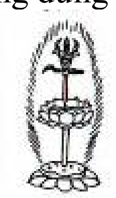
Trong **Hư Không Tạng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu thịt, có bốn mặt bốn cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen bên trên có móc câu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên phải: Tay thứ nhất cầm móc câu, tay thứ hai cầm chày Tam Cổ.



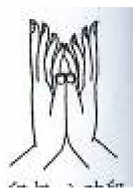
Mật Hiệu là: **Hoá Hiện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DHI () hay DHIRAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu dựng đứng trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Dhiraṃ padmālaya svāhā

Theo **Bí Tạng Ký**: thì Tôn này có toàn thân màu thịt, 3 mặt 4 tay, 2 mặt bên trái bên phải màu xanh. Bên trái: Tay ở trên cầm Hoa Sen trên có cái móc câu, tay ở dưới cầm Sợi Dây. Bên Phải: Tay ở trên cầm cây Móc Câu, tay ở dưới cầm cái Chày Tam Cổ.

Cũng có lưu truyền Hình Tượng có 3 mặt 4 cánh tay.

16_Thiên Thủ Quán Âm (Sahasra-bhūja-ārya-avalokiteśvara):

Sahasra-bhūja-ārya-avalokiteśvara dịch là Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại.

Tu trì Pháp Môn của Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại có thể thành tựu 4 Pháp: Tức Tai, Tăng Ích, Giáng Phục, Kính Ái Câu Triệu

Tôn này biểu thị cho Đức **Pháp Tài**

Tôn Hình: Thân có 27 đầu mặt, một ngàn cánh tay trong đó có 40 tay cầm khí trượng. Ngồi trên hoa sen báu.



27 đầu mặt xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 cõi hiển Phật Giới, tức hiển thị cho 10 Giới Thể, trong đó :

25 mặt biểu thị cho 25 Hữu là 6 nẻo luân hồi sinh tử, gồm có

4 nẻo ác là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Tu La (A Tu La).

4 châu là : Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lâu Châu.

6 trời Dục giới là: Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên,Tha Hóa Tự Tại Thiên

4 trời Sắc Giới là: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền .

3 trời : Vô Tưởng Thiên, Tĩnh Cư Thiên, A Na Hàm Thiên.

4 trời Vô Sắc Giới : Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ .

Mặt thứ 26 biểu thị cho Quả Nhị Thừa .

Bồ Tát Đương Tôn không có mặt riêng.

Mặt thứ 27 là mặt Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho Pháp Giới .

40 tay (tức 40 pháp) biểu thị cho 5 Trí Tuệ của Như Lai nhằm minh họa cho vạn đức cứu cánh . Trong đó:

a. Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya): biểu thị cho Pháp Giới Thể Tính Trí (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna) là cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, 8 tay thuộc Bộ này là: Hóa Phật, Dây Lụa, Thí Vô Úy, Phất Trần Trắng, Bàng Bài, Việt Phủ, Kích Báu, Dương Liễu minh họa cho pháp **Tức Tai** (Śāntika) là pháp tiêu trừ các loại bệnh nạn,việc ác của thân mình hoặc người khác.

b. Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya)**:** biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắt vào sự vật nào, cũng không bị sự vật ấy động chạm hay lay động được. Có 8 tay thuộc Bộ này là Bạt Chiết La (Tam Cổ Kim Cương), Chày Kim Cương (Độc Cổ Kim Cương) Kiếm báu,Cung điện, Bánh xe vàng (Kim Luân), Bát báu, Nhật Tinh Ma Ni, Nguyệt Tinh Ma Ni minh họa cho pháp **Điều Phục** (Abhicāruka) là pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các người ác.

c. Bảo Bộ (Ratna-kulāya)**:** biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là cái trí phô bày tâm thức Từ Bi Bình Đẳng. Tám tay thuộc Bộ này là: Ngọc Như Ý, Kinh Báu, cây Cung Báu, Hoa Sen Trắng, Hoa Sen xanh, Chuông báu, Hoa Sen tím,Chùm Bồ Đào minh họa cho pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika) là pháp tu tăng ích về Trí Huệ, phước đức, thọ mệnh cho mình và người khác .

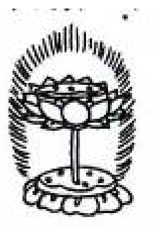
d. Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya): biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các pháp mà không hề bị ngăn ngại. Tám tay thuộc Bộ này là: Hợp Chuởng, Gương báu, Ấn báu,Vòng ngọc, Hồ Bình, Quân Trì Bình, Hoa Sen hồng , Tích Trượng minh họa cho pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa) là pháp tu cho mình và người khác được Chư Phật, Bồ Tát gia hộ hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đở .

e. Yết Ma Bộ (Karma-kulāya): biểu thị cho Thành Sở Tác Trí (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là cái trí khéo léo thi hành mọi việc của thế gian chuyển chúng thành phương tiện giải thoát. Tám tay thuộc Bộ này là: Thiết Câu, Đỉnh Thượng Hóa Phật, Tràng Hạt, Hoa Báu, mũi Tên Báu, Rương báu, Độc Lâu, Mây Ngũ Sắc minh họa cho pháp **Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là pháp triệu thỉnh Bản Tôn, chư Thần. Thông thường thì pháp này thường được nhiếp trong Kính Ái .

_Mật Hiệu là: **Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Ấn là: **Cửu Phong Bát Hải Ấn**. Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, hơi cong lưng bàn tay cách xa nhau, hai ngón giữa cùng hợp với nhau, chia mở dựng thẳng hai ngón cái và hai ngón út



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

Oṃ_ Vajra-dharma Hrīḥ

17_ Bà Tô Đại Tiên (Vasu-ṛṣī):

Vasu-ṛṣī lại gọi là Bà Tự Tra, Phộc Tư Tiên, Bà Tư Tiên, Bà Tô Tiên Nhân. Gọi lược là Bà Tư, Bà Tra. tức là vị Tiên trong thời đại Phệ Đà của Ấn Độ. Tôn này cũng là một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Đại Tiên, một trong 28 Bộ Chúng.

Trong Mật Giáo thì Tôn này là một vị theo hầu Đức Thiên Thủ Quán Âm và là một trong 28 Bộ Chúng của Quán Âm.

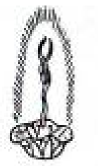
Tôn Hình: Thân màu thịt, hình Tiên Nhân tu khổ hạnh. Nâng bàn tay phải tựa thế búng ngón tay. Tay trái cầm cây gậy Tiên. Đứng thẳng ở bên trái, phía trước Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát



Mật Hiệu là: chưa rõ

Chữ chủng tử là: PA ([illegible]), hoặc ṚṢAṂ ([illegible])

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Tiên



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Vasiṣṭha-ṛṣiṃ svāhā

18_ Công Đức Thiên (Śrī-devī):

Śrī-devī là vị Nữ Thần ban bố Phước Đức. Lại xưng là Cát Tường Thiên, Ma Ha Thất Lợi, Thất Lợi Nữ Thiên, Cát Tường Thiên Nữ, Cát Tường Công Đức Thiên, Bảo Tạng Thiên Nữ, Đệ Nhất Uy Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên…

Lúc đầu, Thiên Nữ này vốn là một Vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, là Ái Phi của **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva), mẹ của **Thần Ái Dục** (Kāma) .

Truyền thuyết khác cho rằng Thiên Nữ này có tên là Lạc Khất-Sử Mính (Lakṣmi: Cát Khánh hoặc Công Đức Thiên). Cha tên là **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nāga-rāja), mẹ tên là **Ha Lị Đế Mẫu** (Hṛtye-mātṛ), Anh tên là **Tỳ sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa-deva).

_ Sau này Thiên Nữ cùng với chư Thần của hàng **Đế Thích** (Indra), **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara), **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu)... du nhập vào Phật Giáo và trở thành hàng Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo.

Truyền thuyết của Phật Giáo Ấn Độ lại ghi nhận Thiên Nữ có cha tên là Đức Xoa Ca Long Vương , mẹ là Quỷ Tử Mẫu Thần, chồng là Tỳ Sa Môn Thiên Vương

Theo Phật Giáo Trung Hoa, **Công Đức Bản Khởi** Kinh ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Luân Đầu Đàn Vương, mẹ là Pháp Giới Ma Gia

Tế Dư Bản Đỉnh Kinh ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Đỉnh Đa Môn Thiên Vương, mẹ là Âm Cụ Đại Nữ

Đồng thời hầu hết Kinh Bản đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên Vương và xác nhận Thiên Nữ là vị Bồ Tát Bát Địa, vì Đại Nguyện Lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Theo truyền thống Mật Giáo thì Cát Tường Thiên Nữ còn có người em gái tên là **Hắc Nhĩ** (Kṛṣṇa-karṇa). Hai chị em cùng đi chung với nhau chẳng rời. Chị tên Cát Tường, đi đến đâu đều đem lợi ích đến đó. Em tên Hắc Nhĩ, do có lỗ tai màu đen mà có tên, xưa dịch là Hắc ám, đi đến đâu đều gây nên sự tổn hoại. Do đó hai chị em (Công Đức Thiên, Hắc Ám Nữ) biểu thị cho nghĩa **Phước Họa Tương Tùy**. Vì thế lúc tu Pháp của Cát Tường Thiên Nữ thì nên niệm tụng Chân Ngôn của Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát để khử trừ tai hoạ do Hắc Ám Thiên Nữ gây ra

Trong Hư Không Tạng Viện thì Cát Tường Thiên Nữ là một vị theo hầu Đức Thiên Thủ Quán Âm và biểu thị cho việc đắc được Phước Đức, đầy đủ không thiếu sót công đức của mọi điều lành.

Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay cầm nhiều hoa. Đứng thẳng ở bên phải, phía trước Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát



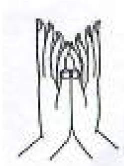
Mật Hiệu là:**Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚRĪ ()

Tam Muội Gia Hình là: hoa tràn đầy, hay viên ngọc báu



Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn (Cát Tường Thiên Nữ Ấn)



Chân Ngôn là:

Oṃ_ mahā-śrīye svāhā

Hay

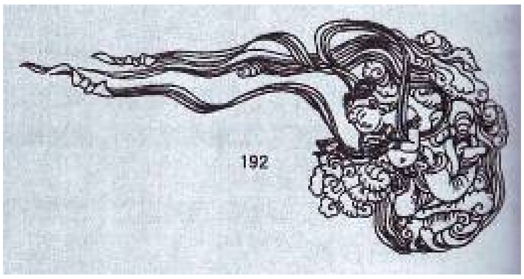
Oṃ_ mahā-śrīyaye svāhā

19_ Phi Thiên (Devatā):

Phi Thiên là Thiên Nhân bay trong hư không đem nhóm hương, hoa, ca, vũ cúng dường chư Phật Bồ Tát.

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, rải hoa cúng dường

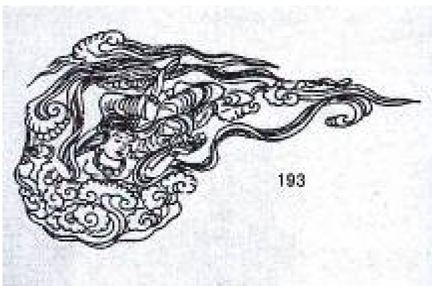


Chữ chủng tử là: RO (𑖨𑖺)

20_ Phi Thiên (Devatā)

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, rải hoa cúng dường



Chữ chủng tử là: RO (𑖨𑖺)

21_ Vô Cấu Thệ Bồ Tát (Vimala-gata):

Vimala-gata dịch âm là Vĩ Ma La Nga Để. Lại xưng là Hư Không Vô Cấu Bồ Tát (Ākāśa-vimala, hay Gagana-vimala).

Tôn này biểu thị cho Đức **không nhiễm dơ** của Hư Không Tạng Bồ Tát

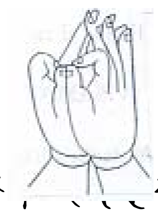
Tôn Hình: Tay phải tác Thí Nguyện Ấn. Tay trái co ngón trỏ, ngón giữa cầm sợi dây hoa sen. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Minh Triệt Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HĀṂ ( ), hay HAṂ ( )
Tam Muộ Gia Hình là: Sợi dây hoa sen



Tướng Ấn là: Hai tay kết Đao Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HĀṂ _ GAGANA-ANANTA GOCARA _ SVĀHĀ

22_ Tô Bà Hồ Bồ Tát (Subāhuḥ):

Subāhuḥ dịch âm là Tô Bà Hô, Tô Ba Hồ. Dịch ý là Diệu Tý.

Tôn này biểu thị cho Đức **cát tường** của Hư Không Tạng Bồ Tát

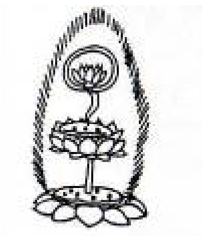
Tôn Hình: Thân màu thịt. Hướng lòng bàn tay phải ra ngoài rồi ngửa lên như Thí Vô Uý Ấn. Dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen xanh, trên sen có sợi dây hoa sen xanh chưa hé nở. Dựng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen.



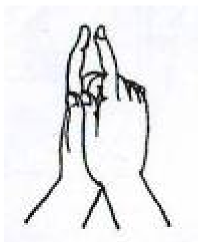
Mật Hiệu là: **Tất Địa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây hoa sen xanh trên hoa sen. Hoặc chày Độc Cổ trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Thanh Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ _ JÑĀNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

23_ Kim Cương Châm Bồ Tát (Vajra-sūci):

Vajra-sūci dịch âm là Phộc Nhật La Tô Chỉ. Lại xưng là Đại Lực Kim Cương Châm Bồ Tát.

Cây Kim (Sūci) có nghĩa là Trí sắc bén. Do Tôn này hay dùng Trí sắc bén của Kim Cương, quán đạt tất cả các Pháp cho nên có tên gọi là Kim Cương Châm.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Dựng lòng bàn tay trái co ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh để cầm hoa sen, trên sen có chày Độc Cổ dựng đứng. Ngửa lòng bàn tay phải, hướng đầu ngón tay về bên phải, hơi co ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh. Ngồi trên hoa sen trắng.



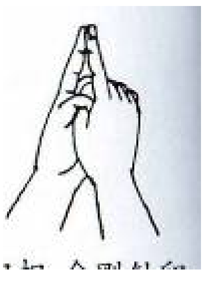
Mật Hiệu là:**Tinh Tiến Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (), hay HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ trên hoa sen



Tướng Ấn là: Kim Cương Châm Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖪𑖸𑖠𑖡𑖰 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖭𑖳𑖓𑖰 𑖪𑖨𑖟𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA VAJRĀṆĀṂ_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SŪCI VARADE_ SVĀHĀ

24_ Tô Tất Địa Già La Bồ Tát (Susiddhi-kara):

Susiddhi-kara dịch ý là Diệu Thành Tựu Nghiệp Giả. Lại dịch là Tô Tất Địa Yết La Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Vạn Pháp Diệu Thành Tựu** hay thành tựu tất cả Tác Nghiệp thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, cho nên xưng là Diệu Thành Tựu

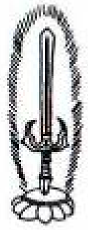
Tôn Hình: Thân màu trắng vàng. Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, hướng đầu ngón tay xuống dưới để trước ngực. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



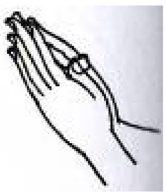
Mật Hiệu là: **Thành Tựu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JI (𑖕𑖰) là nghĩa giáng phục tất cả Chướng, thành tựu Công Đức. Đây tức biểu thị cho nghĩa vạn Đức sinh ra thành tựu.

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm, có ý nghĩa là đoạn trừ chướng ngại



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng. Hoặc Quân Đồ Lợi Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ JI _ VAJRA- STHIRA BUDDHE PŪRVARA-ATMA MANTRA SARA _ SVĀHĀ

25_ Mạn Đồ La Bồ Tát (Mahà-cakra):

Mahà-cakra dịch âm là Ma Ha Chước Yết La, dịch ý là Đại Luân. Tôn này dùng thành Mạn Đồ La làm Bản Thệ cho nên xưng là Mạn Đồ La Bồ Tát

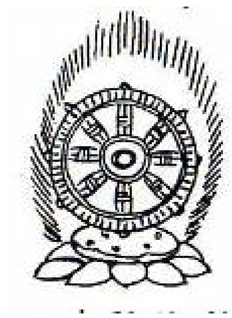
Tôn Hình: Thân màu đen, mặt là tướng phẫn nộ, 3 mắt 6 cánh tay, tóc lửa dựng ngược lên. Hai tay thứ nhất tác quyền, kết Tiểu Kim Cương Luân Ấn để trên đỉnh đầu. Bên phải: tay thứ hai dựng quyền để trước ngực cầm chày Tam Cổ, tay thứ ba hướng về bên phải cầm cây kiếm. Bên trái: tay thứ hai dựng khuỷu tay hướng về bên trái cầm bánh xe, tay thứ ba hướng về bên trái rũ xuống co ngón trỏ cầm phần đầu của chày Độc Cổ. Ngồi trên hoa sen.



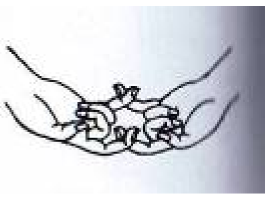
Mật Hiệu là:**Đại Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ), hay MAṂ ( )

Tam Muộ Gia Hình là: Bánh xe.



Tướng Ấn là: Tiểu Kim Luân Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-CAKRA _ CAKRA –HŪṂ _ JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ

26_Kim Cương Tạng Bồ Tát (Aṣṭottara-śata-bhūja-vajra-dharaḥ)

Aṣṭottara-śata-bhūja-vajra-dharaḥ dịch âm là A Sắt Tra Đa La Xả Đa Bộ Nhạ Phộc Nhật La Đà Lạc. Dịch ý là Nhất Bách linh Bát Tý Kim Cương Trì, tức là Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát. Lược xưng là Kim Cương Tạng.

Tôn này đại biểu cho **Trí Đức** của Hư Không Tạng Bồ Tát

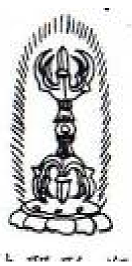
Tôn Hình: Thân màu đen xanh có 22 mặt, trong đó có một mặt là Phật. Có 108 cánh tay biểu thị cho sự đối trị với 108 loại phiền não. Tay cầm 108 loại vũ khí phá trừ phiền não như chày Độc Cổ, bánh xe, sợi dây, cây kiếm, móc câu, rương Kinh Phạn, cây gậy, cây gậy hình hoa…. Ngồi trong hoa sen báu.



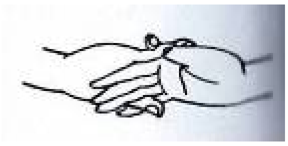
Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HUṂ (), hay HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen trên miệng bình. Hoặc chày Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương La Xà Nhất Thiết Kiến Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

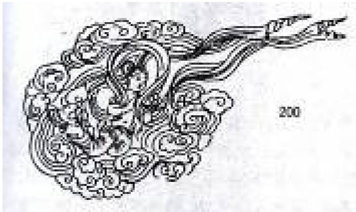
ॐ वज्रोद्भवाय स्वाहा

Oṃ_ Vajra-udbhāvaya svāhā

27_ Phi Thiên Sứ Giả (Devatā):

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, một tay cầm hoa, một tay rải hoa cúng dường

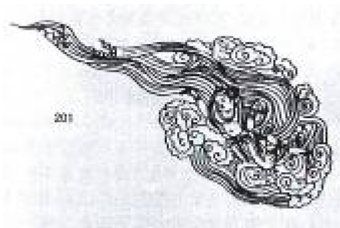


Chữ chủng tử là: A (अ), hay RO (रो)

28_ Phi Thiên Sứ Giả (Devatā):

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, một tay cầm hoa, một tay rải hoa cúng dường



Chữ chủng tử là: A (अ) hay RO (रो)

HÌNH TƯỢNG CỦA NĂM **ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT**

Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát lại gọi là Ngũ Đại Kim Cương Hư Không Tạng dùng chỉ 5 vị Bồ Tát của nhóm Pháp Giới Hư Không Tạng, Kim Cương Hư Không Tạng, Bảo Quang Hư Không Tạng, Liên Hoa Hư Không Tạng, Nghiệp Dụng Hư Không Tạng.

Lại xưng là: Giải Thoát Hư Không Tạng, Phước Trí Hư Không Tạng, Năng Mãn Hư Không Tạng, Thi Nguyện Hư Không Tạng, Vô Cấu Hư Không Tạng.

Hoặc xưng là: Trí Tuệ Hư Không Tạng, Ái Kính Hư Không Tạng, Quan Vị Hư Không Tạng, Năng Mãn Hư Không Tạng, Phước Đức Hư Không Tạng… là nghĩa của 5 vị Phật Đại Nhật, A Súc, Bảo Sinh, Di Đà, Thích Ca trụ ở Như Ý Bảo Châu Tam Muội. Năm vị Bồ Tát tức là nơi biến hiện của 5 vị Phật, thành tựu năm Trí Tam Muội mà thành lập Bồ Tát của 5 Đại này

Năm Tôn này được phân biệt qua vật cỡi là: Sư Tử, voi, ngựa, khổng tước, Ca Lâu La Điểu (Kim Xí Điểu).

1_ Pháp Giới Hư Không Tạng



2_ Kim Cương Hư Không Tạng



3_ Bảo Quang Hư Không Tạng



4_ Liên Hoa Hư Không Tạng



5_ Nghiệp Dụng Hư Không Tạng



Tướng Ấn của Tổng Ấn là **Ngoại Ngũ Cổ Ấn**, hai ngón giữa làm hình báu, bốn đầu ngón còn lại đều quán tưởng hình báu



_ Hình tượng của Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát, y theo **Kinh Du Gia Du Kỳ, Phẩm Kim Cương Cát Tường Đại Thành Tựu** đã ghi chép là:

Ở trong một vòng tròn lớn liền vẽ 5 vòng tròn

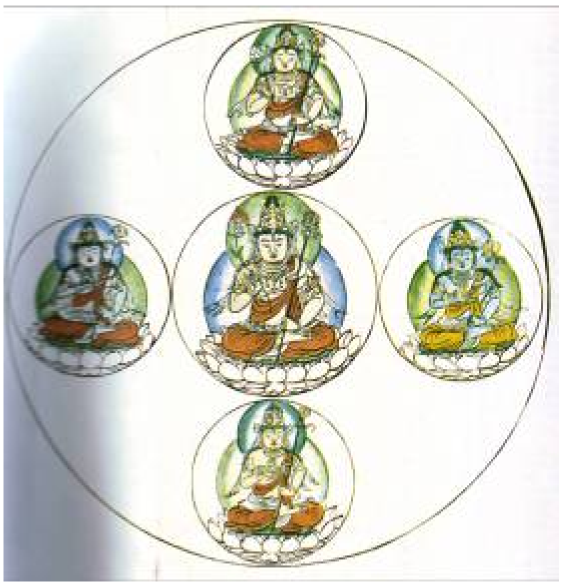
Chính giữa vẽ Pháp Giới Hư Không Tạng màu trắng, tay trái cầm móc câu, tay phải cầm báu

Vòng tròn phía trước (phương Đông) vẽ Kim Cương Hư Không Tạng màu vàng, tay trái cầm móc câu, tay phải cầm Kim Cương báu (Bảo Kim Cương)

Vòng tròn bên phải (phương Nam) vẽ Bảo Quang Hư Không Tạng màu xanh, tay trái cầm móc câu, tay phải cầm Tam Biện Bảo (vật báu có ba cánh hoa) phóng ánh sáng lớn

Vòng tròn phía sau (phương Tây) vẽ Liên Hoa Hư Không Tạng màu đỏ, tay trái cầm móc câu, tay phải cầm hoa sen hồng to lớn

Vòng tròn bên trái (phương Bắc) vẽ Nghiệp Dụng Hư Không Tạng màu tím đen, tay trái cầm móc câu, tay phải cầm Kim Cương báu (Bảo Kim Cương)



Ngoài ra, Hư Không Tạng Bồ Tát cũng thường làm **Minh Tinh** được hiện ra từ hạt thứ nhất của Thiên Hắc Hậu, nhân đây cũng được cho là hóa hiện đồng thể với **Minh Tinh Thiên Tử**.

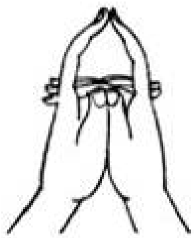
THỦ ẤN CỦA HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử là: (TRĀḤ) hoặc (TRĀṂ) hoặc (OṂ) hoặc (Ā) hoặc (Ī)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Báu, hoặc viên ngọc báu có ba múi (Tam Biện Bảo Châu)

1_Hư Không Tạng Thủ Ấn (1)_ Tam Muội Gia Ấn

Kết Kim Cương Phộc Ấn, hai ngón trỏ chạm nhau như hình báu, kèm dựng ngón trỏ ngang trái tim. Kim Cương Phộc này là Ngoại Phộc. Trong **Bạch Bảo Khẩu Sao** thuật rõ là nghĩa của Nội Phộc. Đây là Ấn căn bản của Hư Không Tạng.



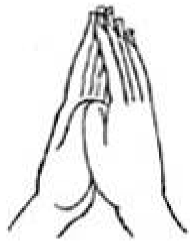
Chân Ngôn là:

NAMO ĀKĀŚA-GARBHĀYA _ OṂ ARI KAMARI MURI _ SVĀHĀ



2_Hư Không Tạng Thủ Ấn (2):

Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), kèm co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay. Đây là Hư Không Tạng trong Thai Tạng Bộ.



Chân Ngôn đồng với lúc trước.

3_Hư Không Tạng Thủ Ấn (3):

Tay phải hướng năm ngón tay lên trên, ngửa ra rồi giương duỗi, ngón trỏ và ngón cái cùng vịn nhau như cầm hương, co lóng thứ hai của ngón trỏ nhưng gắng duỗi thẳng lóng thứ nhất.

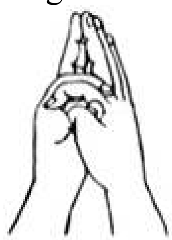
Hoặc là tay phải nắm quyền, ngón trỏ và ngón cái cùng vịn nhau như hình báu.

Chân Ngôn đồng với lúc trước



4_ Hư Không Tạng Bồ Tát Thủ Ấn (4)_ Hư Không Tạng Ấn:

Đây là Thủ Ấn của Hư Không Tạng Bồ Tát trong Thích Ca Viện của Thai Tạng Mạn Đồ La, gọi là Hư Không Tạng Ấn. Kết Pháp là chắp hai tay lại giữa rỗng, co hai ngón trỏ ngay bên dưới hai ngón giữa, co ngón cái vào trong lòng bàn tay.

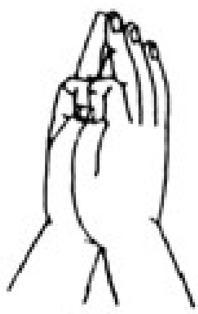


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀṂ-VARA DHARA_ SVĀHĀ

5_ Hư Không Tạng Bồ Tát Thủ Ấn (5)

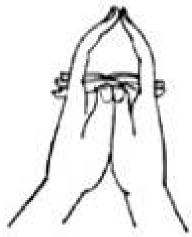
Đây là Thủ Ấn của Hư Không Tạng Bồ Tát trong Hư Không Tạng Viện của Thai Tạng Mạn Đồ La. Kết Pháp là chắp hai tay lại giữa rỗng, co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, co hai ngón trỏ phụ bên trên hai ngón cái.



Chân Ngôn đồng với lúc trước.

6_ Hư Không Tạng Bồ Tát Thủ Ấn (6)

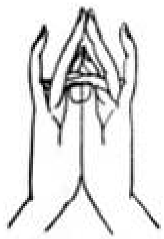
Ấn này trích trong đoạn thứ năm của **Lý Thú Kinh** . Đồng với Hư Không Tạng Tam Muội Gia Ấn lúc trước. Hai tay tác Ngoại Phộc, hai ngón trỏ thành hình báu, kèm đứng hai ngón cái để trên đỉnh đầu



NGŨ ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT ẤN

1_Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Thủ Ấn (1)_ Ngoại Ngũ Cổ Ấn:

Đồng với Ngoại Ngũ Cổ Ấn. Tức hai tay tác Ngoại Phộc, hai ngón cái, hai ngón giữa, hai ngón út cùng hợp đầu ngón; co hai ngón trỏ như dạng móc câu, hai đầu ngón giữa cùng hợp nhau như hình báu, tác Bảo Châu Quán Tưởng, Các ngón còn lại đều tác Quán này.



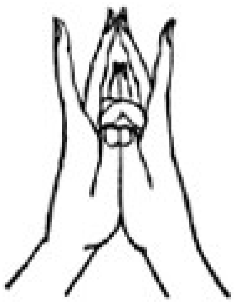
Chân Ngôn là:

𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾

VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ

2_ Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Thủ Ấn (2)_ Nội Ngũ Cổ Ấn

Đồng với Nội Ngũ Cổ Ấn. Hai tay tác Nội Phộc, 2 ngón cái, 2 ngón giữa, 2 ngón út cùng hợp đầu ngón; co 2 ngón trỏ như dạng móc câu để ở bên cạnh lưng của ngón giữa nhưng không dính nhau, đem 2 ngón giữa làm hình báu, xong quán tưởng 5 ngọn đều có viên ngọc báu



Chân Ngôn là:

𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾

VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ

3_ Pháp Giới Hư Không Tạng Thủ Ấn
Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón giữa như hình báu



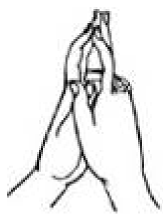
Chân Ngôn là:
𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾
VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ
Hoặc dùng Chân Ngôn sau:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖽
OṂ _ VAJRA VAṂ

4_ Kim Cương Hư Không Tạng Thủ Ấn:
Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng thẳng hai ngón giữa như hình báu, co 2 ngón trỏ như Tam Cổ.



Chân Ngôn là:
𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾
VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ
Hoặc dùng Chân Ngôn sau:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖮𑖳𑖽
OṂ _ VAJRA HŪṂ

5_ Bảo Quang Hư Không Tạng Ấn:
Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng đứng 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ như hình báu



Chân Ngôn là:
𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾
VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ
Hoặc dùng Chân Ngôn sau:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾
OṂ _ VAJRA TRĀḤ

6_ Liên Hoa Hư Không Tạng Thủ Ấn:

Như Pháp Giới Hư Không Tạng Thủ Ấn, chỉ co hai ngón trỏ như hình cánh sen, dựng đứng hai ngón giữa như hình báu.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾

VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ

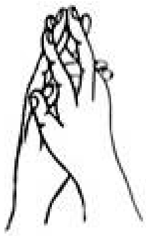
Hoặc dùng Chân Ngôn sau:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

OṂ _ VAJRA HRĪḤ

7_ Nghiệp Dụng Hư Không Tạng Thủ Ấn:

Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi thẳng 2 ngón giữa cùng trụ nhau như hình báu, 2 ngón vô danh 2 ngón trỏ cùng giao nhau.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖀𑖾

VAṂ HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ

Hoặc dùng Chân Ngôn sau:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖀𑖾

OṂ _ VAJRA AḤ

PHÁP CẦU PHÚ QUÝ CỦA NGŨ ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Trong **"Biệt Tôn Tạp Ký"** có Pháp cầu Phú Quý của năm Đại Hư Không Tạng, được ghi chép là:"Hành Giả nên ở vòng tròn chính giữa vẽ Hư Không Tạng màu trắng, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm báu. Ở vòng tròn phía trước Vẽ Hư Không Tạng màu vàng, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm Kim Cang báu. Ở vòng tròn bên phải vẽ Hư Không Tạng màu xanh, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm Tam Biện Bảo (Báu có ba cánh), phóng ánh sáng lớn. Ở vòng tròn phía sau vẽ Hư Không Tạng màu đỏ, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm hoa sen hồng lớn. Ở vòng tròn bên trái Hư Không Tạng màu tím đen, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm Yết Ma báu. Đây gọi là **Ngũ Đại Hư Không Tạng Cầu Phú Quý Pháp**. Quần áo, mão trên đầu, chuỗi Anh Lạc của Bồ Tát ấy đều y theo bản sắc và đều ngồi bán già.

Vẽ Tượng này xong, Ở Đàn, trước tiên không có gián đoạn chỉ tụng **Ngũ Tự Minh** (thấy rõ ở sau) một ngàn vạn biến, liền được thành tựu Phú Quý.

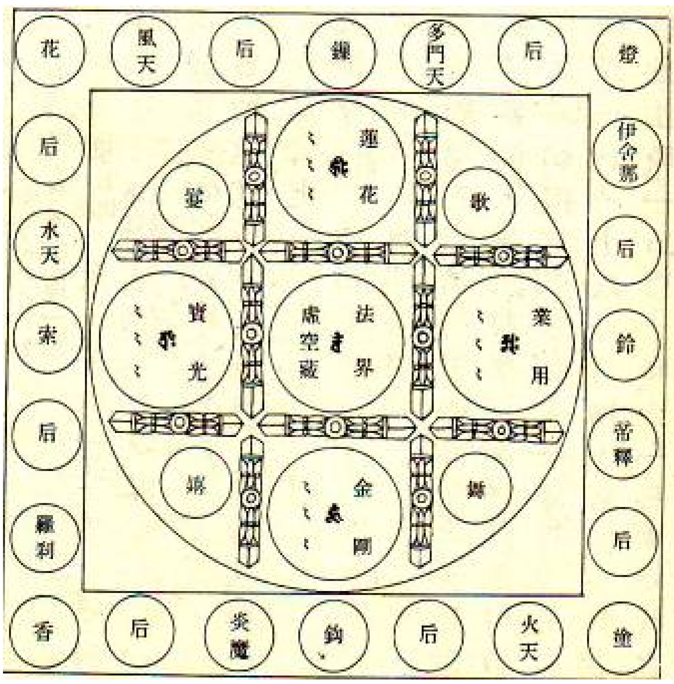


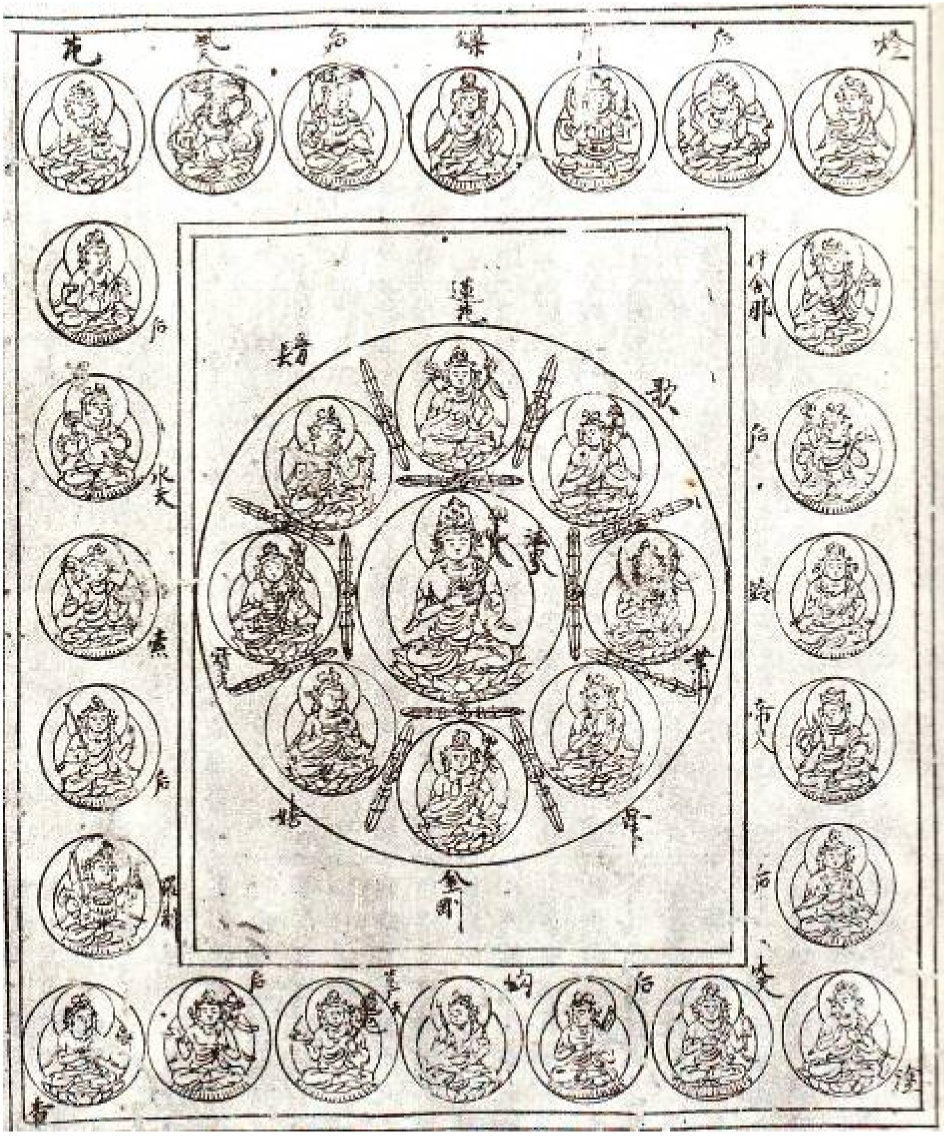
_ Trong Phẩm **Kim Cang Cát Tường Đại Thành Tựu** ghi chép rằng:" Phân biệt năm Tôn Hư Không Tạng Bồ Tát là cỡi Sư Tử, Voi, Ngựa, Chim Công, Chim Ca Lâu La (Kim Xí Điểu). Ấn Tướng của **Tổng Ấn** đó là **Ngoại Ngũ Cổ Ấn**, hai ngón giữa làm hình báu, ở đầu bốn ngón còn lại quán tưởng hình báu.



Dùng Bản Tôn của năm Đại Hư Không Tạng Bồ Tát làm Pháp tu, xưng là **Ngũ Đại Hư Không Tạng Pháp**, thường dùng ở pháp tăng ích để cầu xin tiền của, giàu có, Thọ Mạng, Trí Tuệ….

NGŨ ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG MAN ĐA LA





Trong các loại Kinh Sớ vừa nêu trên ghi chép, chẳng những có thể biết được nhân duyên vì sao gọi là **Hư Không Tạng** và sự quan hệ mật thiết sâu xa với Tài Bảo của Hư Không Tạng Bồ Tát, lại có thể biết được **Bản Tôn Tài Bảo Hư Không Tạng Bồ Tát** này không những có thể ban cho chúng sinh vô lượng mọi loại Tài Bảo màu nhiệm quý báu của Thế Gian, thỏa mãn đủ nhu cầu của chúng sinh ở Thế Gian, lại hay tăng tiến ý nghĩ vui vẻ của chúng sinh, ban cho các loại Pháp Tài, khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn Bồ Đề, đồng thời viên mãn hai loại Tư Lương **Phước Trí** của chúng sinh.

TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ TÁT

Trừ Cái Chướng Bồ Tát tên Phạn là **Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin** lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ấm Cái Bồ Tát.

Trừ Cái Chướng tức là nghĩa tiêu trừ tất cả **phiền não** (Kleśa). Trụ ở **Trừ Cái Chướng Tam Muội** có thể trừ diệt 5 loại Cái Chướng là: Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng, Sinh Chướng, Pháp Chướng...rồi khiến cho tất cả nghiệp khổ phiền não thảy đều trừ diệt. Nếu người được Tam Muội này ắt cùng với chư Phật đồng trụ, cho nên **Kinh Thủ Hộ** lại xưng là cảnh giới của chư Phật.

_Đại Nguyệt Kinh Sớ nói rằng: "Dùng **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) làm Nhân (Hetu) chiếu sáng các Pháp, cho nên dùng chút Công Đức được **Trừ Cái Chướng Tam Muội**, thấy Thật Tướng của tám vạn bốn ngàn phiền não, thành tựu Môn gom tụ tám vạn bốn ngàn báu"

Kinh Phật ghi chép rằng: "Nếu chúng sinh lắng nghe danh hiệu của **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** thì hết thảy cái chướng đều có thể đắc được thanh tịnh"

Tôn này là một trong tám vị Đại Bồ Tát của Phật Giáo,

Mật Giáo ghi nhận Trừ Cái Chướng Bồ Tát là Tôn Chủ của Trừ Cái Chướng Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La, một trong 16 vị Đại Bồ Tát thuộc đời Hiền Kiếp trong Kim Cương Giới Man Đa La

Hình Tượng của Trừ Cái Chướng Bồ Tát là tay phải kết **Vô Úy Ấn**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có viên ngọc Như Ý, biểu thị cho viên ngọc Như Ý trong Tâm Bồ Đề thỏa mãn đầy đủ nguyện vọng của tất cả chúng sinh





_ Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Trừ Cái Chướng Bồ Tát là một trong tám vị Đại Bồ Tát, trong đó **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Sarva-nīrvaraṇa-viṣkaṃbhin) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Mạt Na Thức** (Manas-vijñānaṃ)



除蓋障菩薩（龍藏經，台北故宮藏）

Tôn Tượng **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** có tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Úp tay phải đè cổ tay trên đầu gối phải





Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Trừ Cái Chướng Bồ Tát có thân hình màu trắng, co tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Ngửa tay phải trên đầu gối phải cầm cái bình báu

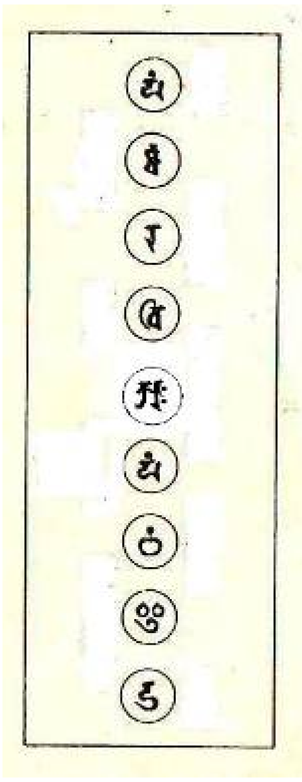


_Tại **Trừ Cái Chướng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) dùng Trừ Cái Chướng Bồ Tát làm Chủ Tôn. Viện này biểu thị cho Man Đa La của Đức **trừ hết tất cả cái chướng của nhóm Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng**.

Đức thù thắng màu nhiệm của Viện này là dùng viên ngọc báu Như Ý trong Tâm Bồ Đề ban cho tất cả chúng sinh không còn sợ hãi và thành mãn ước nguyện.

Viện này biểu thị cho Trí Môn của Kim Cương, trừ chướng ngại cho chúng sinh.

Viện này gồm có 9 Tôn được trình bày từ trên xuống dưới như sau:



1_ Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát ( )
2_ Phá Ác Thú ( )
3_ Thí Vô Úy ( )
4_ Hiền Hộ ( )
5_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát ( )
6_ Bi Mẫn Bồ Tát ( )
7_ Từ Phát Sinh Bồ Tát ( )
8_ Chiết Chư Nhiệt Não ( )
9_ Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát ( )

1_ Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát (Kāruṇāmreḍita):

Kāruṇāmreḍita lại xưng là Cứu Ý Tuệ Bồ Tát, Trung Mẫn Bồ Tát, Cứu Hộ Bồ Tát. Vị Bồ Tát này có Bản Thệ trừ tất cả khổ, do trừ khổ cho nên có tên gọi là Cứu Hộ.

Tôn này biểu thị cho việc dùng Trí Tuệ của Như Lai cứu hộ chúng sinh khiến cho chúng sinh trong 9 cõi cùng vào Phật Quả.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực, đem ngón cái ngón vô danh cùng vịn nhau (với nghĩa **trừ khổ**). Tay trái chống eo (với nghĩa **che giúp**)



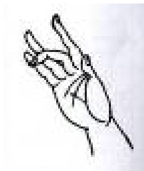
Mật Hiệu là: **Cứu Hộ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YAṂ ( ) hay VI ( )

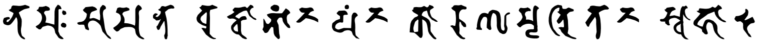
Tam Muội Gia Hình là: Bi Thủ Ấn, hoặc hoa sen chưa hé nở.



Tướng Ấn là: Bi Niệm Giả Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAṂ_ KĀRUṆĀMṚḌITA_ SVĀHĀ

2_ Phá Ác Thú Bồ Tát (Apāya-jaha):

Apāya-jaha lại xưng là Trừ Nhất Thiết Ác Thú Bồ Tát, Xả Ác Đạo Bồ Tát. Lược xưng là Trừ Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apāya-jahaḥ).

Tôn này biểu thị cho việc hay trừ tất cả nẻo ác.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, co tay trái để trước ngực, ngửa lòng bàn tay phải lên trên đem ngón cái ngón trỏ cùng vịn nhau và duỗi thẳng các ngón còn lại. Tay phải hướng ra bên ngoài buông rũ xuống, hơi co 5 ngón tay. Ngồi trên hoa sen đỏ



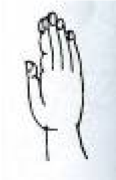
Mật Hiệu là: **Trừ Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DHVAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Tay Phát Khởi, hoặc cành cây.



Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHVAṂSANAṂ ABHYUDDHĀRAṆI SATVA-DHĀTUṂ _ SVĀHĀ

3_ Thí Vô Úy Bồ Tát (Abhayaṃdadaḥ):

Abhayaṃdadaḥ xưng đầy đủ là Thí Nhất Thiết Vô Uý Bồ Tát.

Tôn này dùng sự bạt trừ mọi loại sợ hãi ưu hoạnh của tất cả chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải kết Thí Vô Uý Ấn, tay trái tác Kim Cương Quyền để trên đầu gối, ngồi trên hoa sen đỏ.



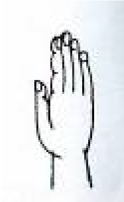
Mật Hiệu là: **Tự Tại Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RA ( ), hay RASANAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Tay Thí Vô Úy.



Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RASANAṂ ABHAYAṂDADA _ SVĀHĀ

4_ Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla):

Bhadra-pāla dịch âm là Bạt Nại La Ba La Bồ Tát, Bạt Đà Ba La Bồ Tát, Bạt Đà Hoà Bồ Tát, Phát Nại La Bá La Bồ Tát. Lại xưng là Hiền Hộ Trưởng Giả, Hiền Hộ Thắng Thượng Đồng Chân, Thiện Hộ Bồ Tát. Là một trong 8 vị Đại Bồ Tát hoặc một trong 16 vị Đại Bồ Tát đời Hiền Kiếp.

Trong Viện này thì Hiền Hộ Bồ Tát được xưng là **Trừ Nghi Quái Bồ Tát** (Kauṭūhalaḥ), hoặc Trừ Nghi Cái Bồ Tát. Do Tôn này dùng Trí Tuệ của **Như Lai Kim Cương** (Tathāgata-vajra) khéo trừ khử sự Nghi Hối của chúng sinh cho nên được xưng là **Trừ Nghi Hối Bồ Tát**.

Tôn này biểu thị cho việc đoạn trừ sự nghi hoặc của tất cả chúng sinh.

Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình nữ, tay trái nâng cái bình báu, tay phải cầm chày Độc Cổ, ngồi trên hoa sen đỏ.



Chày Độc Cổ là Trí **Nhất Thực** của Như Lai, biểu thị cho một Pháp Giới của chữ A (𑖀)

Cái bình báu biểu thị cho việc khéo hộ giúp 5 Trí trong Tâm Địa của chúng sinh, cho nên được xưng là Hiền Hộ

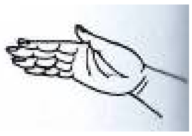
Mật Hiệu là:**Xảo Tế Kim Cương,** biểu thị cho việc dùng ánh sáng Tuệ **Nhất Thực** của Như Lai cứu tế chúng sinh ở nơi hắc ám

Chữ chủng tử là: VI (), hay ASANAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Độc Cổ, hoặc Hiền Bình Bán Độc Cổ Chử.



Tướng Ấn là: Cứu Hộ Tuệ Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA PRATIJÑAṂ_ SVĀHĀ

5_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin):

Sarva-nirvaraṇa-viṣkaṃbhin lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ấm Cái Bồ Tát. Là Chủ Tôn của Trừ Cái Chướng Viện.

Tôn này biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại

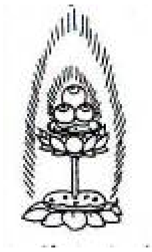
Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có viên ngọc Như Ý. Tay phải kết Thí Vô Uý Ấn biểu thị cho ý ***dùng viên ngọc Như Ý trong Tâm Bồ Đề ban cho tất cả chúng sinh viên mãn ước nguyện.***



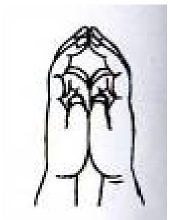
Mật Hiệu là: **Ly Não Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ĀḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu trên hoa sen, hoặc cây phướng báu.



Tướng Ấn là: Trừ Cái Chướng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀḤ SATVA HĪTA ABHYUDGATA_ TRĀṂ TRĀṂ_ RAṂ RAṂ_ SVĀHĀ

6_ Bi Mẫn Bồ Tát (Kāruṇāmṛḍitaḥ):

Kāruṇāmṛḍitaḥ lại xưng là Bi Tuyền Chuyển Bồ Tát.

Tôn này là tên gọi khác của Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái dựng quyền đem ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa cầm hoa Mẫu Đơn. Tay phải ngửa lòng bàn tay để trước rốn hơi co ngón giữa và ngón út, cầm lá cỏ, bên trên có hoa sen nở rộ.



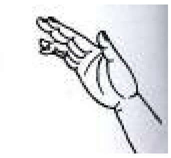
Mật Hiệu là: **Bi Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YAṂ (𑖧𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Bi Thủ Ấn, hoặc hoa sen chưa hé nở



Tướng Ấn là: Bi Mẫn Giả Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KĀRUṆĀMṚḌITA_ SVĀHĀ

7_ Từ Phát Sinh Bồ Tát (Mahā-maitrya-abhudgataḥ):

Mahā-maitrya-abhudgataḥ dịch âm là Ma Ha Mỗi Thương Lý Dã Tỳ Du Ổn Nghiệt Đa. Dịch ý là Từ Phát Sinh. Lại xưng là Đại Từ Sinh Bồ Tát, Đại Từ Khởi Bồ Tát, Từ Mẫn Tuệ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc chúng sinh tự phát sinh Từ Bi

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên hoa sen đỏ.



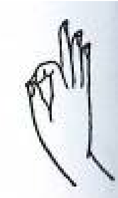
Mật Hiệu là: **Từ Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ṬHAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Tay cầm hoa, hoặc rương Kinh Phạn.



Tướng Ấn là:Đại Từ Sinh Ấn (Tay phải làm dạng cầm hoa).



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑗜𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖓𑖰𑖝𑖿𑖝 𑖄𑖟𑖿𑖐𑖝 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SVACITTA-UDGATA_ SVĀHĀ

8_ Chiết Chư Nhiệt Não Bồ Tát (Sarva-dāha-praśamita):
Sarva-dāha-praśamita lại xưng là Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Bồ Tát. Lược xưng là Trừ Nhiệt Não Bồ Tát. Là vị Bồ Tát có Bản Thệ phá trừ tất cả nhiệt não của tất cả chúng sinh.
Tôn này biểu thị cho việc dùng Pháp của **Nhân xa lìa** (Ly Nhân) mà hoàn thành nguyện của tất cả chúng sinh đồng thời khiến cho họ trừ tất cả nhiệt não.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải để trên đầu gối, làm tay Dữ Nguyện. Co tay trái để trước ngực cầm rương Kinh Phạn. Ngồi trên hoa sen đỏ.

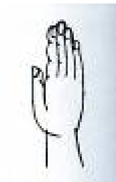


Mật Hiệu là: **Ly Bố Uý Kim Cương**
Chữ chủng tử là: I (𑖂)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Dữ Nguyện.



Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

9_ Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát (Acintya-mati-datta):

Tôn này có Bản Thệ: dùng Trí Tuệ chẳng thể nghĩ bàn ban cho chúng sinh để đoạn trừ sự ngu si của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu, viên ngọc có lửa sáng. Co dựng cánh tay phải hướng lòng bàn tay vào bên trong. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



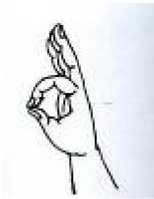
Mật Hiệu là: **Nan Trắc Kim Cương**

Chữ chủng tử là: U (𑖄)

Tam Muội Gia Hình là:Viên ngọc báu, hoặc tay báu.



Tướng Ấn là: Bất Tư Nghị Tuệ Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA AŚĀ-PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

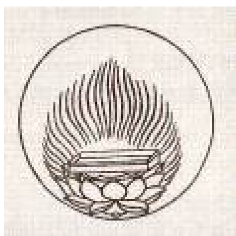
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Trừ Cái Chướng Bồ Tát là một trong 16 vị Đại Bồ Tát đời Hiền Kiếp, đồng Thể với **Trừ Ác Thú Bồ Tát**

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Trừ Cái Chướng Bồ Tát có Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

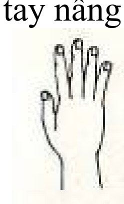
Mật Hiệu là: **Phổ Cứu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: BHĀ (𑖥𑖯), hay DHVAṂ (𑖠𑖿𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (cái rương Kinh Phạn), biểu thị cho tám vạn bốn ngàn Pháp Môn, khử trừ các sự chướng ngại ngăn che.



Tướng Ấn là: Tay phải duỗi 5 ngón tay nâng lên trên, tay trái nắm quyền để ở eo



Chân Ngôn là:

OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ BHĀ

Hay

OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA_ DHVAṂ SVĀHĀ

_Trừ Cái Chướng Bồ Tát nói **Tự Tâm Ấn Đà La Ni** là:

NAMO BHAGAVATE NĀVA-NAVATĪNĀṂ-SAMYAKSAṂBUDDHA-KOṬĪN- AYUTA ŚATA-SAHASRA GAṄGA-NADĪ VĀLUKĀSAMĀNĀṂ

NAMAḤ SARVA NĪVARAṆA-VIṢKAṂBHIṆI BODHISATVĀYU

OṂ_ TURU TURU, SARVA ĀVARAṆA VIŚODHANI, SARVA TATHĀGATA-ĀYUḤ-PĀLANI VIPULE NIRMALE, SARVA SIDDHA NAMASKṚTE, BHARA BHARA, SARVA-SATVĀVALOKINI HŪṂ, SARVA NĪVARAṆA-VIṢKAṂBHIṆI, SARVA PĀPA VIŚODHANI SVĀHĀ



BẤT KHÔNG KIẾN BỒ TÁT

Bất Không Kiến Bồ Tát, tên Phạn là Amogha-darśana dịch âm là A Mục Già Nại La Xá, dịch nghĩa là Bất Không Kiến. Lại xưng là Bất Không Nhãn Bồ Tát, Chính Lưu Bồ Tát… là một trong 9 Tôn tại Địa Tạng Viện cuả Thai Tạng Giới Man Đa La và cũng là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp có vị trí tại phía Bắc trong 5 Tôn ở phương Đông tại Ngoại Đàn của Kim Cương Giới Man Đa La

Do vị Bồ Tát dùng 5 loại mắt: mắt thịt, mắt Trời, mắt Tuệ, mắt Pháp, mắt Phật nhìn khắp sự bình đẳng, sai biệt của chúng sinh trong Pháp Giới, hay trừ tất cả nẻo ác khiến chuyển hướng về Chính Đạo Bồ Đề, Niết Bàn cứu cánh.... cho nên có tên gọi là **Bất Không Kiến**.

_Tại **Địa Tạng Viện** trong **Thai Tang Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Bất Không Kiến Bồ Tát** có thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có lửa rực sáng kèm với con mắt, mũi, miệng. Tay phải dựng lòng bàn tay, hướng tâm lòng bàn ra bên ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.



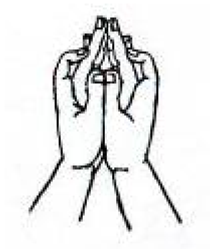
Mật Hiệu là: **Phổ Quán Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu Phật trên hoa sen, hay khuôn mặt ánh sáng trên hoa sen.



Tướng Ấn là Phật Nhãn Ấn: Chắp hai tay lại giữa rỗng không (Hư Tâm Hợp Chưởng) hơi cong hai ngón trỏ đều vịn bên cạnh lưng lóng thứ hai của hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖑 𑖟𑖨𑖿𑖫𑖡𑖯𑖧 𑖀𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ AMOGHA-DARŚANĀYA AḤ _ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Bất Không Kiến Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

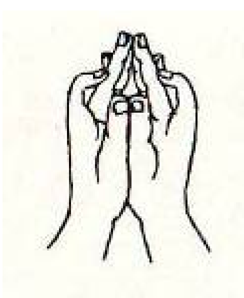
Mật Hiệu là: **Phổ Quán Kim Cương**

Chữ chủng tử là: GA (𑖐), hay AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt



Tướng Ấn là Phật Nhãn Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ AMOGHA DARŚANĀYA   SVĀHĀ _ GA

hay

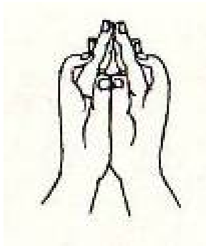
OṂ_ AMOGHA-DARŚANĀYA AḤ _ SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Bất Không Kiến Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt. Biểu thị cho việc dùng con mắt của Phật nhìn chúng sinh trong ba cõi, khiến họ vào ba Mật Môn



Tướng Ấn là: Phật Nhãn Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ AMOGHA DARŚANĀYA   SVĀHĀ _ AḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Bất Không Kiến Bồ Tát có chữ chủng tử là: A ()

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa lòng bàn tay ở rốn, tay phải cầm đài sen bên trên có chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt.



Chân Ngôn là:

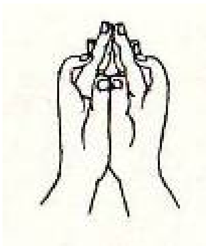
OṂ _ AMOGHA DARŚANĀYA   SVĀHĀ _ A

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Bất Không Kiến Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (अः)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài hoa sen, bên trên có chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt.



Tướng Ấn là: Phật Nhãn Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ अमोघ दर्शनाय स्वाहा अः

OṂ _ AMOGHA DARŚANĀYA SVĀHĀ _ AḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Bất Không Kiến Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (अः)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài sen, bên trên có chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương chữ Thập tương tự chày Kim Cương nằm ngang và con mắt Phật.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖑 𑖟𑖨𑖿𑖫𑖡𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀𑖾

OṂ _ AMOGHA DARŚANĀYA SVĀHĀ _ AḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Bất Không Kiến Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương chữ Thập tương tự chày Kim Cương nằm ngang và con mắt Phật. Biểu thị cho việc dùng con mắt của Phật nhìn chúng sinh trong ba cõi, khiến họ vào ba Mật Môn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖑 𑖟𑖨𑖿𑖫𑖡𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ _ AMOGHA DARŚANĀYA SVĀHĀ _ A

DIỆT ÁC THÚ BỒ TÁT

Diệt Ác Thú Bồ Tát, tên Phạn là Sarva-apāya-jaha, dịch âm là Phộc Phan Dã Nhạ Hà. Lại gọi là Phá Ác Thú Bồ Tát, Xả Ác Đạo Bồ Tát, Trừ Nhất Thiết Ác Thú Bồ Tát. Lược xưng là Trừ Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apāya-jahaḥ).

Tôn này hay xả trừ tất cả nẻo ác cho nên có tên là Diệt Ác Thú. Là một trong 9 Tôn tại Trừ Cái Chướng Viện của Thai Tạng Giới Man Đa La và cũng là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiến của Kim Cương Giới Mạn Đồ La (Trong trường hợp này Diệt Ác Thú Bồ Tát được minh họa đồng với Trừ Cái Chướng Bồ Tát).



Chúng sinh trong Thế Gian nếu chẳng phụng Phật Pháp, hoặc tín phụng Phật Giáo nhưng Công Đức chưa đủ thời chẳng thể được giải thoát, nên vẫn bị luân hồi sinh tử. Do Nhân Nghiệp chẳng giống nhau cho nên Duyên Quả đều sai khác. Đời sau có thể vào nẻo Trời. nẻo Người, nẻo Súc Sinh, nẻo Quỷ đói, hoặc rơi vào Địa Ngục. Do Tôn này dùng sự phá diệt ba nẻo ác (Súc sinh, Quỷ đói, Địa Ngục) làm Bản Thệ, hay cứu thoát kẻ bị chuyển sinh vào ba đường ác được lìa nạn khổ. Bởi vậy Tôn này được biểu thị cho việc hay trừ tất cả nẻo ác.

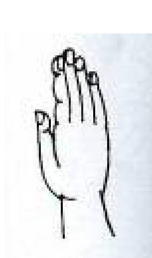
_Tại **Trừ Cái Chướng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có thân màu vàng trắng, co tay trái để trước ngực, ngửa lòng bàn tay phải lên trên đem ngón cái ngón trỏ cùng vịn nhau và duỗi thẳng các ngón còn lại. Tay phải hướng ra bên ngoài buông rũ xuống, hơi co 5 ngón tay. Ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Trừ Chướng Kim Cương**
Chữ chủng tử là: DHVAṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Tay Phát Khởi, hoặc cành cây.



Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHVAṂSANAṂ ABHYUDDHĀRAṆI SATVA-DHĀTUṂ _ SVĀHĀ

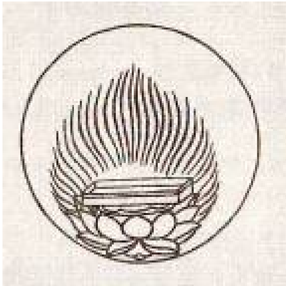
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát là một trong 16 vị Đại Bồ Tát đời Hiền Kiếp.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

Mật Hiệu là: **Phổ Cứu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: BHĀ (भा), hay DHVAṂ (ध्वं)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (cái rương Kinh Phạn)



Tướng Ấn là: Tay phải duỗi 5 ngón tay nâng lên trên, tay trái nắm quyền để ở eo



Chân Ngôn là:

ओं सर्वापाय जहाय स्वाहा भा

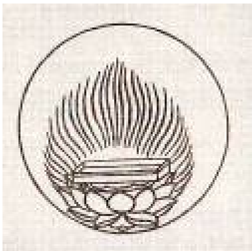
OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ BHĀ

Hay ओं सर्वापाय जहाय ध्वं स्वाहा

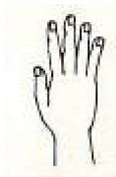
OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA_ DHVAṂ SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có chữ chủng tử là: SA (स)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (cái rương Kinh Phạn). Biểu thị cho tám vạn bốn ngàn Pháp Môn, khử trừ các sự chướng ngại ngăn che.



Tướng Ấn là: Tay phải duỗi 5 ngón tay nâng lên trên, tay trái nắm quyền để ở eo



Chân Ngôn là:

OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ SA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa lòng bàn tay ở rốn, tay phải cầm hoa sen bên trên có rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp)



Chân Ngôn là:

OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ SA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có rương Kinh Phạn.



Tướng Ấn là: Tay phải duỗi 5 ngón tay nâng lên trên, tay trái nắm quyền để ở eo



Chân Ngôn là:

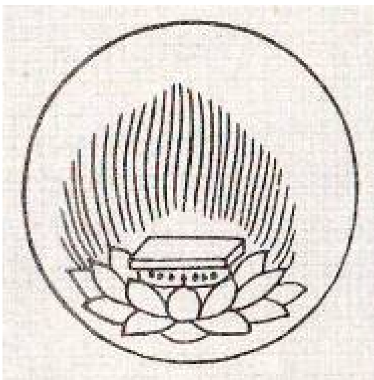
OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ SA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có chữ chủng tử là DHVAṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có rương Kinh Phạn



Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.

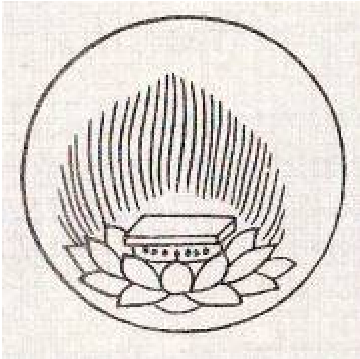


Chân Ngôn là:

OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ DHVAṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Diệt Ác Thú Bồ Tát có chữ chủng tử là DHVAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn,biểu thị cho tám vạn bốn ngàn Pháp Môn, khử trừ các sự chướng ngại ngăn che.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪𑖯𑖢𑖯𑖧 𑖕𑖮𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖠𑖿𑖪𑖽

OṂ _ SARVA APĀYA JAHĀYA SVĀHĀ _ DHVAṂ

TRỪ ƯU ÁM BỒ TÁT

Trừ Ưu Ám Bồ Tát, tên Phạn là Sarva Śokatamo-nirghātana, dịch âm là Tát Phộc Thú Già Đát Mẫu Nễ Già Đa. Lại xưng là Lạc Tồi Nhất Thiết Hắc Ám Ưu Não, Trừ Nhất Thiết Ám, Trừ Ưu, Trừ Ưu Não, Thường Thanh Tịnh. Là một trong 9 Tôn của **Địa Tạng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) hoặc là một Tôn ở đầu phía Nam của mặt Đông trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

Tôn này dùng ***Trừ tất cả ưu não ám tối của chúng sinh*** làm Bản Thệ



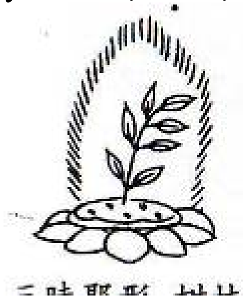
_Tại **Địa Tạng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì **Trừ Ưu Ám Bồ Tát** được xưng là **Trừ Nhất Thiết Ưu Não Bồ Tát** (Sarva-Śokatamoghāta-mati)

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ **trừ tất cả ưu não ám tối của chúng sinh**

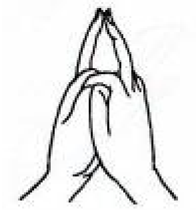
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, dựng đứng khuỷu tay phải, hơi ngửa lòng bàn tay hướng về bên phải. Tay trái cầm cành cây, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Đại Xá Kim Cương**
Chữ chủng tử là: DAṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cành cây biểu thị cho sự phủi trừ tất cả phiền não



Tướng Ấn là: Trừ Nghi Quái Kim Cương Ấn.



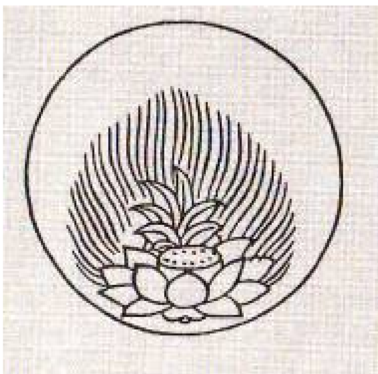
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VIMATI-CCHEDAKA _ SVĀHĀ

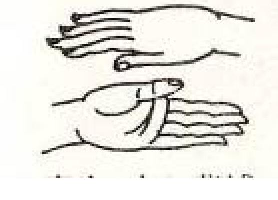
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La**

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Trừ Ưu Ám Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

Mật Hiệu là: **Giải Thoát Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AṂ ( ) hay ĀṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cành cây



Tướng Ấn là Phạn Khiếp Ấn: Hai tay duỗi lòng bàn tay, ngửa lòng bàn tay trái, lậy úp bàn tay phải che bên trên, hơi co lòng bàn tay lại



Chân Ngôn là:

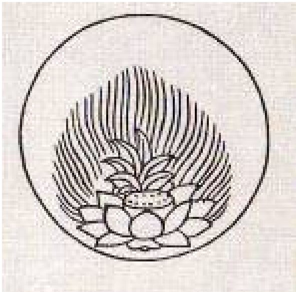
OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE SVĀHĀ_ AṂ

Hay

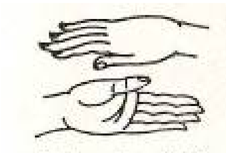
OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE AṂ SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Trừ Ưu Ám Bồ Tát có chữ chủng tử là AṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cành cây. Biểu thị cho việc phủi trừ tất cả phiền não



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE SVĀHĀ_ AṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Trừ Ưu Ám Bồ Tát có chữ chủng tử là AṂ ( )

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, quyền trái để ngang eo, tay phải cầm cành cây.



Chân Ngôn là:

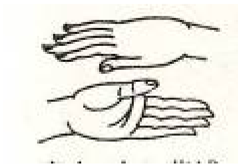
OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE SVĀHĀ_ AṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Trừ Ưu Ám Bồ Tát có chữ chủng tử là AṂ (𑖀𑖼)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài hoa sen, bên trên có cành cây.



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE SVĀHĀ_ AṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Trừ Ưu Ám Bồ Tát có chữ chủng tử là AṂ (𑖀𑖼)

Tôn Hình: Hai tay cầm cành cây



Tam Muội Gia Hình là: Cành cây.

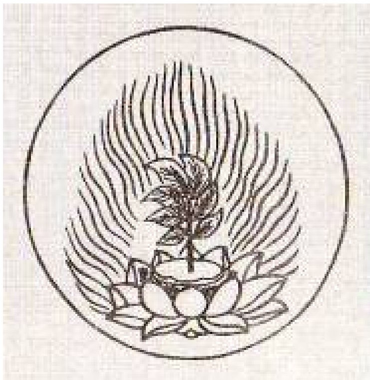


Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE SVĀHĀ_ AṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Trừ Ưu Ám Bồ Tát có chữ chủng tử là AṂ (𑖀𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cành cây. Biểu thị cho việc phủi trừ tất cả phiền não



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTANA MATAYE SVĀHĀ_ AṂ

HƯƠNG TƯỢNG BỒ TÁT

Hương Tượng Bồ Tát, tên Phạn là Gandha-hāsti, dịch âm là Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Càn Đà Ha Thư Bồ Tát, Kiện Đà Ha Sa Để Bồ Tát. Lại xưng là Hương Tuệ Bồ Tát, Xích Sắc Bồ Tát, Bất Khả Tức Bồ Tát.

Hương (Gandha) nghĩa là tràn đầy khắp không có ngại.

Tượng (Hāstini) biểu thị cho nghĩa hành đầy đủ sức mạnh lớn (Hành túc đại lực).

Hương Tượng tức biểu thị cho mãn các Hạnh Quả



_**Kinh** còn dùng "ba con thú vượt qua sông" để ví dụ cho trình độ chứng Đạo sâu cạn của ba Thừa: Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa.

Kinh **Ưu Bà Tắc Giới**, phẩm **ba loại Bồ Đề** nói rằng: "Như nước sông Hằng có ba con thú là Thỏ, ngựa, Hương Tượng đều vượt qua. Thỏ chẳng chạm được đáy chỉ nổi trên nước mà vượt qua, Ngựa hoặc chạm đến đáy hoặc chẳng chạm đến đáy, Voi ắt chạm đến tận đáy. Nước sông Hằng tức là con sông **mười hai Nhân Duyên**. **Thanh Văn** (Śrāvaka) vượt qua thời giống như con thỏ, **Duyên Giác** (Pratyeka-buddha) vượt qua thời giống như con ngựa, **Như Lai** (Tathāgata) vượt qua thời giống như Hương Tượng. Chính vì thế cho nên Như Lai được tên gọi là **Phật** (Buddha)"

Hương Tượng vượt qua sông tức nói là Hương Tượng tiếp chạm đến chỗ rất sâu của nước, thẳng đến đáy sông cho nên dùng ví dụ cho sự chứng Đạo rất sâu của Phật Bồ Tát.

_**Hương Tượng Tôn Giả** tức là **Bạch Hương Tượng Bồ Tát**. Do thân phát ra mùi thơm kỳ lạ mà được tên gọi là Hương Tượng

Duy Ma Kinh Nghĩa Sớ, quyển 01 ghi nhận: "Bạch Hương Tượng có mùi thơm tối thắng, Thân của Đại Sĩ (Bồ Tát) cũng có mùi thơm như vậy"

Bạch Tượng chỉ con voi có toàn thân trắng tinh. Do con voi có Đại Uy Lực mà tính tình nhu thuận cho nên khi Bồ Tát nhập vào thai mẹ thời hoặc cỡi con voi trắng sáu ngà, hoặc hiện hình con voi trắng để biểu thị cho Tính hiền thiện như hòa của Bồ Tát nhưng có thế to lớn. Lại nữa, sáu ngà của con voi biểu thị cho **sáu Độ** (Ṣaḍ-pāramitā: sáu Ba La Mật), bốn chân biểu thị cho **bốn Như Ý**

Đời trước, Hương Tượng Tôn Giả là con voi trắng. Do tại hai nước xảy ra chiến tranh, khuyên nói nhà vua dừng binh ngưng chiến đấu, miễn trừ cho trăm họ thoát khỏi sự thống khổ, cho nên được chuyển thế làm người thường luôn tham gia vào Pháp Hội

của Đức Phật Đà. Là vị Đại Bồ Tát mà **Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận,** quyển 5 đã đề cử, khuyên người đời đều nên nghĩ nhớ đến. Thân của Bồ Tát phát ra mùi thơm kỳ lạ, hộ trì chúng sinh, tuyên giảng Phật Pháp, tiếng như sấm nổ vào thẳng Tâm của chúng sinh, âm thanh trừ các sự che chướng bên trong, như âm nhạc, tựa Cam Lộ thấm đẫm chúng sinh, kéo dẫn mầm Pháp trong Tâm của chúng sinh"



_Theo Thuyết khác thì Hương Tượng là con voi màu xanh chuyên chở mùi thơm

Kinh **Duy Ma** của **La Thập** chú thích tên gọi của Hương Tượng Bồ Tát là: "**Thanh Hương Tượng** có thân tỏa ra làn gió thơm. Thân của Bồ Tát cũng có làn gió thơm như điều này vậy"

Vị Bồ Tát này ngự tại núi **Hương Tụ** nói Pháp

Kinh **Hoa Nghiêm**, phẩm **Bồ Tát Trú Xứ** nói rằng: "Phương Bắc có trú xứ của Bồ Tát, tên là **Hương Tụ Sơn**. Các Bồ Tát đời quá khứ thường trụ ở trong đó. Chỗ ấy hiện có vị Bồ Tát tên là **Hương Tượng** (Gandha-hāsti) có ba ngàn Bồ Tát quyến thuộc, thường vì họ nói Pháp"

_Căn cứ vào sự ghi chép của **Chư Tôn Tiện Lãm** thì Hương Tượng Bồ Tát có thân màu xanh lục trắng, tay phải nâng con Hương Tượng (con voi lớn)

Trong **Kim Cương Giới Thất Tập** thì nói *hai tay cầm cái bát.* Còn Kinh **Tịnh Chư Ác Thú** lại nói là: Thân màu xanh lục trắng, hào quang rực lửa mạnh, tay phải nâng con Hương Tượng, tay trái để bên cạnh eo lưng.

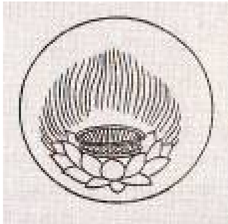
_Hương Tượng Tôn Giả tức **Hương Tượng Bồ Tát** cùng với Đức Phật Đà thuộc một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp, có vị trí thứ nhất trong bốn Tôn ở phương Nam tại Ngoại Viện của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Hương Tượng Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

Mật Hiệu là: **Đại Lực Kim Cương, Hộ Giới Kim Cương**

Chữ chủng tử là: GAḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Bát Khí (cái bình bát)



Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), giương mở ngón cái như dạng bụm nước.



Chân Ngôn là:

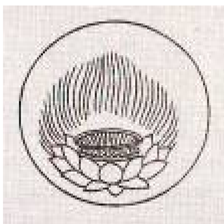
OṂ_ GANDHA-HĀSTINI GAḤ SVĀHĀ

Hay

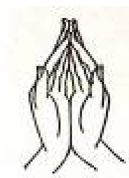
OṂ_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_ GAḤ

.) Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Hương Tượng Bồ Tát có chữ chủng tử là: GA ()

Tam Muội Gia Hình là: Bát Khí (cái bình bát). Biểu thị cho sức mạnh to lớn của Giới Hương



Tướng Ấn là: Bát Ấn



Chaân Ngoân laø:

OṂ_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_ GA

.) Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Hương Tượng Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, bên trên sen có một cái bát. Tay phải để cạnh eo tác quyền.



Chân Ngôn là:

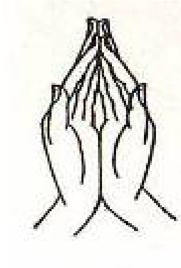
OṂ_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_ HŪṂ

.) Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Hương Tượng Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cái bát.



Tướng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

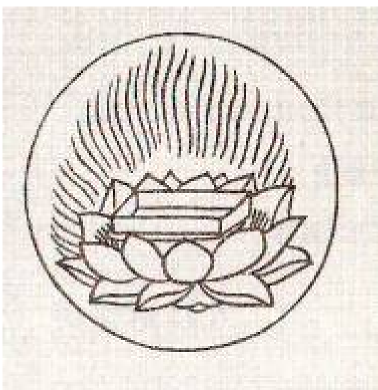
OṂ_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_ HŪṂ

.) Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Hương Tượng Bồ Tát có chữ chủng tử là: GĪ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cái bát



Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.

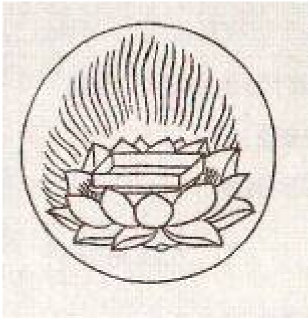


Chân Ngôn là:

OṂ_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_ GĪ

.) Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-Samaya) thì Hương Tượng Bồ Tát có chữ chủng tử là: GAḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Cái bát. Biểu thị cho sức mạnh to lớn của Giới Hương



Chân Ngôn là:

OṂ_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_ GAḤ

ĐẠI TINH TIẾN BỒ TÁT

Đại Tinh Tiến Bồ Tát (tên Phạn là Śūra, hay Śūraṃgama). Lại xưng là Dũng Mãnh Bồ Tát, là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp. Là vị Bồ Tát thứ hai trong bốn Tôn ở phương Nam của cái Đàn vuông thuộc Ngoại Viện trong các Hội của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

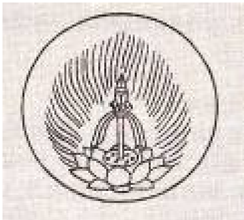
_Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Đại Tinh Tiến Bồ Tát biểu thị cho sự dũng mãnh tinh tiến

Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

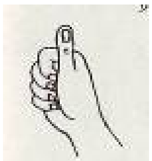
Mật Hiệu là: **Bất Thoái Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VI (वि)

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, dựng đứng ngón cái nâng lên ngang đầu



Chân Ngôn là:

ॐ शूराय स्वाहा वि

OṂ _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

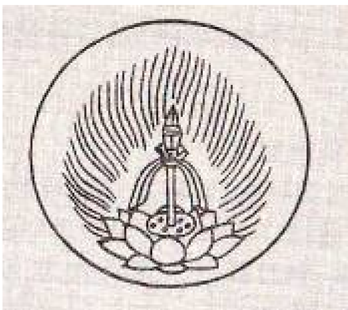
Hay ॐ शूराय वि स्वाहा

OṂ _ ŚŪRĀYA VI SVĀHĀ

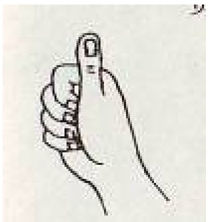
_Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Đại Tinh Tiến Bồ Tát có chữ chủng tử là VI (वि) biểu thị cho nghĩa ngôn thuyết tinh tiến kiên cố của Như Lai

Hay chữ chủng tử ŚŪ (शू) biểu thị cho nghĩa Bản Tính vắng lặng, tức đáng mạo vắng lặng của Niết Bàn

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ. Biểu thị cho việc dũng mãnh tinh tiến giống như sự hay quán triệt của cây kích Độc Cổ



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, dựng đứng ngón cái nâng lên ngang đầu



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖫𑖳𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰
OṂ _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

_Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Đại Tinh Tiến Bồ Tát có chữ chủng tử là VI (𑖪𑖰)
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm cây kích Tam Cổ.

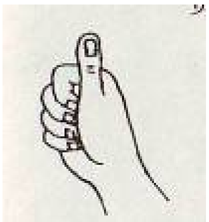


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖫𑖳𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰
OṂ _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

_Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Đại Tinh Tiến Bồ Tát có chữ chủng tử là VI (𑖪𑖰)
Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cây kích Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, dựng đứng ngón cái nâng lên ngang đầu



Chân Ngôn là:

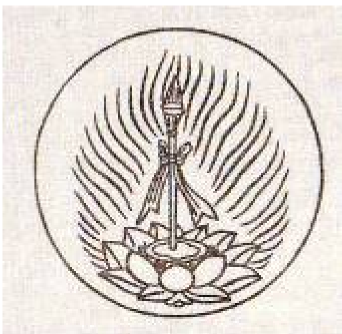
OṂ _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

_Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Đại Tinh Tiến Bồ Tát có chữ chủng tử là VI (𑖪𑖰)

Tôn Hình:Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây Kích Độc Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.



Chân Ngôn là:

OṂ _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

_Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Đại Tinh Tiến Bồ Tát có chữ chủng tử là VI (𑖪𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ. Biểu thị cho việc y theo ngôn thuyết của Như Lai mà tinh tiến bền chắc.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖫𑖳𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰

OṂ _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

TRÍ TRÀNG BỒ TÁT

Trí Tràng Bồ Tát, tên Phạn là Jñāna-ketu, dịch âm là Chỉ Nương Tương Kế Đô. Lại xưng là Thường Hằng Bồ Tát, Thường Lợi Ích Bồ Tát, Trí Tích Bồ Tát. Tôn này là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp Tôn có vị trí ở đầu ở phương Tây thuộc mặt Nam của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

Ánh sáng Trí Bản Tế của vị Bồ Tát này thường trụ chẳng diệt, Bản Tính trong sạch mà hay đập phá Hý Luận chiếu khắp mười phương cho nên có danh xưng là **Trí Tràng**

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Trí Tràng Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

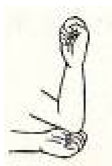
Mật Hiệu là:**Trí Mãn Kim Cương, Pháp Mãn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRĀṂ ()Ï

Tam Muội Gia Hình là: Như Ý Tràng Phan (phan phướng Như Ý)



Tướng Ấn là Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, hướng tâm của quyền trái lên trên, co dựng cánh tay phải ở trên quyền trái như dạng cây phướng.

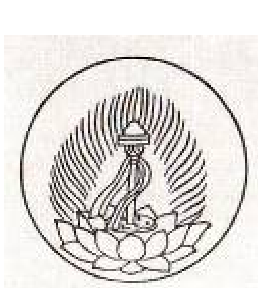


Chân Ngôn là:

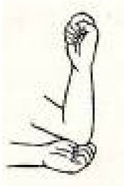
OṂ_ JÑĀNA KETUVE SVĀHĀ _ TRĀṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Trí Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là TRAṂ () hay TRĀṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Như Ý Tràng Phan. Biểu thị cho việc dựng cây phướng Trí Tuệ, câu triệu mọi uy nghi tự tại



Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡𑖎𑖸𑖝𑖲𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖽
OṂ_ JÑĀNA KETUVE SVĀHĀ _ TRĀṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Trí Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm phan phướng Như Ý, tay trái để ngang eo nắm quyền.



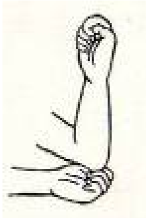
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡𑖎𑖸𑖝𑖲𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖝𑖿𑖨𑖽
OṂ_ JÑĀNA KETUVE SVĀHĀ _ TRAṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Trí Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có phan phướng Như Ý.



Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡𑖎𑖸𑖝𑖲𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖝𑖿𑖨𑖽

OṂ_ JÑĀNA KETUVE SVĀHĀ _ TRAṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Trí Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là TRO (𑖝𑖿𑖨𑖺)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có phan phướng Như Ý.



Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng Như Ý.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡𑖎𑖸𑖝𑖲𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖝𑖿𑖨𑖺

OṂ_ JÑĀNA KETUVE SVĀHĀ _ TRO

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Trí Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là TRAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng Như Ý. Biểu thị cho việc dựng cây phướng Trí Tuệ, câu triệu mọi uy nghi tự tại



Chân Ngôn là:

OṂ_ JÑĀNA KETUVE SVĀHĀ _ TRAṂ

VÔ LƯỢNG QUANG BỒ TÁT

Vô Lượng Quang Bồ Tát, tên Phạn là Amita-prabha hay Amṛta-prabha, dịch âm là A Nhĩ Đa Bát La Bà. Lại xưng là **Cam Lộ Quang Bồ Tát** (Amṛta-prabha) là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp, có vị trí ở đầu Nam trong 5 Tôn ở phương Tây tại Ngoại Đàn của Kim Cương Giới Man Đa La



Vô Lượng Quang Bồ Tát là danh xưng riêng của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta). Nhân vì thân lượng của Ngài, lớn nhỏ đều ngang bằng với **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara), hào quang tròn bốn phương lớn nhỏ đều là 125 Do Tuần, chiếu đến 250 Do Tuần. Toàn thân tỏa ánh sáng màu vàng tía chiếu khắp mười phương quốc thổ, hay khiến cho chúng sinh có duyên tự mình nhìn thấy. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng phóng ra từ một lỗ chân lông của Ngài thì kẻ ấy sẽ thấy ánh sáng tịnh diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương

Tôn này dùng ánh sáng Trí của vô lượng, giáng phục **ba Hoặc** (Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc), chiếu khắp mười phương cho nên xưng là **Vô Lượng Quang**

_Trong Kinh **Tịnh Chư Ác Thú** thì vị Bồ Tát này lại có tên là **Cam Lộ Quang** (Amṛta-prabha) hiển thân màu thịt, tay phải cầm bình Cam Lộ, tay trái nắm quyền để bên cạnh eo lưng.

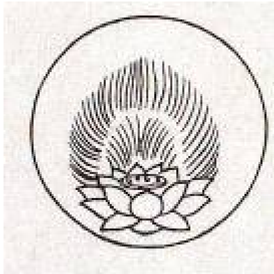
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Vô Lượng Quang Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

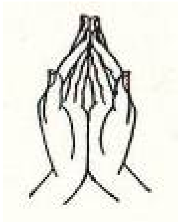
Mật Hiệu là: **Đại Minh Kim Cương, Ly Nhiễm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (अ) hay DHVAṂ (ध्वं)

Tam Muội Gia Hình là: Quang Minh Liên Hoa



Tướng Ấn là Bát Ấn: Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), mở chia ngón cái như dạng bụm nước.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖰𑖝 𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖠𑖿𑖪𑖽

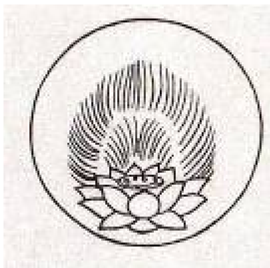
OṂ _ AMITA PRABHA SVĀHĀ _ DHVAṂ

Hay 𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖰𑖝𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖀 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

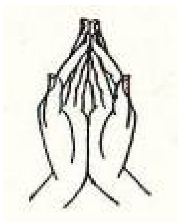
OṂ _ AMITA-PRABHA A SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Vô Lượng Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Quang Minh Liên Hoa. Biểu thị cho ánh sáng rực lửa của Pháp Trí, xa lìa tất cả sự ô uế.



Tướng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖰𑖝 𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ _ AMITA PRABHA SVĀHĀ _ A

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Vô Lượng Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm hoa sen, trên sen có ánh sáng. Tay trái úp lòng bàn tay để cạnh eo.



Chân Ngôn là:

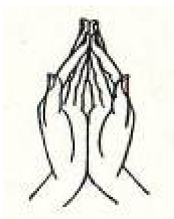
OṂ _ AMITA PRABHA SVĀHĀ _ HŪṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Vô Lượng Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm Hoa sen tỏa sáng (Quang Minh Liên Hoa).



Tướng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

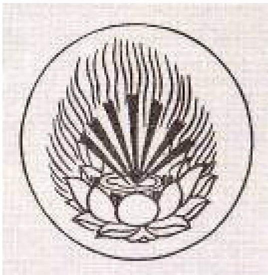
OṂ _ AMITA PRABHA SVĀHĀ _ HŪṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Vô Lượng Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có ánh sáng.



Tam Muội Gia Hình là:Quang Minh Liên Hoa



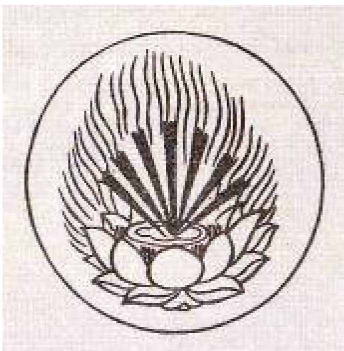
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖰𑖝 𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ _ AMITA PRABHA SVĀHĀ _ A

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Vô Lượng Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Quang Minh Liên Hoa. Biểu thị cho ánh sáng rực lửa của Pháp Trí, xa lìa tất cả sự ô uế.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖰𑖝 𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖀

OṂ _ AMITA PRABHA SVĀHĀ _ A

HIỀN HỘ BỒ TÁT

Hiền Hộ Bồ Tát, tên Phạn là Bhadra-pāla, dịch âm là Bạt Lại La Ba La Bồ Tát, Phạt Đà Bà La Bồ Tát, Bạt Đà Ba La Bồ Tát, Bạt Pha Bồ Tát, Bạt Đà Hòa Bồ Tát, Phát Nại Bá La Bồ Tát. Lại xưng là Hiền Hộ Trưởng Giả, Hiền Hộ Thắng Thượng Đồng Chân, **Thiện Thủ** (khéo nắm giữ) Bồ Tát, Hiền Thủ Bồ Tát.

_ Kinh **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật** và Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi nhận: Trong chúng Thanh Văn đều để Hiền Hộ Bồ Tát ở vị trí đầu tiên

_Kinh **Bảo Tích**, **quyển 109** ghi chép: "Hiền Hộ Trưởng Giả là con của một vị thương gia giàu có. Các niềm vui, quả báo mà vị ấy đã nhận được là nơi mà Đao Lợi Đế Thích Thiên Vương chẳng theo kịp"

_Kinh **Bát Cát Tường Thần Chú** ghi chép: "Nếu có việc gấp rút, hô gọi danh tự tám người thuộc nhóm Hiền Hộ, liền được giải thoát. Khi mệnh chung thời tám người này bay đến nghênh đón"

_Kinh **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm**, **quyển 5** ghi chép: "Bạt Đà Bà La vào nhà tắm thì tỏ ngộ được **Nhân** (Hetu) của nước, chứng đắc **Vô Sở Hữu** (không có chỗ có được)". Căn cứ vào Thuyết này, Thiền Tông an trí Hiền Hộ Tôn Giả ở nhà tắm

_Kinh **Kim Cương Đỉnh Đại Giáo Vương, quyển 2** của **Nhật Bản Viên Nhân** có nói: "Là Chủ hóa Đạo các quần sinh, hay thủ hộ, chẳng vượt qua Thời Xứ nói Pháp tương ứng, lìa phiền não dơ bẩn khiến được nhìn thấy **Bản Tế Thanh Tịnh Pháp Giới Mạn Đà La Thân** nên làm Chủ Tể, xưng là Công Hộ, cũng vì lợi cho kẻ bị dơ bẩn tức là Hiền Hộ"

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Hiền Hộ Bồ Tát là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp, trụ tại vị trí thứ hai ở phương Tây của Ngoại Đàn

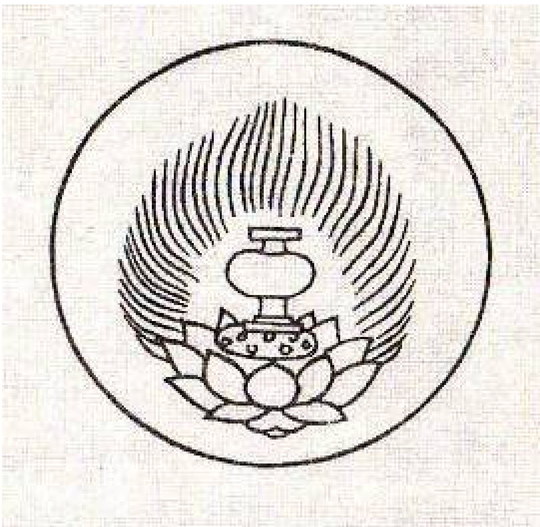
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Hiền Hộ Bồ Tát do khéo hộ giúp **Phật Tri Kiến** của chúng sinh cho nên có tên là Xảo Hộ Kim Cương

Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

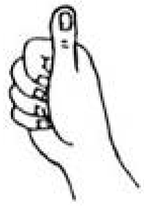
Mật Hiệu là: **Xảo Hộ Kim Cương, Ly Cấu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: PṚ (ꣿ)

Tam Muội Gia Hình là: Hiền Bình, biểu thị cho sự hộ giữ nước Trí trong sạch của chúng sinh



Tướng Ấn là: Tay phải nắm Kim Cương Quyền, ngón cái như Hiền Bình, quyền trái để ở eo.



Chân Ngôn là:

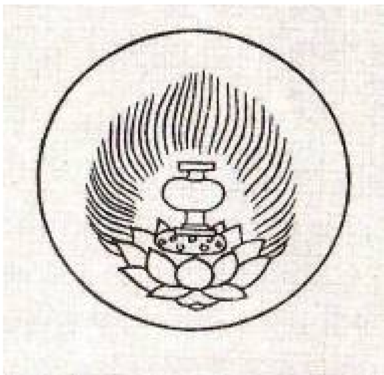
OṂ _ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ _ PṚ

Hay

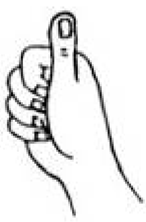
OṂ _ BHADRA-PĀLA PṚ SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Hiền Hộ Bồ Tát có chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Hiền Bình. Biểu thị cho việc dùng nước Trí rưới vảy chúng sinh khiến cho thanh tịnh.



Tướng Ấn là:Tay phải nắm Kim Cương Quyền, ngón cái như Hiền Bình, quyền trái để ở eo.



Chân Ngôn là:

OṂ _ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ _ PRA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Hiền Hộ Bồ Tát có chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải ngửa lòng bàn tay nằm ngang, bên trên để cái Hiền Bình. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

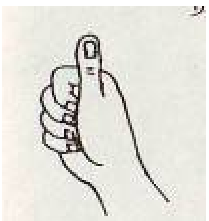


OṂ _ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ _ PRA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Hiền Hộ Bồ Tát có chữ chủng tử là: PRA (प्र)
Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cái Hiền Bình.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm Kim Cương Quyền, ngón cái như Hiền Bình, quyền trái để ở eo.



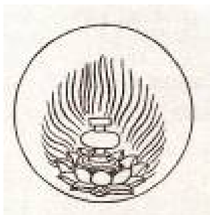
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖥𑖟𑖿𑖨𑖢𑖯𑖩𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖢𑖿𑖨
OṂ _ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ _ PRA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Hiền Hộ Bồ Tát có chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên hoa có Hiền Bình



Tam Muội Gia Hình là: Cái Hiền Bình.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖥𑖟𑖿𑖨𑖢𑖯𑖩𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ _ PRA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Hiền Hộ Bồ Tát có chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Hiền Bình. Biểu thị cho việc dùng nước Trí rưới vảy chúng sinh khiến cho thanh tịnh.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖥𑖟𑖿𑖨𑖢𑖯𑖩𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖢𑖿𑖨
OṂ _ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ _ PRA

_ Trong **Trừ Cái Chướng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Hiền Hộ Bồ Tát được xưng là **Trừ Nghi Quái Bồ Tát** (Kauṭūhalaḥ), hoặc Trừ Nghi Cái Bồ Tát. Do Tôn này dùng Trí Tuệ của **Như Lai Kim Cương** (Tathāgata-vajra) khéo trừ khử sự Nghi Hối của chúng sinh cho nên được xưng là **Trừ Nghi Hối Bồ Tát**.

Tôn này biểu thị cho việc đoạn trừ sự nghi hoặc của tất cả chúng sinh.

Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình nữ, tay trái nâng cái bình báu, tay phải cầm chày Độc Cổ, ngồi trên hoa sen đỏ.



.)**Hình nữ** biểu thị cho Định Đức.

Màu hồng biểu thị cho Từ Bi.

Hiền Bình biểu thị cho sự hộ trì nước Trí trong sạch của chúng sinh.

Cho nên ở Tôn Hình này tự hiển rõ ràng ba Đức của Đại Định, Bi, Trí.

.)**Chày Độc Cổ** là Trí **Nhất Thực** của Như Lai, biểu thị cho một Pháp Giới của chữ A (𑖀)

.)**Cái bình báu** biểu thị cho việc khéo hộ giúp 5 Trí trong Tâm Địa của chúng sinh, cho nên được xưng là Hiền Hộ

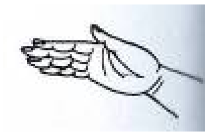
Mật Hiệu là: **Xảo Tế Kim Cương,** biểu thị cho việc dùng ánh sáng Tuệ **Nhất Thực** của Như Lai cứu tế chúng sinh ở nơi hắc ám

Chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰), hay ASANAṂ (𑖀𑖭𑖡𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Độc Cổ, hoặc Hiền Bình Bán Độc Cổ Chử.



Tướng Ấn là: Cứu Hộ Tuệ Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖮𑖸 𑖦𑖮𑖯𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖿𑖦𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖝𑖰𑖕𑖿𑖗𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA PRATIJÑAṂ_ SVĀHĀ

QUANG VÕNG BỒ TÁT

Quang Võng Bồ Tát tên Phạn là Jālīni-prabha, dịch âm là Chế Lợi Nê Ba La Bà (hoặc Prabha-jāla: dịch âm là Ba La Bà Xà La). Dịch nghĩa là Minh Võng, Quang Võng, Võng Quang. Hoặc xưng là **Quang Võng Đồng Tử** (Jālīni-prabha-kumāra), **Võng Minh Đồng Tử** (Prabha-jāla-kumāra). Là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù, một trong 25 Tôn ở Văn Thù Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La, đồng Thể với **Võng Minh Bồ Tát** trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp ở Kim Cương Giới Man Đa La

Võng Minh Bồ Tát hiện bày **tướng của Ngoại Dụng**, Quang Võng Đồng Tử tức biểu thị cho **Đức của Nội Chứng**



Kinh **Đại Nhật**, **quyển 1** nói rằng: "Quang Võng Đồng Tử, thân cầm giữ cái lưới mọi báu, mọi loại Anh Lạc màu nhiệm, ngồi trên hoa sen báu, quán nhìn con trưởng của Phật"

Đồng **Sớ 5** ghi rằng: "Bên phía Bắc của Văn Thù, nên vẽ Quang Võng Đồng Tử, thân màu vàng ròng, cầm giữ cái lưới báu, dùng mọi loại Anh Lạc trang nghiêm, ngồi trong hoa sen báu. **Văn Thù** trì giữ Diệu Tuệ của Vô Tướng, **Quang Võng** trì giữ vạn Đức trang nghiêm. Như **Trí Độ Luận** đã nói: Dùng muối điều hòa các thức ăn, tăng thêm gấp đôi mùi vị của nó nhưng chẳng thể ăn thiếu. Cho nên Hành Giả đánh mất phương tiện của Bát Nhã, chỉ tu riêng **Không Tuệ** ắt bị rơi vào trong sự đoạn diệt, nếu thuần tu Phước Đức ắt bị rơi vào trong chỗ có sở đắc. Bởi thế **quán nhìn con trưởng của Phật** là Ý này vậy"

_**Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh**, **quyển 2**, phẩm **Nan Vấn** ghi chép rằng: "Bồ Tát này nhận Thánh Chỉ của Đức Phật, hiện Phước Báo trang nghiêm, giữa các ngón tay phải phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng cõi nước Phật ở mười phương. Trong các cõi nước ấy: Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh cùng với kẻ đui mù câm điếc đều gặp ánh sáng ấy mà được khoái lạc, cho nên hiệu là **Võng Minh**"

Lại đồng quyển, phẩm **Vấn Đàm** ghi chép rằng: "Vị Bồ Tát này trải qua 760 vạn a tăng kỳ kiếp sẽ thành Phật, hiệu là **Phổ Quang Tự Tại Vương Như Lai, Thế Giới** ấy tên là **Tập Diệu Công Đức**"

_Tại **Văn Thù Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Quang Võng Bồ Tát tượng trưng cho nghĩa "Ánh sáng Trí Tuệ của Văn Thù Bồ Tát như cái lưới vòng khắp Pháp Giới, dùng mọi loại Anh Lạc trang nghiêm **cái lưới của Giáo** (Giáo Võng) tung rộng khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sinh".

Tôn này biểu thị cho Đức của **Nội Chứng**

Tôn Hình: Hình Đồng Tử màu vàng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm sợi dây, ngồi trên toà hoa sen đỏ.

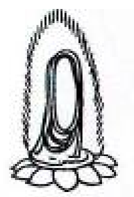


Mật Hiệu là: **Sắc Tướng Kim Cương**, tức nghĩa *tướng trang nghiêm của Diệu Tuệ*

Chữ chủng tử là: JAṂ (ᛃ), tức nghĩa *Sinh chẳng thể được*.

Quang Võng Bồ Tát dùng *Sinh chẳng thể được* cho nên có tên là **Thường Tịch Quang**, ánh sáng này chẳng phải là **Sắc** (Rūpa), chẳng phải là **Tâm** (Citta) nhưng lại đầy đủ mọi loại hình sắc chẳng thể nghĩ bàn, mỗi mỗi đều tràn ngập Pháp Giới mà đồng với Đại Không

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, hoặc sợi dây.



Tướng Ấn là: Quang Võng Câu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA SVABHĀVA STHITA SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Quang Võng Bồ Tát lại xưng là Minh Võng, Võng Minh, Võng Quang, Võng Minh Đồng Tử Bồ Tát.

Tôn này thọ nhận Thánh Chỉ của Đức Phật hiện ánh sáng Phước Báo. Do các khoảng giữa ngón tay phải phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng cõi Phật ở mười phương. Trong các cõi đó: Địa Ngục, Quỷ ác, súc sinh, kẻ đui điếc câm ngọng ... được ánh sáng này đều được khoái lạc, cho nên hiệu là Võng Minh.

Tôn này biểu thị cho **tướng của Ngoại Dụng**

Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

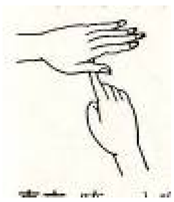
Mật Hiệu là: **Phương Tiện Kim Cương, Phổ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: La võng (cái lưới)



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

hay

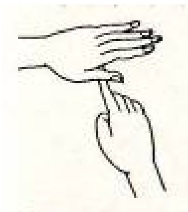
OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Quang Võng Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: La võng (cái lưới). Biểu thị cho việc giăng cái lưới của tám vạn Giáo Pháp để cứu độ chúng sinh



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖕𑖯𑖩𑖰𑖡𑖱 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕𑖾

OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Quang Võng Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm lưới võng, tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖕𑖯𑖩𑖰𑖡𑖱 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕𑖾

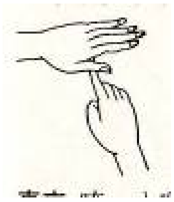
OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Quang Võng Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có lưới võng.



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Quang Võng Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có lưới võng.



Tam Muội Gia Hình là: Cái lưới võng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖕𑖯𑖩𑖰𑖡𑖱 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕𑖾

OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Quang Võng Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cái lưới võng. Biểu thị cho việc giăng cái lưới của tám vạn Giáo Pháp để cứu độ chúng sinh.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖕𑖯𑖩𑖰𑖡𑖱 𑖢𑖿𑖨𑖥𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕𑖾

OṂ _ JĀLINĪ PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

VÔ TẬN Ý BỒ TÁT

Vô Tận Ý Bồ Tát (tên Phạn là Akṣaya-mati), lại dịch là Vô Tận Tuệ Bồ Tát, Vô Lượng Ý Bồ Tát.



Căn cứ vào danh xưng **Vô Tận Ý** thì Kinh **Đại Phương Đẳng Đại Tập** nói là: "Quả báo nhân duyên của tất cả các Pháp là Ý không có tận (vô tận ý). Tất cả các Pháp chẳng thể tận, ý liền phát Tâm Bồ Đề chẳng thể tận cho đến phương tiện cũng không có tận"



Quán Âm Nghĩa Sớ, **quyển Thượng** nói là: "Phàm tám mươi Vô Tận. Tám mươi Vô Tận đều hay chứa nhận tất cả Phật Pháp, do đó được tên gọi là Vô Tận Ý"

Ngoài ra trong quyển mười của **Pháp Hoa Huyền Tán,** Phẩm **Quán Thế Âm Phổ Môn** có nói: "Vô Tận Ý Bồ Tát hành sáu Độ , bốn Nhiếp….mọi loại Diệu Hạnh và thề độ chúng sinh…Khi chúng sinh giới tận thì ý của Bồ Tát mới tận, chúng sinh chưa tận thì ý của Bồ Tát không có tận. Do đó gọi là Vô Tận Ý".

Trong **quyển 17** của Kinh trên (**Pháp Hoa Huyền Tán**), Phẩm **Vô Tận Ý Bồ Tát** thuật lại chuyện vị Bồ Tát này vì muốn cho **Xá Lợi Phất** (Śāriputra) nhìn thấy Đức **Phổ Hiền Như Lai** của Thế Giới **Bất Tuần** mà nhập vào Tam Muội **Phật Thổ**, chắp tay lễ Đức Phật ấy, rải hương hoa vi diệu cúng dường. Ngay khi hoa rải đến Thế Giới của Đức Phổ Hiền Như Lai thời các vị Bồ Tát của nước đó nhìn thấy đều vui mừng, muốn nhìn thấy Đức Phật Thích Ca với Đại Chúng của Thế Giới **Sa Bà** (Saha-loka-dhàtu). Ngài **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) liền phóng ánh sáng **Đại Giác** chiếu diệu Thế Giới Sa Bà khiến cho các Bồ Tát của nước ấy đều nhìn thấy cõi này.

Kinh **Dược Sư Bản Nguyện** xếp vị Bồ Tát vào một trong tám vị Đại Bồ Tát.



Trong Mật Giáo, vị Bồ Tát này là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp, được an bày ở đầu phía Tây trong bốn Tôn ở phương Bắc tại Ngoại Đàn thuộc **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu-maṇḍala). Tôn này được xem là đồng Thể với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

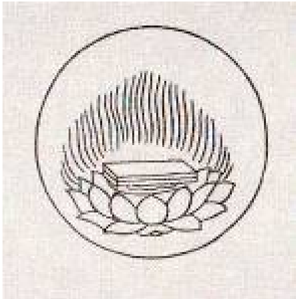
.) Tại **Thành Thân Hội** (karma)

Tôn này do quán Nhân Duyên Quả Báo của tất cả sự tướng đều là không có cùng tận mà phát tâm: *bên trên cầu Công Đức của chư Phật không có cùng tận, bên dưới độ hóa chúng sinh không có cùng tận*, cho nên có tên là **Vô Tận Ý** (Akṣaya-mati)

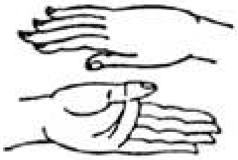
Lại nữa, do Tôn này phát Thệ Nguyện ở Thế Giới Sa Bà, hóa độ chúng sinh không tận không dư nên có tên này.

Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

Mật Hiệu là: **Bảo Ý Kim Cương, Vô Tận Kim Cương**
Chữ chủng tử là: JÑA ()
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

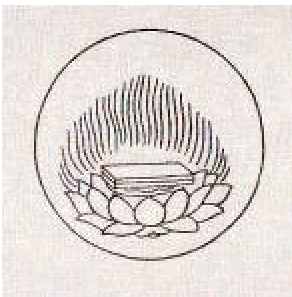


Chân Ngôn là:

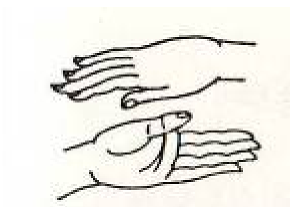
OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE   SVĀHĀ _ JÑA

Hạy: 
OṂ_   AKṢAYA-MATI _ JÑA   SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Vô Tận Ý Bồ Tát có chữ chủng tử là: JÑA ()
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn. Biểu thị cho Trí Tuệ của Như Lai



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE   SVĀHĀ _ JÑA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Vô Tận Ý Bồ Tát có chữ chủng tử là: JÑA ()

Tôn Hình: Thân màu thị trắng, tay phải cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:



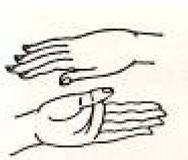
OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ JÑA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Vô Tận Ý Bồ Tát có chữ chủng tử là: JÑA ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn.



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ JÑA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Vô Tận Ý Bồ Tát có chữ chủng tử là: JÑA ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn.



Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.



Chân Ngôn là:

OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ JÑA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Vô Tận Ý Bồ Tát có chữ chủng tử là: PRA ()

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn. Biểu thị cho Trí Tuệ của Như Lai



Chân Ngôn là:

OṂ _ AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ PRA

BIỆN TÍCH BỒ TÁT

Biện Tích Bồ Tát tên Phạn là: Pratibhāna-kuṭa, dịch âm là Bát La Để Bà Gia Câu Tra. Lại xưng là Biện Tích, Trí Tích, Thắng.. là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp

Tôn này chủ về chứa góp Trí **Độ Hóa** của Như Lai. Dùng Thể của Trí ấy cùng đồng với nhóm bốn Trí, hợp nhiếp vạn Trí cho nên xưng là Trí Tích.

Có Thuyết cho rằng vị Bồ Tát này cùng với **Văn Thù Bồ Tát** hoặc **Vô Tận Ý Bồ Tát** là đồng Tôn



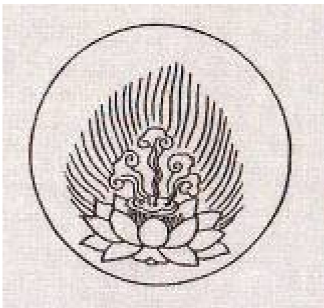
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Biện Tích Bồ Tát có Tôn Hình giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

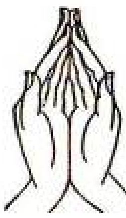
Mật Hiệu là: **Xảo Biện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VI (वि) hay RAṂ (रं)

Tam Muội Gia Hình là: đám mây



Tướng Ấn là: Bát Ấn, tưởng ở ngón giữa có đám mây ngũ sắc



Chân Ngôn là:

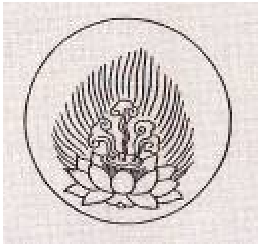
ॐ प्रतिभानकूटाय स्वाहा रं

OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ _ RAṂ

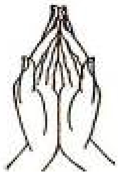
Hay
OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA VI SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Biện Tích Bồ Tát có chữ chủng tử là: VA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Đám mây. Biểu thị cho mây Trí Tuệ thấm nhuận khắp cả



Tướng Ấn là: Bát Ấn, tưởng ở ngón giữa có đám mây ngũ sắc



Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ _ VA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Biện Tích Bồ Tát có chữ chủng tử là: VA ( )

Tôn Hình: Thân màu xanh lợt, tay phải cầm hoa sen, trên sen có đám mây. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



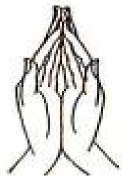
Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ _ VA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Biện Tích Bồ Tát có chữ chủng tử là: VA ( )
Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có đám mây.



Tướng Ấn là: Bát Ấn, tưởng ở ngón giữa có đám mây ngũ sắc



Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA   SVĀHĀ _ VA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Biện Tích Bồ Tát có chữ chủng tử là: A ( )
Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có đám mây.



Tam Muội Gia Hình là: Đám mây ngũ sắc.



Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ _ A

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Biện Tích Bồ Tát có chữ chủng tử là: VA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Đám mây ngũ sắc. Biểu thị cho mây Trí Tuệ thấm nhuận khắp cả



Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ _ VA

KIM CƯƠNG TẠNG BỒ TÁT

Kim Cương Tạng Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-garbha, dịch âm là Phộc Nhật La Nghiệt Bà, dịch ý là Kim Cương Thai. Là một trong 16 Tôn đời Hiền Kiếp



_Tên gọi **Kim Cương Tạng** thường xuất hiện ở trong các Kinh Điển Đại Thừa

.)Kinh **Hoa Nghiêm**, **quyển 6,** phẩm **Thập Địa** đặc biệt nêu Tôn này là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha)

.)**Thập Địa Kinh Luận**, **quyển 1** ghi rằng: "Thế nào gọi là Kim Cương Tạng? **Tạng** tức tên là bền chắc giống như che chắn cất dấu, lại như mang thai tại **Tạng** (garbha), thế nên bền chắc như **Kim Cương** (Vajra), gọi là **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha). Các căn lành đó trong tất cả căn lành khác thì sức ấy là tối thượng, giống như Kim Cương cũng hay sinh thành Đạo Hạnh của Người, Trời. Nơi mà các căn lành khác chẳng thể hoại, cho nên gọi là Kim Cương Tạng"

.)Trong các Kinh **Đại Nhật**, **quyển 1**, phẩm **Cụ Duyên**_ Kinh **Chư Phật Cảnh Giới Nhiếp Chân Thật**, quyển thượng với **Vô Lượng Thọ Cúng Dường Nghi Quỹ** thì vị Bồ Tát này đều có tên gọi là **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)

.) Trong Kinh **Văn Thù Sư Lợi Bảo Tàng Đà La Ni** thì chỉ Tôn này là **Văn Thù Sư Lợi** (Maṃjuśrī)

.)**Lý Thú Thích**, **quyển Hạ** ghi nhận Tôn này là **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha)

.) Kinh **Lược Xuất Niệm Tụng**, **quyển 3** thì xưng Tôn này là **Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna), là tên gọi khác của **Kim Cương Lợi** (Vajra-tīkṣṇa)

.)Ở **Tam Quyển Bản Giáo Vương Kinh**, **quyển 2** thì xưng Tôn này là **Kim Cương Bảo**

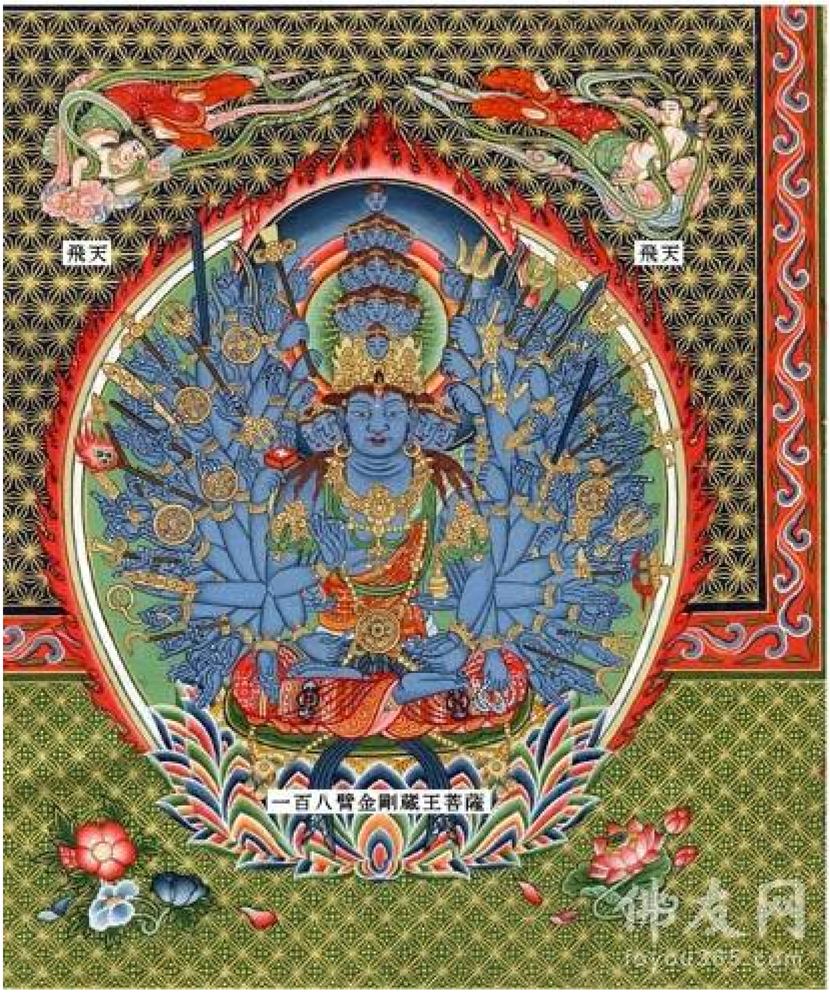
.)Lại căn cứ vào **Đà La Ni Tập Kinh**, **quyển 7** thì Kim Cương Tạng là **Hóa Thân** (Nirmāṇ-kāya) của Kim Cương Tát Đỏa

_Tại **Hư Không Tạng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Kim Cương Tạng Bồ Tát** có tên Phạn là Aṣṭottara-śata-bhūja-vajra-

dharaḥ, dịch âm là A Sắt Tra Đa La Xả Đa Bộ Nhạ Phộc Nhật La Đà Lạc. Dịch ý là Nhất Bách linh Bát Tý Kim Cương Trì, tức là Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát. Lược xưng là Kim Cương Tạng.

Tôn này đại biểu cho **Trí Đức** của Hư Không Tạng Bồ Tát

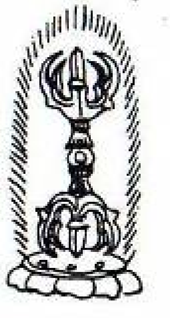
Tôn Hình: Thân màu đen xanh có 22 mặt, trong đó có một mặt là Phật. Có 108 cánh tay biểu thị cho sự đối trị với 108 loại phiền não. Tay cầm 108 loại vũ khí phá trừ phiền não như chày Độc Cổ, bánh xe, sợi dây, cây kiếm, móc câu, rương Kinh Phạn, cây gậy, cây gậy hình hoa…. Ngồi trong hoa sen báu.



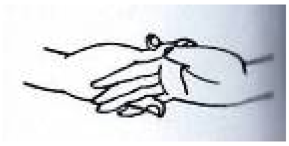
Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HUṂ (𑖮𑖲𑖽), hay HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen trên miệng bình. Hoặc chày Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương La Xà Nhất Thiết Kiến Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Vajra-udbhāvaya svāhā

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

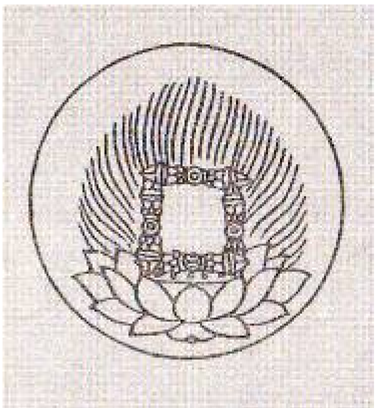
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Tạng Bồ Tát biểu thị cho vạn Trí nhiếp ở trong 4 Trí.

Tôn Hình: giống như 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp

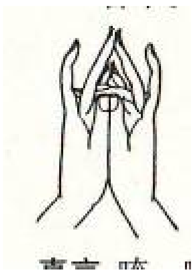
Mật Hiệu là: **Trì Giáo Kim Cương, Lập Nghiệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA ()

Tam Muội Gia Hình là: bốn cái Chày Độc Cổ xếp thành hình vuông, biểu thị cho vạn Trí nhiếp vào trong 4 Trí này



Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

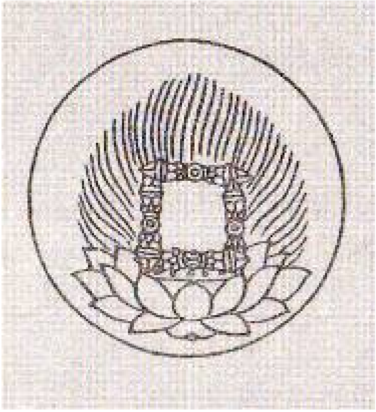
OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VA

Hay

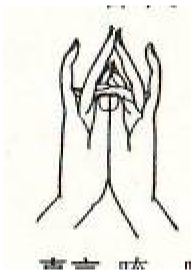
OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA VA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: VI ()

Tam Muội Gia Hình là: bốn cái Chày Độc Cổ xếp thành hình vuông. Biểu thị cho vạn Trí nhiếp vào trong 4 Trí



Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖐𑖨𑖿𑖥𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰

OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu. tay trái úp lòng bàn tay xuống.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖐𑖨𑖿𑖥𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰

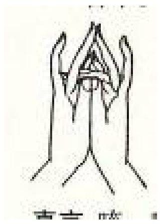
OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VI

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: VI ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có 4 cái chày Độc Cổ xếp thành hình vuông.



Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:



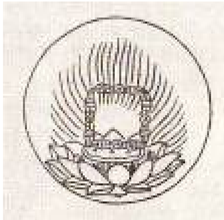
OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VI

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: VI ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có 4 cái chày Độc Cổ xếp thành hình vuông.



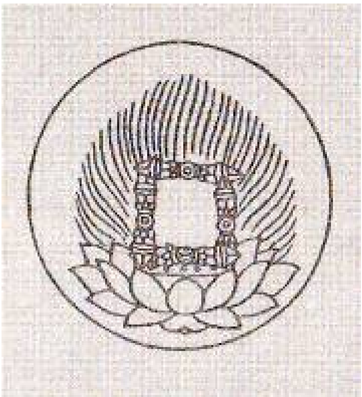
Tam Muội Gia Hình là: Bốn cái chày Độc Cổ xếp thành hình vuông.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖐𑖨𑖿𑖥𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰
OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VI

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tạng Bồ Tát có chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: bốn cái Chày Độc Cổ xếp thành hình vuông. Biểu thị cho vạn Trí nhiếp vào trong 4 Trí



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖐𑖨𑖿𑖥𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰
OṂ _ VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VI

TÁM VỊ ĐẠI BỒ TÁT TRONG PHẬT GIÁO ĐÔNG ĐỘ

Theo Phật Giáo Đông Độ thì 8 vị Đại Bồ Tát được xác định tùy theo Kinh Bản

_Kinh **Bảy Phật tám Bồ Tát** ghi nhận là: Văn Thù, Hư Không Tạng, Quán Thế Âm, Cứu Thoát, Bạt Đà Hòa, Đại Thế Chí, Đắc Đại Thế, Kiên Dũng

_Kinh **Xá Lợi Phất Đà La Ni** ghi nhận là: Quang Nguyệt, Tuệ Quang Minh, Nhật Quang Minh, Giáo Hóa, Kinh Nhất Thiết Ý Mãn, Đại Tự Tại, Tú Vương, Hành Ý

_Kinh **Bát Nhã Lý Thú** ghi nhận là: Kim Cương Thủ, Quán Thế Âm, Hư Không Tạng, Kim Cương Quyền, Văn Thù, Tài Phát Ý Chuyển Pháp Luân, Hư Không Khố, Tồi Nhất Thiết Ma

_Kinh **Kim Cương Đỉnh Du Già Lý Thú Bát Nhã** ghi nhận là: Kim Cương Thủ, Quán Tự Tại, Hư Không Khố, Kim Cương Quyền, Văn Thù Sư Lợi, Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân, Hư Không Tạng, Giáng Phục Nhất Thiết Ma Oán

_Kinh **Dược Sư** ghi nhận 8 vị Đại Bồ Tát là: Văn Thù, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế (Đại Thế Chí), Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa, Dược Vương, Dược Thượng, Di Lặc

_Kinh **Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà La** ghi nhận là: Diệu Cát Tường (Văn Thù), Phổ Hiền, Quán Tự Tại (Quán Thế Âm), Từ Thị (Di Lặc), Hư Không Tạng, Kim Cương Thủ, Trừ Cái Chướng, Địa Tạng Vương…

Thông thường Phật Giáo tạo tượng phần lớn đều y theo Kinh này.

_ Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận là: Quán Thế Âm, Di Lặc, Hư Không Tạng, Kim Cương Thủ, Phổ Hiền, Văn Thù, Trừ Cái Chướng, Địa Tạng.

Theo Tạng Truyền thì Kim Cương Thủ Bồ Tát chính là thân phẫn nộ của Đại Thế Chí Bồ Tát. Do vậy hai Tôn này đều đồng là một Bản Tôn

_Đặc biệt trong Mật Giáo Đông Độ thì tám vị Đại Bồ Tát: Hư Không Tạng, Phổ Hiền, Kim Cương Thủ, Văn Thù Sư Lợi, Trừ Cái Chướng, Địa Tạng Vương, Quán Thế Âm, Di Lặc được phối trí với 8 chữ trong Chân Ngôn **A Di Đà Phật Tam Muội Gia Thật Tướng** nhằm biểu thị cho các hành hạnh của đấng Giải Thoát

I_ Tám vị Đại Bồ Tát trong Kinh **Dược Sư**:



1_ **Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva) dịch âm là: Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Thất Lợi; dịch ý là **Diệu Cát Tường**. Lại có tên là Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này đại biểu cho **Trí Đức, Tuệ Đức, Chứng Đức** của tất cả chư Phật





Chữ chủng tử là: MAṂ ()

Chân Ngôn là:

Oṃ namo maṃjuśrīya

2_ **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva): là vị Bồ Tát có hạnh nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) luôn quán sát lắng nghe âm thanh cầu cứu của chúng sinh liền hóa hiện vô số Hóa Thân đến cứu khổ.





Chữ chủng tử là SA (𑖭)

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧

Oṃ namo avalokiteśvarāya

3_ **Đắc Đại Thế Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva): còn gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát. Tôn này dùng ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho tất cả chúng sinh được sức vô thượng. Lại nữa khi Ngài bước đi thì tất cả Đại Địa ở mười phương Thế Giới đều chấn động, cho nên có tên gọi là Đại Thế Chí





Chữ chủng tử là SAḤ ()

Chân Ngôn là:

Oṃ namo mahā-sthāma-prāptāya

4_ **Vô Tận Ý Bồ Tát** (Akaṣaya-matir-bodhisatva)

Vị Bồ Tát này do quán Nhân Duyên, Quả Báo của tất cả hiện tượng sự vật đều là vô tận, nên phát Tâm **"Bên trên cầu Công Đức của chư Phật không có cùng tận, bên dưới cứu độ chúng sinh không có cùng tận".** Do vậy có tên gọi là Vô Tận Ý





Chữ chủng tử là A (**𑖀**)

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖀𑖎𑖿𑖬𑖧𑖦𑖝𑖸𑖧

Oṃ namo akṣaya-mateya

5_ **Bảo Đàn Hoa Bồ Tát** (Ratna-maṇḍala-puṣpa-bodhisatva): còn có tên Phạn là **Ratna-dāna-puṣpa- bodhisatva** tức Bảo Thí Hoa Bồ Tát. Tôn này dùng hoa vạn hạnh gom tập Phước Báu ban bố cho khắp tất cả chúng sinh khiến cho họ tự mình tìm ra phương cách dùng Phước Báu trang nghiêm





Chữ chủng tử là RA ( )
Chân Ngôn là:

Oṃ namo ratna-maṇḍala-puṣpaya

6_ **Dược Vương Bồ Tát** (Bhaiṣaijya-rāja-bodhisatva): Tôn này có Tâm Nguyện hay đem thuốc men tốt ban bố cho chúng sinh để chữa trị hai loại bệnh khổ về thân và Tâm của chúng sinh





Chữ chủng tử là BHAI ( )

Chân Ngôn là:

Oṃ namo bhaiṣaijya-rājāya

7_ **Dược Thượng Bồ Tát** (Bhaiṣaijya-samudgata-bodhisatva): Tôn này cũng có Tâm Nguyện dùng thuốc tốt để chữa trị hai loại bệnh khổ về thân và Tâm cho tất cả chúng sinh





Chữ chủng tử là BHAI (𑖥𑖹)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖹𑖬𑖕𑖿𑖧𑖭𑖦𑖲𑖟𑖿𑖐𑖝𑖯𑖧
Oṃ namo bhaiṣaijya-samudgatāya

8 _ **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva) dịch âm Hán Việt là Di Đế Lệ, Mai Đê Lê, Mê Đế Lệ, Mai Đát Lệ, Mỗi Đát Lý, Mai Đát Lệ Dược, Muội Đát Lý Duệ…là họ của Bồ Tát, nghĩa là **Từ Thị**, còn tên của Ngài là **A Dật Đa** (Ajita) nghĩa là **Vô Năng Thắng.**

Bồ Tát Di Lặc có hiệu là **Từ Thị**, tên hiệu đó xác lập căn bản tối hậu là **Bản Nguyện Sở Hạnh** của Ngài. Ngay trên Duyên Khởi, đời đời kiếp kiếp Ngài đều tu tập ***Tam Muội*** **Từ Tâm** (Maitra-citta-samādhi), thực hiện **Từ Hạnh** (Maitra-caryā) để cứu độ chúng sinh. Đức đặc biệt của Di Lặc là sau khi bứt trừ sự thống khổ của các chúng sinh, liền tiến thêm một bước là ban cho chúng sinh niềm vui của Pháp (Pháp Lạc)





Chữ chủng tử là MAI ()

Chân Ngôn là:

Oṃ namo maitreyāya

II_ Tám vị Đại Bồ Tát trong Kinh **Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà La**:

Kinh **Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà La** ghi rằng: "Này Thiện Nam Tử ! Có **Bát Đại Mạn Trà La** là Pháp Yếu thâm sâu của tám vị Đại Bồ Tát. Nếu có hữu tình y theo Pháp xây dựng Bát Đại Mạn Trà La này một lần thì hết thảy tội: mười Ác, năm Nghịch, phỉ báng Kinh **Phương Đẳng**…thảy đều tiêu diệt, tất cả Nghĩa Lợi, Thắng Nguyện đã mong cầu đều được thành tựu .

Liền ở trong Mạn Trà La (Maṇḍala) tưởng Đức Như Lai với thân sắc màu vàng ròng có đủ 32 Tướng, ngồi trên đài hoa sen.



Như Lai Mật Ngôn là:
Oṃ_ mahā-vīra svāhā

Liền tưởng **Thánh Quán Tự Tại** (Ārya-Avalokiteśvara) trong Mạn Trà La với thân màu đỏ, tay trái cầm hoa sen, tay phải tác **Thí Nguyện**, trong mão báu trên đầu có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus)



Quán Tự Tại Bồ Tát Mật Ngôn là:
Hūṃ Hrīḥ Haḥ padma-śrīye svāhā

Ở phía sau Quán Tự Tại Bồ Tát, tưởng **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) với thân màu vàng, tay trái cầm bình Quân Trì, tay phải tác **Thí Vô Úy**, trong mão có cái tháp **Tốt Đổ Ba** (Stūpa), ngồi Bán Già



Di Lặc Bồ Tát Mật Ngôn là:
Mehaḥ raṇa svāhā

Ở sau lưng Đức Phật, tưởng **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha), tay trái cầm báu để ở trên trái tim, tay phải ban bố, tuôn ra vô lượng báu.



Hư Không Tạng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Āḥ garbhāya svāhā

Bên trái Hư Không Tạng Bồ Tát, tưởng **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) đội mão Ngũ Phật, thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái **Thí Nguyện**, ngồi Bán Già.



Phổ Hiền Bồ Tát Mật Ngôn là:

Hrīḥ jaya svāhā

Ở bên trái Đức Như Lai, tưởng **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái an ở háng, đội mão Ngũ Phật, thân màu xanh, ngồi Bán Già.



Kim Cương Thủ Bồ Tát Mật Ngôn là:

Oṃ_ Vaṃ rava svāhā

Ở phía trước Kim Cương Thủ Bồ Tát, tưởng **Mạn Thù Thất Lợi Đồng Chân Bồ Tát** (Maṃjuśrī-kumāra-bhūta) có năm búi tóc, hình Đồng Tử, tay trái cầm hoa sen xanh, trong hoa có chày Ngũ Cổ Kim Cương, tay phải tác **Thí Nguyện**, thân màu vàng, ngồi Bán Già.



Văn Thù Bồ Tát Mật Ngôn là:
Śrī aragha svāhā

Ở bên phải Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát, tưởng **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Nirvaṇa-viṣkaṃbhin) thân màu vàng, tay trái cầm cây phướng Như Ý, tay phải **Thí Nguyện**, ngồi Bán Già.



Trừ Cái Chướng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Nirvaraṇa svāhā

Ở phía trước Như Lai, tưởng **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha) với mão trên đầu, Anh Lạc, diện mạo vui vẻ tịch tĩnh, thương nhớ tất cả hữu tình, tay trái để dưới rốn, nâng cái bát, úp lòng bàn tay phải hướng xuống dưới với ngón cái vịn ngón trỏ, tưởng tác an ủi tất cả hữu tình .



Địa Tạng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Kṣaḥ hāra jaḥ svāhā

***) Bát Đại Bồ Tát Tán:**
_Môn Cung Thành **Viên Tịch**
Hay diệt phá cửa nẻo
Thọ dụng Pháp chư Phật
Con đỉnh lễ **Cứu Thế**

_Từ tay tuôn nước trong
Trừ Quỷ đói khát nước
Cây Như Ý ba cõi
Đỉnh lễ **Liên Hoa Thủ** (Padma-pāṇi)

_Nước **Đại Từ** làm Tâm
Hay ngưng lửa giận dữ
Đỉnh lễ **Từ Thị Tôn**
Chặt đứt dây cung **Dục**

_ **Hư Không Tạng**, Diệu Tuệ
Hư Không Tịch Tĩnh Tôn
Giải thoát giòng sinh tử
Đỉnh lễ **Phật Tâm Tử** (con của Tâm Phật)

_Vô biên Hữu Tình Hoặc (sự mê lầm của hữu tình)
Hay ngưng tâm vô ích (tâm không có lợi ích)
Con đỉnh lễ **Phổ Hiền**,
Thiện Thệ Thượng Thủ Tử (Bậc Thượng Thủ là con của Đấng Thiện Thệ)

_Tôi tớ dứt trần lao
Vượt thắng quân **Ma La** (Māra: loài Ma)
Đỉnh lễ **Kim Cương Thủ**
Hay nói tất cả Minh (Vidya)

_Đỉnh lễ **Diệu Cát Tường**
Giữ hình diệu đồng tử
Duỗi khắp đèn Trí Tuệ
Cướp đoạt **Tam Giới Minh** (sự sáng sủa của ba cõi)

_Nhất Thiết Trừ Cái Chướng
Vì thế con đỉnh lễ
Vô Tận Trí Tuệ Tôn
Hay sinh ***biện*** (thực hiện việc làm) không cạn

_Như **đất**, các hữu tình
Chẳng đoạn nơi nương tựa
Tạng **Kiên Tuệ Bi Mẫn**
Con đỉnh lễ **Địa Tạng**

_Chân Thiện Thệ Tử này
Tán dương nơi được Phước
Dùng các Hữu Tình này
Như đấy thành ***Tán Khí*** (vật khí khen ngợi)

III_ **A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn Man Đa La**





Oṃ_ Amṛte teja hara hūṃ

1_ A DI ĐÀ Phật:

A Di Đà Phật, dịch ý là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) hoặc **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), là vị giáo chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhavatī) ở phương Tây.

A Di Đà Phật được phối trí với chữ **OṂ** (𑖌𑖼) ở phương trung ương biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**, đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖀𑖦𑖰𑖝𑖯𑖥𑖯𑖧 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧 𑖌𑖼

Namo bhagavate amitābhāya tathāgatāya_ Oṃ

2_HƯ KHÔNG TẠNG Bồ Tát

Ākāśa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà hay **Gagana-gañja** dịch âm là Nga Nga Nẵng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát.

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh.

Hư Không Tạng Bồ Tát được phối trí với chữ **A** (𑖀) ở phương Đông biểu thị cho **Phước Trí Trang Nghiêm** hay sinh ra Trí Nội Chứng và Phước Đức Nội Chứng của 10 Ba La Mật



Chân Ngôn là:

ॐ नमो आकाशगर्भाय अ

Oṃ namo ākāśa-garbhāya_ A

3_ PHỔ HIỀN Bồ Tát

Phổ Hiền (Samanta-bhadra) đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Phổ Hiền Bồ Tát được phối trí với chữ **MṚ** (मृ) ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề



Chân Ngôn là:

Oṃ namo samanta-bhadrāya_ MṚ

4_KIM CƯƠNG THỦ Bồ Tát

Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-satva. Lại xưng là Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cụ Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát. Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ,

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.** Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi) được phối trí với chữ **TA** ( ) ở phương Nam, biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) là **chiết phục và tồi phá tất cả Ma ác**



Chân Ngôn là:

Oṃ namo vajra-pāṇiya_ TA

5_ VĂN THÙ SƯ LỢI Bồ Tát

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là Maṃjuśrī. Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, **Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-kumāra-bhūta)

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát được phối trí với chữ **TE** (𑖝𑖸) ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖦𑖽𑖕𑖲𑖫𑖿𑖨𑖱𑖧 𑖝𑖸

Oṃ namo maṃjuśrīya_ TE

6_TRỪ CÁI CHƯỚNG Bồ Tát

Trừ Cái Chướng Bồ Tát, tên Phạn là Sarva-nirvaraṇa-viṣkaṃbhin. Lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ấm Cái Bồ Tát.

Tôn này được phối trí với chữ **JE** (𑖕𑖸) ở phương Tây biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại



Chân Ngôn là:

Oṃ namo sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhinaya_ JE

7_ĐỊA TẠNG Bồ Tát

Địa Tạng Bồ Tát, tên Phạn là Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Để Nghiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này được phối trí với chữ **HA** () ở phương Tây Bắc biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh



Chân Ngôn là:

Oṃ namo kṣiti-garbhāya_ HA

8_QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát

Quán Thế Âm Bồ Tát, tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Quán Tự Tại Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Tự Tại Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Quán Tự Tại Bồ Tát được phối trí với chữ **RA** (𑖨) ở phương Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề



Chân Ngôn là:

Oṃ namo avalokiteśvarāya_ RA

9_DI LẶC Bồ Tát

Di Lặc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thị** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bổ Xứ Bồ Tát, Bổ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lặc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội,** hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thị**

Di Lặc Bồ Tát được phối trí với chữ **HŪṂ** (𑖮𑖳𑖽) ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧 𑖮𑖳𑖽

Oṃ namo maitreyāya_ HŪṂ

TÁM VỊ ĐẠI BỒ TÁT TRONG TẠNG TRUYỀN PHẬT GIÁO

Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì tám vị Đại Bồ Tát: Di Lặc, Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Hư Không Tạng, Trừ Cái Chướng, Kim Cương Thủ … biểu thị cho việc chuyển hóa **tám Thức** (Aṣṭau-vijñānāni) của chúng sinh thành Tướng thanh tịnh màu nhiệm. Trong đó

Di Lặc Bồ Tát (Maitreya-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhãn Thức** (Cakṣur-vijñānaṃ)

Quán Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhĩ Thức** (Śrotra-vijñānaṃ)

Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Tỵ Thức** (Ghrāṇa-vijñānaṃ)

Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thiệt Thức** (Jihvā-vijñānaṃ)

Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thân Thức** (Kāya-vijñānaṃ)

Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Ý Thức** (Mano-vijñānaṃ)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Mạt Na Thức** (Manas-vijñānaṃ)

Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajra-pāni-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñānaṃ)

Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì Kim Cương Thủ Bồ Tát chính là **thân phẫn nộ** (Krodha-kāya) của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva)

1_ Di Lặc Bồ Tát: Hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen bên trái có Pháp Luân, trên hoa sen bên phải có cái bình báu làm dấu hiệu



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Di Lặc Bồ Tát có thân hình màu vàng, hai tay tác Ấn **Chuyển Pháp Luân** đều cầm hoa sen, đỉnh đầu đội cái bình làm biểu tượng



2_ Quán Âm Bồ Tát: Tay trái cầm hoa sen, vai trái khoác da hươu. Úp bàn tay phải đè trên đầu gối phải



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Quán Âm Bồ Tát có thân hình màu trắng, vai trái khoác da hươu, tay trái cầm hoa sen, ngửa tay phải trên đầu gối phải tác **Dữ Nguyện Ấn**



3_Địa Tạng Bồ Tát: Tay trái kết **Quy Ấn**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có báu Ma Ni



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát có thân hình màu vàng, tay trái co trước ngực tác **Cát Tường Ấn** cầm hoa sen, ngửa tay phải ở đầu gối phải cầm quả trái



4_Văn Thù Bồ Tát: Hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen của tay phải có cây kiếm Trí Tuệ, trên hoa sen của tay trái có Kinh Thư



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Văn Thù Bồ Tát có thân màu vàng, hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen của tay phải có cây kiếm Trí Tuệ, trên hoa sen của tay trái có Kinh Thư. Ngồi Kiết Già trên tòa sen



5_Phổ Hiền Bồ Tát: Tay trái ở trước ngực tác **Thí Dữ Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trời chiếu khắp chúng sinh trong đời Hiền Kiếp



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Phổ Hiền Bồ Tát có thân hình màu đỏ hồng, co tay phải trước ngực, duỗi tay trái đè trên tòa sen và cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trời



6_Hư Không Tạng Bồ Tát: Tay trái tác **Quy Y Ấn**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có cây kiếm báu chỉ hướng lên trên hư không



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Hư Không Tạng Bồ Tát có thân hình màu xanh lam nhạt, hai tay tác **Thuyết Pháp Ấn**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cây kiếm báu tỏa lửa rực, chỉ hướng lên trên hư không



7_Trừ Cái Chướng Bồ Tát: Tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Úp tay phải đè cổ tay trên đầu gối phải



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Trừ Cái Chướng Bồ Tát có thân hình màu trắng, co tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Ngửa tay phải trên đầu gối phải cầm cái bình báu



8_Kim Cương Thủ Bồ Tát: Tay phải ở trên đầu gối phải tác **Bố Thí Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có chày Kim Cương làm trang nghiêm. Úp tay trái che trên đầu gối trái



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Kim Cương Thủ Bồ Tát có thân hình màu xanh lam đậm, tay trái co trước ngực cầm chày Kim Cương, duỗi bàn tay trái đè trên tòa sen



Khi tám vị Đại Bồ Tát này được an bày chung quanh Đức Phật thì được xưng là **Bát Đại Bồ Tát Man Đa La**



释迦牟尼佛与八大菩萨

Nếu có hữu tình y theo Pháp xây dựng Bát Đại Bồ Tát Man Đa La này một lần thì hết thảy tội: mười Ác, năm Nghịch, phỉ báng Kinh **Phương Đẳng**…thảy đều tiêu diệt, tất cả Nghĩa Lợi, Thắng Nguyện đã mong cầu đều được thành tựu .

25 VỊ BỒ TÁT Ở PHƯƠNG TÂY

_**Phật nói Kinh Thập Vãng Sinh A Di Đà Phật Quốc** ghi chép là:

Đức Phật bảo Đại Chúng: "Sau khi Ta diệt độ, hãy thọ trì Kinh này, trong tám vạn kiếp, rộng tuyên lưu bố cho đến một ngàn Đức Phật đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa), khiến khắp các chúng sinh được nghe biết, tin tưởng, ưa thích tu hành. Người nói, người nghe đều được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Nếu có người thuộc nhóm như vậy thời Ta từ ngày hôm nay thường sai khiến 25 vị Bồ Tát hộ trì người đó, thường khiến cho người đó không có bệnh, không có bực bội. Hoặc **Người** (Manuṣya), hoặc **Phi Nhân** (Amanuṣya) chẳng được dịp thuận tiện gây hại. Đi, đứng, ngồi, nằm không có kể ngày hay đêm thường được an ổn.

Nếu có chúng sinh tin sâu Kinh đó, niệm **A Di Đà Phật**, nguyện được vãng sinh thời Đức Phật A Di Đà của Thế Giới Cực Lạc ấy sai khiến **Quán Thế Âm** Bồ Tát (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), **Dược Vương** Bồ Tát (Bhaiṣaijya-rāja), **Dược Thượng** Bồ Tát (Bhaiṣaijya-samudgata), **Phổ Hiền** Bồ Tát (Samanta-bhadra), **Pháp Tự Tại** Bồ Tát (Dharmeśvara), **Sư Tử Hống** Bồ Tát (Siṃha-nāda), **Đà La Ni** Bồ Tát (Dhāranī), **Hư Không Tạng** Bồ Tát (Ākāśa-garbha), **Đức Tạng** Bồ Tát (Guṇa-garbha), **Bảo Tạng** Bồ Tát (Ratna-garbha), **Kim Tạng** Bồ Tát (Suvarṇa-garbha), **Kim Cương** Bồ Tát (Vajra), **Sơn Hải Tuệ** Bồ Tát (Giri-sāgara-mati), **Quang Minh Vương** Bồ Tát (Raśmi-prabha-rāja), **Hoa Nghiêm Vương** Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja), **Chúng Bảo Vương** Bồ Tát, **Nguyệt Quang Vương** Bồ Tát (Candra-prabha-rāja), **Nhật Chiếu Vương** Bồ Tát (Divā-kara-rāja), **Tam Muội Vương** Bồ Tát (Samādhi-rāja), **Tự Tại Vương** Bồ Tát (Īśvara-rāja), **Đại Tự Tại Vương** Bồ Tát (Maheśvara-rāja), **Bạch Tượng Vương** Bồ Tát (Śukla-hasta-rāja), **Đại Uy Đức Vương** Bồ Tát (Mahā-teja-rāja), **Vô Biên Thân** Bồ Tát (Ananta-kāya). Hai mươi lăm vị Bồ Tát như vậy ủng hộ Hành Giả, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, tất cả Thời, tất cả nơi chốn…chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác được dịp thuận tiện gây hại".

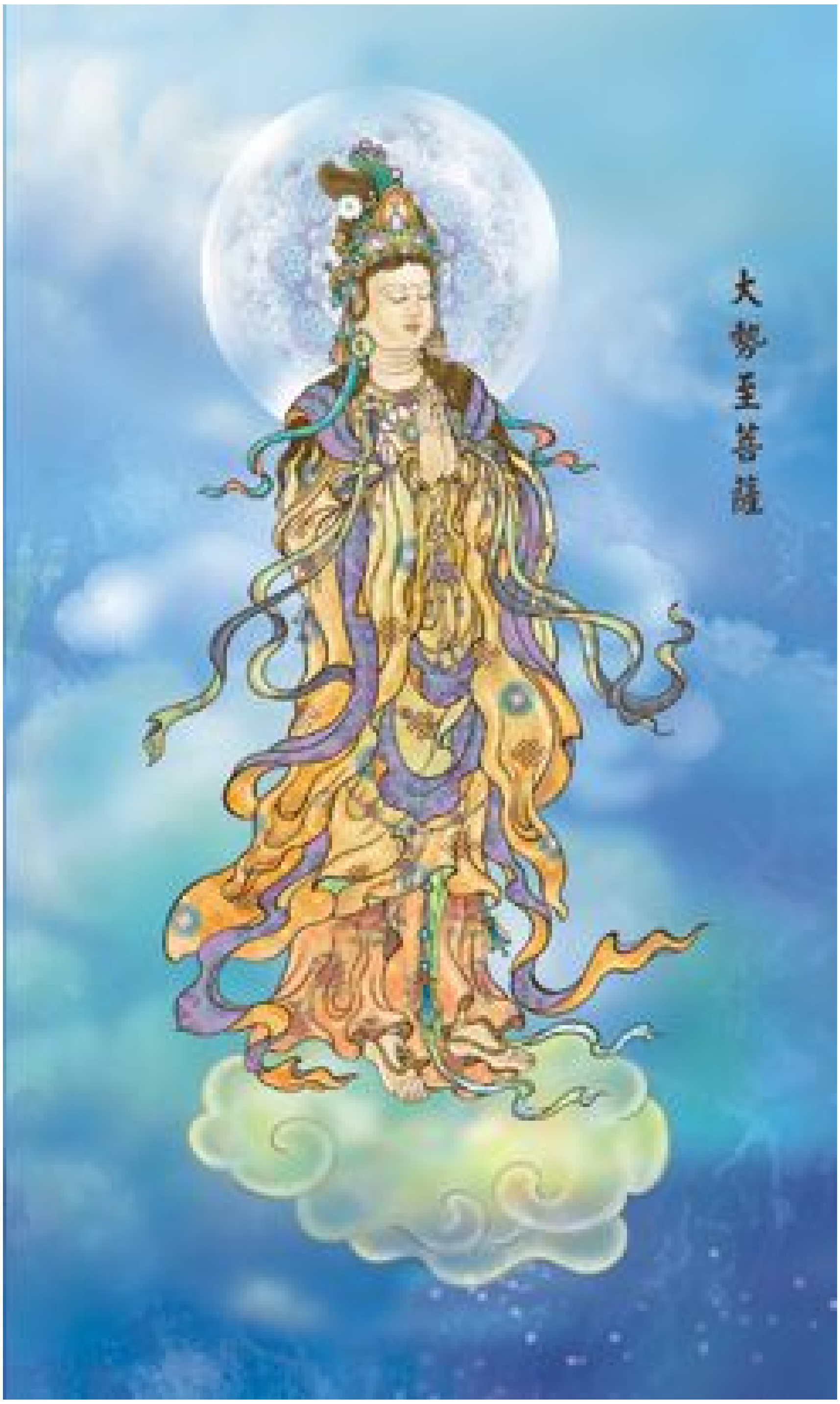


1_ Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara): hầu cận bên trái Đức Phật **A Di Đà** (Amitāyus-buddha), hai tay bưng đài sen, hơi nghiêng thân, khuôn mặt mỉm cười, tỏ vẻ nghênh tiếp Hành Giả niệm Phật



Chữ chủng tử là A (𑖀)
Chân Ngôn là:
NAMO AVALOKITEŚVARA SVĀHĀ_ A

2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta): Hầu bên phải Đức Phật A Di Đà, chắp hai tay lại để giữa ngực, khen ngợi Hành Giả được vãng sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī)



Chữ chủng tử là Saṃ (ᛃ)
Chân Ngôn là:
NAMO MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTA SVĀHĀ_ SAṂ

3_ Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣaijya-rāja): Ngửa lòng bàn tay trái để ngang ngực cầm bình thuốc, tay phải cầm cây phướng, tỏ vẻ hoan nghênh Hành Giả được sinh về Thế Giới Cực Lạc



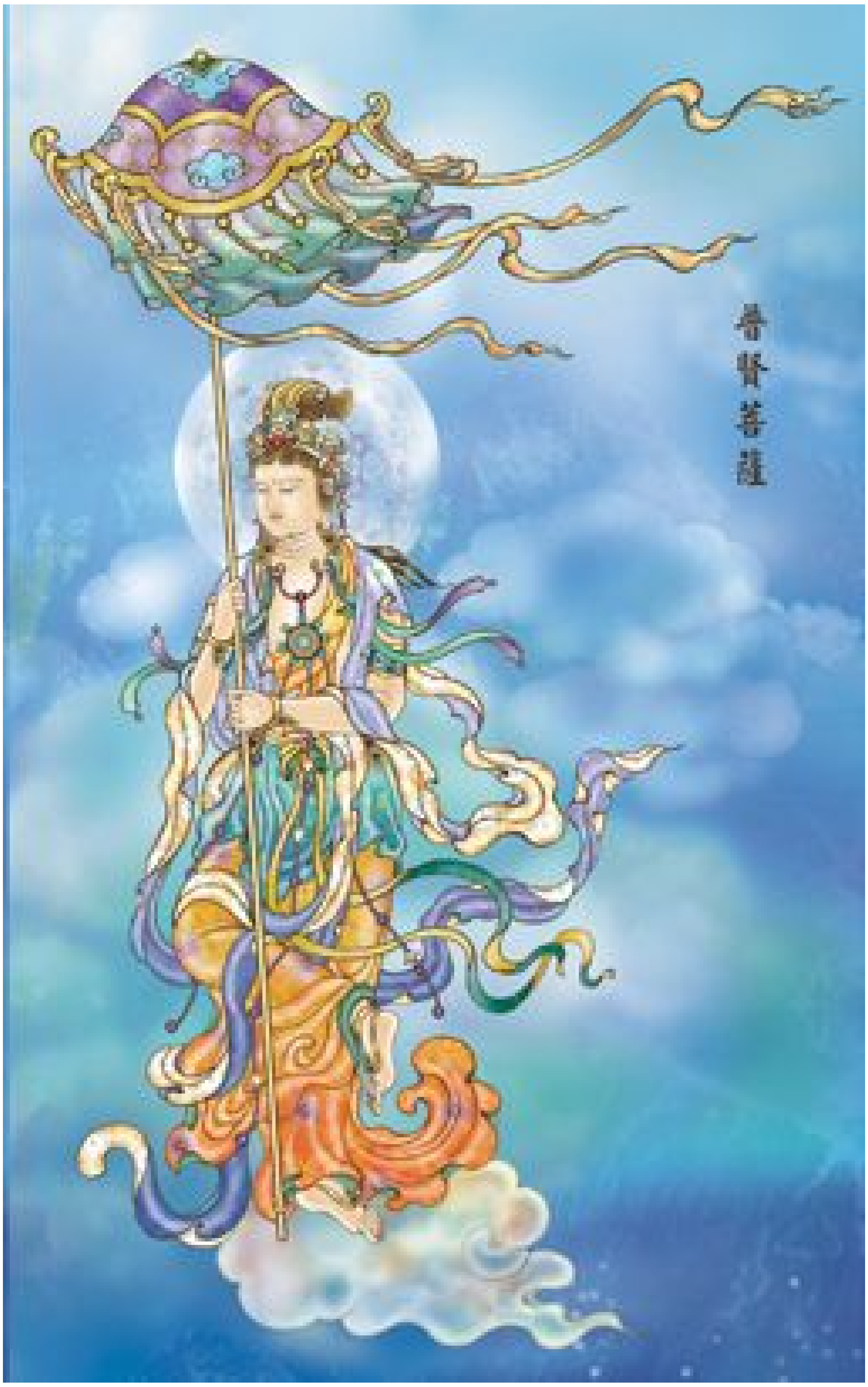
Chữ chủng tử là Hūṃ ( )
Chân Ngôn là;
NAMO BHAIṢAIJYA-RĀJA SVĀHĀ_ HŪṂ

4_ Dược Thượng Bồ Tát (Bhaiṣaijya-samudgata): hai tay cầm cây phướng, khuôn mặt tươi cười, đứng thẳng chân phải, co chéo chân trái hướng đầu gối về bên trái



Chữ chủng tử là Aṃ (𑖀𑖽)
Chân Ngôn là:
NAMO BHAIṢAIJYA-SAMUDGATA SVĀHĀ_ AṂ

5_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra): hai tay cầm cây lọng, khuôn mặt tươi cười



Chữ chủng tử là A (𑖀)
Chân Ngôn là:
NAMO SAMANTA-BHADRA SVĀHĀ_ A

6_ Pháp Tự Tại Bồ Tát (Dharmeśvara): Tay trái cầm hoa sen, dựng đứng cánh tay phải, ngửa lòng bàn tay, co ngón cái vịn ngón giữa, hơi cong ba ngón còn lại, biểu hiện sự vui vẻ, nghênh tiếp Hành Giả với lời ca điệu múa.

Tôn này được xem là đồng Thể với Bồ Tát Văn Thù



Chữ chủng tử là Dha (ᑫ)

Chân Ngôn là:

NAMO DHARMEŚVARA SVĀHĀ_ DHA

7_ Sư Tử Hống Bồ Tát (Siṃha-nāda): Đứng thẳng duỗi chân phải, co chân trái, hai tay vỗ cái trống đeo trước bụng, bày tỏ uy đức dũng mãnh giống như vua sư tử khuất phục muông thú giáng phục Ma Oán, chế ngự Ngoại Đạo, xa lìa hẳn các sự trói buộc ngăn che, tâm thường an trụ giải thoát vô ngại



Chữ chủng tử là Vaṃ (वं)

Chân Ngôn là:

NAMO SIṂHA-NĀDA SVĀHĀ_ VAṂ

8_ Đà La Ni Bồ Tát (Dhāraṇī): co chân phải, ngón chân trái, hai tay biểu thị theo thế nhảy múa. Tôn này có khả năng ôm giữ thống nhiếp mọi tư tưởng, giúp cho Hành Giả chế ngự Pháp ác tăng trưởng Pháp Thiện, nảy sinh Công Đức diệu thiện



Chữ chủng tử là Dha ( )
Chân NGôn là:
NAMO DHĀRAṆĪ SVĀHĀ_ DHA

9_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha): co chân tái, duỗi chân phải, hai tay cùng biểu thị thế nhảy múa. Tôn này biểu thị cho sự tự tại vô ngại, không có nhiễm dính giống như hư không



Chữ chủng tử là I (𑖂)

Chân Ngôn là:

NAMO ĀKĀŚA-GARBHA SVĀHĀ_ I

10_ Đức Tạng Bồ Tát (Guṇa-garbha): Nhón gót chân phải, co chéo chân trái làm thế nhảy múa, hai tay cầm cái Sênh để thổi. Tôn này có Tâm Bi vô lượng, ứng với căn cơ của chúng sinh, mở kho báu của **Đức Đại Bi** (Kāruṇa-guṇa) để làm lợi ích giáo hóa chúng sinh



Chữ chủng tử là Aṃ (𑖀𑖽)
Chân Ngôn là:
NAMO GUṆA-GARBHA SVĀHĀ_ AṂ

11_ Bảo Tạng Bồ Tát (Ratna-garbha): Co chân trái, duỗi chân phải làm thế nhảy múa, hai tay cầm ống sáo để thổi. Tôn này có bảy loại báu chân thật, ứng với tất cả ước nguyện của chúng sinh, tùy theo thời mà Ngài mở kho báu chu cấp cho tất cả chúng sinh khiến cho họ có thể đạt được các loại ân huệ.



Chữ chủng tử là Trāḥ (ꣳ)

Chân Ngôn là:

NAMO RATNA-GARBHA SVĀHĀ_ TRĀḤ

12_ Kim Tạng Bồ Tát (Suvarṇa-garbha): Duỗi thẳng chân trái, co chân phải, hai tay cầm ống tiêu để thổi. Tôn này có đầy đủ Công Đức giống như vàng ròng chẳng bị nước lửa xâm phạm. Do vậy Tôn này biểu thị cho Công Đức trong sạch vững bền không có gì làm vấy bẩn được.

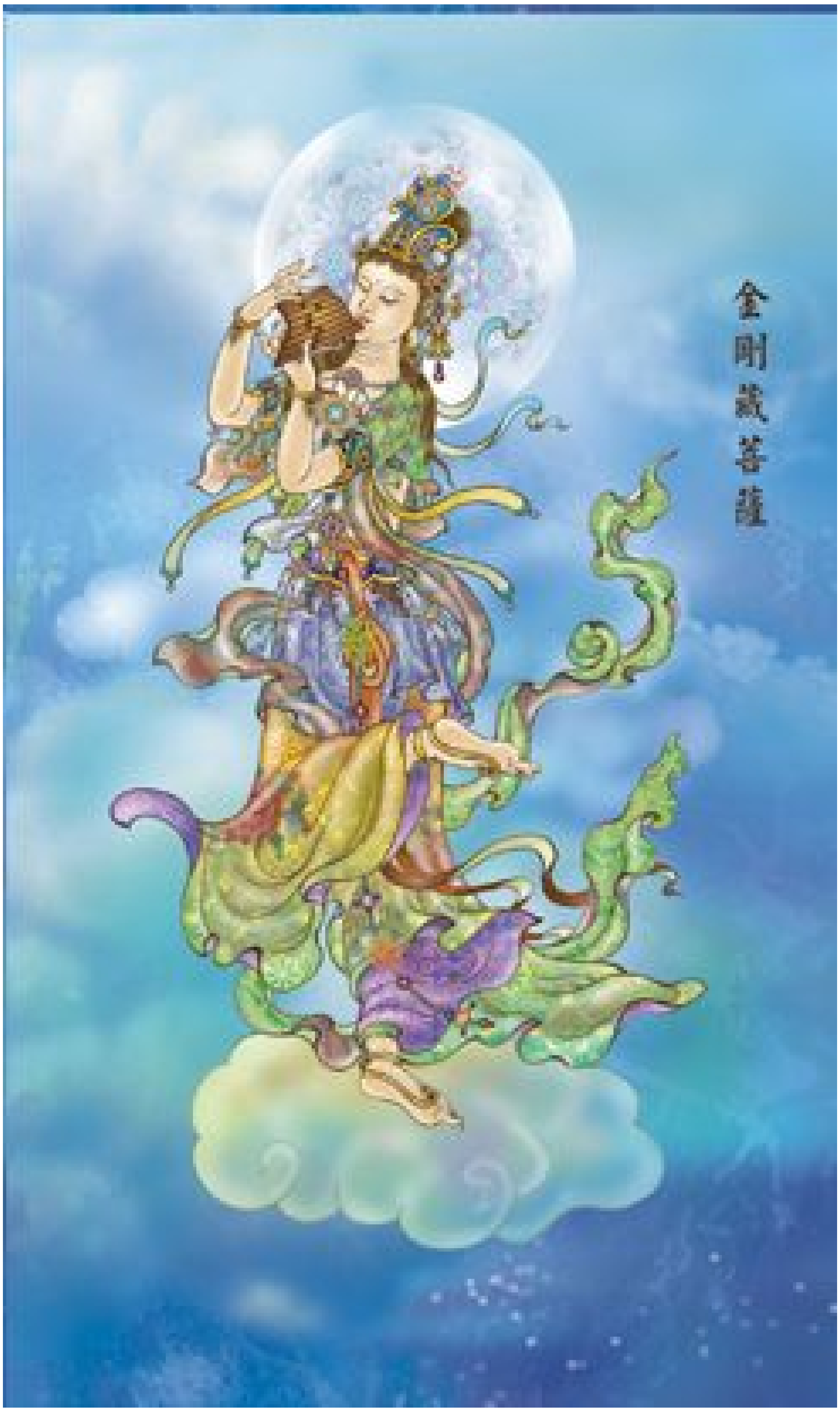


Chữ chủng tử là Va (𑖪)

Chân Ngôn là:

NAMO SUVARṆA-GARBHA SVĀHĀ_ VA

13_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha): Duỗi chân trái, co chéo chân phải, hai tay cầm cây đàn Cầm.Tôn này có đầy đủ Trí Tuệ Kim Cương chẳng hoại, giúp cho tất cả chúng sinh dứt trừ hết các sự nghi hoặc và phiền não chướng. Do Ngài dùng Đại Công Đức không có cùng tận giúp ích cho chúng sinh, cho nên được tên gọi là Kim Cương Tạng.



Chữ chủng tử là Hūṃ (᠎)
Chân Ngôn là:
NAMO VAJRA-GARBHA SVĀHĀ_ HŪṂ

14_ Sơn Hải Tuệ Bồ Tát (Giri-sāgara-mati): Nhón gót chân trái, co chéo chân phải, hai tay ôm gẩy cây đàn Không Hầu. Tôn này có Trí Đức cao khiết, giáo hóa và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do Trí Đức của Ngài giống như núi cao, biển sâu nên có tên gọi là Sơn Hải Tuệ.



Chữ chủng tử là Hrīḥ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)
Chân Ngôn là:
NAMO GIRI-SĀGARA-MATI SVĀHĀ_ HRĪḤ

15_ Quang Minh Vương Bồ Tát (Raśmi-prabha-rāja): Đứng ôm gảy Đàn Tỳ Bà. Tôn này có Trí Tuệ sáng suốt như chư Phật không có gì vượt qua nổi, do vậy có tên gọi là Quang Minh Vương



Chữ chủng tử là A (𑖀)
Chân Ngôn là:
NAMO RAŚMI-PRABHA-RĀJA SVĀHĀ_ A

16_ Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja): Nhón gót chân phải, co chéo chân trái, hai tay cầm cái dùi gõ đánh nhạc cụ. Tôn này dùng vạn hạnh như hoa trang nghiêm quả Địa, hoặc lấy Pháp Thân để trang nghiêm quả Địa ấy cho nên được gọi là Hoa Nghiêm



Chữ chủng tử là Aḥ (अः)

Chân Ngôn là:

NAMO AVATAṂSAKA-RĀJA SVĀHĀ_ AḤ

17_ Chúng Bảo Vương Bồ Tát (Gaṇa-ratna-rāja): nhón hai gót chân, hai tay cầm cái Nạo Bạt (xập xõa) để đánh. Tôn này có bảy loại báu chân thật, gom tập tất cả các châu báu vào một thân, ứng hợp với căn cơ của chúng sinh để cấp phát bình đẳng cho tất cả

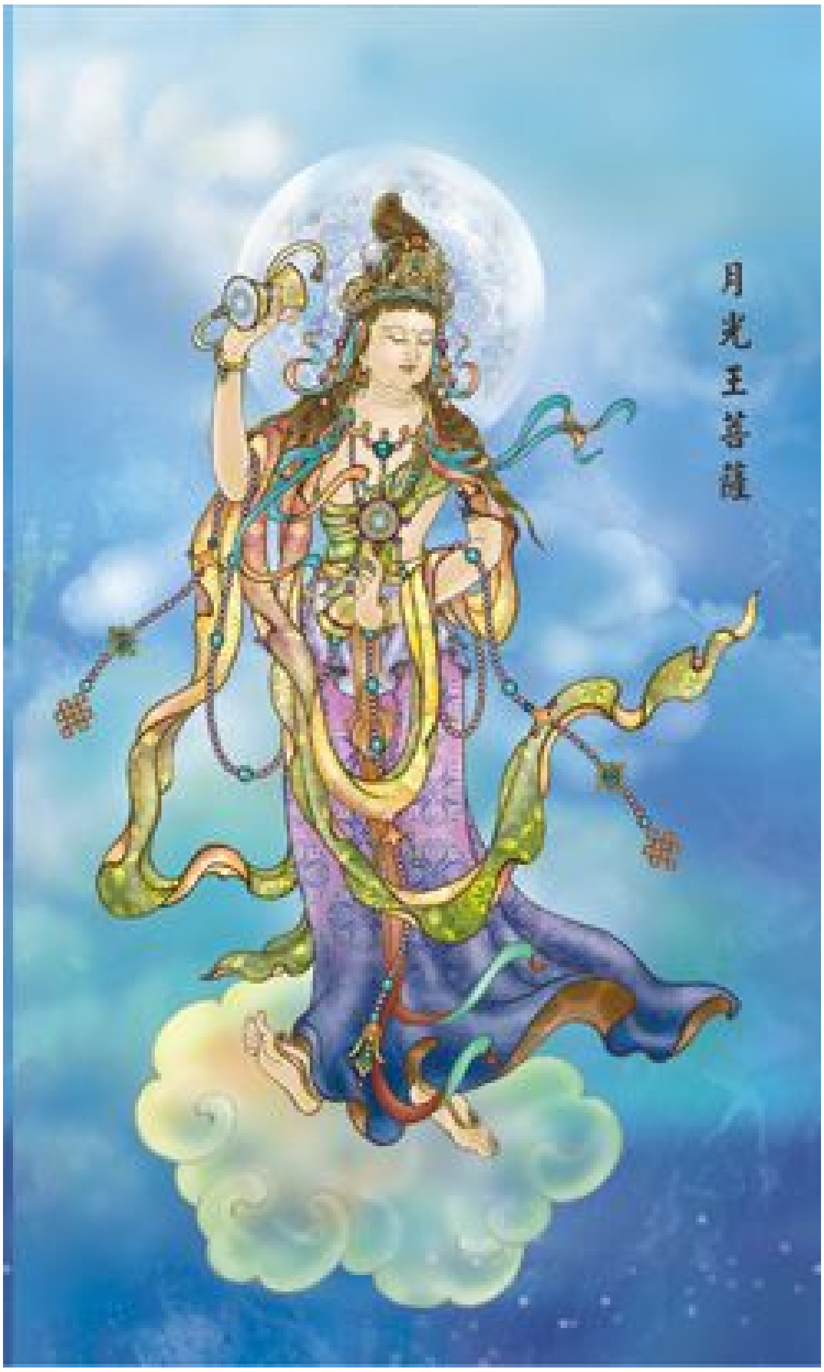


Chữ chủng tử là Trāḥ (ꡨ:)

Chân Ngôn là:

NAMO GAṆA-RATNA-RĀJA SVĀHĀ_ TRĀḤ

18_ Nguyệt Quang Vương Bồ Tát (Candra-prabha-rāja):nhón gót chân trái, đá chân phải làm thế nhảy múa, tay trái giương chưởng để dưới ức ngực, tay phải gio cao cầm cái trống rung. Tôn này dùng Tính Đức không khuyết thiếu như mặt trăng tròn sáng để hóa độ và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

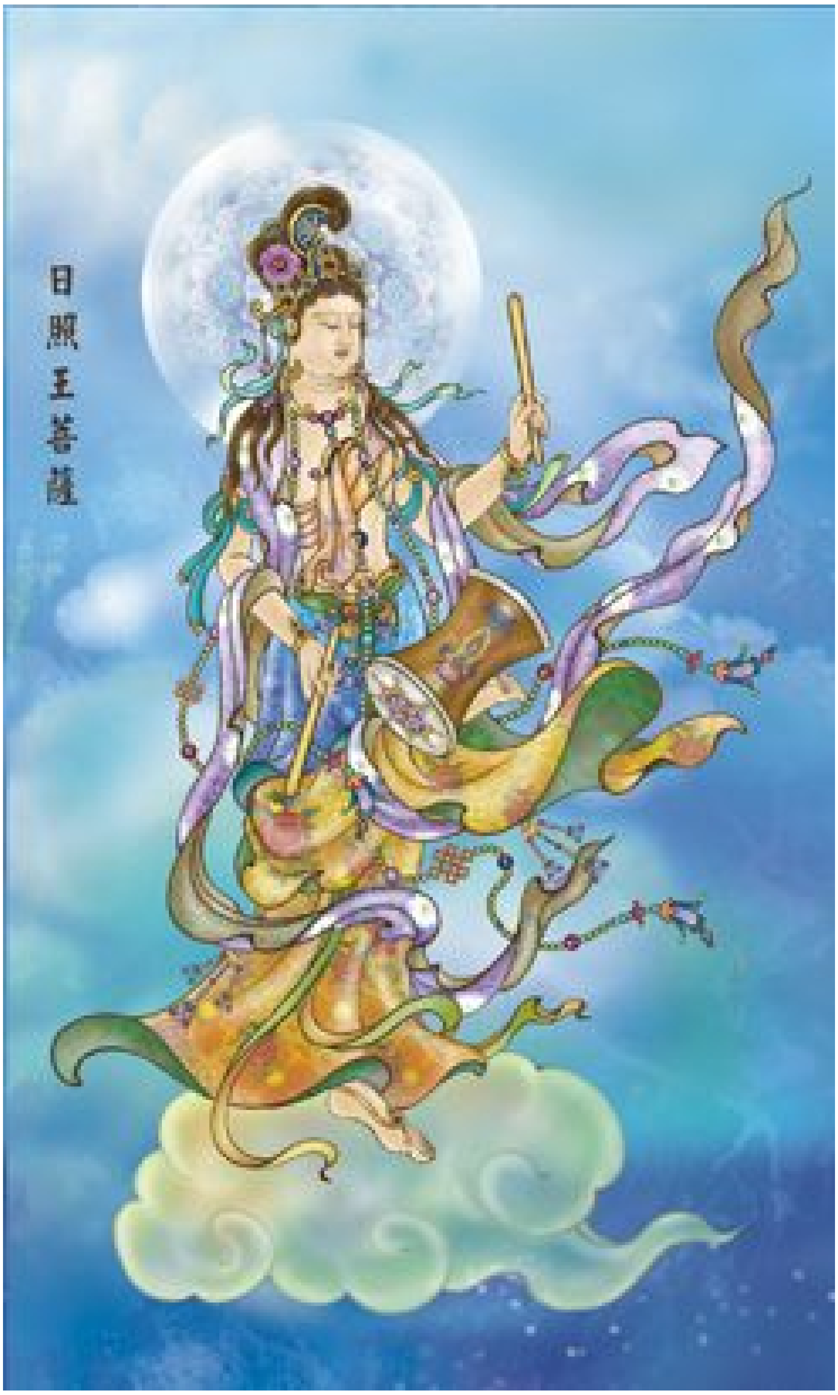


Chữ chủng tử là Va (व)

Chân Ngôn là:

NAMO CANDRA-PRABHA-RĀJA SVĀHĀ_ VA

19_ Nhật Chiếu Vương Bồ Tát (Divākara-rāja): nhón gót chân trái, đá chân phải làm thế nhảy múa, hai tay cầm cây dùng đánh cái trống treo trước bụng. Tôn này dùng Trí Tuệ sáng suốt như mặt trời phá tan hết thảy mọi ám tối của chúng sinh. Ngài dùng Trí Đức để hóa độ và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

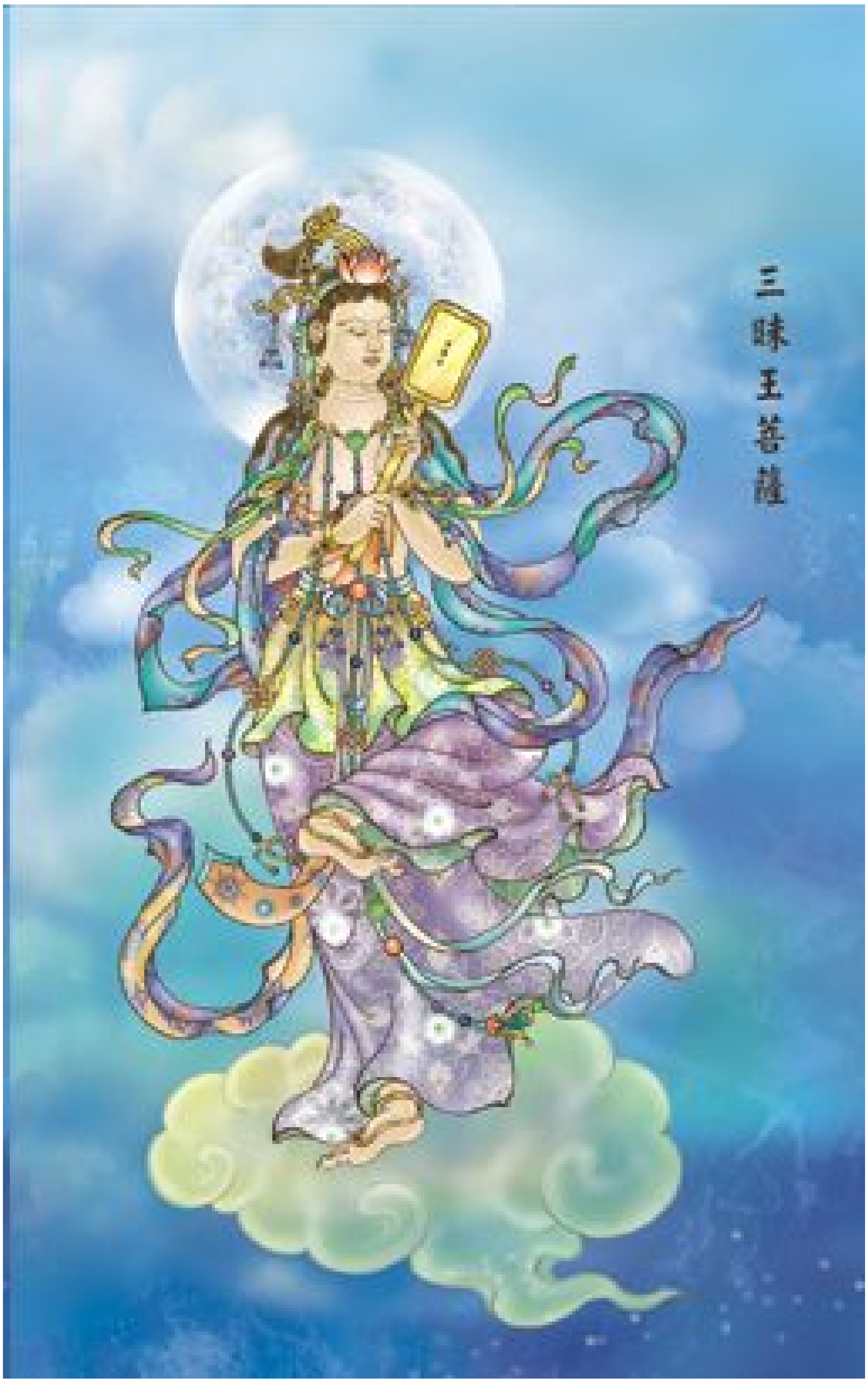


Chữ chủng tử là Ka (क)

Chân Ngôn là:

NAMO DIVĀKARA-RĀJA SVĀHĀ_ KA

20_ Tam Muội Vương Bồ Tát (Samādhi-rāja): Nhón gót chân phải, đá chéo chân trái làm thế nhảy múa, hai tay cầm cái bảng, lộ vẻ vui thích ca ngâm. Tôn này có được phần Đức tự tại trong Tam Muội nên có tên gọi là Tam Muội Vương



Chữ chủng tử là Aḥ (𑖀𑖾)
Chân Ngôn là:
NAMO SAMĀDHI-RĀJA SVĀHĀ_ AḤ

21_ Định Tự Tại Vương Bồ Tát (Samādhīśvara-rāja): Nhón gót chân trái, đá chéo chân phải làm thế nhảy múa, hai tay đều cầm cây dùi đánh cái trống lớn ở trước bụng. Tôn này ở trong Thiền Định có thể biến hóa tự tại, có đủ phần Đức tự tại vô ngại, cho nên có tên gọi là Định Tự Tại Vương



Chữ chủng tử là A (अ)

Chân Ngôn là:

NAMO SAMĀDHĪŚVARA-RĀJA SVĀHĀ_ A

22_ Đại Tự Tại Vương Bồ Tát (Maheśvara-rāja): duỗi thẳng chân trái, đá chéo chân phải, hai tay cầm cái lọng có treo các chuỗi ngọc báu. Tôn này dùng phần Đức biến hóa tự tại vô ngại để cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên có tên gọi là Đại Tự Tại Vương



Chữ chủng tử là Ma (म)

Chân Ngôn là:

NAMO MAHEŚVARA-RĀJA SVĀHĀ_ MA

23_ Bạch Tượng Vương Bồ Tát (Śukla-hasta-rāja): duỗi thẳng chân trái, đá chéo chân phải, hai tay cầm cái lọng báu. Tôn này có uy đức to lớn giống như con voi trắng có đầy đủ muôn Đức hay phát lực Đại Từ. Ngài dùng uy lực đó để cứu giúp tất cả chúng sinh, cho nên có tên gọi là Bạch Tượng Vương



Chữ chủng tử là Ga (ग)

Chân Ngôn là:

NAMO ŚUKLA-HASTA-RĀJA SVĀHĀ_ GA

24_ Đại Uy Đức Vương Bồ Tát (Mahā-teja-rāja): Đứng thẳng, hai tay cầm hoa sen, khuôn mặt tươi cười nhìn nhó xuống bên dưới. Tôn này hay dùng uy đức rộng lớn vô biên để cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên có tên gọi là Đại Uy Đức Vương



Chữ chủng tử là Hūṃ ( )
Chân Ngôn là:
NAMO MAHĀ-TEJA-RĀJA SVĀHĀ_ HŪṂ

25_ Vô Biên Thân Bồ Tát (Ananta-kāya): Đứng thẳng, hai tay bưng lò hương. Tôn này được xem là đồng Thể khác tên gọi với Bồ Tát Địa Tạng



Chữ chủng tử là A (𑖀)
Chân Ngôn là:
NAMO ANANTA-KĀYA SVĀHĀ_ A

DIỆU KIẾN BỒ TÁT

Diệu Kiến Bồ Tát, tên Phạn là **Su-daśana** hay **Su-dṛṣṭa** là vị Thiên Tôn được Thần Cách Hóa của **Bắc Đẩu Tinh Thần**, bậc tối thắng trong các vì sao (chư tinh). Lại xưng là **Tôn Tinh Vương, Bắc Thần Bồ Tát, Diệu Kiến Tôn Tinh Vương, Diệu Kiến Đại Sĩ**

Trong Kinh chẳng nói rõ **Bản Địa** của Bồ Tát này, hoặc dùng **Thích Ca** (Śākya-muṇi) làm Bản Địa, hoặc dùng **Quán Âm** (Avalokiteśvara) làm Bản Địa, hoặc dùng **Dược Sư** (Bhaiṣajya-guru) làm Bản Địa

Diệu Kiến Bồ Tát có đủ nhóm Công Đức; thủ hộ quốc thổ, tiêu trừ tai nạn, đẩy lùi quân địch, tăng ích Phước Thọ...như **Thất Phật Bát Bồ Tát sở thuyết Đại Đà La Ni Thần Chú Kinh, quyển 2** nói rằng: "Ta, **Bắc Thần Bồ Tát** tên là **Diệu Kiến**. Nay muốn nói **Thần Chú** ủng hộ các quốc thổ, chỗ làm rất kỳ đặc, cho nên tên là Diệu Kiến, ở nơi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) là tối thắng trong mọi vì sao (chúng tinh), Tiên trong Thần Tiên, Đại Tướng của Bồ Tát, con mắt sáng của các Bồ Tát, độ khắp các quần sinh. Có Đại Thần Chú tên là **Hồ Nại Ba** (ngôn ngữ đời Tấn) ủng hộ quốc thổ, trợ giúp các quốc vương, tiêu trừ tai nạn, đẩy lui quân dịch. Không có gì chẳng do Chú này

"Cụ đê đế đồ tô tra, a nhược mật tra, ô đô tra, cụ đồ tra, ba lại đế tra gia, di nhược tra, ô đô tra, câu la đế tra, đồ ma tra, toa ha"

MATITETUSUṬ ANYAMIṬ UTUṬ KUKIṬ BHALATEṬ YA VIDYAṬ UTUṬ KURATEṬ KIMATA SVĀHĀ

_Căn cứ theo **Diệu Kiến Đà La Ni Kinh, quyển Hạ** ghi chép thì vị Bồ Tát này ở phương Bắc của **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) cho nên xưng là **Bắc Thần Bồ Tát** hay cứu các chúng sinh, khiến được Phước cát tường. Do đó Mật Giáo dùng **Bắc Thần** để chỉ **Bắc Cực Tinh**, dùng **Bắc Cực Tinh** làm **Bắc Đẩu Thất Tinh** và xem như là sự hóa hiện của Diệu Kiến Bồ Tát

Song, xưa nay liên quan đến sự đồng dị giữa **Bắc Thần** và **Bắc Đẩu Thất Tinh** thì có các Thuyết nói rằng: có người dùng Bắc Đẩu Thất Tinh tức là Bắc Thần, có người dùng **Văn Khúc Tinh** trong Bắc Đẩu làm Bắc Thần, có người dùng **Thủy Diệu** làm Bắc Thần, có người lại dùng **Thiên Đế Tinh** làm Bắc Thần. Nhưng, đa số Kinh Điển vẫn cứ nói **Bắc Thần, Diệu Kiến, Tôn Tinh Vương** là đồng Thể khác tên, là vua của các vì sao (chư tinh)

_Tín ngưỡng **Diệu Kiến** bắt nguồn từ **Ba Tỳ Luân Kinh** của Ấn Độ cổ đại, nguyên từ tư tưởng của Tinh Tú, là dạng Thần Cách Hóa của **Bắc Cực Tinh.** Sau khi đến Trung Quốc thì hòa với Phật Giáo, Đạo Giáo… đồng thời truyền đến Nhật Bản. Do tín ngưỡng **Diệu Kiến Bồ Tát** được hỗn hợp giữa các yếu tố của Đạo Giáo, Mật Giáo, Âm Dương Đạo… nên hình tượng chẳng nhất định. Phần lớn là hình **Võ Tướng** có thân mặc giáp trụ, tay cầm cây kiếm, cỡi ngồi trên rùa rắn, hoặc hình tượng đứng trên con rùa được nhìn thấy ở Tự Viện theo hệ Mật Giáo của **Nhật Liên Tông, Chân Ngôn Tông, Thiên Đài Tông** và được xưng là **Diệu Kiến Tôn Tinh Vương Bồ Tát, Bắc Thần Diệu Kiến Bồ Tát, Diệu Kiến Thiên** là vị Thần võ, Thần Hộ Pháp… chưởng quản thủ hộ quốc thổ, trừ khử tai ách, âm thầm giúp cho trường thọ, trị liệu bệnh tật của con mắt…và rộng truyền thành tín ngưỡng của dân gian



Do là vị **Bắc Thần** có hình tượng cầm Kiếm, chân đạp lên rùa, rắn nên **Diệu Tý Bồ Tát** được xem là một Thể với **Huyền Thiên Thượng Đế**

_Trong **Sơn Âm Tạp Lục** ghi rằng: "Tô vẽ tượng **Diệu Kiến** theo khuôn mẫu hình Đồng Tử, thân mặc áo giáp vàng ròng, tay phải duỗi cánh tay nắm cây kiếm Thần, tay trái co khủy tay để ở eo, bàn chân đạp lên **rùa, rắn**. Vị Đại Sĩ này hiện dấu vết tại **bảy Tú** ở phương Bắc, ấy là **Bắc Cung Huyền Vũ** vậy"



_Một số hình Tượng **Diệu Kiến Bồ Tát** ở Nhật Bản







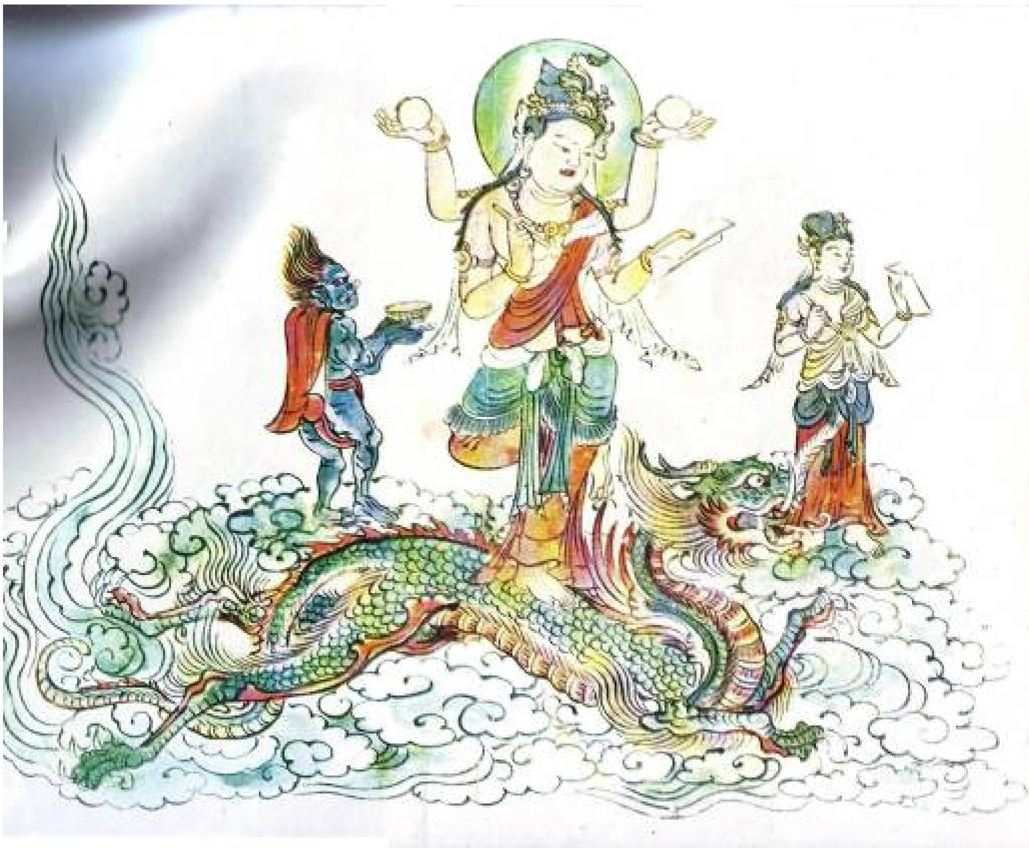


北辰妙見菩薩



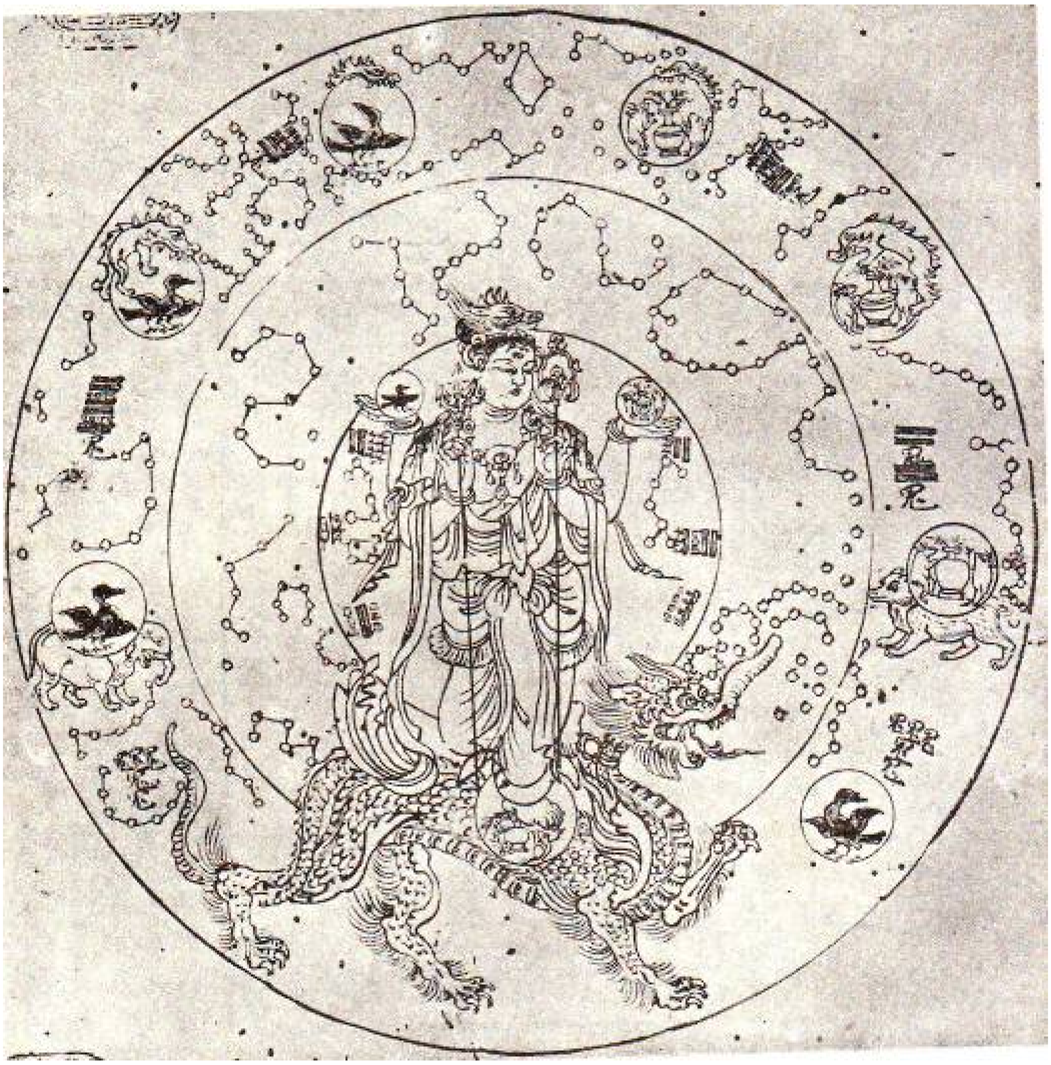
_**Mật Giáo Đồ Tượng, quyển 3** ghi nhận vài hình tượng của Diệu Kiến Bồ Tát:hoặc làm hình Bồ Tát, hoặc làm hình Thiên Nữ cỡi Rồng ở trong Mây, có hai cánh tay hoặc bốn cánh tay. Trong đó tượng hai tay thì tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có bảy vì sao Bắc Đẩu (Bắc Đẩu Thất Tinh), tay phải: ngón cái và ngón trỏ cùng vịn nhau, hơi co ngón giữa, hướng lòng bàn tay ra bên ngoài làm Ấn **Thuyết Pháp**, đầu đội mão báu, ngồi Kiết Già ở trong mây ngũ sắc











_Diệu Kiến Bồ Tát Man Đa La:

Tức Mật Giáo dùng hiển bày Man Đa La **Nội Chứng** của Diệu Kiến Bồ Tát. Đồ Thức ấy là: Tại trong vành trăng lớn ở trung ương, vẽ Diệu Kiến Bồ Tát làm **Trung Tôn** (Tôn ở chính giữa), chu vi ấy vẽ 7 vành trăng nhỏ, trong vành trăng có bảy vì sao Bắc Đẩu, đây là Chúng của **Nội Viện**. Bắc Đẩu Thất Tinh y theo phương vị của vành trăng thuận theo thứ tự là: Tây Nam vẽ **Tham Lang Tinh**, mặt Tây vẽ **Cự Môn Tinh**, Tây Bắc vẽ **Lộc Tồn Tinh**, mặt Bắc vẽ **Văn Khúc Tinh**, Đông Bắc vẽ **Liêm Trinh Tinh**, mặt Đông vẽ **Vũ Khúc Tinh**, Đông Nam vẽ **Phá Quân Tinh**. Trước mặt Diệu Kiến Bồ Tát để một **Luân Bảo**

Ngoại Viện y theo phương vị, thuận theo thứ tự vẽ:

Phương Đông, vị trí Dần là **Giáp Dần Tướng Quân**, vị trí Mão là **Đinh Mão Tòng Thần**, vị trí Thìn là **Giáp Thìn Tướng Quân**.

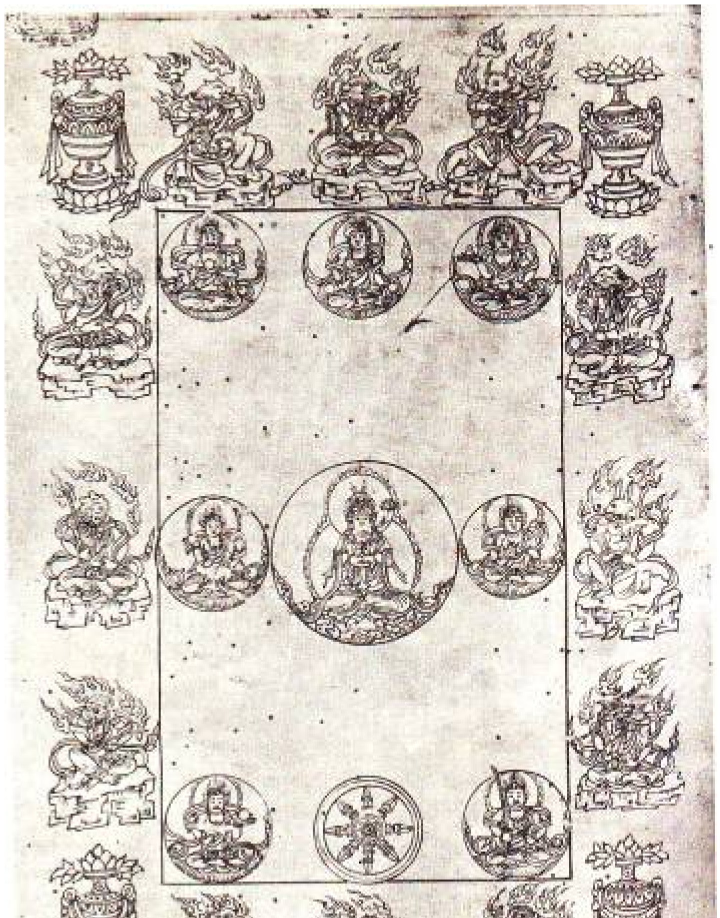
Phương Nam: vị trí Tỵ vẽ **Đinh Tỵ Tướng Quân**, vị trí Ngọ vẽ **Giáp Ngọ Tướng Quân**, vị trí Mùi vẽ **Đinh Mùi Tòng Thần**

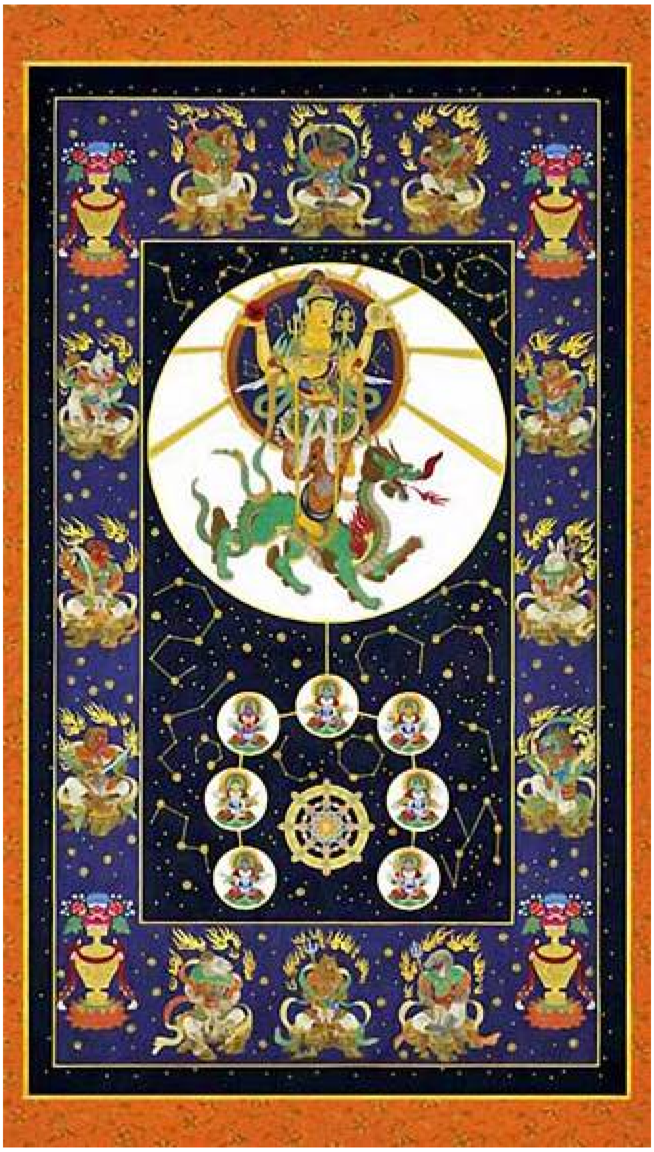
Phương Tây: vị trí Thân vẽ **Giáp Thân Tướng Quân**, vị trí Dậu vẽ **Đinh Dậu Tướng Quân**, vị trí Tuất vẽ **Giáp Tuất Tướng Quân**

Phương Bắc: vị trí Hợi vẽ **Đinh Hợi Tòng Thần**, vị trí Tý vẽ **Giáp Tý Tướng Quân**, vị trí Sửu vẽ **Đinh Sửu Tòng Thần**

Lại ở bốn góc, bốn cửa dùng ngôi sao (tinh) làm Giới. Ở khoảng trống của bốn góc vẽ cái bình hoa.


禄存
文曲
廉貞
巨門
妙見菩薩
武曲
貪狼
破軍





_**Mật Giáo Đồ Tượng, quyển 3,** trang 52 ghi nhận là:

Trong Điện có mây ngũ sắc, trong mây có chữ A (𑖀) biến thành báu Như Ý, báu biến thành **Diệu Kiến Bồ Tát**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có bảy vì sao Bắc Đẩu, tay phải tác Ấn **Thuyết Pháp**, ngồi Kiết Già trong mây ngũ sắc, nhóm Bắc Đẩu Thất Tinh vây quanh

,)**Căn Bản Ấn**: Tay phải tác **Thí Vô Úy** co ngón cái hướng vào thân triệu vời 3 lần, tay trái tác **Kim Cương Quyền** an ở eo lưng

Chân Ngôn là:

MATITE TUSUṬ ANYAMIṬ UTUṬ KUKIṬ BHALATEṬ YA CINYAṬ UTUṬ KURA RATEṬ KIṬ MATA SVĀHĀ

.)Hoặc dùng **Đại Tam Cổ Ấn.**

Kỳ Diệu Tâm Chú:

OṂ SU-DṚṢṬA SVĀHĀ

_Hoặc:

MATṚ SIDDHA SVĀHĀ

_Tâm Trung Tâm Chú:

OṂ MAHĀ-ŚRĪYE NṚVE (?DEVĪ) SVĀHĀ

_Thành Tựu Viện:

Trong lầu gác có tòa hoa sen, trên tòa có chữ SU (𑖭𑖲), chữ SU biến thành hình ngôi sao, hình ngôi sao biến thành **Diệu Kiến Bồ Tát**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen làm hình bảy ngôi sao Bắc Đẩu, tay phải tác Ấn **Thuyết Pháp**, năm ngón tay kèm duỗi hướng lên trên, đem ngón cái vịn bên cạnh ngón trỏ, lòng bàn tay hướng ra bên ngoài. Áo Trời, Anh Lạc, vòng đeo tai, xuyến trang nghiêm thân ấy, ngồi Kiết Già trong mây ngũ sắc, bảy vì sao Bắc Đẩu với 12 Đại Tướng trước sau trái phải cung kính vây quanh.

Ấn: tay phải tác **Thí Vô Úy** co ngón cái hướng về thân triệu vời 3 lần, tay trái tác Kim Cương quyền an ở eo lưng

Căn Bản Chân Ngôn:

OṂ_ MATE TUSUMṬ ANYAMIṬ UTUṬ KUKIṬ BHALATEṬ YA VIDYAṬ UTUṬ KURUTEṬ KIMATA SVĀHĀ

_ Mật Giáo dùng Bồ Tát này làm Bản Tôn của Pháp tu thì xưng là **Diệu Kiến Pháp, Bắc Thần Pháp, Tôn Tinh Pháp** có thể trừ khử tai ách, thủ hộ quốc thổ, trị khỏi bệnh tật về con mắt….

Tự Viện của **Đông Mật**, hàng năm thường thực hành **Nhương Tinh Pháp Hội**, trong đó Diệu Kiến Bồ Tát là một Chủ Tôn của Mạn Đà La

Biên soạn xong **Chư Bồ Tát Bộ** vào ngày 03/04/2014

TƯ LIỆU THAM CỨU

*) Hán Văn:
_Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh: Tập 18, Tập19, Tập 20, Tập 21
_ Mật Giáo Đồ Tượng: Tập 3, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Tập 7, Tập 8, Tập 9, Tập 10
_ Phật Giáo Tiểu Bách Khoa: Từ quyển 1 đến quyển 18
_Phật Quang Đại Từ Điển
_Bách Khoa Toàn Thư
Phật Giáo Thủ Ấn Đồ Thuyết **Thi Vân Thủy** biên soạn
Mật Giáo Đại Tự Điển Tập 6
_Phật Tượng Đồ Vựng

*) Việt Văn:
_Thai Tạng Giới Man Đa La _ **Huyền Thanh** biên soạn
Kim Cương Giới Man Đa La **Huyền Thanh** biên soạn
Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Thập Nhị Thiên Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tinh Tú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tranh Tượng và Thần Phổ Phật Giáo**Louis Frédéric_** Việt dịch **Phan Quang Định** (NXB Mỹ Thuật_năm 2005)
_Một số bài dịch của **Tống Phước Khải**

*) Trang Web:
_buddha-dharma.org
_tangthuphathoc.net
_chuaminhthanh.com
_electricwombworld.blog.fc2.com
_zenheart.hk
_en.wikipedia.org
_zh.wikipedia.org
_haaram.com
_sriharivayuguru.blogsport.com
_fanbop.com
_fodian.net
_haripurush-jagadbandhu.org
_hindudevotionalpower.com
_speakingtree.in
_qcny.net
_baike.baidu.com
_Một số Tôn Tượng trên images của google.com và Tư Liệu của **Tống Phước Khải**

MỤC LỤC

